Giáo Án Trường Bộ Kinh [Digha Nikaya] (TK Pasado Sán Nhiên biên soạn)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THERAVÀDA – NGUYÊN THỦY

GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (DÌGHA NIKÀYA)

Tỳ Khưu PASÀDO Sán Nhiên

Biên Soạn: PL 2534 – DL 1990 Hiệu Đính: PL 2555 – DL 2011

ĐÔI DÒNG CẢM NGHĨ KÍNH DÂNG LÊN BẬC ÂN SƯ

T hật là một phước báu và duyên lành cho hàng Phật tử vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn được hội ngộ với nhà sư Sán Nhiên, bậc thiện tri thức và đại trí huệ, uyên thâm giáo pháp cao siêu Phật đà, đã đem nguồn suối Chánh Pháp Nhãn Tạng tưới mát đời sống tâm linh của chúng con.

T ừ khi Sư hiện diện nơi miền đất lành Thủ Đô, chúng con được ấm áp trong tâm từ và tình thương của Sư, cũng như được soi sáng bởi tuệ giác của Sư qua những bài thuyết giảng thâm sâu và dễ hiểu. Bản thân chúng con nói riêng và đại chúng nói chung được thọ hưởng hương vị Pháp Bảo của Như Lai qua pháp âm của Sư để thực tập trong đời sống hằng ngày. Chúng con vô cùng tri ân Sư, nhờ sự giảng dạy Kinh Pháp Cú, Kinh Kiết Tường, và Triết Lý Về Nghiệp hơn 6 tháng qua, mà tâm thức của chúng con được khai mở, khiến cuộc sống của chúng con thêm phần thăng hoa, và chúng con cũng ý thức được phần nào chân lý của đời sống.

V ới lối sống giản dị, hài hòa, vui tươi, gần gũi, và thân thiện, Sư đã thu hút được tín tâm của Phật tử. Mặc dù mệt nhọc sau một ngày dài làm việc, các Phật tử luôn có mặt đông đủ trong lớp học hằng tuần với tấm lòng sẵn sàng và hoan hỷ tiếp nhận linh dược để bồi bổ tâm linh mà Sư đã hết lòng trao truyền.

N goài việc giảng dạy giáo lý và hướng dẫn thiền tập, Sư còn hoạch định, điều động, và trông coi công trình trùng tu và phát triển Tâm Pháp Thiền Viện với đại hạnh nguyện là góp phần làm cho bánh xe giáo pháp luôn được luân chuyển. Và với tâm huyết thực hiện Phật sự không hề mệt mỏi, Sư đã phát triển khuôn viên Tâm Pháp Thiền Viện từ một khu rừng rậm rạp vắng vẻ, nay đã mang đầy sắc thái tâm linh với những di tích Phật giáo thanh tịnh, trang nghiêm, khiến ai đặt chân đến thiền viện cũng đều cảm nhận được năng lượng thảnh thơi, an vui, tự tại trong từng mỗi bước chân và hơi thở.

D òng cảm xúc dạt dào nhưng ngôn từ thì không thể diễn đạt được hết tấm lòng tri ân và trân quí mà chúng con kính dâng lên Sư. Chúng con xin nguyện lắng tâm nghe học giáo pháp nhiệm mầu mà Sư dốc lòng giảng dạy, cũng như xin nguyện tinh tấn hành trì.

C húng con kính chúc Sư thân tâm thường an lạc, tăng phúc, tăng thọ, hưởng cảnh quả phước như ý nguyện, thành tựu viên mãn công trình phát triển Tâm Pháp Thiền Viện,

và nhất là luôn có thật nhiều, thật nhiều niềm vui, niềm tin, và niềm thương trên con đường hướng dẫn Phật tử tu tập và gieo trồng thiện nghiệp. Tâm Hân Huệ (Hội Thiện Đức – Universal Benevolence Foundation)

Page 2

Giáo Án
TRƯỜNG BỘ KINH
Ấn Bản 2011
Đại Đức Giáo Thọ Sán Nhiên biên soạn (1990) và hiệu đính (2011)
Tâm Pháp Thiền Viện
Saddhamma Meditation Society
574 Willow Brook Road
Bumpass, VA 23024
Phone: 804-556-6162 tamphapthienvien@gmail.com
Kỳ Viên Tự
Jetavana Vihara
1400 Madison Street Northwest
Washington, D.C. 20011
Phone: 202-882-6054
Hội Thiện Đức Universal Benevolence Foundation P.O. Box 523582, Springfield, Virginia 22152 USA hoithienduc@gmail.com

Page 3

TRI ÂN

H ội Thiện Đức chúng con vô cùng trân quí và luôn mãi khắc ghi ân đức sâu rộng của đại đức giáo thọ Sán Nhiên với đại hạnh nguyện giảng dạy giáo lý Trường Bộ Kinh cho đại chúng ở vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, cũng như đã dầy công biên soạn và hiệu đính tập sách Giáo Án Trường Bộ Kinh để cho đại chúng có thể tham khảo thêm trong Khóa Học Trường Bộ Kinh được tổ chức dài hạn tại Thomas Jefferson Library (Arlington, VA). Thật là một phước duyên lớn và niềm vui lớn cho Hội Thiện Đức chúng con khi được sư Sán Nhiên hoan hỷ cho phép tổ chức khóa học và ấn tống tập sách này. Chúng con xin nguyện cùng với đại chúng lắng tâm học hiểu và thực tập, cũng như tận lực góp phần phổ biến rộng rãi giáo lý Trường Bộ Kinh đến với đại chúng tu học và các cộng đồng Phật tử người Việt qua công trình phát hành tập sách và băng giảng Trường Bộ Kinh.

Hộisự Thiện Đức thật cảm kích và xin hết lòng ca ngợi sự yểm trợ tinh thần cùng đóng góp tịnh tài của quý Phật tử và ân nhân cho công trình ấn tống kinh sách này. Lần này tập sách có được những tấm hình màu tươi đẹp là nhờ vào sự phát tâm rộng lớn của rất nhiều, rất nhiều quý bạn lành! Xin cám ơn Tâm Hân Huệ hoan hỷ dâng lên Sư đôi dòng cảm nghĩ, cũng như chia sẻ về những thành quả hoằng dương Phật pháp và phát triển đạo tràng của Sư trong thời gian gần đây để đại chúng xa gần được rõ biết. Xin

cám ơn anh Lê Lộc (PA) thiết kế bìa sách cùng trình bày sách; anh Chúc Giới và Thân Quỳnh chụp và cung cấp hình ảnh sinh hoạt trong Khóa Học Kinh Pháp Cú; anh Chúc Giới, anh Lê Lộc, chị Tâm Thiện, chị Chơn Hạnh Bạch, Ngọc Thanh, và Tâm Hân Huệ phụ giúp thông báo dự án ấn tống sách và quyên góp tịnh tài; và chị Diệu Âm phụ trách sổ sách quỹ ấn tống.

X in đa tạ chú Phan Thanh Thu, cô Quỳnh Trâm, chị Võ Mỹ Lương, Sonny Phan, cùng nhà in CT Printing & Graphics (Silver Spring, MD) tận tình giúp đỡ việc ấn loát tập sách này trong một khoảng thời gian thật ngắn.

K ính xin đảnh lễ tạ ân chư Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền Tăng, Tổ, Thầy, cùng Pháp Bảo đã gia hộ cho tăng thân Thiện Đức thành tựu viên mãn công trình ấn tống tập sách Giáo Án Trường Bộ Kinh. Kính xin chia sẻ quả phước báu này đến hết thảy phạm thiên, chư thiên, chúng sanh trong ba cõi sáu đường đều được an vui trong cuộc sống, cũng như có nhiều duyên lành nghe thấy, học hỏi, và thực hành đạo lý tỉnh thức trong nhà Phật.

Tăng Thân Thiện Đức

Page 4

MỤC LỤC Giới thiệu tổng quát về Trường Bộ Kinh (DÌGHA NIKÀYA).....6 Bài 1 – Kinh Phạm Võng (BRAHMAJÀLA SUTTA).....9 Bài 2 – Kinh Sa Môn Quả (SÀMAÑÑAPHALA SUTTA).....17 Bài 3 – Kinh A Ma Trú (AMBATTHA SUTTA).....26 Bài 4 – Kinh Chủng Đức (SONADANDA SUTTA).....29 Bài 5 – Kinh Cửu La Đàn Đầu (KÙTADANTA SUTTA).....32 Bài 6 – Kinh Ma Ha Lê (MAHÀLI SUTTA).....37 Bài 7 – Kinh Xá Lợi (JALIYA SUTTA).....40 Bài 8 – Kinh Ca Diếp Sư Tử Hống (KASSAPA SÌHANÀDA SUTTA).....41 Bài 9 – Kinh Bố Thác Bà Lậu (POTTHAPÀDASUTTA).....43 Bài 10 – Kinh Tu Bà (SUBHA SUTTA).....50 Bài 11 – Kinh Kiên Cố (KEVADHA SUTTA).....50 Bài 12 – Kinh Lô Giá (LOHICCA SUTTA).....53 Bài 13 – Kinh Tam Minh (TEVIJJA SUTTA).....56 Bài 14 – Kinh Đại Bổn (MAHÀPADÀNA SUTTA).....59 Bài 15 – Kinh Đại Duyên (MAHÀNIDÀNA SUTTA).....72 Bài 16 – Kinh Đại Viên Tịch Níp Bàn (MAHÀPARINIBBÀNA SUTTA).....76 Bài 17 – Kinh Đại Thiện Kiến Vương (MAHÀ SUDASSANA SUTTA).....104 Bài 18 – Kinh Xà Ni Sa (JANAVASABHA SUTTA).....112 Bài 19 – Kinh Đại Diễn Tôn (MAHÀGOVINDA SUTTA).....116 Bài 20 – Kinh Đại Hội (MAHÀSAMAYA SUTTA).....121 Bài 21 – Kinh Đế Thích Sở Vấn (SAKKAPANHÀ SUTTA).....123 Bài 22 – Kinh Đại Niệm Xứ (MAHÀSATIPATTHÀNA SUTTA).....131 Bài 23 – Kinh Tệ Túc (PÀYÀSI SUTTA).....139 Bài 24 – Kinh Ba Lê

(PÀTIKA SUTTA).....147 Bài 25 – Kinh Ưu Đàm Bà La Sư Tử Hống (UDAMBARIKÀ SÌHANÀDA SUTTA).....150 Bài 26 – Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống.....154 (CAKKAVATI SÌHANÀDA SUTTA).....154 Bài 27 – Kinh Khởi Thế Nhân Bổn (AGGAÑÑA SUTTA).....157 Bài 28 – Kinh Tự Hoan Hỷ (SAMPASÀDANIYA SUTTA).....163 Bài 29 – Kinh Thanh Tịnh (PÀSÀDIKA SUTTA).....173 Bài 30 – Kinh Tướng Trạng (LAKKANA SUTTA).....179 Bài 31 – Kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt (SIGÀLOVÀDA SUTTA).....186 Bài 32 – Kinh A Sá Năng Chí (ATÀNÀTIYA SUTTA).....192 Bài 33 – Kinh Phúng Tụng (SANGÌTI SUTTA).....202 Bài 34 – Kinh Thập Thượng (DASUTTARA SUTTA).....231 Phương Danh Ấn Tống – Năm 2011.....264 Hình Ảnh Sinh Hoạt Trong Khóa Học Kinh Pháp Cú.....268

Page 5

TRƯỜNG BỘ KINH – DÌGHA NIKÀYA (TẠNG PÀLÌ) ----------

Trường Bộ Kinh có 34 bài kinh, với mỗi bài kinh có nội dung rất dài, đề cập trọn đủ một vấn đề, và không lệ thuộc vào bộ kinh nào khác.

Tên gọi của mỗi một bài kinh:

1. Kinh BRAHMAJÀLA – Kinh Phạm Võng
2. Kinh SÀMAÑÑAPHALA – Kinh Sa Môn Quả
3. Kinh AMBATTHA – Kinh A Ma Trú
4. Kinh SONADANDA – Kinh Chủng Đức
5. Kinh KÙTADANTA – Kinh Cửu La Đàn Đầu
6. Kinh MAHÀLI – Kinh Ma Ha Lê
7. Kinh JALIYA – Kinh Xá Lợi
8. Kinh KASSAPA SÌHANÀDA – Kinh Ca Diếp Sư Tử Hống
9. Kinh POTTHAPÀDA – Kinh Bố Thác Bà Lậu
10. Kinh SUBHA – Kinh Tu Bà
11. Kinh KEVADHA – Kinh Kiên Cố
12. Kinh LOHICCA – Kinh Lô Giá
13. Kinh TEVIJJA – Kinh Tam Minh
14. Kinh MAHÀPADÀNA – Kinh Đại Bổn
15. Kinh MAHÀNIDÀNA – Kinh Đại Duyên
16. Kinh MAHÀPARINIBBÀNA – Kinh Đại Viên Tịch Níp Bàn
17. Kinh MAHÀ SUDASSANA – Kinh Đại Thiện Kiến Vương
18. Kinh JANAVASABHA – Kinh Xà Ni Sa
19. Kinh MAHÀGOVINDA – Kinh Đại Diễn Tôn
20. Kinh MAHÀSAMAYA – Kinh Đại Hội

21. Kinh SAKKAPANHÀ – Kinh Đế Thích Sở Vấn
22. Kinh MAHÀSATIPATTHÀNA – Kinh Đại Niệm Xứ
23. Kinh PÀYÀSI – Kinh Tệ Túc
24. Kinh PÀTIKA – Kinh Ba Lê
25. Kinh UDAMBARIKÀ SÌHANÀDA – Kinh Ưu Đàm Bà La Sư Tử Hống
26. Kinh CAKKAVATI SÌHANÀDA – Kinh Chuyển Luân Thánh Vương Sư Tử Hống
27. Kinh AGGAÑÑA – Kinh Khởi Thế Nhân Bổn
Page 6
28. Kinh SAMPASÀDANIYA – Kinh Tự Hoan Hỷ
29. Kinh PÀSÀDIKA – Kinh Thanh Tịnh
30. Kinh LAKKHANA – Kinh Tướng Trạng
31. Kinh SIGÀLOVÀDA – Kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt
32. Kinh ATÀNÀTIYA – Kinh A Sá Năng Chí
33. Kinh SANGÌTI – Kinh Phúng Tụng
34. Kinh DASUTTARA – Kinh Thập Thượng

Ba bài kinh đầu tiên, Kinh Phạm Võng, Kinh Sa Môn Quả, và Kinh A Ma Trú, là những bài kinh quan trọng bậc nhất trong Trường Bộ Kinh.

Bài kinh Phạm Võng giới thiệu 62 Tà Kiến của các ngoại đạo đương thời, gián tiếp đặt đạo Phật ra ngoài các tà thuyết trên, và xác minh lập trường của đức Phật đối với các vấn đề vũ trụ và nhân sinh. Kinh này cũng đề cập đến Giới của đức Phật, từ Tiểu Giới đến Đại Giới, gián tiếp so sánh đời sống xa hoa phù phiếm của các Sa Môn, Bà La Môn đương thời với đời sống giản dị giải thoát của đức Thế Tôn. Cũng chính trong bài kinh này, đức Phật nói, chỉ có kẻ vô văn phàm phu mới tán thán giới đức, còn bậc thiện trí thì tán thán trí đức của Ngài. Và chính nhờ vào trí đức, đức Phật đã tóm thâu hết thảy mọi tà thuyết hiện hữu trong đời và truy nguyên căn nhân cùng động lực của mọi tà thuyết.

Bài kinh Sa Môn Quả giới thiệu thứ bậc của một vị xuất gia theo đức Phật, từ khi mới bước chân vào Thiền Môn cho đến khi thành đạt Đạo Quả. Kinh này khéo hệ thống hóa sự tu hành của một vị Sa Môn một cách rõ ràng và mạch lạc, cũng như trình bày những kết quả tốt đẹp và thiết thực do hạnh Sa Môn mang đến.

Bài kinh A Ma Trú bênh vực cho sự bình đẳng giai cấp và bác bỏ nền thống trị giai cấp của Bà La Môn. Qua bài kinh này, đức Phật nhấn mạnh địa vị con người, không thể bằng cứ vào giai cấp, mà phải dựa trên nền tảng giới đức và trí đức của con người.

Với mười bài kinh tiếp theo (từ bài thứ 4 đến 13), thì bài kinh Tu Bà với đại đức Ànanda, nói đến phương pháp tu hành của Sa Môn Gotama sau khi đức Phật vừa mới viên tịch Níp Bàn, tương tự như nội dung của bài kinh Sa Môn Quả, và phân loại theo ba pháp Vô Lậu Học, Giới – Định – Tuệ. Chín bài kinh nối tiếp nêu lên những quan điểm và thái độ của đức Phật đối với những vấn đề xã hội Ấn Độ đương thời, sùng tín

nhiệt thành, bất khả thuyết, khổ hạnh, linh hồn, thần thông biến hóa, Phạm Thiên cùng con đường đưa đến Phạm Thiên, và thái độ ích kỷ không thuyết giáo.

Page 7

Mười bài kinh tiếp theo (từ bài thứ 14 đến 23) đề cập đến giáo lý thuần túy, với Liên Quan Tương Sinh trình bày về 12 lý duyên khởi. Bài kinh Đại Niệm Xứ đề cập đến phương pháp tu hành và nêu lên nét đặc trưng độc nhất đưa đến giải thoát. Bài kinh Viên Tịch Níp Bàn diễn tả lại những ngày cuối cùng của đức Phật và cuộc hành trình tối hậu suốt ba tháng trường, từ thành Vương Xá đi qua các thành phố lớn nhỏ, cuối cùng đến Kusinarà và viên tịch Níp Bàn, mang một tầm vóc lịch sử rất có giá trị trên con đường truyền giáo của Ngài, v.v...

Tiếp theo là những bài kinh khuyến khích đời sống tu tập của các vị tỳ khưu, hãy tự sống với chính mình, là ngọn đuốc cho chính mình, và giữ gìn oai nghi chánh hạnh. Phủ nhận giá trị tối thượng của giai cấp Bà La Môn và xác nhận sự bình đẳng của bốn giai cấp theo hành vi Thiện Ác của mình. Lấy Chánh Pháp là vị tối thượng, dù là thuộc giai cấp nào đi nữa, vì Pháp là tối thượng.

Bài kinh Tự Hoan Hỷ nói lên lòng tin tưởng vô biên của đại đức Xá Lợi Phất đối với đức Phật bởi vì đại đức Xá Lợi Phất biết đến truyền thống Chánh Pháp, tất cả bậc Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ Ngũ Triền Cái, an trú trong Tứ Niệm Xứ, tu hạnh Thất Giác Chi, và chứng đắc Vô Thượng Giác.

Với bài kinh Thanh Tịnh, đức Phật khuyên chư tỳ khưu nên sống hòa hợp, dung hòa, tương thân tương kính, không nên tranh chấp cãi cọ với nhau.

Với bài kinh Giáo Thọ Thi Ca La Việt, đức Phật giải thích ý nghĩa và giá trị trong việc lễ bái Lục Phương, là diệt trừ bốn nghiệp phiền não, không làm điều ác theo bốn lý do, không theo sáu nguyên nhân phung phí tài sản. Đức Phật giải thích rõ ràng từng phương một trong Lục Phương. Phương Đông chỉ cho Cha Mẹ - Con Cái, phương Nam chỉ cho Thầy - Trò, phương Tây chỉ cho Vợ - Chồng, phương Bắc chỉ cho Bạn Hữu, phương Dưới chỉ cho Chủ - Tớ, và phương Trên chỉ cho Sa Môn - Bà La Môn. Chính những sự đối xử tương xứng tạo ra sự an lạc, hoan hỷ cho cả Lục Phương.

Với bài kinh A Sá Năng Chí, được đức Phật thuận ý, vua Tỳ Sa Môn giới thiệu học chú (kàthà) để khởi lòng tin cho hàng Dạ Xoa và cũng để che chở hộ trì Tứ Chúng.

Hai bài kinh cuối cùng, Kinh Phúng Tụng và Kinh Thập Thượng, do đại đức Xá Lợi Phất thuyết giảng với các Pháp Số từ một đến mười, tóm lược và giải thích các Pháp mà đức Phật đã khéo thuyết giảng, phân loại từ một chi Pháp đến mười chi Pháp, với mục đích ôn lại những lời giảng dạy của đức Phật cho được tròn đủ,

Page 8

không thiếu sót, và tránh khỏi sự tranh luận. Hai bài kinh cuối này rất quan trọng vì mở đầu cho các học giả được thuận duyên tu học Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhamma) sau này.

Xuyên qua 34 bài kinh thuộc Trường Bô Kinh, học giả hội túc duyên sẽ lãnh hội nhiều lợi lạc trong việc tu học và trau giồi trí tuệ, ngõ hầu tiến tới Đạo Quả giải thoát Níp Bàn.

----------00000----------

BÀI 1: KINH PHẠM VÕNG (BRAHMAJÀLA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Thế Tôn đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho 500 vị tỳ khưu tăng tại lâm viên AMBALATTHIKÀ, ở căn nhà nghỉ mát của nhà vua khi đêm vừa tàn.

B. Duyên Khởi:

Do ngoại đạo SUPPIYA và đệ tử BRAHMADATTA nói lên lời tương phản lẫn nhau về Tam Bảo. SUPPIYA thì chỉ trích Phật, Pháp, Tăng. Trái lại, BRAHMADATTA lại hết lời tán thán Tam Bảo. Câu chuyện này diễn ra khi đi sau lưng đức Phật và chúng tăng trên đường từ RÀJAGAHA đến NALANDÀ, và cùng vào trú ngụ tại AMBALATTHIKÀ. Sau khi được nghe, chư tăng đã bàn với nhau câu chuyện này và thuật lại cho đức Thế Tôn.

C. Chánh Kinh:

Có bốn điểm chánh yếu, rất hữu ích cho sự tu tập:

I. Điềm tỉnh trước Khen và Chê

Trước mọi sự Khen và Chê ở đời, ta cần phải hết sức bình tỉnh. Giữ được trạng thái bình tỉnh ở nội tâm đặng biết rõ được các sự ấy. Khi đã nhận định đúng đắn từng mỗi lời Khen và Chê thì cần phải nói lên, đặng chỉ rõ những điểm nào đúng hoặc không đúng trong những sự Khen và Chê ấy.

II. Chỉ hạng vô văn phàm phu mới tán thán giới hạnh của đức Thế Tôn

Những người thiểu trí, không được rõ biết những ân đức to lớn của đức Phật (Tịnh Đức, Bi Đức, và Trí Đức) thì mới tán thán giới hạnh của Ngài, được phân định theo ba loại:

1. TIỂU GIỚI: Xa lìa tuyệt hẳn về Thập Ác và Thân-Lời-Ý Nghiệp của Ngài luôn thuần tịnh, đoạn tận mọi phiền não thô và tế.

2. TRUNG GIỚI: Khước từ mọi lợi dưỡng của thế gian, thanh tịnh trong hạnh thiểu dục tri túc, sống giản dị, tinh khiết chánh hạnh, tịnh ngữ.

3. ĐẠI GIỚI: Nuôi mạng chân chánh, không vì phục vụ theo thị hiếu của người đời, chánh mạng thuần khiết.

Khi nghĩ đến Ngài, một bậc đã được giải thoát, giải thoát tri kiến, thành đạt quả vị VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG GIÁC thì không thể chỉ nghĩ ngợi ở phần Tịnh Đức giới hạnh, mà chính là ở phần Trí Đức, cần phải nghĩ đến trí tuệ vô song, có một không hai trong đời. Những Pháp thậm thâm cực nan kiến, mỹ diệu vô cùng mà chính Ngài đã tự chứng tri, giác ngộ, và truyền giảng. Chính như vậy, với người có trí chân chánh tán thán đức

Thế Tôn.

III. Tóm lược sáu mươi hai Tà Thuyết

Với hạnh nguyện mong cầu giải thoát, diệt tập khí sanh tử, rất cần phải biết các pháp tà thuyết sai lầm dẫn đến tri kiến lầm lạc để tránh, ngõ hầu tiến hóa, lìa mọi nhân sanh khổ ưu trong Tam Giới.

Ghi chú:

1. Định nghĩa về Pháp Tà Kiến (Micchàdiṭṭhi)

Tà Kiến là sự nhận định hay cố chấp theo pháp sai lạc, không đúng, trái với chân lý thực tướng. Có Pàlì chú giải như sau: "Micchà passatìti: Diṭṭhi" nhận thấy sai lạc với pháp chân chánh, gọi là Tà Kiến.

2. Có bốn ý nghĩa về Tà Kiến

* Trạng thái: Chấp ý bất như lý, chấp cứng những cách không đáng chấp.

Page 10

* Phận sự: Suy xét sai với sự thật. * Thành tựu: Chấp cứng theo sự nhận thức sai lầm. * Nhân cần thiết: Chấp cứng sự nhận thấy của ta là đúng hoặc không thân cận với bậc thiện trí thức.

3. Phân chia Tà Kiến

Tà Kiến được chia theo hai loại:

a. ĐOẠN KIẾN (Ucchedadiṭṭhi – Chấp Vô): Hiểu biết sai lạc và cho rằng tất cả đều không có, Nhân Quả không có, chết thì hết, không còn tái tục, v.v... b. THƯỜNG KIẾN (Sassatadiṭṭhi – Chấp Hữu): Cho rằng có linh hồn, vũ trụ, đấng Tạo Hóa, và tâm hằng hiện hữu, cố định. Kiếp này sống như thế nào thì tái tục cũng như thế ấy, không đổi thay.

Tà Kiến được chia theo ba loại:

a. VÔ HÀNH KIẾN (Akiriyadiṭṭhi): Cho rằng mọi hành động tạo tác của mình đều không có hậu quả, chẳng hạn làm các việc tốt xấu, tội phước, nếu không có ai thấy, nghe, hay biết thì cũng như không có làm vậy.

b. VÔ NHÂN KIẾN (Ahetukadiṭṭhi): Nhận thấy mọi pháp sanh khởi đều là tự nhiên, không do một nhân nào tạo tác. Nhận thấy theo cách thực nghiệm, đều do công năng, sức lực sắp đặt ở ngay hiện tại, không nghĩ do có nhân quá khứ trợ sanh.

c. VÔ HỮU KIẾN (Natthikadiṭṭhi): Cho rằng nhân sanh mọi sự vật đều do tứ đại hợp thành, cho dù có tạo tác thiện phước, trì giới, tu tập chỉ quán cũng không có quả phước an vui. Việc sát sanh, trộm cắp, xấu xa tội lỗi cũng không có quả khổ đau.

Vô Hữu Kiến có mười tướng trạng (Thập Tướng Vô Hữu Kiến):

1. Nhận thức sai lạc cho rằng xả thí không có quả báo. 2. Cúng dường Tam Bảo không có chi là quả phước. 3. Sự cúng hiến Chư Thiên không có quả phước. 4. Không có quả báo của nghiệp tốt và nghiệp xấu.

Page 11

5. Không có ân đức của người Mẹ.
6. Không có ân đức của người Cha.
7. Không có Sa Môn, Bà La Môn, người có giới hạnh thực hành tốt.
8. Không có hạng hóa sanh hữu tình như là Chư Thiên, Phạm Thiên,
A-tu-la, Ngạ Quỷ, Địa Ngục.
9. Không có kiếp sống sau kiếp sống này.
10. Không có kiếp sống hiện tại.
Tà Kiến được chia theo thời gian thì có đến 62 loại:

* Chấp theo quá khứ có 18 điều, 5 phần. * Chấp theo vị lai có 44 điều, 5 phần.

Tà Kiến chấp theo quá khứ có 5 phần:

a. Thường Trú Kiến có 4 điều.
b. Thường Trú Vô Thường Trú Kiến có 4 điều.
c. Hữu Biên Vô Biên Kiến có 4 điều.
d. Ngụy Biện Kiến có 4 điều.
e. Vô Nhân Kiến có 2 điều.
a. THƯỜNG TRÚ KIẾN có 4 nguyên do:

- Chấp trường tồn do nhớ nhiều Đời dưới một Đại Kiếp (Thành, Trụ, Hoại, Không). - Chấp trường tồn do nhớ nhiều Đời từ một đến mười Đại Kiếp. - Chấp trường tồn do nhớ nhiều Đời từ một đến bốn mươi Đại Kiếp. - Chấp trường tồn do sự kinh nghiệm, do sự chia chẻ của sự suy luận và sự tùy thuận theo thẩm sát.

b. THƯỜNG TRÚ VÔ THƯỜNG TRÚ KIẾN có 4 nguyên do:

- Nhận thấy vị Đại Phạm Thiên sống hoài, còn chúng sanh do Ngài tạo ra đều phải chết. - Nhận thấy Chư Thiên không ham mê vui chơi quá độ đến nỗi bị đãng trí thì sống miên trường, còn vị nào có sự ham mê vui chơi quá độ mới phải chết. - Nhận thấy Chư Thiên không sân hận thì sống miên trường, vị nào sân hận mới chết.

Page 12

- Nhận thấy về Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân không bền vững, chỉ có tâm là trường tồn (không sanh, không diệt).

c. HỮU BIÊN VÔ BIÊN KIẾN có 4 nguyên do:

- Nhận thấy thế gian vũ trụ có chỗ cùng tột. - Nhận thấy vũ trụ có chỗ cùng tột, còn thế gian thì không cùng. - Nhận thấy vũ trụ trên dưới có cùng tột, ngang qua thì không cùng tột. - Nhận thấy thế gian vũ trụ không có chỗ cùng tột.

d. NGỤY BIỆN KIẾN (VÔ KÝ KIẾN) có 4 nguyên do: (cách nhận thấy và nói trườn uốn như con lươn)

- Nhận thấy không xác thật, vì e vọng ngữ, nên nói không xác thật. - Nhận thấy không xác thật, vì e bị chấp trước, nên nói không quyết định. - Nhận thấy không xác thật, vì e bị hỏi gạn, nên nói không xác định. - Nhận thấy không xác thật, vì e bị vô minh, nên nói không xác định.

Bốn Tà Kiến này còn được gọi là BẤT ĐỊNH KIẾN.

Ghi chú: Có chín nguyên nhân sanh Vọng Ngữ:

1. Vì cho thoát khỏi nạn, nên phải nói dối.
2. Vì cho thoát khỏi chết, nên phải nói dối.
3. Vì ép uổng người, nên phải nói dối.
4. Vì muốn hơn người, nên phải nói dối.
5. Vì muốn giữ vững địa vị và quyền thế, nên phải nói dối.
6. Vì muốn giải bày nỗi khổ của ta, nên phải nói dối.
7. Vì không muốn xa lìa người thân yêu, nên phải nói dối.
8. Vì nói đùa giỡn, nên phải nói dối.
9. Vì muốn cho người được yên, nên phải nói dối.

e. VÔ NHÂN KIẾN có 2 nguyên do:

- Tâm ta tự nhiên mà có, do nhớ đời trước làm Phạm Thiên Vô Tưởng. - Có sự suy xét, nhận thấy tất cả hiện bày đều không có nhân tạo.

Page 13

Tà Kiến chấp theo vị lai có 5 phần:

a. Hữu Tưởng Kiến có 16 điều.
b. Vô Tưởng Kiến có 8 điều.
c. Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Kiến có 8 điều.
d. Đoạn Kiến có 7 điều.
e. Níp Bàn Hiện Tại Kiến có 5 điều.

a. HỮU TƯỞNG KIẾN có 16 nguyên do:

- Bản ngã Hữu Sắc, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Hữu Sắc và Vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Phi Hữu Sắc và Phi Vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Hữu Biên, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Vô Biên, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Hữu Biên và Vô Biên, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Phi Hữu Biên và Phi Vô Biên, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Nhất Tưởng, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Dị Tưởng, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Đa Tưởng, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Vô Lượng Tưởng, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Thuần Lạc, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Thuần

Khổ, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Hữu Khổ Hữu Lạc, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng. - Bản ngã Phi Khổ Phi Lạc, không bệnh, sau khi chết thì có Tưởng.

b. VÔ TƯỞNG KIẾN có 8 nguyên do:

- Bản ngã Hữu Sắc, không bệnh, sau khi chết thì Vô Tưởng.
- Bản ngã Vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì Vô Tưởng.
- Bản ngã Hữu Sắc và Vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì Vô Tưởng.

Page 14

- Bản ngã Hữu Biên, không bệnh, sau khi chết thì Vô Tưởng.
- Bản ngã Vô Biên, không bệnh, sau khi chết thì Vô Tưởng.
- Bản ngã Hữu Biên và Vô Biên, không bệnh, sau khi chết thì Vô Tưởng.
- Bản ngã Phi Hữu Biên và Phi Vô Biên, không bệnh, sau khi chết thì Vô Tưởng.
- Bản ngã Phi Hữu Sắc và Phi Vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì Vô Tưởng.

c. PHI HỮU TƯỞNG – PHI VÔ TƯỞNG KIẾN có 8 nguyên do:

- Bản ngã Hữu Sắc, không bệnh, sau khi chết thì Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng.
- Bản ngã Vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng.
- Bản ngã Hữu Sắc và Vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng.
- Bản ngã Phi Hữu Sắc và Phi Vô Sắc, không bệnh, sau khi chết thì Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng.
- Bản ngã Hữu Biên, không bệnh, sau khi chết thì Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng.
- Bản ngã Vô Biên, không bệnh, sau khi chết thì Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng.
- Bản ngã Hữu Biên và Vô Biên, không bệnh, sau khi chết thì Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng.
- Bản ngã Phi Hữu Biên và Phi Vô Biên, không bệnh, sau khi chết thì Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng.

d. ĐOẠN KIẾN có 7 nguyên do:

- Nhận thấy tất cả loài Thai Sanh, sau khi chết đều tiêu mất. - Nhận thấy hạng Chư Thiên ở cõi Lục Dục Thiên, sau khi chết đều tiêu mất. - Nhận thấy hạng Phạm Thiên ở cõi Sắc Giới, sau khi chết đều tiêu mất. - Nhận thấy bậc Không Vô Biên Xứ Thiên, sau khi chết đều tiêu mất. - Nhận thấy bậc Thức Vô Biên Xứ Thiên, sau khi chết đều tiêu

mất. - Nhận thấy bậc Vô Sở Hữu Xứ Thiên, sau khi chết đều tiêu mất.

Page 15

- Nhận thấy bậc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, sau khi chết đều tiêu mất.

e. NÍP BÀN HIỆN TẠI KIẾN có 5 nguyên do:

- Nhận thấy bản ngã tận hưởng sung mãn ngũ dục lạc là đã đạt đến tối thượng hiện tại Níp Bàn của loài hữu tình. - Nhận thấy bản ngã chứng đắc Sơ Thiền, ly các Dục Lạc, ly các Ác Pháp, có Tầm có Tứ, có Hỷ có Lạc do ly Dục Lạc sanh, là đã đạt đến tối thượng hiện tại Níp Bàn của loài hữu tình. - Nhận thấy bản ngã chứng đắc Nhị Thiền, ly Tầm ly Tứ, Hỷ Lạc do Định sanh khởi, là đã đạt đến tối thượng hiện tại Níp Bàn của loài hữu tình. - Nhận thấy bản ngã chứng đắc Tam Thiền, Xả Niệm Lạc trú, là đã đạt đến tối thượng hiện tại Níp Bàn của loài hữu tình. - Nhận thấy bản ngã chứng đắc Tứ Thiền, Xả Niệm thanh tịnh, là đã đạt đến tối thượng hiện tại Níp Bàn của loài hữu tình.

IV. Nguyên nhân phát sanh tà kiến dẫn đến tà thuyết

- Do Tham Ái chi phối tác động. - Không thu thúc lục căn, đã để cho các Căn tiếp xúc các Trần, khởi lên các Cảm Thọ (theo vận hành của pháp Liên Quan Tương Sinh, là Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái). - Do không thấu triệt bản chất Pháp Hữu Vi, luôn hiện bày với năm tướng trạng, đó là sự tập khởi, diệt vong, vị ngọt, nguy hiểm, và xuất ly khỏi Pháp Hữu Vi.

Đức Phật đã truy nguyên sự hiện khởi của các Tà Thuyết kể trên là do từ sự chi phối của Tham Ái, là do từ Xúc chạm các Căn đối với ngoại cảnh, và sự cảm nhận Lạc thọ - Khổ thọ.

Nói một cách khác, các Tà Thuyết này, sở dĩ có là vì các nhà chủ trương về các Tà Thuyết này bị Tham Ái chi phối và y cứ nơi sự Xúc chạm của nội Căn đối với ngoại Trần mà thành lập các Tà Luận trên.

Đức Phật đứng ngoài tất cả 62 Tà Thuyết trên và khéo léo đặt phạm vi đạo Phật ra ngoài mọi tà giáo với bài kinh này.

Page 16

D. Kết Luận:

Bài Kinh này được gọi với nhiều Danh Pháp khác nhau như là LỢI VÕNG, PHÁP VÕNG, KIẾM VÕNG, VÔ THƯỢNG CHIẾN THẮNG, PHẠM VÕNG.

Và các vị tỳ khưu hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 2: KINH QUẢ BÁO SA MÔN (SÀMAÑÑAPHALA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Thế Tôn đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho vua AJÀTASATTU (À Xà Thế, con bà VIDEHI, trị vì nước MAGADHA, Ma Kiệt Đà) cùng với 1 ngàn 250 vị tỳ khưu tăng vào ngày Rằm Tháng Mười (KOMUDI – là ngày cuối cùng của bốn tháng mùa mưa) tại khu vườn xoài của ông JÌVAKA KOMÀRABHACCA.

B. Duyên Khởi:

Nhận lời thỉnh mời của quan đại thần JÌVAKA, vua AJÀTASATTU đi đến với đức Phật, vấn hỏi những quả báo thiết thực hiện tại của Sa Môn hạnh, ngõ hầu tìm lại trạng thái an ổn tinh thần, để không luôn bị dao động, không thoải mái bất an sau khi đã tạo một Cực Trọng Nghiệp là giết Cha (đức vua BIMBISÀRA).

C. Chánh Kinh:

Khi được hội kiến với đức Phật, vua AJÀTASATTU hoan hỷ kể lại những chủ thuyết của sáu vị ngoại đạo ngay sau khi đã được vấn hỏi về vấn đề Quả Báo Sa Môn. Và những câu trả lời của các vị Giáo Chủ này đã không làm cho Nhà Vua có được sự thỏa mãn hài lòng.

1. Chủ thuyết của PURANÀ KASSAPA:

Theo tư tưởng "Vô Hành Kiến" (thuyết Vô Nghiệp), cho rằng tất cả những hành động tạo tác dù Thiện hay Bất Thiện đều không gặt hái kết quả.

2. Chủ thuyết của MAKKHALI GOSÀLA:

Page 17

Theo tư tưởng "Vô Nhân Kiến" và thuyết luân hồi tiến hóa, cho rằng tất cả những hành động tạo tác đều không có Nhân, không có Duyên tạo ra, và mọi chúng sanh hiện hữu trong đời, dù ô nhiễm hay thanh tịnh, cũng đều không có Nhân Duyên tạo ra, chỉ có do sự luân hồi lưu chuyển tiến hóa.

3. Chủ thuyết của AJITA KESAKAMBALI:

Theo tư tưởng "Đoạn Kiến" (thuyết Đoạn Diệt), cho rằng tất cả đều đoạn diệt, tiêu mất, không còn tồn tại, và tái tục sau khi chết, phước báu hay tội ác đều tiêu tan mất hết sau khi thân hoại mạng chung, không có đời Vị Lai để chịu lãnh kết quả của mọi hành động tạo tác. Còn được gọi là tư tưởng sai lầm của "Vô Quả Kiến."

4. Chủ thuyết của PAKUDHA KACCAYÀNA:

Không xác minh cụ thể, giải bày những câu chuyện phi lý, không hữu ích, với quan điểm hoàn toàn sai lệch.

5. Chủ thuyết của NIGANTHA NÀTAPUTTA:

Cho rằng muốn được quả báo của Sa Môn hạnh thì phải thu thúc bốn điều như sau:

- Cấm không cho được dùng xài các thứ nước lạnh (vì cho rằng trong nước lạnh có chúng sanh). - Phải dùng các thứ nước (gìn giữ với mọi Ác Pháp, phải biết ngăn ngừa tất cả tội lỗi). - Phải dứt bỏ các tội lỗi do mọi thứ nước (là sống tẩy sạch các Ác Pháp,

ngăn ngừa các tội lỗi). - Phải rải các thứ nước (sống với ý chí gìn giữ đối với tất cả Ác Pháp).

Nếu sống mà biết chế ngự bốn loại cấm giới này thì sẽ đạt đến mục đích (gatatto), là vị điều phục tự tâm (yatatto), và an trú được tự tâm (thitatto).

6. Chủ thuyết của SANJAYA BELATHIPUTTA:

Tư tưởng "Vô Ký Kiến" (Ngụy Biện Luận) chỉ tranh biện loanh quanh lòng vòng, không xác định, để ngăn ngừa tránh né những câu hỏi của người mang tư

Page 18

tưởng "Thường Kiến" (như vấn hỏi về đời sống bền vững hay không bền vững), ngăn ngừa câu hỏi của người mang tư tưởng "Đoạn Kiến" (sau khi chết thì hoàn toàn tiêu mất, không còn tái sanh chi cả), giải bày lộn xộn, tráo trở, không dứt khoát cụ thể.

I. Đức Phật trả lời quả báo của hạnh Sa Môn

Có tất cả 13 lợi ích của Sa Môn hạnh như sau:

1. Sự kính trọng và cúng dường dành cho một vị Sa Môn

* Ví như có một vị đại quan biết nhận thức sự lợi ích của việc làm Thiện có quả dị thục công đức, nên đã cáo quan từ chức, xuất gia tu tập, sống tinh cần thu thúc thân, lời, ý, hoan hỷ tri túc trong ăn uống, y áo, và trú xứ thanh tịnh. Người có nhiều đức hạnh như thế thì hằng được tôn kính, cúng dường, và bảo hộ đúng theo Luật Pháp. Chính như thế là quả báo thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn.

* Ví như có một nông phu cũng có những suy nghĩ (như trên) và đi đến hành động (cũng như trên) thì cũng vẫn có được sự tôn kính, cúng dường, và bảo hộ đúng theo Luật Pháp. Chính như thế là quả báo thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn.

2. Sự thực hành các phần Tiểu Giới, Trung Giới, và Đại Giới (như đã nói ở bài kinh trước)

Một bậc Như Lai hiện hữu trong đời và có đầy đủ những ân đức cao quý như sau:

- Bậc A La Hán - Ứng Cúng: Do đã xa lìa các tội lỗi, nên tiền khiên tật về thân và lời nói đều trọn lành. - Chánh Biến Tri: Là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác tự chứng ngộ, không thầy chỉ dạy. - Minh Hạnh Túc: Do Ngài toàn đắc:

+ Ba cái Minh (Túc Mạng Minh, Sanh Diệt Minh, Lậu Tận Minh) + Tám cái Minh (Thần Túc Minh, Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, Minh Sát Tuệ, Hóa Tâm Minh, Lậu Tận Minh)

Page 19

+ Mười lăm cái Hạnh (thu thúc trong giới hạnh, thu thúc lục căn, tiết độ ẩm thực, tâm thức luôn giác tỉnh, Chánh Tín, Tàm, Quý, Đa Văn, Tấn, Niệm, Tuệ, và Tứ Thiền)

- Thiện Thệ: Do đã đạt đến sự an lạc, bất sanh bất diệt, Níp Bàn. - Thế Gian Giải: Do Ngài đã thông suốt Tam Giới. - Vô Thượng Sĩ: Do Ngài có đức hạnh không ai bì. - Điều Ngự Trượng Phu: Do Ngài là đấng tế độ những người hữu duyên nên tế độ. - Thiên Nhân Sư: Là bậc thầy của Chư Thiên và Nhân Loại. - Phật: Do Ngài đã giác ngộ lý Tứ Đế và đem ra giáo hóa chúng sanh cùng biết với. - Thế Tôn: Do Ngài đã siêu xuất Tam Giới, không còn luân hồi lại nữa.

Rồi như có một Thiện Nam Tử đi đến đức Như Lai và được nghe một Pháp Thoại do chính Ngài đã khéo thuyết giảng hay phần đầu (Sơ Thiện), hay phần giữa (Trung Thiện), hay phần cuối (Hậu Thiện) với văn nghĩa cụ túc, chỉ dạy con đường Phạm Hạnh đầy đủ thanh tịnh.

Rồi vị Thiện Nam Tử ấy khởi lên Chánh Tín, đi đến xuất gia, từ bỏ gia đình, sống hạnh không gia đình. Vị ấy sống thu thúc trong Biệt Biệt Giải Thoát Giới (Patimokkha), đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong từng lỗi nhỏ, thọ trì và tu học các điều luật, thân ngữ nghiệp thanh tịnh, chánh mạng sinh hoạt, với giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm, chánh trí, và tri túc.

Luôn tinh cần trau giồi giới hạnh cho được vẹn toàn về Tiểu Giới, Trung Giới, và Đại Giới (như ở bài kinh trước).

3. Đức tự tín, không còn sợ hãi vì nhận thấy đời sống của mình chân chánh

Hưởng Lạc Thọ, nội tâm không vẩn đục.

4. Sự gìn giữ hộ trì các căn không cho buông lung

- Khi các Căn tiếp xúc với các Trần thì không nắm giữ Tướng chung, Tướng riêng.

Page 20

- Những nguyên nhân làm cho các Căn không được chế ngự, khiến cho Tham Ái, Ưu Bi, Ác Pháp, và Pháp Bất Thiện sanh khởi, thì mỗi một nguyên nhân sẽ được chế ngự.

Do vậy hưởng Lạc Thọ, nội Tâm không vẩn đục.

5. Sự tự chủ lâu dài do có sự chánh niệm tỉnh giác

Luôn chánh niệm tỉnh giác trong từng mỗi oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi, đại oai nghi, tiểu oai nghi).

6. Đức tính tri túc của một đời sống giản dị

Luôn bằng lòng với những gì hiện đang có để duy trì đời sống Phạm Hạnh cao thượng. Với Tam Y và bình bát, cũng như mỏ chim và đôi cánh, đó đây khắp nơi với hạnh viễn ly.

7. Sự giải thoát tâm trí khỏi Năm Triền Cái

Năm Triền Cái là Tham Dục, Sân Hận, Hôn Trầm (Hôn Thùy), Trạo Hối, và Hoài Nghi. Sau khi thành đạt về Giới Uẩn cao quý, hộ trì các Căn, Chánh Niệm Tỉnh Giác, thiểu dục tri túc, đi đến tầm cầu sự an tịnh nội tâm với trạng thái an trú Chánh Niệm vào đề mục

Thiền Chỉ – đoạn tận mọi Pháp Triền Cái.

8. Kết quả của sự giải thoát nói trên đem lại Hỷ và Lạc thấm nhuần thân tâm

Cũng ví như người mắc nợ trả hết nợ cũ, người bị bệnh nặng được lành bệnh, người tù được tha bổng, người nô lệ được tự do, người giàu thoát khỏi mọi hiểm nguy khi vượt qua sa mạc. Cùng như thế, một vị tỳ khưu đã xả ly Ngũ Triền Cái, khởi sanh Hỷ Lạc, thân tâm được khinh an và định tỉnh.

9. Sự tu tập và chứng đắc bốn tầng Thiền

- Khi Tâm đã xa lìa các Dục, ly Ác Pháp, chứng thực, và an trú vào Sơ Thiền, một trạng thái Hỷ Lạc do ly Dục sanh, với Tầm và Tứ. Thân Tâm thấm nhuần với Hỷ Lạc do ly Dục sanh. Ví như một người hầu tắm thông thạo biết hòa trộn bột tắm với nước, thấm ướt cả trong lẫn ngoài

Page 21

giữa bột tắm và nước không chảy thành giọt, dính quẹo lại với nhau. Đây là quả báo thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn, vi diệu thù thắng hơn những quả báo thiết thực trước.

- Phát triển, chứng thực, và an trú vào trong Nhị Thiền, một trạng thái Hỷ Lạc do Định sanh, không Tầm không Tứ, nội tỉnh nhứt tâm. Thân Tâm thấm nhuần với Hỷ Lạc do Định sanh. Ví như một hồ nước mát tự trào lên, thấm nhuần, tẩm ướt làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh đã làm cho không còn một chỗ nào không được thấm nhuần bởi nước trong hồ. Đây là quả báo thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn, vi diệu thù thắng hơn những quả báo thiết thực trước.

- Phát triển, chứng thực, và an trú vào trong Tam Thiền, Thân Tâm cảm nhận Lạc Thọ do ly Hỷ trú Xả, Chánh Niệm Tỉnh Giác, Xả Niệm Lạc Trú. Thân Tâm thấm nhuần với Lạc Thọ, không còn Hỷ Thọ. Ví như những bông sen xanh, trắng, hồng được sanh và lớn lên ở trong nước, không vượt khỏi nước, từ đầu ngọn đến gốc rễ đều thấm nhuần, tẩm ướt bởi nước mát trong hồ. Đây là quả báo thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn, vi diệu thù thắng hơn những quả báo thiết thực trước.

- Phát triển, chứng thực, và an trú vào trong Tứ Thiền, không Khổ không Lạc, Xả Niệm thanh tịnh. Thân Tâm thấm nhuần với trạng thái thuần tịnh trong sáng. Ví như một người ngồi, dùng một tấm vải trắng, trùm kín toàn thân. Đây là quả báo thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn, vi diệu thù thắng hơn những quả báo thiết thực trước.

10. Chánh Tri và Chánh Kiến

Với tâm định tỉnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, thuần thục, vị tỳ khưu đã hướng đến Chánh Tri Kiến, như thật biết về Ngũ Uẩn này do Tứ Đại cấu tạo, Cha Mẹ sanh thành, tồn tại nhờ vào vật thực, quả thật là vô thường, biến hoại, phấn toái, đoạn tuyệt, hoại diệt chính trong cái thân này, và tâm thức của ta nương tựa vào, quả thật là bị trói buộc.

Cũng ví như viên ngọc Ma Ni trong suốt có tám góc khéo dũa mài, sáng chói, không uế trược với trọn đủ mỹ tướng. Nếu có một sợi chỉ với màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hay vàng được xỏ xuyên qua viên ngọc thì với người có mắt sáng tỏ cầm viên ngọc này cũng thấy được sợi chỉ với màu sắc cùng với mỹ tướng của viên ngọc một cách rõ ràng. Đây là quả báo thiết thực

Page 22

hiện tại của hạnh Sa Môn, vi diệu thù thắng hơn những quả báo thiết thực trước.

11. Khả năng thực hiện một hóa thân

Với nội tâm định tỉnh, bất cấu nhiễm, không phiền não, thuần thục, vị tỳ khưu hướng tâm đến sự hóa hiện một thân (hóa thân) do Ý làm ra với đầy đủ các căn, với mọi chi tiết lớn nhỏ. Cũng ví như một người rút một cây đao ra khỏi vỏ, người rút gươm ra khỏi bao, người lột xác một con rắn, một con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra. Đây là quả báo thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn, vi diệu thù thắng hơn những quả báo thiết thực trước.

12. Hiện bày Ngũ Thông (Thần Túc Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thiên Nhãn Thông)

Hiện bày Thần Túc Thông

Với nội tâm định tỉnh, bất cấu nhiễm, không phiền não, thuần thục, vị tỳ khưu hướng tâm đến Thần Túc Thông, hiện bày nhiều loại thần thông (thắng trí).

Cũng ví như một người thợ gốm khéo tay, khéo nhồi chuyên đất sét, làm thành các đồ gốm theo sở thích.

Cũng ví như người thợ chạm khắc, khéo chạm, khéo khắc, các ngà thành các vật dụng theo sở thích.

Cũng ví như người thợ kim hoàn khéo léo tinh nhuyễn các vàng ròng thành vật kim hoàn khéo hợp theo sở thích.

Hiện bày Thiên Nhĩ Thông

Với Thiên Nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng là Chư Thiên và Nhân Loại, xa và gần.

Cũng ví như người đi đường có thính giác tốt, khi được nghe tiếng trống, chuông, kèn, còi, cũng đều nghe được và phân tích rõ ràng không sai lạc.

Page 23

Hiện bày Tha Tâm Thông

Khả năng tâm của mình có thể biết được tâm của người khác, của chúng sanh, như tâm tham ái hay không tham ái, tâm sân hận hay không sân hận, tâm si mê hay không si mê, tâm thu thúc hay không thu thúc, tâm tán loạn hay không tán loạn, tâm Đáo Đại hay không Đáo Đại, tâm cao thượng hay không cao thượng, tâm an trụ (cận định hay

nhập định) hay không an trụ, tâm giải thoát hay chưa giải thoát.

Cũng ví như nam nữ thanh thiếu niên ưa thích trang điểm, khi soi mặt trong gương tinh khiết hay một chậu nước trong thì được thấy rõ gương mặt của mình sạch hay dơ, tỳ vết hay không tỳ vết.

Hiện bày Túc Mạng Thông

Có khả năng biết được những tiền kiếp của mình và của chúng sanh, từ một kiếp đến vô lượng kiếp, nhiều loại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Mỗi kiếp sống đều nhớ rõ sanh nơi nào, tên họ là chi, hình dáng ra sao, giòng họ và giai cấp thế nào, thọ khổ lạc ra sao, tuổi thọ bao nhiêu, và sau khi chết tại chỗ này thì tái tục tại chỗ kia, v.v... Vị tỳ khưu nhớ đến được nhiều kiếp sống quá khứ cùng với nét đại cương và chi tiết.

Cũng ví như người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình. Người này có thể nhớ rõ lại hết từ lúc mình ở nơi làng kia, ngồi, đứng, đi như thế này, nói chuyện hoặc làm thinh như thế này, không lầm lẫn.

Hiện bày Thiên Nhãn Thông (hay còn gọi là Sanh Tử Trí)

Với Thiên Nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy được sự sanh tử của chúng sanh, thấp hèn hay cao quý, đẹp đẽ hay thô xấu, hữu phước hay bất hạnh, đều do Hạnh Nghiệp của chúng sanh.

Những chúng sanh với Ác Hạnh Nghiệp qua thân, lời, ý, phỉ báng bậc Thánh, theo Tà Kiến, làm các Tà Hạnh, ngay sau khi thân hoại mạng chung, thì đi thọ sanh Tứ Ác Khổ Thú.

Page 24

Những chúng sanh với Thiện Hạnh Nghiệp qua thân, lời, ý, cung kính tán dương các bậc Thánh, theo Chánh Kiến, làm các Chánh Hạnh, sau khi thân hoại mạng chung, thì đi thọ sanh Thiện Thú.

Cũng ví như người đứng trên thượng đài của tòa lâu đài giữa ngã tư đường trong đô thị, với đôi mắt sáng tỏ thấy rõ mọi người đi vào và ra khỏi nhà, đi tới đi lui theo đường lộ, đứng ngồi theo hai bên đường. Đây là quả báo thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn, vi diệu thù thắng hơn những quả báo thiết thực trước.

13. Sự giác ngộ lý Tứ Đế, diệt trừ Lậu Hoặc (Lậu Tận Thông) và chứng ngộ A La Hán

Với nội Tâm định tỉnh, thuần tịnh, bất cấu nhiễm, không phiền não, thuần thục, vị tỳ khưu hướng tâm đến Lậu Tận Trí. Vị tỳ khưu như thật biết, “đây là Khổ,” “đây là nhân sanh Khổ,” “đây là diệt tắt Khổ, và đây là con đường đưa đến diệt tắt Khổ.”

Vị tỳ khưu như thật biết, “đây là Lậu Hoặc” (Lậu Hoặc là pháp trầm nịch, chìm đắm. Tứ Lậu là Dục Lậu, Hữu Lậu, Kiến Lậu, và Vô Minh Lậu), “đây là nhân sanh Lậu Hoặc,” “đây là diệt trừ Lậu Hoặc,” “đây là con đường đưa đến diệt trừ Lậu Hoặc.” Nhờ liễu tri

như thế, tâm của vị tỳ khưu xuất ly khỏi Tứ Lậu, với tự thân đã giải thoát, khởi lên sự hiểu biết, “ta đã giải thoát.”

Với Chánh Trí, vị tỳ khưu biết được “Sanh đã tận. Phạm Hạnh đã thành. Việc nên làm đã làm (16 phận sự của bốn Thánh Đạo, bốn phận sự về Tứ Đế). Sau đời sống hiện tại không có đời sống nào khác.”

Cũng ví như người có đôi mắt sáng tỏ, đứng tại hồ nước tinh khiết ở tại dãy núi lớn, bất cấu nhiễm, thuần tịnh, sẽ dễ dàng thấy rõ rệt tất cả ốc, hến, sạn đá, đàn cá đang bơi tới lui hoặc đứng lại tại chỗ. Đây là quả báo thiết thực hiện tại của hạnh Sa Môn, vi diệu thù thắng hơn những quả báo thiết thực trước.

II. Sự quy ngưỡng và thú tội của vua AJÀTASATTU

Page 25

Với Pháp Thoại đã được đức Phật khéo thuyết giảng với nhiều phương tiện trình bày và giải thích, đã làm cho nhà vua AJÀTASATTU tỏ niềm hoan hỷ, xin quy y Tam Bảo, và tỏ lòng trọn đời quy ngưỡng.

Sau đó, vua AJÀTASATTU thú nhận đại tội của mình là đã giết hại Phụ Vương BIMBISÀRA để chiếm đoạt vương quyền, mong rằng đức Thế Tôn nhận cho tội ấy để ngăn ngừa ở vị lai. Đức Phật đã chứng giám cho sự sám tội đúng với Chánh Pháp, hợp theo luật pháp của bậc Thánh của vua AJÀTASATTU.

Và sau khi Vua từ biệt ra về, đức Phật đã dạy chư tỳ khưu rằng, vua AJÀTASATTU có thể chứng được Pháp Nhân ngay tại chỗ vua đã ngồi nếu như không tạo Cực Trọng Nghiệp.

D. Kết Luận:

Các vị tỳ khưu đã hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 3: KINH A MA TRÚ (AMBATTHA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Thế Tôn thuyết giảng Pháp Thoại này cho thanh niên AMBATTHA cùng với một số thanh niên đi theo, ở hương thất của Ngài, trong khu rừng ICCHÀNAKÀLA, thuộc một làng Bà La Môn ở KOSALA.

B. Duyên Khởi:

Bà La Môn POKKHARASÀDI muốn được xác minh lời đồn đãi của dân gian về 32 tướng tốt của đức Phật, nên đã sai người đệ tử có tên gọi là AMBATTHA đến để rõ thực hư. Với thái độ ngạo nghễ, ty liệt, và thô bạo của AMBATTHA, đức Thế Tôn đã giảng thuyết cho chàng thanh niên Bà La Môn được rõ biết về địa vị ưu thắng mà giai cấp Bà La Môn tự dành cho mình đã không có chân đứng trên thực tế.

Đức Phật nhấn mạnh địa vị và giá trị con người, không thể bằng cứ vào giai cấp mà phải dựa trên giới đức và trí đức của con người.

Page 26

C. Chánh Kinh:

I. AMBATTHA xúc phạm đức Thế Tôn

Được sự hướng dẫn của chư tỳ khưu, AMBATTHA đi đến đức Phật với một thái độ vô cùng kiêu mạn và ty liệt. Đức Phật cho rằng thái độ như thế quả thật là vô giáo dục mặc dầu AMBATTHA tự cho đó là có giáo dục. Quá tức tối và phẫn nộ, AMBATTHA đã sanh tâm nhục mạ, phỉ báng, và công kích đức Thế Tôn do bởi AMBATTHA tự mãn về vị trí của mình là con của một gia đình quý tộc danh tiếng và là đệ tử của Bà La Môn:

- Cho rằng dòng họ Thích Ca là đê tiện, hạ liệt do bởi không có tôn kính, lễ bái, và cúng dường Bà La Môn. - Cho rằng dòng họ Thích Ca là đê tiện, hạ liệt do bởi mãi nô đùa giỡn hớt với nhau mà không biết đón chào, lễ bái, và cúng dường một Bà La Môn đi đến. - Cho rằng dòng họ Thích Ca là đê tiện, hạ liệt do bởi ở trong giai cấp Sát Đế Lỵ, chỉ xứng là hầu hạ cho hàng Bà La Môn.

Với ba quan điểm trên, AMBATTHA đã buộc tội và phỉ báng dòng họ Thích Ca là đê tiện một cách quá đáng.

II. Đức Phật chỉ rõ nguồn gốc và dòng họ AMBATTHA

- Xét theo phụ mẫu hệ về quá khứ thì dòng họ Thích Ca là thầy của AMBATTHA. - AMBATTHA xuất thân từ dòng họ KANHÀYANA. - Tổ tiên của dòng Thích Ca là vua OKKÀKA, có một nữ tỳ tên là DISÀ. Cô nữ tỳ này hạ sanh một đứa con da đen, khi vừa mới chào đời đã biết nói, nên có tên gọi là KANHA (ác quỷ). Lớn lên, KANHA trở thành một tu sĩ tài nghệ tinh thông và đến yêu cầu vua OKKÀKA gả công chúa KHUDDARÙPI cho chàng. Từ đó, KANHA là tổ phụ của dòng họ KANHÀYANA.

III. Đức Phật xác định vị trí và giá trị con người

Với một xã hội có đủ bốn giai cấp là Sát Đế Lỵ, Bà La Môn, Phệ Xá, và Thủ Đà La, đức Phật nói rằng, Sát Đế Lỵ chiếm địa vị tối thắng ở nhân gian. Tuy nhiên,

Page 27

với người có đầy đủ giới hạnh và trí đức thì đức Thế Tôn tuyên bố rằng, vị ấy chiếm địa vị tối thắng giữa người và trời. Giới hạnh và trí đức không thể luận chấp ở thọ sanh, ở giai cấp, ở kiêu mạn, và ở kết hạp (cưới hỏi), mà chính tự nơi mình tu tập, trau giồi phẩm hạnh cao thượng mà thành tựu và chứng đạt được. (Xem lại phần Kinh Sa Môn Quả về 13 điều lợi ích công đức).

1. Có 4 nguyên nhân đưa đến thất bại cho sự thành tựu Vô Thượng Trí Đức

- Với phương cách chỉ ăn những trái cây rụng mà sống. - Với phương cách chỉ ăn rễ và trái cây mà sống. - Với phương cách sống thờ lửa. - Với phương cách xây dựng một phước xá ở ngã tư đường với 4 cửa để tôn kính và cúng dường Sa Môn và Bà La Môn.

2. Có 6 trường hợp không thể chấp nhận là một vị ẩn sĩ

- Không vì thuộc lòng các chú thuật ở các vị ẩn sĩ khác, mà được gọi là một ẩn sĩ. - Không vì trau chuốt, khéo trang sức, và say đắm trong ngũ dục lạc, mà được gọi là một ẩn sĩ. - Không vì quá lo lợi dưỡng, mà được gọi là một ẩn sĩ. - Không vì có nữ giới phục vụ, hầu hạ, mà được gọi là một ẩn sĩ. - Không vì có người và vật đưa đón phục vụ, mà được gọi là một ẩn sĩ. - Không vì được che chở và bảo vệ bởi các thành lũy và những binh lính, mà được gọi là một ẩn sĩ.

Sau cùng với thần lực của đức Thế Tôn, nên chàng thanh niên AMBATTHA đã thấy rõ 32 tướng tốt của Ngài một cách trọn vẹn. Với lòng tôn kính, AMBATTHA cùng với các bạn thanh niên xin phép cáo từ đức Thế Tôn và về thuật lại câu chuyện cho Bà La Môn POKKHARASÀDI được rõ biết mọi việc.

IV. Sự tán thán và quy ngưỡng của POKKHARASÀDI

Khi được nghe thuật lại, tức giận và bực bội, Bà La Môn POKKHARASÀDI đã đá AMBATTHA và đi đến sám hối với đức Phật. Cũng tương tự với AMBATTHA, đức Thế Tôn đã dùng thần lực làm cho POKKHARASÀDI thấy rõ đủ cả 32 tướng tốt, phát khởi đức tin, và hoan hỷ, nên POKKHARASA2DI

Page 28

đã tỏ ý thỉnh mời đức Thế Tôn và chư tỳ khưu tăng về nhà thiết lễ cúng dường trai tăng.

Pháp nhũ được đức Thế Tôn khéo thuyết giảng tuần tự có năm chi:

1. Thuyết về xả ly bố thí
2. Giảng giải về trì giới
3. Giảng giải về sự an vui ở các cõi Thiên Giới
4. Giảng giải về sự nguy hại của ngũ dục lạc
5. Quả báo của sự xuất ly

Cuối cùng an trú vào lý Tứ Đế đã làm cho Bà La Môn POKKHARASÀDI chứng đắc Pháp Nhãn, xa trần ly cấu, và tiêu trừ mọi nghi hoặc.

D. Kết Luận:

Lời tán thán của Bà La Môn POKKHARASÀDI với sự tự tín, phát tâm nương nhờ trọn đời, và quy ngưỡng Tam Bảo.

----------00000----------

BÀI 4: KINH CHỦNG ĐỨC (SONADANDA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Thế Tôn thuyết giảng Pháp Thoại này khi cùng với Bà La Môn SONADANDA trú ngụ tại thành CAMPÀ, trên bờ hồ GAGGARA, thuộc nước MAGADHA (Ma Kiệt Đà), do đức vua BIMBISÀRA trị vì.

B. Duyên Khởi:

Khi biết được tin đức Thế Tôn cùng với 500 vị tỳ khưu tăng lưu trú tại thành CAMPÀ, một số Bà La Môn và gia chủ cư ngụ tại đây đã cảm thấy phấn khởi. Những vị này khởi lên ý muốn được đến chiêm bái yết kiến Ngài, trong đó có Bà La Môn SONADANDA, mặc dầu số đông Bà La Môn và gia chủ đã khuyên bảo SONADANDA là không nên đi đến yết kiến đức Phật bởi vì Ngài không xứng đáng được như vậy.

Page 29

Biện minh cho việc đi đến, Bà La Môn SONADANDA đã trình bày rất nhiều ưu điểm như sau trong vô lượng ưu điểm của đức Thế Tôn, cho thấy là Ngài rất xứng đáng để được tôn kính, yết kiến, và chiêm ngưỡng:

- Thiện sanh cả từ Mẫu hệ và Phụ hệ, có được huyết thống thanh tịnh đến bảy đời Tổ phụ, không một vết nhơ. - Khả ái, xinh đẹp, khôi ngô tuấn tú, làm đẹp lòng mọi người, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng, nước da thù thắng. - Xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ một chủng tộc Sát Đế Lỵ thanh tịnh cao quý, từ bỏ mọi thân thương của gia đình quyến thuộc và tài sản kho báu, ra đi trong tuổi thanh niên, tóc hãy còn đen nhánh, khi trên mặt của Cha Mẹ đầm đìa nước mắt và không đồng ý. - Bậc Tôn Sư trên các hàng tôn sư của Chư Thiên và Nhân Loại. - Bậc Giáo Chủ tối thượng trong các bậc Giáo Chủ, có danh thơm được loan truyền về mười Ân Đức, có đầy đủ 32 tướng tốt của bậc Đại Nhân, được rất nhiều người đến vấn Đạo học hỏi. - Được tôn kính chiêm ngưỡng ở hàng Tứ Chúng, luôn đến cả Chư Thiên. - Khi trú tại chỗ nào thì đem sự an lạc đến nơi đó, các hàng phi nhân không dám phá hại dân cư trong vùng ấy. - Danh tiếng của đức Thế Tôn dựa trên Vô Thượng Trí Đức. Được các vua chúa như vua BIMBISÀRA, vua PASENADI, cùng các vương tôn công tử, luôn cả Bà La Môn POKKHARASÀDI tôn kính, trọng vọng, và trọn đời quy ngưỡng.

C. Chánh Kinh:

Cùng với đại chúng Bà La Môn đi gần đến bờ hồ GAGGARA, Bà La Môn SONADANDA khởi lên ưu tư trong tâm trí, lo sợ cuộc đối thoại này sẽ đem lại thất bại cho mình vì không biết đặt câu hỏi xứng đáng hay không biết trả lời xứng đáng khi tiếp xúc với đức Thế Tôn. Và cũng nghĩ là nếu quay trở lại, không gặp đức Thế Tôn, cũng đem đến sự thất bại; do vậy, tâm trí bị dao động và lo lắng khác thường.

I. Đức Thế Tôn vấn hỏi Bà La Môn SONADANDA

Với tuệ liễu tri về sự phân vân lo lắng của Bà La Môn SONADANDA, đức Phật đã đặt câu hỏi thuộc lãnh vực thông thạo về Sử Truyền của Tam Phệ Đà (Vedà), liên quan đến sự thành tựu một vị Bà La Môn, thì phải hội đủ bao nhiêu đức tánh để có được như vậy.

Page 30

II. Bà La Môn SONADANDA trả lời đức Phật

* Với câu trả lời đầu tiên, thì ông SONADANDA cho rằng, phải hội đủ cả năm đức tính như sau, thì mới được gọi là một vị Bà La Môn:

- Thiện sanh cả từ Mẫu hệ và Phụ hệ với huyết thống thanh tịnh cả bảy đời Tổ phụ. - Thông suốt Tam Phệ Đà (Vedà), tinh thông trì chú, ngữ pháp. - Khả ái, xinh đẹp, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng, khôi ngô tuấn tú, hằng được lòng mọi người. - Đầy đủ giới hạnh cao dầy. - Đa văn, quảng kiến, thông minh, sáng suốt.

* Với câu trả lời lần thứ hai, thì ông SONADANDA cho rằng, có thể bỏ một đức tính (bỏ dung sắc xinh đẹp), chỉ với bốn đức tính còn lại, thì được gọi là một vị Bà La Môn.

* Với câu trả lời lần thứ ba, thì ông SONADANDA cho rằng, chỉ với ba đức tính (bỏ chú thuật ngữ pháp), thì được gọi là một vị Bà La Môn.

* Với câu trả lời lần thứ tư, thì ông SONADANDA cho rằng, có thể bỏ cả huyết thống thọ sanh, cũng vẫn được gọi là một vị Bà La Môn, và chỉ cần hai đức tính là đầy đủ giới hạnh cao dầy và đa văn quảng kiến.

Cuối cùng, ông SONADANDA xác định cụ thể với đức Phật và với hội chúng đang ngồi đoanh vây Ngài là chỉ cần hội đủ cả hai và không thể bỏ mất một trong hai đức tánh đó, thì vẫn được gọi là một vị Bà La Môn. Kèm theo lời dẫn chứng cháu trai có tên gọi là ANGAKA, cho dù được hội đủ cả năm đức tính, nhưng Tà Hạnh phá giới (trong Ngũ Giới), thì vẫn không xứng đáng được gọi là một vị Bà La Môn.

Ông SONADANDA khẳng định hai đức tính còn lại có tính hỗ tương rất chặt chẽ. “Trí tuệ được giới hạnh làm cho thanh tịnh, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Chỗ nào có giới hạnh, chỗ ấy có trí tuệ. Chỗ nào có trí tuệ, chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng ở trên đời.”

III. Đức Phật xác nhận và nêu lên quan điểm của Ngài về giới hạnh và trí tuệ

Page 31

(Theo đúng như trong Kinh Quả Báo Sa Môn, từ quả báo thứ 9 cho đến thứ 13). Phương pháp của đức Phật thường dùng là đối thoại, một cuộc nói chuyện rất cởi mở với đối phương. Đầu tiên Ngài đứng về phía đối phương, chấp nhận mọi danh từ, định nghĩa, quan niệm của đối phương để tìm hiểu vấn đề, nhưng dần dần Ngài hướng đối phương về quan điểm của Ngài, và cuối cùng Ngài thu phục đối phương trở lại quy ngưỡng Ngài.

IV. Sự quy ngưỡng và cúng dường của Bà La Môn SONADANDA

Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng, với nhiều phương tiện trình bày và giải thích, đã làm cho Bà La Môn SONADANDA tỏ niềm tịnh tín, xin quy y Tam Bảo, và trọn đời quy ngưỡng. Sau đó đã thiết lễ cúng dường vật thực đến đức Phật cùng hội chúng tỳ khưu tăng tại nhà của Ông. Và Ông cũng đã tỏ lời tác bạch với sự cung kính đảnh lễ và cúng dường đức Thế Tôn bằng cả thân ngữ ý thanh tịnh, hợp theo cung cách của một vị Bà La Môn.

D. Kết Luận:

Pháp nhũ được khéo giảng dạy, khích lệ, và kích thích bởi đức Thế Tôn đã làm cho Bà La Môn SONADANDA phấn khởi hân hoan với Ngài, từ nơi chỗ ngồi đã đứng dậy và từ giã ra về.

----------00000----------

BÀI 5: KINH CỬU LA ĐÀN ĐẦU (KÙTADANTA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này khi đàm thoại cùng với Bà La Môn KÙTADANTA tại khu vườn AMBALATTHIKA, ở làng KHÀNUMATA, thuộc nước MAGADHA (Ma Kiệt Đà), do đức vua BIMBISÀRA trị vì.

B. Duyên Khởi:

Được tin đức Thế Tôn cùng với 500 vị tỳ khưu tăng lưu trú tại khu vườn AMBALATTHIKA, thuộc làng KHÀNUMATA, xứ MAGADHA (Ma Kiệt Đà), một số Bà La Môn và gia chủ cư ngụ tại nơi đấy lấy làm phấn khởi và khởi lên sự mong muốn được đi đến chiêm bái yết kiến đức Phật, trong đó có Bà La Môn

Page 32

KÙTADANTA, cũng muốn đi đến yết kiến đức Phật để hỏi về cách thức cúng tế cho một lễ đàn tế (với ba cách thức Tế Tự và 16 Tế Pháp).

Mặc dù số đông Bà La Môn và gia chủ đã khuyên bảo KÙTADANTA là không nên đi vì không xứng đáng với vị trí của mình. Biện minh cho việc đi, Bà La Môn KÙTADANTA đã trình bày rất nhiều ưu điểm như sau trong số vô lượng ưu điểm của đức Thế Tôn, nghĩa là đức Thế Tôn rất xứng đáng được tôn kính, yết kiến, và chiêm ngưỡng:

- Thiện sanh cả từ Mẫu hệ và Phụ hệ, huyết thống thanh tịnh đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ (tương tự với bài kinh SONADANDA). - Danh tiếng của đức Thế Tôn dựa trên Vô Thượng Trí Đức. Được các vua chúa như là vua BIMBISÀRA, vua PASENADI, cùng các vương tôn công tử, luôn cả Bà La Môn POKKHARASÀDI tôn kính, trọng vọng, và trọn đời quy ngưỡng.

C. Chánh Kinh:

Sau khi đi đến, chào đón, chúc tụng, rồi ngồi xuống một bên, Bà La Môn KÙTADANTA đã vấn hỏi đức Phật về ba cách thức Tế Tự và 16 Tế Vật của một lễ đàn tế.

I. Đức Phật kể chuyện về vua MAHÀVIJITA nhằm gián tiếp khuyên Bà La Môn KÙTADANTA

Vua MAHÀVIJITA là một vị vua có oai quyền, tiền rừng bạc biển, muốn làm lễ đàn tế lớn, nên đã hỏi ý kiến của vị Bà La Môn cố vấn tế lễ về vấn đề này. Vị Bà La Môn đã khuyên Vua là trong khi nước nhà còn ly loạn bởi trộm cướp, không nên thêm thuế má mới, cũng không nên trừng phạt vì chỉ là phương pháp tạm thời. Phương pháp hữu

hiệu để dẹp loạn ly là đối với nông dân thì hãy cấp thực phẩm và lúa mạ, đối với thương gia thì hãy cấp vốn đầu tư, đối với công tư chức thì hãy cấp lương bổng và vật thực.

Do nhờ như vậy, dân chúng có công ăn việc làm, không còn trộm cắp, ngân khố nhà vua được dồi dào, và mọi người được an cư lạc nghiệp. Vua MAHÀVIJITA vâng theo lời khuyên và thực hiện đúng theo lời chỉ dẫn; do thế, dân chúng được an cư lạc nghiệp.

Page 33

Vị Bà La Môn cố vấn tế tự khuyên vua MAHÀVIJITA nên mời các vị Sát Đế Lỵ, Bộ Trưởng, Bà La Môn, và gia chủ đến chấp thuận ý định tổ chức lễ Tế Tự của Vua. Bốn giai cấp này đã đồng tán thành và thỏa thuận cung cấp vật liệu tế lễ cho Nhà Vua.

1. Các vật liệu dùng để tế lễ gồm có tám đức tính tốt đẹp của vua MAHÀVIJITA như sau:

a. Thiện sanh cả từ Mẫu hệ và Phụ hệ, huyết thống thanh tịnh đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ. b. Khả ái xinh đẹp, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ trang nhã, dáng điệu cao thượng, nước da thù thắng. c. Đại phú, sung túc tài sản, thương khố sung mãn, giàu có. d. Có uy lực, đầy đủ bốn loại quân chủng, và với oai danh của mình đủ chinh phục địch quân. e. Có tín tâm, có từ tâm, một vị thí chủ xả ly. f. Một bác học, đa văn quảng kiến trong mọi vấn đề. g. Thông suốt mọi ý nghĩa của lời nói. h. Một bậc trí tuệ, tinh thông sáng suốt, và có thể suy tư về những vấn đề quá khứ, hiện tại, vị lai.

2. Bốn đức tính tốt đẹp của vị Bà La Môn Cố Vấn Tế Tự:

a. Thiện sanh cả từ Mẫu hệ và Phụ hệ, huyết thống thanh tịnh đến bảy đời Tổ phụ, không bị một vết nhơ. b. Thông hiểu Tam Phệ Đà (Vedà), tinh thông trì chú, ngữ pháp. c. Đầy đủ giới hạnh cao dầy. d. Một bậc trí tuệ, tinh luyện sáng suốt.

3. Ba pháp nên biết trước khi thực hiện một lễ đàn tế:

a. Trước khi muốn làm một đại lễ tế đàn, không nên có sự hối tiếc về sự tiêu hao tài sản (Tư Tiền). b. Ngay khi đang làm một đại lễ tế đàn, cũng không nên có sự hối tiếc về sự tiêu hao tài sản (Tư Hiện). c. Khi đã làm xong một đại lễ tế đàn, cũng không nên có sự hối tiếc về sự tiêu hao tài sản (Tư Hậu).

Page 34

4. Có 10 cách ngăn chận sự hối tiếc có thể khởi lên trước khi thực hiện một lễ đàn tế:

a. Ngăn chặn và từ bỏ Thập Ác Nghiệp, khéo léo đối xử với cả hai hạng người (Thiện và Ác) đến tham dự trong cuộc lễ đàn tế. b. Với người ác thì hãy cho sự an lặng đến với họ. c. Với người thiện thì hãy làm cho nội tâm của họ được an vui hoan hỷ.

5. 16 phương pháp khích lệ và kích thích khi vua đang làm lễ đàn tế:

Vị Bà La Môn chủ tế biết nói tưởng lệ như sau với nhà vua khi đang làm lễ đàn tế:

1*. Đã có mời các vị Sát Đế Lỵ thân tộc đến tham dự và bác bỏ lời chỉ trích xuyên tạc ngược lại. 2*. Đã có mời các vị đại thần quyến thuộc đến tham dự và bác bỏ lời chỉ trích

xuyên tạc ngược lại. 3*. Đã có mời các vị Bà La Môn đại gia đến tham dự và bác bỏ lời chỉ trích xuyên tạc ngược lại. 4*. Đã có mời các vị gia chủ phú hào đến tham dự và bác bỏ lời chỉ trích xuyên tạc ngược lại. 5* đến 12*. Nhà vua hội đủ cả tám đức tính cao quý. 13* đến 16*. Vị Bà La Môn chủ tế của vua hội đủ bốn đức tính cao quý.

Do vậy, khiến cho nội tâm của vua được hân hoan phấn khởi.

Lễ đàn tế không có giết hại sanh linh như trâu bò, dê heo, gà vịt. Không có phá hoại cây cối, không có dùng cỏ tranh (dabbha – cỏ kiết tường) để rải xung quanh đàn tế. Không bắt buộc các người làm công, tạp dịch phải phụ giúp vào lễ đàn tế. Không đánh đập, bắt buộc, đàn áp, chỉ có trạng thái hoan hỷ những việc gì muốn làm và thích làm. Làm với tâm trạng tự nguyện và tùy thuận của từng cá nhân, không bao giờ dùng áp lực mà bắt buộc phải làm.

Lễ đàn tế chỉ dùng đề hồ, dầu mè, sữa chua (thục tô), sữa tươi (sanh tô), mật, và đường mía.

Lễ đàn tế được sự tán thành và ủng hộ của cả bốn giai cấp. Dù nhà vua đã thực hiện một đại lễ đàn tế, họ cũng vẫn tổ chức một hậu đàn tế với các

Page 35

phương cách thực hiện tương tự như vua đã thực hiện. Như vậy là có bốn sự chấp thuận (của bốn giai cấp). Vua MAHÀVIJITA thành tựu tám pháp đức tính. Bà La Môn chủ tế thành tựu bốn pháp đức tính và cả ba Tế Pháp (Tam Tư). Chính như vậy, gọi là ba Tế Pháp và 16 Tế Vật.

Khi kể xong tích truyện, đức Phật nhận diện vị Bà La Môn Cố Vấn Tế Tự chính là tiền thân của đức Phật.

II. Đức Phật thuyết giảng những loại đàn tế khác có rất nhiều phước báu, hơn cả ba Tế Pháp và 16 Tế Vật kể trên

1. Bố thí thường xuyên, cúng dường người xuất gia có giới đức. 2. Xây dựng một tịnh xá Tứ Phương Tăng. 3. Thọ trì nghiêm minh Ngũ Giới. 4. Thực hành nết hạnh Sa Môn (xem lại bài kinh Quả Báo Sa Môn) và tu hành theo Giới – Định – Tuệ.

Khi thuyết giảng cho Bà La Môn KÙTADANTA, chúng ta nhận thấy thái độ của đức Phật đối với vấn đề đàn tế, một nghi lễ rất thông dụng của các Bà La Môn và xem như một phương tiện để giải thoát.

Trước tiên, đức Phật không bác bỏ hẳn một lễ đàn tế, nhưng phải được tổ chức trong sự thanh tịnh cần thiết, không có sự giết hại sanh linh. Theo đạo Phật, đàn tế là một hình tướng lễ nghi cần phải loại bỏ, nên dần dà đức Phật giới thiệu các loại đàn tế khác tế nhị hơn, đem lại kết quả nhiều hơn, hướng về hạnh nguyện giải thoát sanh tử, mục đích cuối cùng của đạo Phật.

Ở đây một lần nữa, chúng ta thấy rõ phương pháp đối thoại của đức Phật hết sức tế nhị, đã khéo léo từ nơi lập trường của người đối thoại, hướng dẫn dần dần đến lập trường cứu cánh của Ngài.

III. Sự quy ngưỡng và cúng dường của Bà La Môn KÙTADANTA

Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng bài Pháp Thoại, với nhiều phương tiện trình bày và giải thích, đã làm cho Bà La Môn KÙTADANTA tỏ niềm tịnh tín, xin quy y Tam Bảo, và trọn đời quy ngưỡng.

Pháp nhũ được đức Thế Tôn khéo thuyết giảng tuần tự, có năm chi như sau:

Page 36

1. Thuyết về xả ly bố thí
2. Giảng giải về trì giới
3. Giảng giải về sự an vui ở các Thiên Giới
4. Giảng giải về sự nguy hại của ngũ dục lạc
5. Quả báo của sự xuất ly

Cuối cùng, an trú vào lý Tứ Đế đã làm cho Bà La Môn KÙTADANTA chứng đắc Pháp Nhãn, xa trần ly cấu, và tiêu trừ mọi nghi hoặc.

D. Kết Luận:

Pháp nhũ khéo được giảng dạy, khích lệ, và kích thích bởi đức Thế Tôn, đã làm cho Bà La Môn KÙTADANTA phấn khởi và hân hoan với Ngài, từ chỗ ngồi đã đứng dậy và từ giã ra về.

----------00000----------

BÀI 6: KINH MA HA LÊ (MAHÀLI SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho một số đông sứ giả Bà La Môn ở nước KOSALA và nước MAGADHA, cùng với OTTHADDA MAHÀLI và một số dân chúng thuộc dòng họ LICCHAVI, tại giảng đường Trùng Các, rừng Đại Lâm, thành VESÀLI.

B. Duyên Khởi:

Do được nghe đồn đãi rất nhiều về đức Thế Tôn, nên một số đông sứ giả Bà La Môn ở nước KOSALA và nước MAGADHA với những công việc còn đang bận rộn tại thành VESÀLI, cũng như OTTHADDA MAHÀLI cùng với một số vị thuộc dòng họ LICCHAVI rất mong muốn được yết kiến đức Phật và nghe pháp.

C. Chánh Kinh:

I. MAHÀLI vấn hỏi đức Thế Tôn về nguyên nhân nào SUNAKKHATTA không chứng đắc được Thiên Nhĩ Thông

Page 37

Do Nhân nào và Duyên nào, SUNAKKHATTA người thuộc dòng họ LICCHAVI, khi ở gần bên đức Phật tu tập và chứng đắc được Thiên Nhãn Thông, thấy được những thiên sắc mỹ diệu, làm cho thích thú và phấn khởi. Nhưng tại sao lại không thể chứng đắc được

Thiên Nhĩ Thông, để được nghe những thiên âm mỹ diệu như thật có, để làm cho thích thú và phấn khởi.

II. Đức Phật giải thích cho MAHÀLI

- Với tác ý tu tập nhứt hướng (một trong những hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới, ngang). Với mục đích chỉ đắc chứng Thiên Nhãn Thông để thấy được những thiên sắc mỹ diệu, thích thú và phấn khởi, nhưng không có tác ý hướng về mục đích tu tập chứng đắc Thiên Nhĩ Thông; do vậy, không thể nghe được những thiên âm mỹ diệu thù thắng, để làm cho thích thú và phấn khởi (như trường hợp của SUNAKKHATTA).

- Với tác ý tu tập nhứt hướng nhưng với mục đích chứng đắc Thiên Nhĩ Thông, để được nghe những thiên âm mỹ diệu, làm cho thích thú và phấn khởi.

- Với tác ý tu tập nhị hướng, nghĩa là với hai mục đích chứng đắc Thiên Nhãn Thông và Thiên Nhĩ Thông; do vậy, mới thấy được những thiên sắc mỹ diệu và được nghe luôn những thiên âm mỹ diệu thù thắng, để làm cho thích thú và phấn khởi.

Tuy nhiên, đức Phật không mong muốn các vị tỳ khưu chỉ lo tu tập với sự chứng đắc Thiền Định để có được những sự việc trên.

III. Đức Phật chỉ dạy tu hành BÁT CHÁNH ĐẠO để chứng đắc ĐẠO QUẢ và giải thoát

1. Do muốn chứng đắc được những pháp cao thượng và thù thắng là "Đạo Quả" giải thoát, một vị tỳ khưu đã sống đời Phạm Hạnh, dưới sự chỉ dạy của đức Thế Tôn, và tu hành Bát Chánh Đạo đặng diệt trừ 10 Kiết Sử (SAMYOJANA – trói buộc):

- Chánh Kiến - Chánh Tư Duy - Chánh Ngữ

Page 38

- Chánh Nghiệp
- Chánh Mạng
- Chánh Tinh Tấn
- Chánh Niệm
- Chánh Định

2. Với Bát Chánh Đạo, một vị tỳ khưu sống đời Phạm Hạnh và tu tập chứng đắc tầng Thánh thứ nhất là SƠ ĐẠO và SƠ QUẢ (thành bậc Dự Lưu, Tư Đà Hườn, Thất Lai), đoạn trừ được ba hạ phần Kiết Sử là Thân Kiến, Hoài Nghi, và Giới Cấm Thủ, không còn bị đọa vào Tứ Ác Thú, chắc chắn chứng quả vị giải thoát.

3. Tiếp tục tu tập, một vị tỳ khưu đã đoạn diệt ba hạ phần Kiết Sử đầu tiên, lại nỗ lực tu tập Bát Chánh Đạo, sẽ làm giảm nhẹ hai hạ phần Kiết Sử là Tham thô thiển và Sân thô thiển, chứng đắc tầng Thánh thứ hai là NHỊ ĐẠO và NHỊ QUẢ (thành bậc Tu Đà Hàm, Nhất Lai).

4. Tiếp tục tu tập Bát Chánh Đạo, vị tỳ khưu ấy đoạn tuyệt hai hạ phần Kiết Sử còn lại là Tham vi tế và Sân vi tế, chứng đắc tầng Thánh thứ ba là TAM ĐẠO và TAM QUẢ (thành bậc A Na Hàm, Bất Lai). Khi còn ở Nhân Loại, chưa được chứng đắc quả vị A La Hán, và

khi thân hoại mạng chung, thì được tục sinh về cõi Ngũ Tịnh Cư Thiên Sắc Giới (thành vị Hóa Sanh) và giải thoát Níp Bàn tại nơi đấy.

5. Tiếp tục tu tập Bát Chánh Đạo, vị tỳ khưu ấy đoạn trừ năm thượng phần Kiết Sử còn lại (Ái Sắc Giới, Ái Vô Sắc Giới, Ngã Mạn, Phóng Dật, và Vô Minh), diệt trừ các Lậu Hoặc (Tứ Lậu gồm có Dục Lậu, Hữu Lậu, Kiến Lậu, và Vô Minh Lậu), giải thoát và giải thoát tri kiến, chứng đắc tầng Thánh thứ tư là TỨ ĐẠO và TỨ QUẢ (thành bậc A La Hán, Vô Sinh).

IV. Đức Phật bác bỏ những suy niệm về mạng căn và thân thế vì không đem lại lợi ích và không thiết thực

Khi hai người xuất gia có tên gọi là MANDISSA, một vị du sĩ, và JALIYA, đệ tử của DÀRUPATTIKA, đã đi đến khu vườn GHOSIRÀRÀMA, tại thành phố KOSAMBI, vấn hỏi đức Phật về "mạng căn và thân thể" là một hay là khác. Đức Phật cho biết rằng, chỉ có những người chưa có chứng đạt đến Quả Vị rốt ráo (chỉ có chứng và đắc Tứ Thiền), mới ưa thích đề cập đến vấn đề này, còn

Page 39

đối với đức Phật, cho dù Ngài rõ biết vấn đề này, nhưng Ngài không muốn đề cập đến vì vô ích và không thiết thực.

D. Kết Luận:

OTTHADA MAHÀLI, người thuộc dòng họ LICCHAVI, đã hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 7: KINH XÁ LỢI (JÀLIYA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này tại khu vườn GHOSITÀRÀMA, thành KOSAMBI, cho hai vị xuất gia, có tên là MANDISSA, một vị du sĩ, và JÀLIYA, đệ tử của DÀRUPATTIKA.

B. Duyên Khởi:

Do muốn thoát khỏi sự thắc mắc và được rõ biết về vấn đề "mạng căn và thân thể" là một hay là khác.

C. Chánh Kinh:

Đức Phật đã giải thích, ví như có một Thiện Nam Tử khi được hay biết có một đức Như Lai hiện hữu trong đời, có đầy đủ hồng danh Ân Đức cao quý, đi đến thưa với Ngài xin được xuất gia tu tập Tam Học là GIỚI – ĐỊNH – TUỆ (như trong Kinh Quả Báo Sa Môn), chứng đắc được các tầng Thiền, hướng tâm đến tri kiến suy niệm về "mạng căn và thân thể" là một hay là khác, như vậy cũng không có được sự lợi ích. Vì mục đích của xuất gia là trau giồi Tam Học, GIỚI – ĐỊNH – TUỆ, là thành đạt cứu cánh, chứng đắc quả vị

giải thoát. Chí đến đức Thế Tôn, dù Ngài rõ biết vấn đề này, Ngài cũng không muốn đề cập đến vì vô ích và không thiết thực. (Bài kinh này tương tự với bài kinh MAHÀLI [bài kinh thứ 6] từ đoạn thứ 15 đến 19).

D. Kết Luận:

Page 40

Hai vị du sĩ hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 8: KINH CA DIẾP SƯ TỬ HỐNG (KASSAPA SÌHANÀDA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này khi nói chuyện với một tu sĩ lõa thể, tên là KASSAPA SÌHANÀDA, tại UJUNNÀ, vườn nai KANNAKATTHALA.

B. Duyên Khởi:

Tu sĩ lõa thể KASSAPA muốn được xác minh và tránh sự chỉ trích sai lạc về lời bàn bạc đồn đãi rằng, đức Thế Tôn chỉ trích, công kích, và tuyệt đối phỉ báng mọi lối sống khổ hạnh khắc khổ.

C. Chánh Kinh:

I. Nhận định của đức Phật về vấn đề khổ hạnh

1. Với Thiên Nhãn thuần tịnh và siêu nhân, đức Phật đã thấy sự thật về vị lai, quá khứ, sanh, diệt của những người tu khổ hạnh với lối sống nhiều khắc khổ và tương đối ít khắc khổ hơn, đều dẫn đến cả Ác Thú và Thiện Thú. Do vậy, Ngài không có chỉ trích mọi khổ hạnh và không có tuyệt đối phỉ báng mạt sát mọi khổ hạnh, mọi lối sống khắc khổ.

2. Quan điểm của đức Phật có những điểm tương đồng và dị biệt với một số Bà La Môn và Sa Môn thông thái và giỏi biện tài về vấn đề khổ hạnh (công nhận và không công nhận). Với những quan điểm dị biệt và bất đồng, tạm để yên một bên.

3. Với những quan điểm tương đồng, phần lớn các vị giáo sư hay chúng đệ tử tu tập khổ hạnh đều phải công nhận và tán thán về:

- Sự xả ly hoàn toàn, sự xa lìa hoàn toàn những pháp Bất Thiện, lỗi lầm, thì không nên thực hành, không xứng pháp bậc Thánh, ô nhiễm, của

Page 41

đức Phật và chúng đệ tử của Ngài. Còn đối với chúng tu tập khổ hạnh thì chỉ có xả ly một phần mà thôi.

- Sự thành tựu hoàn toàn những pháp Thiện, không lỗi lầm, nên tuân hành, xứng pháp bậc Thánh, thanh tịnh ở nơi đức Phật và chúng đệ tử của Ngài. Còn đối với chúng tu tập khổ hạnh thì chỉ có thành tựu một phần mà thôi.

4. Xác chứng lời nói của đức Phật là chân thật, hợp pháp, đúng luật, và hợp thời với phương pháp thực hành Bát Chánh Đạo thì sẽ thấy và biết đúng thực.

II. Tu sĩ KASSAPA nêu lên những lối sống khổ hạnh đương thời trong xã hội Ấn Độ

Lối sống khổ hạnh luôn là một hạnh tu rất được nhiều người dân Ấn Độ tin tưởng, sùng bái, và cũng chính vì sự tin tưởng và sùng bái này khiến phát sanh những hạnh tu thật là kỳ dị mãi cho đến ngày nay vẫn còn. Với những lối sống khổ hạnh được nêu lên thì KASSAPA cho rằng, đó là những Sa Môn Quả và Bà La Môn Quả.

III. Đức Phật nêu lên một quan điểm sống khổ hạnh liên quan tới GIỚI–ĐỊNH– TUỆ

Theo thông lệ, trong khi đối thoại, đức Phật thường đứng trên lập trường của đối phương, rồi dần dần đưa đối phương đến lập trường của Ngài.

Trước tiên, Ngài không bác bỏ hẳn mọi sự khổ hạnh vì một sự khổ hạnh sáng suốt cũng có thể đưa đến một vài kết quả khả dĩ tốt đẹp, nhưng cũng không có một sự khổ hạnh nào có thể so sánh với hạnh tu GIỚI–ĐỊNH–TUỆ tối thượng và thù thắng.

Nói về khó khăn trong sự tu chứng, dù các pháp tu khổ hạnh trong thế gian này có khó khổ tu đắc đến bậc nào, thì một cư sĩ hoặc một nữ nô bộc cũng có thể tu hạnh ấy được.

Riêng về Sa Môn hạnh, tu cho thành tựu Giới Cụ Túc, Tâm Cụ Túc, và Tuệ Cụ Túc, thì chỉ có bậc thiện trí mới tu thành đạt kết quả. Còn đứng về Quả chứng

Page 42

thì chỉ có tu theo GIỚI–ĐỊNH–TUỆ, mới thật là một hạnh tu tối thượng, đưa đến sự giải thoát tuyệt đối.

Để gội sạch các tội lỗi, thì thực hành Sa Môn hạnh và Bà La Môn hạnh. Để nhận biết được một vị Sa Môn và Bà La Môn, một vị tỳ khưu tu tập hạnh từ bi, không hận thù, không ác hại, và với sự diệt tận các Lậu Hoặc, tự chứng giác, và an trú ngay hiện tại, tâm giải thoát, và huệ giải thoát Vô Lậu. Như thế, vị tỳ khưu ấy được gọi là một Sa Môn, một Bà La Môn.

IV. Sự tán thành và quy ngưỡng của lõa thể KASSAPA

Cũng tương tự như tiếng rống của một con sư tử (sư tử hống) ở giữa đại chúng với tinh thần vô úy, đức Thế Tôn trả lời mọi vấn đề đã làm thỏa mãn, phát khởi niềm tin, đạt đến chỗ như thật và ứng dụng thực hành, khiến cho một vị Bà La Môn tu khổ hạnh tên gọi là NIGRODHA, tại thành Vương Xá, cũng như tu sĩ lõa thể KASSAPA, khởi phát lòng hoan hỷ với một tâm trạng hoan lạc tối thượng. Cuối cùng, tu sĩ ngoại đạo KASSAPA xin được xuất gia thọ Cụ Túc Giới, dù có phải trải qua một đời sống biệt trú bốn năm (vì trước kia là ngoại đạo) để được sự đồng ý cho xuất gia của chư tăng.

D. Kết Luận:

Không bao lâu, sau khi được xuất gia và thọ Cụ Túc Giới, đại đức KASSAPA sống nhiệt tâm, cần mẫn, tinh cần đã thành tựu quả vị A La Hán.

----------00000----------

BÀI 9: KINH BỐ THÁC BÀ LẬU (POTTHAPÀDA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này khi nói chuyện với du sĩ ngoại đạo POTTHAPÀDA ở hội thảo trường, thuộc khu vườn EKASÀLAKA với hàng rào cây TINDUKA của hoàng hậu MALLIKA, tại thành SÀVATTHI (Xá Vệ).

B. Duyên Khởi:

Page 43

Khi thời gian hãy còn quá sớm để đi khất thực, đức Phật khởi lên một ý nghĩ, là đến dự cuộc bàn luận về Chánh Kiến và Tà Kiến với đại chúng của du sĩ ngoại đạo POTTHAPÀDA tại hội thảo trường.

C. Chánh Kinh:

I. POTTHAPÀDA vấn hỏi đức Phật về vấn đề diệt tận các Tăng Thượng Tưởng

Đức Phật bác bỏ những quan niệm sai lạc về cái gọi là "linh hồn" và trình bày quan điểm của Ngài. Theo quan niệm xa xưa của một số vị Sa Môn, Bà La Môn ngoại đạo, có ba quan điểm luận thuyết như sau:

1. Không Nhân, không Duyên, các Tưởng của con người sinh và diệt. Khi Tưởng sanh thì con người có Tưởng. Khi Tưởng diệt thì con người không có Tưởng.

2. Tưởng là tự ngã của con người. Chính Tưởng ấy đến và đi. Khi Tưởng ấy đến thì con người có Tưởng. Khi Tưởng ấy đi thì con người không có Tưởng.

3. Chính đại thần lực của các vị Sa Môn, Bà La Môn khiến Tưởng nhập vào trong người và cũng kéo Tưởng ra ngoài người ấy. Chính do đại thần lực của các Thiên Nhân khiến Tưởng nhập vào hay thoát ra ngoài người ấy.

Khi các vị này khiến Tưởng nhập vào trong người thì người ấy có Tưởng. Khi kéo Tưởng ra ngoài, thì người ấy không có Tưởng.

II. Đức Phật giải thích tuần tự cách thức diệt trừ các Tưởng

Đức Phật bác bỏ các luận thuyết trên và giải thích chính nhờ sự tu tập, các Tưởng có sanh có diệt. Ngài trình bày các định ở Sắc Giới để chứng minh sự sanh, sự diệt của các Tưởng trong Thiền Định.

1. Đức Phật khẳng định chính vì có Nhân, có Duyên mà các Tưởng của con người sinh và diệt. Chính do sự tu tập nên có một loại Tưởng sanh và một loại Tưởng diệt.

Page 44

2. Sự tu tập khởi lên từ Chánh Tín, đi đến xuất gia, sống hạnh không gia đình v.v... (như trong Kinh Quả Báo Sa Môn). Khi tâm đã xa lìa các dục, ly ác pháp, chứng và trú vào SƠ THIỀN, một trạng thái Hỷ Lạc do Ly Dục sanh, với Tầm và Tứ. Như vậy do tu tập, một

Tưởng Hỷ Lạc chân thật vi diệu do Ly Dục sanh khởi, và một Dục Tưởng được diệt trừ.

3. Phát triển sự tu tập, chứng và trú vào NHỊ THIỀN, một trạng thái Hỷ Lạc do Định sanh, không Tầm không Tứ, nội tỉnh nhất tâm. Như vậy do tu tập, một Tưởng Hỷ Lạc chân thật vi diệu do Định sanh khởi, và một Tưởng Hỷ Lạc do Ly Dục được diệt trừ.

4. Phát triển sự tu tập, chứng và trú vào TAM THIỀN, thân cảm nhận lạc thọ, do ly Hỷ trú Xả, chánh niệm tỉnh giác, xả niệm lạc trú. Như vậy do tu tập, một Tưởng Xả Lạc chân thật vi diệu khởi lên, và một Tưởng Hỷ Lạc do Định được diệt trừ.

5. Phát triển sự tu tập, chứng và trú vào TỨ THIỀN, không Khổ không Lạc, Xả Niệm thanh tịnh. Như vậy do tu tập, một Tưởng Xả Lạc Xả Khổ chân thật vi diệu khởi lên, và một Tưởng Xả Lạc được diệt trừ.

6. Phát triển sự tu tập, chứng và trú vào Thiền KHÔNG VÔ BIÊN XỨ, vượt thoát mọi Sắc Tưởng, với sự diệt trừ mọi chướng ngại Tưởng, với sự không tác ý đối với dị Tưởng. Như vậy do tu tập, một Tưởng KHÔNG VÔ BIÊN XỨ chân thật vi diệu khởi lên, và một Tưởng Sắc Giới được diệt trừ.

7. Phát triển sự tu tập, chứng và trú vào Thiền THỨC VÔ BIÊN XỨ. Do nhờ tu tập, một Tưởng THỨC VÔ BIÊN XỨ chân thật vi diệu khởi lên, và một Tưởng KHÔNG VÔ BIÊN XỨ được diệt trừ.

8. Phát triển sự tu tập, chứng và trú vào Thiền VÔ SỞ HỮU XỨ. Do nhờ tu tập, một Tưởng VÔ SỞ HỮU XỨ chân thật vi diệu khởi lên, và một Tưởng THỨC VÔ BIÊN XỨ được diệt trừ.

9. Phát triển sự tu tập, chứng và trú vào Thiền PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ. Do nhờ tu tập, một Tưởng PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ chân thật vi diệu khởi lên, và một Tưởng VÔ SỞ HỮU XỨ được diệt trừ.

Page 45

10.Khi đạt đến Tưởng tột đỉnh, tự mình khởi lên Tưởng rằng, “Tâm còn suy tưởng có hại mà thôi, không suy tưởng mới tốt hơn. Nếu cứ tiếp tục suy tưởng, khi những tưởng này diệt đi, thì nhưng thô tưởng khác lại khởi lên; do vậy, đừng có suy tưởng.” Do không có suy tưởng, các tưởng được diệt tận, và các thô tưởng khác không khởi lên, vị tỳ khưu ấy cảm nhận sự diệt tận các Tưởng. Như vậy, sự chứng đạt trí tuệ diệt trừ dần dần các tăng thượng Tưởng.

III. Đức Phật nói đến sự khác biệt giữa một Tưởng và nhiều Tưởng, về Tưởng và Trí, về Tưởng và Tự Ngã

1. Một Tưởng tuyệt đỉnh và nhiều Tưởng tuyệt đỉnh

Với một cảm thọ về sự diệt tận của một Tưởng tiếp sau một Tưởng khác, vị tỳ khưu ấy sẽ đạt đến nhiều Tưởng tuyệt đỉnh sai khác, tiếp nối nhau và cho đến Tưởng tuyệt đỉnh cuối cùng.

2. Tưởng và Trí

Do duyên với Tưởng, Trí mới sanh khởi. Tưởng sanh khởi trước, Trí mới khởi sanh sau. Do Tưởng sanh thì Trí mới sanh.

3. Tưởng và Tự Ngã

Cần phải hiểu có ba loại Ngã Chấp:

a. Thô Phù Ngã Chấp: Có Sắc, Tứ Đại hình thành, do Đoàn Thực nuôi dưỡng, thì Tưởng và Tự Ngã sai khác nhau. b. Ý Sở Thành Ngã Chấp: Có Sắc, do Ý Sở thành, đầy đủ chi tiết lớn nhỏ, các Căn cụ túc là Ý, thì Tưởng và Tự Ngã sai khác nhau. c. Vô Sắc Ngã Chấp: Không có Sắc, do Tưởng sở thành, thì Tưởng và Tự Ngã sai khác.

Với người còn dị kiến, niềm tin và lý tưởng sai khác nhau, thiên tư và hạnh nguyện sai khác nhau, thì thật khó biết được về "Tưởng là tự ngã" hay "Tưởng khác, Tự Ngã khác."

IV. Phật không bàn luận về Vũ Trụ Quan và Nhận Định Quan

Page 46

Với thái độ không độc tôn và không quá khích của mình về những vấn đề bất khả thuyết của Vũ Trụ Quan và Nhận Định Quan, như thế giới là Thường hay Vô Thường, đức Phật đã không đề cập đến vì không thuộc về đích giải thoát, không thuộc về pháp căn bản của Phạm Hạnh, không đưa đến yểm ly, ly dục, thắng trí, giác ngộ, và Níp Bàn.

Đức Phật không trả lời về thế giới Vô Thường hay Thường Tồn, Hữu Biên hay Vô Biên, Sinh Mạng và Thân Thể là một hay sai khác, Như Lai tồn tại hay không tồn tại sau khi tịch diệt, v.v... Đức Phật chỉ đề cập đến Tứ Đế, bốn chân lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Vì những vấn đề này thuộc về đích giải thoát, đưa đến Ly Dục, thuộc về pháp căn bản của Phạm Hạnh, và an vui Níp Bàn.

Khi dứt Pháp Thoại với POTTHAPÀDA thì cũng phải lẽ, nên Đức Thế Tôn từ chỗ ngồi, đứng dậy ra về. Và với phương pháp như thực, chân chánh, dùng Pháp làm cơ bản và quy tắc đã làm cho POTTHAPÀDA buộc miệng tán thành Đức Phật trước những du sĩ ngoại đạo hiện diện tại đấy.

V. Hai phương cách thuyết giảng của đức Phật

Hai ngày sau, CITTA HATTHISÀRIPUTTA và du sĩ ngoại đạo POTTHAPÀDA đi đến đảnh lễ đức Phật và nghe pháp. Đức Phật đã nói với CITTA HATTHISÀRIPUTTA và POTTHAPÀDA về hai phương cách thuyết giảng của Ngài như sau:

1. Với những Pháp không thuộc về đích giải thoát, không thuộc về Pháp căn bản của Phạm Hạnh, không đưa đến yểm ly, ly dục, thắng trí, giác ngộ, và Níp Bàn, như là bàn luận về Vũ Trụ Quan và Nhận Định Quan, thì đức Phật thuyết một cách không dứt khoát.

2. Với những Pháp thuộc về đích giải thoát, thuộc về Pháp căn bản của Phạm Hạnh, đưa đến yểm ly, ly dục, thắng trí, giác ngộ, và an vui Níp Bàn, như là Tứ Đế thì đức Phật thuyết một cách dứt khoát.

* Đức Phật bác bỏ mọi chủ kiến bất chánh phi lý về “Sau khi chết, Tự Ngã hoàn toàn hạnh phúc, vô bệnh”:

- Vì chính tự thân không từng sống, mà cũng không từng biết rõ thế giới này là hoàn toàn hạnh phúc.

Page 47

- Vì chính tự thân không cảm nhận được trạng thái tâm thức hoàn toàn hạnh phúc trong nửa đêm hay một đêm, nửa ngày hay một ngày. - Vì chính tự thân không rõ biết một con đường nào hay một phương pháp nào có thể đưa đến sự chứng ngộ một thế giới hoàn toàn hạnh phúc. - Vì chính tự thân không được nghe Chư Thiên nói xác chứng có một thế giới hoàn toàn hạnh phúc do đã cố gắng khéo thực hành mà trực chứng. - Ví như một người nam đem lòng thương yêu một cô gái đẹp, tuy nhiên, không được biết thuộc giai cấp nào (Sát Đế Ly, Bà La Môn, Phệ Xá, Thủ Đà La), không được biết tên họ và tuổi tác thế nào, hình thể tướng trạng ra sao (nước da, cao thấp, v.v...), trú xứ ở nơi đâu (làng nào, thành phố nào, v.v...). - Ví như một người muốn xây một cái thang để leo lên lầu tại một ngã tư đường lộ, tuy nhiên, không được biết vị trí của cái lầu ở tại nơi đâu (hướng Đông, Tây, Nam, Bắc), hình thể tướng trạng cái lầu như thế nào (cao, thấp, trung bình).

Pháp nhũ mà đức Phật khải thuyết nhằm diệt trừ mọi ngã chấp (ba Ngã Chấp kể trên) đã làm cho Tịnh Pháp được tăng trưởng, ngay hiện tại tự mình giác ngộ, thực chứng, thông đạt và an trú trí huệ, sung mãn quảng đại, thời khoan khoái sanh, hoan hỷ, khinh an, chánh niệm, chánh trí, lạc trú sanh khởi, và tuyệt diệt mọi khổ đau. Đó là những lời nói chân chánh hợp lý, khiến cho người thực hành theo được tự mình giác ngộ, thực chứng và an trú trí huệ, sung mãn quảng đại.

VI. Đức Phật chỉ cách nhận định về ba Ngã Chấp theo Thời Gian

Để trả lời câu hỏi của CITTA HATTHISÀRIPUTTA về sự tồn tại của ba Ngã Chấp, đức Phật đã xác định như sau:

1. Khi có Thô Phù Ngã Chấp thì không có Ý Sở Thành Ngã Chấp, và không có Vô Sắc Ngã Chấp. Và ngược lại. (Dù cho ba Ngã Chấp này đều tồn tại trong ba thời: quá khứ, hiện tại, vị lai).

2. Cũng ví như một người tồn tại ở quá khứ, không phải không tồn tại. Cũng sẽ tồn tại ở vị lai, không phải không tồn tại. Và tồn tại ở hiện tại, không phải không tồn tại.

Page 48

3. Cũng ví như một Ngã Chấp đã có ở quá khứ thì lúc bây giờ, Ngã Chấp hiện tại không tồn tại, và Ngã Chấp vị lai không tồn tại. Cũng như vậy, cho một Ngã Chấp ở vị lai và một Ngã Chấp ở hiện tại.

4. Cũng ví như từ bò cái sanh ra sữa, từ sữa sinh ra lạc, từ lạc sinh ra sanh tô, từ sanh tô sinh ra thục tô, từ thục tô sinh ra đề hồ. Khi thành sữa thì sữa ấy không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thục tô, không thuộc đề hồ, v.v... Khi thành đề hồ thì

đề hồ không thành sữa, không thuộc lạc, không thuộc sanh tô, không thuộc thục tô, chính khi ấy thuộc đề hồ.

Tuy nhiên, tất cả những pháp kể trên chỉ là những danh tự thế gian, ngôn ngữ thế gian, danh xưng thế gian, ký pháp thế gian. Đức Phật dùng chúng, nhưng không chấp trước vào những pháp này

VII. Sự tán thán và quy ngưỡng của POTTHAPÀDA và CITTA HATTHISÀRIPUTTA

Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng Pháp Thoại, với nhiều phương tiện trình bày và giải thích, đã làm cho hai du sĩ ngoại đạo này tán thán, tỏ niềm tịnh tín, xin Quy Y Tam Bảo, và trọn đời quy ngưỡng.

Cuối cùng được sự chấp thuận của đức Phật, CITTA HATTHISÀRIPUTTA đã xuất gia và thọ Cụ Túc Giới. Với nhiệt tâm cần mẫn, độc cư an tịnh, không phóng dật, không bao lâu vị tỳ khưu này chứng được mục đích tối thượng mà con cháu các lương gia đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, hướng đến.

Đó là Vô Thượng Phạm Hạnh ngay trong hiện tại, tự tác chứng và an trú. Sanh đã tận. Phạm Hạnh đã thành. Việc nên làm đã làm. Sau đời này, sẽ không có đời sống khác nữa.

D. Kết Luận:

Đại Đức CITTA HATTHISÀRIPUTTA trở thành một vị A La Hán.

----------00000----------

Page 49

BÀI 10: KINH TU BÀ (SUBHA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đại đức ÀNANDA cùng với một vị tỳ khưu, người xứ CETIYA, làm vị Sa Môn tùy hành, đã đi đến trú xứ của thanh niên Bà La Môn, tên là SUBHA TODEYYAPUTTA, để trùng tuyên lại những lời dạy của đức Thế Tôn.

B. Duyên Khởi:

Sau khi đức Phật viên tịch Níp Bàn, không bao lâu một Bà La Môn, tên là SUBHA muốn nhờ đại đức ÀNANDA – một đệ tử hầu cận đức Phật (thị giả), kể lại cho nghe những pháp mà đức Phật hằng tán thán, khích lệ, khuyến đạo, y chỉ cho mọi người theo những pháp ấy.

C. Chánh Kinh:

Đại Đức ÀNANDA giảng giải về Tam Vô Lậu Học

Chính ba Pháp Uẩn là THÁNH GIỚI UẨN, THÁNH ĐỊNH UẨN, THÁNH HUỆ UẨN, là ba pháp mà đức Phật hằng tán thán, khích lệ, khuyến đạo, y chỉ cho mọi người theo những pháp ấy.

1. Thánh Giới Uẩn: Tương tự với bài kinh Quả Báo Sa Môn, trong phần 1, 2,
3.
2. Thánh Định Uẩn: Tương tự với bài kinh Quả Báo Sa Môn, trong phần 1, 3
– 9.
3. Thánh Huệ Uẩn: Tương tự với bài kinh Quả Báo Sa Môn, trong phần 1,
10 – 13.
D. Kết Luận:

Thanh niên Bà La Môn SUBHA ngõ lời tán thán, xin Quy Y Tam Bảo, và trọn đời quy ngưỡng.

----------00000----------

BÀI 11: KINH KIÊN CỐ (KEVADDHA SUTTA)

Page 50

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho một vị cư sĩ trẻ tuổi, tên là KEVADDHA, tại NÀLANDÀ, trong khu vườn PAVÀRIKAMBA.

B. Duyên Khởi:

Cư sĩ KEVADDHA đi đến yêu cầu đức Phật ba lần để cho vị tỳ khưu hiện bày Thượng Nhân Pháp, thần thông biến hóa để gây lòng tin cho đông đảo quần chúng đang cư trú tại NÀLANDÀ. Và đức Phật đã bác bỏ lời yêu cầu hiện bày Thượng Nhân Pháp cho các vị cư sĩ áo trắng.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật nêu quan điểm của Ngài về ba loại thần thông (thắng trí)

Có ba loại thần thông mà đức Phật đã tự giác chứng và tuyên thuyết: Biến Hóa Thần Túc Thông, Tha Tâm Thần Thông, và Giáo Hóa Thần Thông.

1. Biến Hóa Thần Túc Thông: Còn gọi là Thắng Trí với nhiều phép lạ như là một thân hiện ra nhiều thân, đi ngang qua vách núi, ngang qua hư không, thăng thiên độn thổ, đi trên nước không chìm, ngồi kiết già đi trên hư không như con chim, với hai bàn tay rờ chạm mặt trời, mặt trăng, có thể tự thân bay đến cõi Phạm Thiên.

2. Tha Tâm Thần Thông: Còn gọi là Thắng Trí, hiểu biết tư tưởng của người khác, nói lên Tâm, nói lên Tâm Sở, nói lên sự suy tầm, nói lên sự suy tư của các loài hữu tình khác, của các người khác.

3. Giáo Hóa Thần Thông: Tức là Thắng Trí, những lời giảng dạy giáo hóa theo Tam Vô Lậu Học, GIỚI–ĐỊNH–TUỆ.

Đức Phật đã chứng đạt ba loại Thắng Trí trên, tuy nhiên, Ngài đã bác bỏ hai loại Thắng Trí đầu, mà chỉ tán thán duy nhất loại Giáo Hóa Thần Thông.

Ngài cho biết rằng với một người thông thạo chú thuật GANDHÀRÌ thì cũng có thể biến hóa được nhiều phép lạ như loại Thần Túc Thông. Chính do đó, đức

Page 51

Phật thấy sự nguy hiểm trong sự Biến Hóa Thần Túc Thông, khởi tâm nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ Biến Hóa Thần Túc Thông.

Ngài cũng cho biết với một người thông thạo chú thuật MANIKÀ thì cũng có thể biết được tâm tánh của các loài hữu tình khác, của các người khác, như loại Tha Tâm Thần Thông. Chính do đó, đức Phật thấy sự nguy hiểm trong sự hiện bày Tha Tâm Thông, khởi tâm nhàm chán, hổ thẹn, ghê sợ Tha Tâm Thần Thông.

Duy chỉ có Giáo Hóa Thần Thông là thù thắng vi diệu (tương tự trong bài kinh Quả Báo Sa Môn).

II. Đức Phật thuật chuyện vị tỳ khưu tìm hiểu dấu tích của Tứ Đại sau khi biến diệt hoàn toàn

1. Thuở xưa, vì muốn hiểu biết Tứ Đại sẽ đi về đâu sau khi đã biến diệt hoàn toàn, một vị tỳ khưu đã nhập Định, và trong Định Tâm đã đi đến các Thiên Giới để vấn hỏi các Chư Thiên trong các tầng Thiên Giới.

2. Từ Tứ Thiên Vương Thiên, vị tỳ khưu vấn hỏi về Tứ Đại sẽ đi về đâu sau khi đã biến diệt hoàn toàn. Các vị Tứ Thiên Vương Thiên đều không được rõ biết và giới thiệu lên cõi Tam Thập Tam Thiên (Đao Lợi Thiên).

3. Tương tự như thế, từ Thiên Chủ SAKKA ở cõi Đao Lợi Thiên

- đến Thiên Tử SUYÀMO ở cõi Dạ Ma Thiên, - đến Thiên Tử SANTUSITA ở cõi Đâu Xuất Đà Thiên, - đến Thiên Tử SUNIMMITA ở cõi Hóa Lạc Thiên, - đến Thiên Tử VASAVATTI ở cõi Tha Hóa Tự Tại.

4. Tương tự như thế, đi đến cõi Phạm Thiên Sắc Giới, vị tỳ khưu ấy đến vấn hỏi các vị Phạm Thiên, Đại Phạm Thiên, cũng đều không rõ biết dấu tích của Tứ Đại sau khi đã biến diệt hoàn toàn.

5. Và cuối cùng, vị Đại Phạm Thiên đã nói với vị tỳ khưu ấy, “Đã làm sai, đã lầm lẫn khi bỏ qua đức Thế Tôn, hướng đến người khác, để trả lời câu hỏi ấy. Hãy đi đến vấn hỏi đức Thế Tôn thì sẽ được rõ biết vấn đề này.”

III. Đức Phật điều chỉnh câu hỏi và giải đáp thắc mắc

Page 52

1. Với sự kiện quay trở về cõi Nhân Loại và đi đến vấn hỏi đức Phật, cũng ví như chuyến đi buôn trên biển cả với những con chim tìm thấy bờ, khi được thả ra, nó bay khắp mọi phương hướng (Đông, Tây, Nam, Bắc) để bay đến bờ, nêu không thấy được bờ thì chim sẽ quay trở lại con tàu. Cũng như thế, vị tỳ khưu này đã đi cùng khắp các tầng Chư Thiên Dục Giới cho đến Phạm Thiên Sắc Giới Thiên, tuy nhiên, vẫn không tìm được câu trả lời thích hợp, nên cuối cùng đã đi đến đức Phật và nêu lên câu hỏi ngõ hầu

được giải đáp thắc mắc.

2. Đức Phật đã điều chỉnh lại câu hỏi như sau:

- “Chỗ nào mà Thủy Đại, Địa Đại, Hỏa Đại, Phong Đại, dài ngắn, thô tế, tịnh và bất tịnh, không có chân đứng?” - “Chỗ nào cả Danh và Sắc tiêu diệt hoàn toàn?”

Và đây là câu trả lời cho câu hỏi này:

- “Thức là không thể thấy, vô biên, biến thông hết thảy xứ. Ở đây, Thủy Đại, Địa Đại, Hỏa Đại, Phong Đại, không có chân đứng.” - “Ở đây, cũng vậy, dài ngắn, thô tế, tịnh và bất tịnh không có chân đứng.” - “Ở đây, Danh và Sắc tiêu diệt hoàn toàn.” - “Khi Thức diệt ở đây, mọi thứ đều diệt tận.”

Và như thế, đức Phật cho biết rằng, “ Tứ Đại và Tứ Đại Chủng không có chân đứng trong Tâm của vị A La Hán. Khi Thức diệt, thì Tứ Đại Chủng bất tịnh, và Danh Sắc tiêu diệt hoàn toàn.”

D. Kết Luận:

Cư sĩ trẻ tuổi KEVADDHA hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 12: KINH LÔ GIÁ (LOHICCA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Page 53

Đang cùng với chư vị tỳ khưu du hành tại nước KOSALA, đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này sau khi đã cùng với 500 vị tỳ khưu thọ thực tại cư xá của Bà La Môn LOHICCA, tại SÀLAVATIKÀ (một làng có dãy cây Tala bao bọc, vốn là phần đất của vua PASENADI ban cấp cho hưởng lợi tức).

B. Duyên Khởi:

Do Bà La Môn LOHICCA đã khởi lên Ác Kiến, là không muốn cho vị Sa Môn hay Bà La Môn dạy người khác biết về những quả vị mà mình đã tự chứng đắc, và xem rằng sự giáo hóa ấy là vô ích, vì có ai có thể giúp được ai, chẳng khác nào người mới thoát khỏi xiềng xích thì lại tạo thêm một sợi dây xích mới khác nữa, chỉ là một hình thức của Ác Pháp, của Tham Pháp. Đức Phật được biết về Ác Kiến ấy do người thợ hớt tóc BHESIKA đã nói lại, trong khi đại diện Bà La Môn LOHICCA để đi thỉnh mời đức Phật cùng chư tỳ khưu tăng đến thọ nhận sự cúng dường vật thực tại nhà của LOHICCA.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật giải thích về sự nguy hại của Ác Kiến này

1. Trước tiên, đức Phật lấy chính LOHICCA làm biểu mẫu, sau đó thì lấy vua PASENADI làm biểu mẫu, với tâm trạng hẹp hòi, ích kỷ, chỉ là hiện thân của người gây chướng ngại cho người khác sống khi hãy còn tùy thuộc vào người ấy. Người gây chướng ngại

cho người khác là người không có Tâm Từ, không nghĩ đến lợi ích của người. Chỉ sống với tâm tư hãm hại người, là thuộc về Tà Kiến. Một người có Tà Kiến sẽ thọ sanh vào một trong hai Ác Thú, địa ngục hay súc sanh.

2. Thái độ như vậy sẽ làm cho mọi người không được hưởng những lời dạy thiết thực lợi ích của những vị thật tu thật chứng. Những người có chủ trương thái độ như vậy là những người có hại cho xã hội nói chung, là những người nuôi dưỡng sân hận, là những người có Tà Kiến. Một người có Tà Kiến sẽ thọ sanh vào một trong hai Ác Thú, địa ngục hay súc sanh.

3. Ví như một người cắt sợi dây xiềng xích trói buộc cũ, lại tự tạo một sợi dây xiềng xích mới khác nữa. Chính sự thành tựu ấy là một Ác Pháp, Tham Pháp.

Page 54

II. Đức Phật trình bày những hạng Giáo Sư trong đời

1. Có ba hạng Giáo Sư đáng bị chỉ trích một cách hợp pháp, chân chánh, không lỗi lầm, và một hạng Giáo Sư đáng được tán dương và không bị chỉ trích.

2. Ba hạng Giáo Sư đáng bị chỉ trích một cách hợp pháp, không lỗi lầm:

a. Hạng thứ nhất là vị Giáo Sư chưa chứng mục đích Sa Môn Quả mà đã ra giảng dạy, và vì dạy kém nên Thính Chúng không chịu nghe lời giảng dạy, vẫn sống trái ngược với Giáo Pháp của đức Bổn Sư. Ví như người tán tỉnh cô gái muốn xa mình. Người này hay ôm hôn cô gái muốn né mặt mình. Cử chỉ ấy là Ác Pháp, Tham Pháp vì có ai lại làm giúp cho ai được.

b. Hạng thứ hai là vị Giáo Sư cũng chưa chứng được Sa Môn Quả, nhưng nhờ giảng dạy giỏi nên Thính Chúng lắng nghe, nhưng vẫn sống trái ngược với Giáo Pháp của đức Bổn Sư. Ví như người bỏ qua ruộng của mình, mà nghĩ đến việc nhổ cỏ trong ruộng của người. Cử chỉ ấy là Ác Pháp, Tham Pháp vì có ai lại làm giúp cho ai được.

c. Hạng thứ ba là vị Giáo Sư đã chứng được Sa Môn Quả, nhưng vì giảng dạy yếu kém, nên Thính Chúng không lóng tai ghi nhận và không trú tâm phát xuất từ sự hiểu biết, vẫn sống trái ngược với Giáo Pháp của đức Bổn Sư. Ví như người cắt sợi dây trói buộc cũ, lại tự làm một sợi dây mới khác nữa. Cử chỉ ấy là Ác Pháp, Tham Pháp vì có ai lại làm giúp cho ai được.

3. Có một hạng Giáo Sư đã chứng được Sa Môn Quả (tương tự trong Kinh Quả Báo Sa Môn), khéo léo trong sự giảng dạy, khuyến khích. Thính Chúng cảm phục, thâm hiểu, và thực hành theo. Do vậy, vị Giáo Sư này xứng đáng được tán thán và không bị khiển trách, chỉ trích.

D. Kết Luận:

Lời tán thán của Bà La Môn LOHICCA với sự tự tín, phát tâm nương nhờ, và trọn đời quy ngưỡng nơi Tam Bảo.

Page 55

----------00000----------

BÀI 13: KINH TAM MINH (TEVIJJA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho hai thanh niên Bà La Môn, tên là VÀSETTHA và BHÀRADVÀJA, tại vườn xoài, trên bờ sông ACIVARATI, phía Bắc của làng MANASÀKATA, thuộc nước KOSALA.

B. Duyên Khởi:

Hai thanh niên Bà La Môn này bất đồng ý kiến dẫn đến tranh luận về con đường đưa đến cộng trú với Phạm Thiên, phân vân không hiểu trong những con đường do nhiều Đại Bà La Môn tuyên bố, con đường nào mới thật là con đường chân chánh, là trực đạo, là chánh đạo để hướng đến. Do vậy, cả hai thanh niên Bà La Môn đi đến vấn hỏi ý kiến đức Phật, và Ngài lần lần chỉ rõ trường hợp bất hợp lý và không chính xác của những luận thuyết do Bà La Môn khởi xướng về chánh đạo hướng đến cộng trú với Phạm Thiên.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật chỉ rõ những sai biệt ở chính ngay nội dung của vấn đề thắc mắc

1. Khi không có một vị Bà La Môn nào tinh thông ba tập Phệ Đà (VEDÀ) đã tận mặt thấy được Phạm Thiên.

- Không có một vị Tôn Sư nào của các Bà La Môn tinh thông ba tập Phệ Đà (VEDÀ) đã tận mặt thấy được Phạm Thiên. - Không có một vị Bà La Môn nào cho đến bảy đời Tôn Sư và Đại Tôn Sư của những vị Bà La Môn tinh thông ba tập Phệ Đà (VEDÀ) đã tận mặt thấy được Phạm Thiên.

Từ không biết, không thấy Phạm Thiên ở đâu, từ đâu đến và sẽ đi về đâu, thì làm sao các vị này lại có thể chỉ con đường đưa đến cộng trú với Phạm Thiên được. Những vị này chẳng khác những người ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy, mà tự cho là chỉ con đường cho người ta đi thì

Page 56

quả thật là vô lý. Lời nói đó quả thật mù quáng, lời nói đáng chê cười, là lời nói suông, là lời nói không tưởng, là lời nói trống rỗng.

Để dẫn chứng thêm, đức Phật lấy ví dụ những vị Bà La Môn tinh thông ba tập Phệ Đà (VEDÀ) cầu khẩn, tán thán, vừa đi xung quanh, vùa chắp tay đảnh lễ chỗ mặt trăng, mặt trời mọc và lặn, nhưng không thể chỉ con đường đưa đến sự cộng trú với mặt trời, mặt trăng được.

2. Dù cho các vị Bà La Môn có tinh thông ba tập Phệ Đà (VEDÀ), có cầu khẩn Phạm Thiên hết sức tha thiết, vì hy vọng, vì tán thán, nhưng không thực hành những tác hạnh thành tựu Bà La Môn, mà chỉ chạy theo tận hưởng ngũ dục lạc tăng thịnh, mê

đắm, bị trói buộc, không thấy sự nguy hiểm của chúng, không nhận thức sự thoát ly của chúng, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ không thể đi đến cộng trú với Phạm Thiên được. Cũng ví như có người muốn lội qua bên kia bờ sông, nhưng chỉ đứng bên bờ nay và kêu bờ kia qua, thì làm sao đến bờ bên kia được.

3. Dù cho các vị Bà La Môn có tinh thông ba tập Phệ Đà (VEDÀ), nhưng không thực hành những tác hạnh thành tựu Bà La Môn, mà vẫn bị chướng ngại, bị triền phược, bị che đậy, bị trói buộc bởi Ngũ Triền Cái, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ không thể đi đến cộng trú với Phạm Thiên được. Cũng ví như có người đến bờ sông này, trùm đầu, và nằm ngủ thì làm sao qua bờ bên kia được.

Như thế, chính những sai biệt này đã làm cho không chính xác, bất hợp lý ở việc giảng dạy của các vị Bà La Môn mà không được rõ biết vấn đề, thì làm sao lại không có thể khởi lên những bất đồng ý kiến dẫn đến sự tranh biện.

Cũng ví như một người nam đem lòng thương yêu một cô gái đẹp, tuy nhiên không được biết thuộc giai cấp nào (Sát Đế Ly, Bà La Môn, Phệ Xá, Thủ Đà La), không được biết tên họ và tuổi tác thế nào, hình thể tướng trạng ra sao (nước da, cao thấp, v.v...), trú xứ ở nơi đâu (làng nào, thành phố nào, v.v...).

Cũng ví như một người muốn xây một cái thang để leo lên lầu tại một ngã tư đường lộ, tuy nhiên, không được biết vị trí của cái lầu ở tại nơi đâu (hướng Đông, Tây, Nam, Bắc), hình thể tướng trạng cái lầu như thế nào (cao, thấp, trung bình).

Page 57

Những sự kiện như thế, quả thật không chính xác, bất hợp lý.

4. Truyền thuyết Bà La Môn cho rằng, Phạm Thiên không còn dục ái, không còn sân hận, không có nhiễm tâm, được tự tại. Tuy nhiên, đức Phật đã chỉ rõ các vị Bà La Môn, cho dù tinh thông ba tập Phệ Đà (VEDÀ), vẫn còn dục ái, vẫn còn sân hận, vẫn có nhiễm tâm, và không có được tự tại, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ không có thể đi đến cộng trú với Phạm Thiên.

Do đó, đối với những vị Bà La Môn tinh thông Phệ Đà (VEDÀ), sự tinh thông ấy được gọi là bãi sa mạc không có nước, được gọi là rừng rậm không có lối đi, được gọi là sự bất hạnh, thật sự đang chìm đắm trong bùn lầy, phải sống trong thất vọng, lầm tưởng rằng đã đến cảnh giới an lạc hơn.

II. Đức Phật thuyết giảng bốn pháp đưa đến cộng trú với Phạm Thiên

Đức Phật rõ biết Phạm Thiên, Phạm Thiên Giới, và con đường đi đến cộng trú với Phạm Thiên, cũng ví như một người sinh trưởng tại làng MANASÀKATA, tất biết rõ con đường đưa đến làng MANASÀKATA. Ví như có một Thiện Nam Tử khi được hay biết có một đức Như Lai hiện hữu trong đời, có đầy đủ hồng danh Ân Đức cao quý, đi đến nơi Ngài xin được xuất gia tu tập Tam Học là GIỚI–ĐỊNH–TUỆ (tương tự như trong Kinh Quả Báo Sa Môn).

Rồi vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu Từ Ái, cũng vậy với phương thứ hai, cũng vậy với phương thứ ba, cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, hướng trên, hướng dưới, cả bề ngang, hết thảy mọi phương hướng, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu Từ Ái, quảng đại vô biên, vô sân, bất oán hận, không có nhiễm tâm, có sự tự tại, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm Thiên. Cũng ví như người lực sĩ thổi tù và khiến âm thanh được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn.

Rồi vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu Bi Mẫn, cũng vậy với phương thứ hai, cũng vậy với phương thứ ba, cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, hướng trên, hướng dưới, cả bề ngang, hết thảy mọi phương hướng, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu Bi Mẫn, quảng đại vô biên, vô sân, bất oán hận, không có nhiễm tâm, có sự tự

tại, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm Thiên. Cũng ví như người lực sĩ thổi tù và khiến âm thanh được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn.

Rồi vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu Tùy Hỷ, cũng vậy với phương thứ hai, cũng vậy với phương thứ ba, cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, hướng trên, hướng dưới, cả bề ngang, hết thảy mọi phương hướng, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu Tùy Hỷ, quảng đại vô biên, vô sân, bất oán hận, không có nhiễm tâm, có sự tự tại, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm Thiên. Cũng ví như người lực sĩ thổi tù và khiến âm thanh được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn.

Rồi vị ấy an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu Hành Xả, cũng vậy với phương thứ hai, cũng vậy với phương thứ ba, cũng vậy với phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, hướng trên, hướng dưới, cả bề ngang, hết thảy mọi phương hướng, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu Hành Xả, quảng đại vô biên, vô sân, bất oán hận, không có nhiễm tâm, có sự tự tại, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ cộng trú với Phạm Thiên. Cũng ví như người lực sĩ thổi tù và khiến âm thanh được nghe khắp bốn phương, không có gì khó khăn.

D. Kết Luận:

Lời tán thán của hai thanh niên Bà La Môn VÀSETTHA và BHÀRADVÀJA với sự tự tín, phát tâm nương nhờ, và trọn đời quy ngưỡng nơi Tam Bảo.

----------00000----------

BÀI 14: KINH ĐẠI BỔN (MAHÀPADÀNA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật thuyết giảng Pháp Thoại này cho một số đông tỳ khưu tăng trong am thất cây KARERI (Hoa Lâm Viên Đường), thuộc Kỳ Viên Tự của trưởng giả Cấp Cô Độc ANÀTHAPINDIKA, tại nước SÀVATTHI (Xá Vệ).

B. Duyên Khởi:

Page 59

Do chư tỳ khưu tăng ngồi lại với nhau sau khi đã thọ thực xong, đã đem câu chuyện về chư Phật quá khư ra đàm luận.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật nói đến lịch sử của bảy vị Phật (quá khứ và hiện tại)

Đó là các đức Phật VIPASSÌ, SIKHÌ, VESSABHÙ, KAKUSANDHA, KONÀGAMANA, KASSAPA, và GOTAMA.

1. Đức Phật VIPASSÌ Thuộc chủng tộc Sát Đế Lỵ, dòng họ KODANNA, tuổi thọ loài người lúc bấy giờ là 80,000 tuổi thọ, giác ngộ dưới gốc cây PÀTALI, có hai đệ tử Chí Thượng Thinh Văn, tên là KHANDA và TISSA.

* Có ba số lượng Tăng Hội là:

a. Một Tăng Hội có 68 triệu tỳ khưu tăng, b. Một Tăng Hội có 100,000 tỳ khưu tăng, c. Một Tăng Hội có 80,000 tỳ khưu tăng.

Tất cả đều là bậc Lậu Tận, A La Hán, Vô Sinh.

* Có vị đệ tử thị giả là tỳ khưu ASOKA. * Phụ Vương có tên là BANDHUMÀ và Mẫu Hậu tên là BANDHUMATÌ, trị vì kinh thành BANDHUMATÌ.

2. Đức Phật SIKHÌ

Thuộc chủng tộc Sát Đế Lỵ, dòng họ KODANNNA, tuổi thọ loài người lúc bấy giờ là 70,000 tuổi thọ, giác ngộ dưới gốc cây PUNDARIKA, có hai đệ tử Chí Thượng Thinh Văn, tên là ABHIBHÙ và SAMBHAVA.

* Có ba số lượng Tăng Hội là:

a. Một Tăng Hội có 100,000 tỳ khưu tăng, b. Một Tăng Hội có 80,000 tỳ khưu tăng, c. Một Tăng Hội có 70,000 tỳ khưu tăng.

Page 60

Tất cả đều là bậc lậu Tận, A La Hán, Vô Sinh.

* Có vị đệ tử thị giả là tỳ khưu KHEMANKARA. * Phụ Vương có tên là ARUNA và Mẫu Hậu tên là PABHÀVATÌ, trị vì kinh thành PABHÀVATÌ.

3. Đức Phật VESSABHÙ

Thuộc chủng tộc Sát Đế Lỵ, dòng họ KODANNA, tuổi thọ loài người lúc bấy giờ là 60,000 tuổi thọ, giác ngộ dưới gốc cây SÀLA, có hai đệ tử Chí Thượng Thinh Văn, tên là SONA và UTTARA.

* Có ba số lượng Tăng Hội là:

a. Một Tăng Hội có 80,000 tỳ khưu tăng, b. Một Tăng Hội có 70,000 tỳ khưu tăng, c. Một Tăng Hội có 60,000 tỳ khưu tăng.

Tất cả đều là bậc lậu Tận, A La Hán, Vô Sinh.

* Có vị đệ tử thị giả là tỳ khưu UPASANNAKA. * Phụ Vương có tên là SUPPATÌTA và Mẫu Hậu tên là YASAVATÌ, trị vì kinh thành ANOPAMA.

4. Đức Phật KAKUSANDHA

Thuộc chủng tộc Bà La Môn, dòng họ KASSAPA, tuổi thọ loài người lúc bấy giờ là 40,000 tuổi thọ, giác ngộ dưới gốc cây SIRÌSA, có hai đệ tử Chí Thượng Thinh Văn, tên là VIDHÙRA và SANJÌVA.

* Có một Tăng Hội là 40,000 tỳ khưu tăng, đều là bậc Lậu Tận, A La Hán, Vô Sinh. * Có vị đệ tử thị giả là tỳ khưu BUDDHIJA. * Phụ thân Bà La Môn có tên là AGGIDATTA và Mẫu thân Bà La Môn tên là VISÀKHÀ, ở kinh thành KHEMAVAT của đức vua KHEMA đang trị vì.

5. Đức Phật KONÀGAMANA

Thuộc chủng tộc Bà La Môn, dòng họ KASSAPA, tuổi thọ loài người lúc bấy giờ là 30,000 tuổi thọ, giác ngộ dưới gốc cây UDUMBARA, có hai đệ tử Chí Thượng Thinh Văn, tên là BHIYYOSA và UTTARA.

* Có một Tăng Hội là 30,000 tỳ khưu tăng, đều là bậc Lậu Tận, A La Hán, Vô Sinh. * Có vị đệ tử thị giả là tỳ khưu SOTTHIJA. * Phụ thân Bà La Môn có tên là YANNADATTA và Mẫu thân Bà La Môn tên là UTTARÀ, ở kinh thành SOBHAVATÌ của đức vua SOBHA đang trị vì.

6. Đức Phật KASSAPA

Thuộc chủng tộc Bà La Môn, dòng họ KASSAPA, tuổi thọ loài người lúc bấy giờ là 20,000 tuổi thọ, giác ngộ dưới gốc cây NIGRODHA, có hai đệ tử Chí Thượng Thinh Văn, tên là BHIYYOSA và UTTARA.

* Có một Tăng Hội là 20,000 tỳ khưu tăng, đều là bậc Lậu Tận, A La Hán,Vô Sinh. * Có vị đệ tử thị giả là tỳ khưu SABBAMITTA. * Phụ thân Bà La Môn có tên là BRAHMADATTA và Mẫu thân Bà La Môn tên là DHANAVATÌ, ở kinh thành BÀRÀNASÌ của đức vua KIKÌ đang trị vì.

7. Đức Phật GOTAMA

Thuộc chủng tộc Sát Đế Lỵ, dòng họ GOTAMA, tuổi thọ loài người lúc bấy giờ là 100 tuổi thọ, giác ngộ dưới gốc cây ASSATTHA, có hai đệ tử Chí Thượng Thinh Văn, tên là SÀRIPUTTA và MOGGALLÀNA.

* Có một Tăng Hội là 1,250 tỳ khưu tăng, đều là bậc Lậu Tận, A La Hán, Vô Sinh. * Có vị đệ tử thị giả là tỳ khưu ÀNANDA. * Phụ Vương có tên là SUDDHODANA và Mẫu Hậu tên

là MÀYÀ, trị vì kinh thành KAPILAVATTHU.

II. Đức Phật nói về sự đản sanh và nuôi dưỡng Bồ Tát VIPASSÌ

Page 62

* Do nhờ khéo chứng đạt Pháp Giới mà đức Phật đã rõ biết chư Phật quá khứ, những vị đã viên tịch Níp Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Đức Phật cũng biết được chủng tộc, dòng họ, tuổi thọ, giới hạnh, pháp hạnh, tuệ hạnh, trí hạnh, v.v... một cách tường tận.

1. Sự đản sanh của Bồ Tát VIPASSÌ

(1) Cách đây chín mươi mốt (91) kiếp về trước, Bồ Tát từ giã cảnh giới Đâu Suất Thiên (TUSITÀ) với Chánh Niệm tỉnh giác nhập vào Mẫu Thai thì toàn quả địa cầu đều rung rinh chấn động và hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của Chư Thiên chiếu sáng ngời cả mười ngàn thế giới, làm cho tất cả chúng sanh đều trông thấy nhau rõ ràng.

(2) Khi Bồ Tát nhập vào Mẫu thai thì có bốn vị Thiên Tử đứng canh gác bốn phương trời bảo vệ.

(3) Khi Bồ Tát nhập vào Mẫu thai thì Mẫu thân của Ngài tự thọ trì Ngũ Giới một cách thường nhiên, không khởi dục tâm với một nam nhân nào, hưởng đầy đủ năm món dục lạc, và thân thể luôn được an vui mạnh khỏe. Bà luôn thấy rõ Bồ Tát đầy đủ mọi bộ phận về Tứ Chi trong thai bào của mình. Cũng như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh khéo cắt khéo dũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Nếu với một sợi chỉ với màu sắc xanh, đỏ, trắng, hay vàng được xỏ xuyên qua viên ngọc thì với người mắt sáng tỏ cầm viên ngọc này cũng thấy được sợi chỉ với màu sắc cùng với mỹ tướng của viên ngọc một cách rõ ràng.

(4) Không như các người đàn bà thông thường mang thai chín hoặc mười tháng, Mẹ của Bồ Tát mang thai đúng mười tháng mới hạ sanh Bồ Tát.

(5) Không như các người đàn bà thông thường khi sanh ở vị thế nằm hoặc ngồi, Mẹ của Bồ Tát ở vị thế đứng mà hạ sanh Bồ Tát.

(6) Sau khi hạ sanh Bồ Tát được bảy ngày, Hoàng Hậu thăng hà và sanh lên cõi Đâu Suất Thiên (TUSITÀ).

Page 63

(7) Được sanh ra từ trong bụng người mẹ với vị thế giống như vị Pháp Sư từ trên Pháp Tọa, duỗi hai chân ra và bước xuống, có bốn vị Thiên Tử đón đỡ lấy Ngài trước (rồi sau đó mới đến loài người), không cho đụng đến đất, đặt Ngài trước Mẫu Hậu và thưa, “Hoàng Hậu hãy hoan hỷ. Hoàng Hậu sanh một bậc vĩ nhân.”

(8) Từ trong bụng người mẹ sanh ra, Bồ Tát hoàn toàn thanh tịnh trong sạch, không bị nhiễm ô bất luận một bất tịnh nào (nước nhớt, mủ, máu). Cũng ví như viên ngọc Ma Ni bảo châu được đặt trên tấm vải KÀSIKA, cả hai đều thanh tịnh và không làm ô nhiễm

lẫn nhau.

(9) Từ trong bụng người mẹ sanh ra, có hai giòng nước từ trên hư không, một nóng một lạnh, chảy xuống tắm rửa sạch sẽ Bồ Tát cùng với Mẫu Hậu.

(10) Khi Bồ Tát sanh ra, Ngài đứng vững thăng bằng trên hai chân, mặt hướng về phía Bắc và bước đi bảy bước, có một lọng trắng được che ở trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con Ngưu Vương, thốt ra lời như sau: "Ta là bậc Tối Thượng ở trên đời! Ta là bậc Tối Tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa."

(11) Từ trong bụng người mẹ sanh ra, có một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực hơn cả Chư Thiên, chiếu sáng ngời hơn cả mười ngàn thế giới, làm cho tất cả chúng sanh đều được trông thấy nhau một cách rõ ràng, và toàn cả quả địa cầu luôn cả mười ngàn thế giới đều chuyển động mạnh, rung rinh.

(12) Tin Bồ Tát đản sanh được loan truyền đến phụ vương BANDHUMÀ, liền cho mời các vị Bà La Môn đến đoán tướng hoàng tử VIPASSÌ có được 32 tướng tốt, và tất cả các vị Bà La Môn Tướng Số đều nhất tề cho biết Ngài sẽ chọn một trong hai con đường:

(a) Nếu sống tại gia đình thì sẽ trở thành vua Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh Pháp trị vì đất nước, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ, với đầy đủ bảy báu vật, xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, và tướng quân báu.

Page 64

(b) Nếu từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, thì sẽ trở thành bậc Chánh Đẳng Giác, vén lui màn Vô Minh cho chúng sanh trong thế gian.

2. Ba mươi hai tướng tốt của Bồ Tát VIPASSÌ

(1) Hai lòng bàn chân bằng phẳng, không có hũng vào. (2) Hai lòng bàn chân hiện ra hình bánh xe, với 1,000 căm xe, trục xe, vành xe, hoàn toàn đầy đủ các bộ phận. (3) Gót chân thon dài (bằng ba lần của người bậc trung). (4) Ngón tay, ngón chân dài và nhọn lần như dùi trống. (5) Bàn tay và bàn chân thật mềm mại. (6) Bàn tay và bàn chân có nhiều lằn chỉ như màn da lưới thật đẹp. (7) Có mắt cá nổi tròn lên như con sò. (8) Có ống chân dài và tròn như sơn dương. (9) Hai cánh tay thật dài, đứng thẳng không co lưng xuống, hai bàn tay cũng rờ đụng tới đầu gối. (10) Có tướng Mã Âm Tàng (ngọc hành ẩn vào trong bọc da như ở loài ngựa). (11) Màu sắc da sáng như vàng ròng. (12) Da trơn mướt khiến bụi không thể bám dính vào. (13) Mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi lông, đều nhau trong mỗi lỗ. (14) Mỗi sợi lông đều mọc xoáy tròn thẳng lên, màu xanh biếc, mọc xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ và xoáy về hướng mặt. (15) Thân mình đều đặn và cao thẳng như vị Phạm Thiên. (16) Có bảy chỗ tròn đầy và bằng thẳng, thịt cần cổ, hai lưng bàn tay, hai lưng bàn chân, và hai bả vai. (17) Có thân hình phân nửa phía trước như con sư tử. (18) Khoảng giữa hai bả vai không có khuyết lõm, đều bằng thẳng. (19) Thân thể cân đối như cây đa, bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân. (20) Phần nửa thân trên

vuông tròn (cằn cổ tròn đều). (21) Có vị giác hết sức bén nhạy, khi vật chi chạm đầu ngọn lưỡi thì những cảm giác khởi lên tại cổ họng và truyền đi khắp mọi nơi. (22) Có quai hàm như con sư tử. (23) Có bốn mươi cái răng (trên và dưới đều có hai mươi cái răng). (24) Các răng đều đặn và bằng nhau. (25) Các răng đều khít nhau (không khuyết hở).

Page 65

(26) Răng cửa trắng trong và sạch láng. (27) Tướng lưỡi dài và rộng lớn, có thể le ra che đậy cả mặt. (28) Có tiếng nói trong trẻo tuyệt diệu như tiếng Phạm Thiên (Phạm Âm) hay tiếng chim KARAVÌKA. (29) Hai tròng con mắt màu xanh đậm (như mắt con bò con). (30) Có lông mi như lông con bò con. (31) Giữa hai lông mày có mọc lên một sợi lông trắng, mịn màng như bông gòn. (32) Tóc trên đầu khoanh tròn lại bên phía mặt như một cái mão (nhục kế).

3. Sự nuôi dưỡng và ý nghĩa tên gọi của hoàng tử VIPASSÌ

(1) Ngày cũng như đêm, Hoàng Tử luôn sống trên lầu và không bao giờ bước xuống lầu, luôn có một cái lọng trắng che ở phía trên Hoàng Tử với mục đích không cho lạnh, nóng, bụi bặm, hay mù sương làm quấy phiền Ngài. Được mọi người âu yếm thương yêu, chuyền tay nhau ẵm bồng Ngài, cũng ví như các loài hoa sen xanh, hồng, trắng được mọi người ưa thích.

(2) Khi phát âm thì hết sức tuyệt diệu, âm vận điều hòa, dịu ngọt, và hấp dẫn. Ví như tiếng hót của loài chim KARAVÌKA sinh sống trong dãy núi Hy Mã Lạp Sơn.

(3) Do Nghiệp báo phát sanh, Thiên Nhãn hiện ra với Hoàng Tử, và nhờ vào Thiên Nhãn, Ngài có thể nhìn khắp chung quanh đến một do tuần, ngày cũng như đêm.

(4) Hoàng Tử nhìn thẳng mọi sự vật với cặp mắt không nhấp nháy, như hàng Chư Thiên ở cõi Tam Thập Tam Thiên (Đao Lợi Thiên); do vậy, được gọi tên là “VIPASSÌ VIPASSÌ” (Vị đã nhìn thấy). Khi ngồi bên cạnh Phụ Vương đang xử kiện, Hoàng Tử chú tâm quan sát phương thức xử kiện đến nổi tự mình cũng có thể phán đoán được xử kiện, do vậy, được gọi tên là “VIPASSÌ VIPASSÌ” (có thể quan sát và xử kiện đúng theo luật pháp).

(5) Được Vua Cha xây dựng ba tòa lâu đài thích hợp với thời tiết cho hoàng tử VIPASSÌ, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho

Page 66

mùa nóng, với Ngũ Dục Lạc được khéo chuẩn bị đầy đủ và luôn được hầu hạ vui chơi với các nữ nhạc sĩ.

III. Chứng Kiến Bốn Hiện Tượng – Xuất Gia, Thành Đạo của Bồ Tát VIPASSÌ

1. Chứng kiến hiện tượng già nua

Trải qua một thời gian dài, nhiều ngày năm, vào một hôm, bảo người đánh xe đưa đi dạo vườn ngự uyển thì hoàng tử VIPASSÌ thấy được một người già nua, chân mỏi, gối

dùn, run rẩy, khổ não, không còn đâu là tuổi trẻ. Liền quay trở về hoàng cung, đau khổ, sầu muộn, và trầm tư suy nghĩ, liên tưởng đến bản thân: “Sỉ nhục thay, cái gọi là Sanh. Vì ai sanh ra cũng phải già yếu như vậy.” Vua Cha biết được sự việc, khởi lòng lo lắng, lại sắp đặt cho hoàng tử VIPASSÌ được hưởng thêm Ngũ Dục Lạc nhiều hơn nữa, để cho Ngài không nghĩ đến việc xuất gia, phải ở lại trị vì Thiên Hạ, và không để cho lời của các vị Bà La Môn Tướng Số thành sự thật.

2. Chứng kiến hiện tượng bệnh hoạn

Trải qua một thời gian rất lâu dài yên lặng, nhiều ngày năm, vào một hôm, bảo người đánh xe đưa đi dạo vườn ngự uyển thì hoàng tử VIPASSÌ thấy được một người bệnh hoạn, khổ não, nguy kịch, bò lết trong tiểu tiện đại tiện của mình, cần có người khác nâng đỡ, cần có người khác dìu dắt. Liền quay trở về hoàng cung, đau khổ, sầu muộn, và trầm tư suy nghĩ, liên tưởng đến bản thân: “Sỉ nhục thay, cái gọi là Sanh. Vì ai sanh ra cũng phải già yếu, cũng phải bệnh hoạn như vậy.” Vua Cha biết được sự việc, khởi lòng lo lắng, lại sắp đặt cho hoàng tử VIPASSÌ được hưởng thêm Ngũ Dục Lạc nhiều hơn nữa, để cho Ngài không nghĩ đến việc xuất gia, phải ở lại trị vì thiên hạ và không để cho lời của các vị Bà La Môn Tướng Số thành sự thật.

3. Chứng kiến hiện tượng tử vong

Trải qua một thời gian rất lâu dài yên lặng, nhiều ngày năm, vào một hôm, bảo người đánh xe đưa đi dạo vườn ngự uyển thì hoàng tử VIPASSÌ thấy được một đám đông người lo lập dàn hỏa táng để hỏa thiêu một người vừa mới mệnh chung. Liền quay trở về hoàng cung, đau khổ, sầu muộn, và trầm tư suy nghĩ, liên tưởng đến bản thân: “Sỉ nhục thay, cái gọi là Sanh. Vì ai sanh ra cũng phải già yếu, cũng phải bệnh hoạn, cũng phải chết như vậy.” Vua Cha biết được sự việc, khởi lòng lo lắng, lại sắp đặt cho hoàng tử

Page 67

VIPASSÌ được hưởng thêm Ngũ Dục Lạc nhiều hơn nữa, để cho Ngài không nghĩ đến việc xuất gia, phải ở lại trị vì thiên hạ và không để cho lời của các vị Bà La Môn Tướng Số thành sự thật.

4. Chứng kiến hiện tượng xuất gia

Trải qua một thời gian rất lâu dài yên lặng, nhiều ngày năm, vào một hôm, bảo người đánh xe đưa đi dạo vườn ngự uyển thì hoàng tử VIPASSÌ thấy được một Đạo Sĩ trang nghiêm, với y ca sa đáng tôn kính. Khi được hiểu biết ý nghĩa của hạnh xuất gia, “khéo tu Pháp Hạnh, khéo tu Tịnh Hạnh, khéo hành Thiện Nghiệp, khéo hành Công Đức Nghiệp, trau giồi Thiện Sự, đem lợi ích quần sanh với tấm lòng Từ Ái cao quý.” Và ngay tại nơi ấy, hoàng tử VIPASSÌ quyết định xuất gia, từ bỏ gia đình, và sống hạnh không gia đình.

* Tin xuất gia của hoàng tử VIPASSÌ được loan truyền tại kinh đô BANDHUMATÌ làm cho một đại chúng 84,000 người phấn khởi, cũng noi theo từ bỏ gia đình, xuất gia sống hạnh không gia đình, và nương tựa vào Bồ Tát VIPASSÌ để tu tập. Nhưng được một thời

gian, do đại chúng đông đảo, luôn đoanh quanh Ngài, không đem lại sự an tịnh trong tâm thức, cuối cùng Ngài quyết định sống độc cư nhàn tịnh.

* Trong trạng thái an lặng. tịnh cư thanh vắng, Bồ Tát VIPASSÌ sống quán pháp theo nguyên lý "IDA PACCAYATA PATICCA SAMUPPÀDA – Y Cư Duyên Liên Quan Tương Sinh" theo pháp sanh diệt của Thập Nhị Nhân Duyên, khởi sanh Pháp Nhãn, trí tuệ liễu tri thực tướng, quán sự sanh diệt trong Ngũ Thủ Uẩn, đoạn tận các Lậu Hoặc, thành đạt cứu cánh giải thoát, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

* Sau đó, đức Thế Tôn VIPASSÌ trầm tư suy nghĩ với những ý tưởng như sau: "Pháp mà Ta đã chứng ngộ, quả thật thậm thâm vi diệu, sâu kín khó thấy, cao siêu khó lãnh hội, không nằm trong phạm vi luân lý, siêu lý luận vi tế, chỉ có bậc Đại Trí mới thấu hiểu. Chúng sanh vẫn còn luyến ái trong nhục dục ngũ trần. Định lý nhân quả tương quan "Tùy Thuộc Phát Sanh" là một đề mục rất khó lãnh hội và Níp Bàn, tất cả sanh y được trừ bỏ, ái được đoạn tận, ly dục, ái diệt. Cũng là một vấn đề không phải dễ lãnh hội. Nếu nay Ta truyền dạy Pháp mà người khác không hiểu biết thì hoài công vô ích." Thế rồi, đức Thế Tôn VIPASSÌ thốt lên bài kệ bất khả tư nghì, từ trước chưa từng được nghe, được khởi lên như

Page 68

sau: "Thật khó khăn lắm mới được chứng ngộ Chánh Pháp và ngay lúc này, chưa cần phổ biến. Pháp này khó mà chứng ngộ với những ai còn bị Tham Sân chi phối. Những ai còn bị Ái nhiễm và Vô Minh bao phủ rất khó thấy pháp này. Một pháp đi ngược dòng, vi diệu, thâm sâu, khó thấy, vi tế."

* Với những suy tư và thốt ra lời như thế, đức Thế Tôn VIPASSÌ không muốn thuyết pháp, hướng về vô vi thụ động.

5. Đại Phạm Thiên ba lần thỉnh nguyện đức Thế Tôn thuyết pháp độ chúng sanh

* Một Đại Phạm Thiên biết được tư tưởng đức Thế Tôn, lo sợ Ngài không truyền bá Chánh Pháp thì thế giới sẽ phải chịu diệt vong, nên từ bỏ Phạm Thiên Giới đến hiện bày trước mặt đức Thế Tôn, quỳ đầu gối bên phải trên mặt đất, chấp tay hướng về đức Thế Tôn và tác bạch ba lần thỉnh nguyện Ngài, "Hãy vì thương xót chúng sanh mà thuyết pháp độ sanh."

* Sau đó, đức Thế Tôn VIPASSÌ nhận thấy rằng chúng sanh có kẻ ít người nhiều nhiễm bụi đời, có hạng lợi căn độn căn, có hạng tánh thuận tánh nghịch, có hạng dễ dạy khó dạy, có một số ít thấy sự nguy hiểm trong tái sanh và sự nguy hiểm của những hành động lỗi lầm. Cũng như trong hồ sen có nhiều loại sen xanh, đỏ, trắng, lẫn lộn. Có những cây mọc từ trong nước, lớn lên trong nước, sống trong lòng nước, và tươi tắn trong nước. Có những cây sanh ra dưới nước, lớn lên dưới nước, và sống vươn lên khỏi mặt nước, không bị nước làm đẫm ướt, không vướng chút bùn nhơ.

* Nhận lời thỉnh cầu, đức Thế Tôn VIPASSÌ tuyên bố: "Cửa vô sanh bất diệt đã được mở rộng. Hỡi những ai được nghe, hãy từ bỏ Tà Kiến của mình. Vì nghĩ đến mệt mỏi hoài công, nên trước đây Ta không muốn thuyết giảng Chánh Pháp vi diệu cho loài người."

IV. Đức Phật giáo hóa và khuyến khích các đệ tử truyền bá Chánh Pháp

1. Đức Phật thuyết pháp giáo hóa chúng sanh

Page 69

* Vương tử KHANDA và con của Vương Tử là TISSA đang trú ở kinh đô BANDHUMATÌ, là bậc tri thức đa văn, sáng suốt, đã từ lâu sống ít nhiễm ô bụi đời, là hai đối tượng đầu tiên của đức Phật VIPASSÌ trên đường giáo hóa độ chúng sanh.

* Tại lộc uyển KHEMA, kinh đô BANDHUMATÌ, pháp nhũ được đức Thế Tôn khéo thuyết giảng tuần tự, có năm chi:

(1) Thuyết về bố thí
(2) Thuyết về trì giới
(3) Thuyết về sự an vui ở các Thiên Giới
(4) Thuyết về sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của Ngũ Dục Lạc
(5) Thuyết về sự lợi ích của xuất ly
Cuối cùng an trú vào lý Tứ Đế đã làm cho hai vị Vương Tử này được chứng đắc Pháp Nhãn, xa trần ly cấu, đoạn tận mọi nghi hoặc, xin được xuất gia thọ Cụ Túc Giới. Không bao lâu sau, nhờ sự giảng dạy và khuyến khích của đức Thế Tôn làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với Pháp Thoại, tâm trí không còn chấp thủ, hai vị này được giải thoát các Lậu Hoặc.

* Tin hai vị KHANDHA và TISSA xuất gia đã làm cho đại chúng 84,000 người phấn khởi noi theo, từ bỏ gia đình, xuất gia sống hạnh không gia đình. Đức Thế Tôn VIPASSÌ khéo thuyết giảng Pháp Thoại đã làm cho đại chúng an trú vào lý Tứ Đế, và cũng không bao lâu sau đại chúng này được giải thoát các Lậu Hoặc.

* Luôn cả 84,000 người đã xuất gia trước kia với Bồ Tát, đã đến lộc uyển KHEMA, xin đức Thế Tôn VIPASSÌ cho thọ Cụ Túc Giới. Đức Thế Tôn VIPASSÌ khéo thuyết giảng Pháp Thoại đã làm cho đại chúng giác ngộ lý Tứ Đế, và cũng không bao lâu sau đại chúng này được giải thoát các Lậu Hoặc.

2. Đức Phật khuyến khích các đệ tử truyền bá Chánh Pháp

* Khi số Tăng Hội lên đến 6,800,000 vị tỳ khưu, đức Thế Tôn VIPASSÌ khởi lên tư tưởng khuyến khích chư vị Thánh Tăng nên truyền bá Chánh Pháp: “Vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích cho Chư Thiên và Nhân Loại, chớ có đi

Page 70

hai người cùng một chỗ. Này chư tỳ khưu, hãy thuyết giảng Chánh Pháp, Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống Phạm Hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sanh ít bị nhiễm bụi đời, nếu không được nghe Chánh Pháp, sẽ bị nguy hại. Nếu được nghe, sẽ thâm hiểu Chánh Pháp. Cứ sáu năm, hãy đến kinh đô BANDHUMATÌ để tụng đọc Giới Bổn.”

Ý nghĩa trên đã làm cho một Đại Phạm Thiên vô cùng hoan hỷ tán thán.

* Vâng lệnh đức Thế Tôn VIPASSÌ, ngay hôm ấy đã có phần lớn chư tăng lên đường đi khắp quốc độ, mỗi người một hướng đem Chánh Pháp thuyết giảng đến khắp quần sinh. Và cứ mỗi một năm trôi qua, thì có Chư Thiên nhắc nhở đến kỳ hạn để về tụ hợp lại tụng đọc Giới Bổn.

* Đúng kỳ hạn của sáu năm, vào ngày trăng tròn, đức Phật tuyên bố đọc "Biệt Biệt Giải Thoát Giới – PATIMOKKHA" cho chư tăng lắng nghe:

"Chư Phật dạy Níp Bàn là đệ nhất,
Nhẫn nại, khổ hạnh, kham nhẫn là đệ nhất,
Người xuất gia hại người xuất gia khác,
Hại người khác như vậy không xứng gọi là Sa Môn."
"Mọi điều Ác không làm, hướng tâm các Thiện nghiệp, Giữ tâm trí thanh tịnh, chính lời chư Phật dạy."

"Không chỉ trích, không đánh đập, giữ mình trong Giới Bổn, Ăn uống có tiết độ, ngủ nghỉ riêng một mình, Hướng tâm đến cao khiết, chính lời chư Phật dạy."

V. Tiền thân của đức Phật Thích Ca

* Bồ Tát từ gốc cây Ta La Long Thọ tại UKKATTHA, trong khu rừng SUBHAGA, đi đến trú ngụ tại Tịnh Cư Thiên (SUDDHÀVÀSA) với đại chúng vài ngàn Chư Thiên đoanh vây đảnh lễ và kể lại câu chuyện của đức Phật VIPASSÌ đã hiện diện trong thế gian này cách đây 91 kiếp.

* Chư Thiên cũng báo cho Bồ Tát biết ngay trong kiếp hiện tại sẽ có một vị Chánh Đẳng Giác ra đời, thuộc chủng tộc Sát Đế Lỵ, dòng tộc GOTAMA, sống trong thời kỳ tuổi thọ loài người khoảng 100 tuổi hay hơn. Bồ Tát giác

Page 71

ngộ thành quả vị Chánh Đẳng Giác dưới gốc cây ASSATTHA, có hai vị Chí Thượng Thinh Văn đệ tử, SÀRIPUTTA và MOGGALLÀNA, có số Tăng Hội là 1,250 Thánh Tỳ Khưu Tăng, đều là bậc Lậu Tận. Có thị giả là tỳ khưu ÀNANDA. Phụ Vương có tên là SUDDHODANA, Mẫu Hậu có tên là MÀYÀ, kinh đô là KAPILAVATTHU.

* Do nhờ khéo chứng đạt Pháp Giới mà đức Phật đã rõ biết chư Phật quá khứ, những vị đã viên tịch Níp Bàn, đã đoạn các chướng ngại, đã đoạn các chướng đạo, đã chấm dứt sự luân hồi, đã thoát ly mọi đau khổ. Đức Phật cũng biết được chủng tộc, dòng họ, tuổi thọ, giới hạnh, pháp hạnh, tuệ hạnh, trí hạnh, v.v… một cách tường tận.

D. Kết Luận:

Khi chấm dứt thời Pháp Thoại, chư tỳ khưu hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 15: KINH ĐẠI DUYÊN (MAHÀNIDÀNA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết Pháp Thoại này cho đại đức ÀNANDA tại bộ lạc KURU, có tên là KAMMÀSSADHAMMA.

B. Duyên Khởi:

Do đại đức ÀNANDA đã suy niệm về Pháp Liên Quan Tương Sinh và đã tán thánh pháp này trước đức Phật.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật thuyết giảng pháp LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

* Đức Phật nhấn mạnh rằng, “Chính vì không giác ngộ, không thâm hiểu Giáo Pháp này, mà chúng sanh hiện tại bị rối loạn như một ổ kén, rối ren như một

ống chỉ, giống ngọn cỏ MUNJA và lau sậy BABBAJA, không thể nào ra khỏi Khổ Xứ, Ác Thú, Đọa Xứ, Sanh Tử.”

* Trước tiên, đức Phật khải thuyết từ Già và Chết là do duyên Sanh, Sanh do Hữu, Hữu do Thủ, Thủ do Ái, Ái do Thọ, Thọ do Xúc, Xúc do Danh Sắc, Danh Sắc do Thức, Thức do Danh Sắc (tại đây không thấy đề cập đến ba Chi, Vô Minh, Hành, và Lục Xứ).

Như vậy, do duyên Danh Sắc, Thức được sanh; do duyên Thức, Danh Sắc được sanh; do duyên Danh Sắc, Xúc được sanh; do duyên Xúc, Thọ được sanh; do duyên Thọ, Ái được sanh; do duyên Ái, Thủ được sanh; do duyên Thủ, Hữu được sanh; do duyên Hữu, Sanh được sanh; do duyên Sanh, Lão Tử được sanh; do duyên Lão Tử, Sầu Bi Khổ Ưu Não được sanh. Đây là toàn bộ Khổ Uẩn tập khởi.

* Ngoài ra, đức Phật còn đề cập thêm một số chi phần hợp theo Pháp Hiệp Thế Chế Định, như đề cập đến do duyên Thọ, Ái được sanh; do duyên Ái, Tầm Cầu được sanh; do duyên Tầm Cầu, Lợi được sanh; do duyên Lợi, Quyết Định (sở dụng của Lợi) được sanh; do duyên Quyết Định, Tham Dục được sanh; do duyên Tham Dục, Đắm Trước được sanh; do duyên Đắm Trước, Chấp Thủ được sanh; do duyên Chấp Thủ, Lận Sắt được sanh, do duyên Hà Tiện, Thủ Hộ được sanh; do duyên Thủ Hộ, một số Ác Pháp, Bất Thiện Pháp phát sanh, như là chấp trượng, chấp kiếm, tranh đấu, tranh luận, đấu khẩu, khẩu chiến, ác khẩu, vọng ngữ.

II. Đức Phật nói đến những lời tuyên bố và không tuyên bố của thế gian về Ngã, sự liên hệ giữa Ngã và các Cảm Thọ

1. Những lời tuyên bố về Tà Kiến Bản Ngã (Thân Kiến)

* Bản Ngã hữu sắc và hữu hạn ở ngay hiện tại hoặc vị lai. * Bản Ngã hữu sắc và vô hạn ở ngay hiện tại hoặc vị lai. * Bản Ngã vô sắc và hữu hạn ở ngay hiện tại hoặc vị lai. * Bản Ngã vô sắc và vô hạn ở ngay hiện tại hoặc vị lai.

2. Những lời không tuyên bố về Tà Kiến Bản Ngã (Thân Kiến)

* Bản Ngã hữu sắc và hữu hạn ở ngay hiện tại hoặc vị lai. * Bản Ngã hữu sắc và vô hạn ở ngay hiện tại hoặc vị lai.

Page 73

* Bản Ngã vô sắc và hữu hạn ở ngay hiện tại hoặc vị lai. * Bản Ngã vô sắc và vô hạn ở ngay hiện tại hoặc vị lai.

3. Đức Phật bác bỏ những quan niệm về bản ngã qua các cảm thọ.

Có ba loại cảm thọ, đó là Lạc thọ, Khổ thọ, và Bất Khổ Bất Lạc thọ. Cả ba loại cảm thọ này đều là vô thường, hữu vi, là pháp duyên khởi, là pháp đoạn hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly dục, là pháp diệt tận.

* Không thể chấp nhận quan niệm, "Ngã của tôi là Thọ," "Ngã của tôi có cảm thọ." "Ngã của tôi không phải là Thọ," "Ngã của tôi không phải không có cảm thọ."

* Khi vị tỳ khưu không quan niệm Ngã là Thọ, không quan niệm Ngã không phải Thọ, không quan niệm: "Ngã của tôi là Thọ, Ngã của tôi có khả năng cảm thọ," khi ấy vị tỳ khưu này sẽ không chấp trước một điều gì ở trên đời, vì không chấp trước nên không sợ hãi, vì không sợ hãi nên hoàn toàn tự mình tịch diệt.

Vị tỳ khưu này biết, "Sanh đã tận. Phạm Hạnh đã thành. Những việc cần làm đã làm. Sau đời này, không còn đời khác nữa." Khi liễu tri được như thế thì sẽ được giải thoát.

III. Đức Phật thuyết bảy trú xứ của Thức, hai loại Xứ, và tám Giải Thoát

1. Có bảy trú xứ của Tâm Thức

a. THÂN DỊ TƯỞNG DỊ: Thân hình khác nhau, tư tưởng khác nhau, như là Nhân Loại, Chư Thiên, và một số trong Địa Ngục.

b. THÂN DỊ TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình khác nhau, nhưng tư tưởng giống nhau, như là các vị Phạm Chúng Thiên ở tầng Sơ Thiền.

c. THÂN ĐỒNG TƯỞNG DỊ: Thân hình giống nhau, nhưng tư tưởng khác nhau, như là các vị Quang Âm Thiên ở tầng Nhị Thiền.

d. THÂN ĐỒNG TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình giống nhau, tư tưởng giống nhau, như là các vị Biến Tịnh Thiên ở tầng Tam Thiền.

Page 74

e. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi mọi sắc tưởng, đoạn trừ tất cả hữu đối tưởng, không còn suy tư đến bất luận một dị loại tưởng, như là các vị Không Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới.

f. THỨC VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi Không Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Thức là vô biên," như là các vị Thức Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới.

g. VÔ SỞ HỮU XỨ: Vượt khỏi Thức Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Vô Sở Hữu" (lấy đề mục "không có chi cả" làm cảnh giới), như là các vị Vô Sở Hữu Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới.

2. Có hai loại xứ

a. VÔ TƯỞNG HỮU TÌNH XỨ ở cõi Sắc Giới. b. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ ở cõi Vô Sắc Giới.

Với bảy trú xứ của Tâm Thức và hai loại Xứ, một vị tỳ khưu như thật hiểu biết được sự tập khởi, sự đoạn trừ, phước vị, hoạn nạn, xuất ly khỏi chúng, nhờ không còn chấp thủ, vị tỳ khưu này được giải thoát, vị tỳ khưu này được gọi là Tuệ Giải Thoát.

3. Có tám giải thoát

a. Tự mình có Sắc, thấy các Sắc Pháp b. Không biết tự mình có Sắc, thấy các Sắc ngoài tự thân c. Tâm mạnh hướng đến thanh tịnh d. Chứng và trú vào Hư Không Biên Xứ e. Chứng và trú vào Thức Vô Biên Xứ f. Chứng và trú vào Vô Sở Hữu Xứ g. Chứng và trú vào Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ h. Chứng và trú vào Thiền Diệt (Diệt Thọ Tưởng Định)

Khi một vị tỳ khưu thuận tùng thể nhập tám giải thoát này, có thể nhập và xuất khỏi bất cứ giải thoát nào khi nào mình muốn, chỗ nào mình muốn, và dài bao lâu mình muốn. Với các Lậu Hoặc được đoạn trừ, vị tỳ khưu này chứng và an trú trong tám giải thoát và tuệ giải thoát, không còn Lậu Hoặc ngay trong thời hiện đại, tự mình thâu đạt và chứng ngộ.

Page 75

D. Kết Luận:

Khi chấm dứt thời Pháp Thoại, đại đức ÀNANDA hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 16: KINH ĐẠI VIÊN TỊCH NÍP BÀN (MAHÀPARINIBBÀNA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Bài kinh diễn tả những ngày cuối cùng của đức Phật và những lời di giáo của Ngài trước khi viên tịch. Từ RÀJAGAHA (Vương Xá), tại núi GIJJHAKÙTA (Linh Thứu), xứ MAGADHA (Ma Kiệt Đà), đức Phật đi đến AMBALATTHIKÀ, NALANDA, PATALÌGÀMA, vượt qua sông Hằng, hướng đến KOTIGÀMA, NÀDIKÀ, VESALÌ, và BELUVA. Tại đây, đức Phật an cư mùa mưa và viếng thăm đền CAPALA, giảng đường KÙTAGARA, ở MAHAVANA. Rồi đức Phật đi đến BHANDAGÀMA, HATTHIGÀMA, AMBAGÀMA, JAMBUGÀMA, BHOGANAGARA, PÀVA, và cuối cùng là KUSINÀRA.

B. Duyên Khởi:

Sau 45 năm hoằng dương Chánh Pháp, tự thấy đã già yếu, và không còn sống bao lâu nữa, đức Phật đã báo tin trước ngày viên tịch ba tháng và dành những giờ phút cuối cùng căn dặn, nhắn nhủ những giáo lý căn bản cho các đệ tử xuất gia và tại gia của Ngài. Với ý chí sắt đá và dũng mãnh, đức Phật đi bộ trên con đường dài dẳng và khó khăn cùng với vị đệ tử hầu cận thân mến là đại đức ÀNANDA, dùng những ngày tháng cuối cùng và không nghĩ đến sức khỏe của Ngài, chỉ để phục vụ lợi ích chúng sanh,

không phút dừng nghỉ.

C. Chánh Kinh:

Từ RAJÀGAHA (Vương Xá), kinh đô xứ MAGADHA (Ma Kiệt Đà)

I. Đức Phật thuyết Bảy Pháp Bất Thối đem lại cường thịnh cho nước VAJJÌ và Hội Chúng Tỳ Khưu Tăng

Page 76

Vua AJÀTASATTU đang trị vì xứ MAGADHA khởi lên ý tưởng muốn chinh phục đất nước VAJJÌ, nên đã nhờ đại quan SASSAKÀRA đến thỉnh ý đức Thế Tôn để mưu cầu lợi ích. Đức Phật không trả lời thẳng vấn đề, mà chỉ hỏi đại đức ÀNANDA về những đức tính của dân xứ VAJJÌ và gián tiếp chỉ cho thấy sự cường thịnh và hùng mạnh của dân xứ VAJJÌ.

1. Bảy Pháp Bất Thối đem lại cường thịnh cho nước VAJJÌ

- Dân VAJJÌ thường hay tụ hợp và tụ hợp đông đảo với nhau. - Dân VAJJÌ thường tụ hợp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết. - Dân VAJJÌ không ban hành những luật lệ chưa được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống cổ lệ đã được ban hành. - Dân VAJJÌ biết tôn kính, đảnh lễ, cúng dường, và nghe theo lời dạy của các bậc Trưởng Lão VAJJÌ. - Dân VAJJÌ không có bắt cóc, cưỡng ép những phụ nữ và thiếu nữ phải sống với mình. - Dân VAJJÌ biết tôn kính, đảnh lễ, cúng dường các tự miếu nội ngoại thành, không bỏ phế các cuộc cúng lễ đã có từ trước, đã làm từ trước đúng với quy pháp. - Dân VAJJÌ bảo hộ, che chở, ủng hộ đúng pháp các vị A La Hán ở VAJJÌ, khiến cho các vị A La Hán chưa đến sẽ đến trong xứ, và những vị A La Hán đã đến được sống an lạc.

Với Bảy Pháp Bất Thối này sẽ làm cho dân xứ VAJJÌ được cường thịnh, không bị suy giảm, và như thế vua AJÀTASATTU không thể nào chinh phục được, trừ khi dùng ngoại giao hay dùng kế ly gián.

2. Bảy Pháp Bất Thối đem lại cường thịnh cho Hội Chúng Tăng

Nhân dịp này, đức Phật bảo đại đức ÀNANDA đi triệu tập Chư Tỳ Khưu Tăng cư ngụ tại RÀJAGAHA để thuyết giảng Bảy Pháp Bất Thối đem lại lợi ích cho Chư Tăng như sau:

- Chư Tỳ Khưu thường hay tụ hợp và tụ hợp đông đảo với nhau. - Chư Tỳ Khưu thường tụ hợp trong niệm đoàn kết, giải tán trong niệm đoàn kết, và làm việc trong niệm đoàn kết.

Page 77

- Chư Tỳ Khưu không ban hành những luật lệ chưa được ban hành, không hủy bỏ những luật lệ đã được ban hành, sống đúng với truyền thống cổ lệ đã được ban hành. - Chư Tỳ Khưu biết tôn kính, đảnh lễ, cúng dường, và nghe theo lời dạy của các bậc Tôn Túc Trưởng Lão niên cao lạp trưởng. - Chư Tỳ Khưu không bị chi phối bởi Tham Ái, và Tham Ái này tác thành một đời sống khác thời (bị lôi cuốn trong sanh tử luân hồi). -

Chư Tỳ Khưu ưa thích những chỗ độc cư nhàn tịnh. - Chư Tỳ Khưu tự thân an trú chánh niệm, khiến các bạn đồng tu thiện chí chưa đến muốn đến ở, và các bạn đồng tu thiện chí đã đến ở, được sống an lạc.

Với Bảy Pháp Bất Thối này sẽ làm cho Hội Chúng Tỳ Khưu Tăng được cường thịnh, không bị suy giảm.

3. Có Bảy Pháp Bất Thối khác cũng đem lại cường thịnh cho Hội Chúng Tăng

- Chư Tỳ Khưu không ưa thích làm thế sự, không hoan hỷ làm thế sự, không đam mê làm thế sự. - Chư Tỳ Khưu không ưa thích phiếm luận, không hoan hỷ phiếm luận, không đam mê bàn bạc phiếm luận. - Chư Tỳ Khưu không ưa thích ngủ nghỉ. - Chư Tỳ Khưu không ưa thích quần tụ, không hoan hỷ quần tụ, không đam mê quần tụ bè đảng. - Chư Tỳ Khưu không có ác dục vọng, không bị chi phối bởi ác dục vọng. - Chư Tỳ Khưu không bạn hữu ác dục vọng, không thân hữu ác dục vọng, không cộng hành với ác dục vọng. - Chư Tỳ Khưu không dừng ở nửa chừng, giữa sự chứng đạt những quả vị thấp kém, và những quả vị thù thắng.

Cũng với Bảy Pháp Bất Thối này sẽ làm cho Hội Chúng Tỳ Khưu Tăng được cường thịnh, không bị suy giảm.

4. Ngoài ra, còn có Bảy Pháp Bất Thối khác cũng đem lại cường thịnh cho Hội Chúng Tăng

- Tín, Tàm, Quý, Văn, Tấn, Niệm, Tuệ. - Thất Giác Chi.

Page 78

- Vô Thường Tưởng, Vô Ngã Tưởng, Bất Tịnh Tưởng, Nguy Hiểm Tưởng, Xả Ly Tưởng, Ly Dục Tưởng, Diệt Tưởng.

5. Tiếp theo là Sáu Pháp Bất Thối khác cũng đem lại cường thịnh cho Chư Tăng

- Thân Nghiệp từ hòa, Ngữ Nghiệp từ hòa, Ý Nghiệp từ hòa, Lợi hòa đồng huân, Giới hòa đồng tu, Kiến hòa đồng giải. - Giới, Định, Tuệ, Định cùng tu với Giới, Tuệ cùng tu với Định, Tâm cùng tu với Tuệ, giải thoát mọi Lậu Hoặc.

Sau đó, đức Phật cùng với đại đức ÀNANDA và Hội Chúng Tăng đi đến AMBALATTHIKA, trú tại nhà nghỉ mát của Vua, và thuyết Pháp Thoại về Tam Học.

Từ AMBALATTHIKA đi đến NALANDA, trú ở PÀVÀRIKAMBAVANA

II. Lời tán dương của đại đức SÀRIPUTTA về đức Phật

- Đại đức SÀRIPUTTA tán dương trí tuệ của đức Phật với niềm tin kiên quyết cho rằng, “Không thể có Sa Môn hay Bà La Môn nào trong quá khứ hay ở vị lai có thể vĩ đại hơn và sáng suốt hơn đức Thế Tôn về phương diện Chánh Giác.”

- Đức Phật không chấp thuận một lời ca tụng nào do đệ tử Ngài thốt ra. Đức Phật nhắc đại đức SÀRIPUTTA rằng, chính Đại Đức cũng chưa thông suốt trọn vẹn công đức của tất cả chư Phật trong quá khứ và ở vị lai.

- Đại đức SÀRIPUTTA vẫn xác nhận rằng dù Đại Đức không được am hiểu đầy đủ tất cả các bậc Chánh Đẳng Giác trong quá khứ và ở vị lai, tuy nhiên, Đại Đức vẫn giữ ý niệm là chính Đại Đức đã hiểu biết truyền thống về Chánh Pháp, tiến trình mà tất cả chư Phật trong quá khứ và ở vị lai đều phải trải qua trước khi chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, bằng cách diệt trừ Ngũ Triền Cái (mà chúng làm ô nhiễm tâm, khiến cho trí tuệ yếu ớt), đã an trú vào Tứ Niệm Xứ, đã chân chánh tu tập Thất Giác Chi.

Từ NALANDA đi đến PÀTALIGÀMA

Page 79

III. Đức Phật thuyết giảng năm điều nguy hại về sự phạm giới và năm điều lợi ích của sự giữ giới

1. Có năm điều nguy hại của sự phạm giới, sống trái giới luật:

- Tài sản tiền của bị tiêu hao nhiều do sống phóng dật
- Tiếng dữ đồn xa
- Tâm thần dao động, sợ hãi khi vào Hội Chúng đông người
- Tâm Thức sẽ bị rối loạn khi thân hoại mạng chung
- Tái tục vào Khổ Cảnh, Ác Thú, Đọa Xứ, Địa Ngục

2. Có năm điều lợi ích của sự trì giới, giữ giới:

- Tài sản tiền của dồi dào do sống không phóng dật
- Tiếng lành đồn xa
- Tâm tư ổn định, không bị dao động khi vào Hội Chúng đông người
- Tâm Thức không tán loạn khi thân hoại mạng chung
- Tái tục vào Nhàn Cảnh, Thiện Thú, Thiên Giới

* Khi thấy Chư Thiên đến tụ hợp đông đảo tại PÀTALIGÀMA, đức Phật cho biết đó là một sự kiết tường, và trú địa này sau sẽ là một thành thị bậc nhất, một trung tâm thương mãi bậc nhất có tên gọi là PATALIPUTTA, nhưng cũng tại trú địa này về sau sẽ bị ba hiểm nạn về lửa, nước, và chia rẽ bất hòa (phân tranh).

* Nhận lời thỉnh mời về nhà cúng dường vật thực của hai vị đại thần ở xứ MAGADHA, có tên là SUNÌDHA và VASSAKÀRA, đức Phật cùng với đại chúng tỳ khưu đi đến thọ thực. Sau khi thọ thực xong, đức Phật thốt lên kệ tùy hỷ:

“Tại chỗ nào người sáng suốt lấy làm chỗ trú xứ, Hãy nuôi dưỡng người giữ giới và phạm hạnh, Và san sẻ công đức với Chư Thiên trú tại chỗ ấy. Được tôn kính, chúng sẽ tôn kính lại, Được trọng vọng, chúng sẽ trọng vọng lại. Chúng sẽ thương mến người ấy như người mẹ thương mến con một, Và những ai được Chư Thiên thương mến thì luôn luôn được nhiều may mắn.”

Page 80

* Nhân dịp đức Phật đến viếng và đi ra khỏi cửa thành, hai vị đại thần này đặt tên cửa thành là “Cửa GOTAMA.” Đức Phật rời khỏi bến nào thì bến ấy sẽ được đặt tên là “Bến

GOTAMA.” Đức Phật đi đến sông GANGÀ (Sông Hằng), có nhiều người đang chuẩn bị chiếc thuyền để đưa đức Phật cùng đại chúng tỳ khưu qua sông Hằng – lúc bấy giờ bến sông đang ngập nước và định đặt tên cho chiếc thuyền là, “Thuyền GOTAMA,” thì đức Phật cùng với chư tỳ khưu dùng thần thông sang qua bến bờ kia. Đức Phật hiểu được ý nghĩa của cảnh này, liền ứng khẩu lời cảm khái:

“Những ai làm cầu vượt biển trùng dương, bỏ lại đất sủng đầm ao, trong khi người phàm phu đang cột bè, những người ấy quả thật là những vị được trí tuệ giải thoát.”

Từ bờ sông GANGÀ đi đến KOTIGÀMA

Tại nơi đây, đức Phật cho biết, “Chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Tứ Thánh Đế, mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm.”

“Chính vì không thấy như thật Tứ Thánh Đế, nên có sự luân chuyển lâu dài trong nhiều đời. Khi những sự thật này được nhận thức, thì nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt. Khi Khổ Căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.”

Trong thời gian đức Phật ở KOTIGÀMA, Ngài đã thuyết giảng Pháp Thoại cho chúng tỳ khưu về “Giới, Định, Tuệ, Định cùng tu với Giới, Tuệ cùng tu với Định, Tâm cùng tu với Tuệ, giải thoát mọi Lậu Hoặc.”

Từ KOTIGÀMA đi đến NÀDIKÀ

IV. Đức Phật thuyết giảng Pháp Kính (DHAMMÀDÀSA – Gương Chánh Pháp)

* Tại nơi đây, đại đức ÀNANDA vấn hỏi đức Phật về cảnh trạng tương lai của nhiều người (kể cả xuất gia và tại gia) đã quá vãng tại NÀDIKÀ, và đức Phật đã nhẫn nại kể lại từng mỗi cảnh trạng của từng người.

* Mỗi lần có người mệnh chung lại đi đến hỏi đức Phật, với hiện tượng ấy quả thật phiền nhiễu quấy rối Ngài. Do vậy, đức Phật đã thuyết giảng Pháp Kính cho đại đức ÀNANDA để nhận biết được cảnh trạng sẽ đến cho một Thánh đệ tử đã chứng đạt Pháp Nghĩa khi mạng chung.

Page 81

* Pháp Kính hay Gương Chánh Pháp là gương lành của người Thánh đệ tử đã đặt trọn vẹn niềm tin vào Tam Bảo, trau giồi phẩm hạnh cao thượng, với những giới hạnh đưa đến giải thoát, được bậc Thiện Trí Thức tán thán, thoát ly mọi dục vọng trần tục, hướng tâm an chỉ trong Thiền Định, chứng đạt Pháp Nghĩa, do vậy, vị Thánh đệ tử nhận biết viễn ảnh của mình.

“Đối với ta, sẽ không còn Địa Ngục, sẽ không tái tục cõi bàng sanh, ngạ quỷ, ác xứ, ác thú. Ta đã chứng quả Dự Lưu, nhất định không đọa ác đạo, sẽ thành đạt Chánh Giác.”

* Trong thời gian đức Phật ở tại NÀDIKÀ, Ngài đã thuyết giảng Pháp Thoại cho chúng tỳ khưu về: “Giới, Định, Tuệ, Định cùng tu với Giới, Tuệ cùng tu với Định, Tâm cùng tu với Tuệ, giải thoát mọi Lậu Hoặc.”

Từ NÀDIKÀ đi đến thành VESALÌ và trú tại vườn xoài của kỷ nữ AMBAPÀLI

* Vì kỷ nữ AMBAPÀLI rất xinh đẹp và thế nào cũng đến yết kiến, đức Phật khuyên dạy chư tỳ khưu phải luôn chú tâm an trú vào Chánh Niệm và Tỉnh Giác.

* Đức Phật cùng với Hội Chúng Tỳ Khưu nhận lời mời về nhà cúng dường vật thực của AMBAPÀLI và khước từ lời thỉnh mời đến sau của các thanh niên LICCHAVÌ sau khi thọ thực xong.

* Sau khi đức Phật cùng với Hội Chúng Tỳ Khưu đã thọ thực xong, thì kỷ nữ AMBAPÀLI đã phát tâm cúng dường khu vườn xoài của mình và tín thọ lời Pháp Thoại của đức Phật.

* Trong thời gian đức Phật ở tại VESÀLI, Ngài đã thuyết giảng Pháp Thoại cho chúng tỳ khưu về, "Giới, Định, Tuệ, Định cùng tu với Giới, Tuệ cùng tu với Định, Tâm cùng tu với Tuệ, giải thoát mọi Lậu Hoặc."

Từ thành VESÀLI đi đến làng BELUVÀ

Một làng nhỏ bé kế cận, và đức Phật quyết định an cư mùa mưa tại đây.

Page 82

V. Lời kêu gọi của đức Phật đến Hội Chúng Tăng

1. Đức Phật thọ bệnh trầm trọng

* Trong mùa an cư này, đức Phật thọ bệnh trầm trọng, vô cùng đau đớn, cận kề tử vong. Tuy nhiên, đức Phật giữ tâm chánh niệm, tỉnh giác, chịu đựng cơn đau, không chút ta thán.

* Nhận biết đã đến lúc sắp lìa bỏ thế gian, viên tịch Níp Bàn, và không hợp lẽ nếu ra đi mà không một lời với các đệ tử hầu cận, không từ biệt chúng tỳ khưu, do vậy, với sức tinh tấn, đức Phật nhiếp phục căn bệnh, duy trì mạng căn bằng Thiền Định (JÌVITA SANKHÀRAM ADHITTHÀYA) và tiếp tục sống.

* Đại đức ÀNANDA biểu lộ hân hoan ngay sau khi đức Phật lành bệnh, khỏe mạnh lại, được biết rằng Ngài sẽ không diệt độ và nhận lời di giáo của đức Thế Tôn. (Lời khuyên nhủ này rất tế nhị, rất quan trọng, đáng lưu ý, bộc lộ rõ ràng tính chất đặc biệt của Tam Bảo).

2. Đức Phật ngỏ lời di giáo đến Hội Chúng Tăng

"Chúng Tỳ Khưu còn mong mỏi gì nữa ở nơi Như Lai? Như Lai đã giảng Chánh Pháp không có phân biệt trong ngoài (bí truyền và công truyền). Đối với các Pháp, Như Lai không bao giờ là vị Đạo Sư còn nắm tay lại (còn giữ lại một ít bí truyền chưa giảng dạy). Những ai nghĩ rằng, Ta sẽ là vị cầm đầu, lãnh đạo chúng Tỳ Khưu hoặc chúng Tỳ Khưu chịu sự giáo huấn của Ta, thì người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng Tỳ Khưu. Nhưng Như Lai không nghĩ rằng, Ta sẽ là vị cầm đầu, lãnh đạo chúng Tỳ Khưu hoặc chúng Tỳ Khưu chịu sự giáo huấn của Ta, thì làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng Tỳ Khưu."

"Này ÀNANDA, nay Như Lai đã già, đã thành bậc trưởng thượng, đã đến tuổi lâm chung, đã đến tám mươi tuổi. Như cổ xe đã cũ kỷ mà còn chạy được bởi các dây chằng

chịt cột các bộ phận lại. Cũng vậy, thân Như Lai đang duy trì sự sống cũng chính nhờ những sợi dây chằng chịt. Này ÀNANDA, chỉ khi nào Như Lai không suy niệm đến tất cả tướng, với sự diệt trừ một số cảm thọ, chứng và an trú vô tướng tâm định, chính khi ấy thân Như Lai được thoải mái."

Page 83

"Do vậy, này ÀNANDA, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình y tựa chính mình, chớ y tựa một gì khác. Dùng Chánh Pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh Pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác. Này ÀNANDA, thế nào là vị tỳ khưu khéo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, không y tựa một gì khác? Này ÀNANDA, một vị tỳ khưu sống chuyên cần, tinh tấn, tỉnh giác chánh niệm, từ khước mọi tham ái ưu bi trên đời, luôn luôn phát triển tâm định đối với Thân Thọ Tâm Pháp (Tứ Niệm Xứ). Như vậy, vị tỳ khưu khéo tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, chớ y tựa một gì khác. Dùng Chánh Pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh Pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác."

"Này ÀNANDA, những ai sau khi Như Lai viên tịch, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, chớ y tựa một gì khác, dùng Chánh Pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh Pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác, những vị ấy là những vị Tối Thượng trong hàng tỳ khưu của Ta, nếu những vị ấy vẫn tha thiết học hỏi."

Từ VESÀLI đi đến nghỉ trưa tại đền CÀPÀLA

1. Ba lần gợi ý của đức Phật với đại đức ÀNANDA thỉnh nguyện đức Phật ở lại thế gian

* Tại đền CÀPÀLA, đức Phật đã ngỏ lời gợi ý ba lần với đại đức ÀNANDA, nên thỉnh nguyện đức Thế Tôn sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại (kiếp trái đất) vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại.

* Do bởi đức Phật đã thật điêu luyện, đã thật vững chải, đã thật thiện xảo về Tứ Thần Túc, một năng lực phi thường, có thể làm cho kéo dài thêm kiếp sống. Tuy nhiên, lúc bấy giờ Tâm của đại đức ÀNANDA đã bị Ác Ma che ám, nên không hiểu biết được sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của đức Phật, và đã không thỉnh cầu đức Thế Tôn ở lại trên thế gian này.

2. Ác Ma thỉnh nguyện ba lần với đức Phật viên tịch Níp Bàn

Page 84

* Nhân cơ hội ấy, Ác Ma đã đến thỉnh nguyện ba lần với đức Thế Tôn hãy nên viên tịch Níp Bàn vì đã đúng thời và phù hợp với hạnh nguyện của Ngài đã tế độ Tứ Chúng (Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ) được thành tựu viên mãn với Chánh Pháp, sống theo Chánh Pháp, và có thể truyền bá Chánh Pháp một cách thần diệu.

* Đức Thế Tôn đã nhận lời với Ác Ma: "Này Ác Ma hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ."

* Kể từ ngày ấy, tại đền CÀPÀLA, đức Phật chánh niệm tỉnh giác và từ bỏ thọ hành (không duy trì mạng sống lâu hơn nữa), đã làm cho quả địa cầu chấn động ghê rợn, sấm trời vang dậy. Đức Thế Tôn nhận biết ý nghĩa của sự kiện ấy, liền thốt câu kệ cảm khái:

“Mạng sống hữu hạn hay vô hạn,
Tu sĩ từ bỏ không kéo dài.
Nội Tâm chuyên nhất trú thiền định,
Như thoát áo giáp đang mang mặc.”

VI. Đức Phật thuyết giảng về tám nguyên nhân làm cho quả địa cầu chấn động dữ dội

1. Đức Phật thuyết giảng tám nguyên nhân quả địa cầu rung động

(1) Quả địa cầu được hình thành trên nước, nước ở trên gió, và gió ở hư không. Gió lớn khi thổi mạnh làm nổi sóng nước, và khi nước nổi sóng thì quả địa cầu rung động.

(2) Một vị Sa Môn hay Bà La Môn có thần thông, tâm được chế ngự, hoặc Chư Thiên có đại thần thông, có đại uy lực. Những vị này quán thấy địa tánh hữu hạn và thủy tánh vô hạn, vị ấy khiến cho quả địa cầu rung động.

(3) Vị Bồ Tát ở cõi TUSITÀ (Đâu Suất Đà) từ bỏ Thiên Mạng, với chánh niệm tỉnh giác, đi nhập vào Mẫu Thai, khiến cho quả địa cầu rung động.

Page 85

(4) Vị Bồ Tát với chánh niệm tỉnh giác, ra khỏi Mẫu Thai, khiến cho quả địa cầu rung động, chấn động mạnh.

(5) Khi Bồ Tát chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, thì khiến cho quả địa cầu rung động.

(6) Khi đức Phật chuyển bánh xe pháp (Pháp Luân), thì khiến cho quả địa cầu rung động.

(7) Khi đức Phật với chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ không duy trì mạng sống nữa, khiến cho quả địa cầu rung động, chấn động mạnh.

(8) Khi đức Phật viên tịch Vô Dư Y Níp Bàn, thì khiến cho quả địa cầu rung động.

2. Có tám hạng chúng sanh

Chúng Sát Đế Lỵ, chúng Bà La Môn, chúng Cư Sĩ, chúng Sa Môn, chúng Tứ Thiên Vương, chúng Tam Thập Tam Thiên, chúng Ma, chúng Phạm Thiên.

3. Có tám thắng xứ

(1) Một vị quán tưởng nội sắc, thấy rõ ngoại sắc hữu hạn, và rõ biết đã nhiếp thắng chúng.

(2) Một vị quán tưởng nội sắc, thấy rõ ngoại sắc vô hạn, và rõ biết đã nhiếp thắng chúng.

(3) Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy rõ ngoại sắc hữu hạn, và rõ biết đã nhiếp thắng chúng.

(4) Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy rõ ngoại sắc vô hạn, và rõ biết đã nhiếp thắng chúng.

(5) Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy rõ ngoại sắc với hình thể, tướng trạng, sắc thái màu xanh (như bông gai hay lụa BÀRÀNASÌ, với cả hai mặt trơn và láng, có màu xanh), và rõ biết đã nhiếp thắng chúng.

Page 86

(6) Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy rõ ngoại sắc với hình thể, tướng trạng, sắc thái màu vàng (như bông KANIKÀRA hay lụa BÀRÀNASÌ, với cả hai mặt trơn và láng, có màu vàng), và rõ biết đã nhiếp thắng chúng.

(7) Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy rõ ngoại sắc với hình thể, tướng trạng, sắc thái màu đỏ (như bông BANDHUJÌVAKA hay lụa BÀRÀNASÌ, với cả hai mặt trơn và láng, có màu đỏ), và rõ biết đã nhiếp thắng chúng.

(8) Một vị quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy rõ ngoại sắc với hình thể, tướng trạng, sắc thái màu đỏ (như bông OSADHI hay lụa BÀRÀNASÌ, với cả hai mặt trơn và láng, có màu đỏ), và rõ biết đã nhiếp thắng chúng.

4. Có tám giải thoát

a. Tự mình có Sắc, thấy các Sắc Pháp. b. Không biết tự mình có Sắc, thấy các Sắc ngoài tự thân. c. Tâm mạnh hướng đến thanh tịnh. d. Vượt khỏi mọi sắc tưởng, không còn suy tư bất luận một dị loại tưởng với suy tư "Hư Không là vô biên," chứng và trú vào Hư Không Biên Xứ. e. Vượt khỏi Không Vô Biên Xứ, chứng và trú vào Thức Vô Biên Xứ. f. Vượt khỏi Thức Vô Biên Xứ, chứng và trú vào Vô Sở Hữu Xứ. g. Vượt khỏi Vô Sở Hữu Xứ, chứng và trú vào Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. h. Vượt khỏi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứng và trú vào Thiền Diệt (Diệt Thọ Tưởng Định).

* Đức Phật kể lại cuộc đối thoại giữa đức Phật với Ác Ma sau khi Ngài chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, tại URUVELÀ, trên bờ sông NERANJARA, dưới gốc cây AJAPÀLANIGODHA. Ác Ma xin thỉnh đức Thế Tôn hãy nên diệt độ, Vô Dư Y Níp Bàn ngay lúc bấy giờ. Đức Phật đã từ chối vì chưa đúng thời và không phù hợp với hạnh nguyện của Ngài là tế độ Tứ Chúng (Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ) được thành tựu viên mãn với Chánh Pháp, sống theo Chánh Pháp, và có thể truyền bá Chánh Pháp một cách thần diệu. Nhưng ngay hiện tại, mọi việc đã viên

Page 87

thành, đã đúng thời và phù hợp với hạnh nguyện của Ngài đã tế độ Tứ Chúng được thành tựu viên mãn; do đó, đức Phật đã nhận lời thỉnh nguyện của Ác Ma.

* Khi đã biết rõ nguyên nhân làm cho quả địa cầu rung động là điềm báo lời hứa của đức Thế Tôn với Ác Ma chỉ còn ba tháng nữa là Ngài viên tịch Níp Bàn. Đại đức ÀNANDA đã ba lần khẩn khoản thỉnh cầu đức Phật hãy ở lại thế gian vì lợi ích cho

chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại. Tuy nhiên, đã không được đức Phật nhận lời của đại đức ÀNANDA. Và Ngài đã xác nhận đó là lỗi của đại đức ÀNANDA, là khuyết điểm của đại đức ÀNANDA. Sau đó, đức Phật giảng giải về tính cách Vô Thường của đời sống (mọi Pháp Hữu Vi đã có sanh khởi, tồn tại rồi phải chịu biến hoại đúng theo thực tính của Pháp).

Từ CÀPÀLA đi đến giảng đường KÙTÀGÀRA

Vào trú tại khu rừng Đại Lâm và triệu tập tất cả chư tỳ khưu tăng đang cư trú quanh thành VESÀLI.

VII. Những lời di huấn tối hậu của đức Phật đến Hội Chúng Tăng

1. Trau giồi tinh cần Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo

Với Ba Mươi Bảy Pháp nhân sanh quả giác ngộ do chính đức Phật đã chứng ngộ và khéo giảng dạy cho Chư Tỳ Khưu Tăng, thì hội chúng phải khéo học hỏi, thực chứng, tu tập, và phát triển đầy đủ để truyền bá nếp sống Phạm Hạnh cao quý cho được trường tồn, vĩnh cửu vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại.

2. Lời di huấn tối hậu của đức Phật

“Này chư tỳ khưu, đây là lời Ta nhắn nhủ với các người: Các Hành là vô thường. Hãy tinh tấn lên để tự giải thoát. Không bao lâu, Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.” Và đức Thiện Thệ thốt lên bài kệ như sau:

“Ta đã già, dư mạng chẳng còn bao,

Từ biệt các ngươi, Ta đi một mình.
Tự mình làm sở y cho chính mình,
Hãy tinh tấn, chánh niệm, giữ giới luật,
Nhiếp thúc ý chí, bảo hộ tự tâm.
Ai tinh tấn trong Pháp và Luật này,
Sẽ diệt sanh tử, chấm dứt khổ đau.”
Từ giã VESÀLI đi đến làng BHANDAGÀMA

* Tại nơi đây, đức Phật cho biết, “Chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Tứ Thánh Đế, mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm.”

“Chính vì không thấy như thật Tứ Thánh Đế, nên có sự luân chuyển lâu dài trong nhiều đời. Khi những sự thật này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt. Khi Khổ Căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.”

* Sau đó, đức Thiện Thệ thốt lên bài kệ như sau:

“Giới, Định, Tuệ và Giải Thoát vô thượng,

GOTAMA danh xưng đã chứng ngộ.
Đấng Giác Ngộ giảng pháp chúng Tỳ Khưu,
Đạo Sư diệt khổ, Pháp Nhãn Tịnh Lạc."
* Trong thời gian đức Phật ở tại BHANDAGÀMA, Ngài đã thuyết giảng Pháp Thoại cho chúng tỳ khưu về: "Giới, Định, Tuệ, Định cùng tu với Giới, Tuệ cùng tu với Định, Tâm cùng tu với Tuệ, giải thoát mọi Lậu Hoặc."

Từ BHANDAGÀMA đi đến HATTHIGÀMA, AMBAGÀMA, JAMBUGÀMA, BHOGANAGARA, và trú vào đền ÀNANDA

VIII. Đức Phật thuyết bốn Đại Giáo Pháp (MAHÀPADASA – Bốn điều tham chiếu lớn) cho Hội Chúng Tăng

1. Nếu có một vị tỳ khưu nói rằng: "Chính tự thân được nghe từ miệng đức Thế Tôn, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư."

Page 89

Những lời ấy, không nên tán thán, chấp nhận, cũng không hủy báng bác bỏ. Phải thận trọng cân nhắc từng mỗi chữ, mỗi câu, cần phải nghiên cứu học hỏi kỹ lưỡng, và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh Luật, nếu chúng không phù hợp, không tương ứng với Kinh Luật, thì có thể kết luận rằng đây, "Không phải là lời dạy của đức Thế Tôn, và vị tỳ khưu ấy đã thọ giáo sai lầm." Khi đem so sánh với Kinh Luật, nếu chúng phù hợp, tương ứng với Kinh Luật thì có thể kết luận rằng đây, "Chính là lời dạy của đức Thế Tôn, và vị tỳ khưu ấy đã thọ giáo chân chánh."

Đây là Đại Giáo Pháp thứ nhất, và chư tỳ khưu phải thọ trì.

2. Nếu có một vị tỳ khưu nói rằng: "Chính tự thân được nghe từ nơi Tăng Chúng, tự thân lãnh thọ, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư."

Những lời ấy, không nên tán thán, chấp nhận, mà cũng không hủy báng bác bỏ. Phải thận trọng cân nhắc từng mỗi chữ, mỗi câu, cần phải nghiên cứu học hỏi kỹ lưỡng, và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh Luật, nếu chúng không phù hợp, không tương ứng với Kinh Luật, thì có thể kết luận rằng đây, "không phải là lời dạy của đức Thế Tôn, và vị tỳ khưu ấy đã thọ giáo sai lầm." Khi đem so sánh với Kinh Luật, nếu chúng phù hợp, tương ứng với Kinh Luật, thì có thể kết luận rằng đây, "chính là lời dạy của đức Thế Tôn, và vị tỳ khưu ấy đã thọ giáo chân chánh."

Đây là Đại Giáo Pháp thứ hai, và chư tỳ khưu phải thọ trì.

3. Nếu có một vị tỳ khưu nói rằng: "Chính tự thân được nghe từ nhiều vị Trưởng Lão Tôn Túc, là những bậc đa văn quảng kiến, biết gìn giữ truyền thống, trì Pháp, trì Luật, trì Pháp yếu. Chính tự thân lãnh thọ từ những vị Trưởng Lão Tôn Túc đó, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư."

Những lời ấy, không nên tán thán, chấp nhận, mà cũng không hủy báng bác bỏ. Phải thận trọng cân nhắc từng mỗi chữ, mỗi câu, cần phải nghiên cứu học hỏi kỹ lưỡng, và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Page 90

Khi đem so sánh với Kinh Luật, nếu chúng không phù hợp, không tương ứng với Kinh Luật, thì có thể kết luận rằng đây, “Không phải là lời dạy của đức Thế Tôn, và vị tỳ khưu ấy đã thọ giáo sai lầm.” Khi đem so sánh với Kinh Luật, nếu chúng phù hợp, tương ứng với Kinh Luật, thì có thể kết luận rằng đây, “Chính là lời dạy của đức Thế Tôn, và vị tỳ khưu ấy đã thọ giáo chân chánh.”

Đây là Đại Giáo Pháp thứ ba, và chư tỳ khưu phải thọ trì.

4. Nếu có một vị tỳ khưu nói rằng: “Chính tự thân được nghe từ nơi một vị Trưởng Lão Tôn Túc, là bậc đa văn quảng kiến, biết gìn giữ truyền thống, trì Pháp, trì Luật, trì Pháp yếu. Chính tự thân lãnh thọ từ vị Trưởng lão ấy, như vậy là Pháp, như vậy là Luật, như vậy là lời dạy của vị Đạo Sư.”

Những lời ấy, không nên tán thán, chấp nhận, mà cũng không hủy báng bác bỏ. Phải thận trọng cân nhắc từng mỗi chữ, mỗi câu, cần phải nghiên cứu học hỏi kỹ lưỡng, và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật.

Khi đem so sánh với Kinh Luật, nếu chúng không phù hợp, không tương ứng với Kinh Luật, thì có thể kết luận rằng đây, “Không phải là lời dạy của đức Thế Tôn, và vị tỳ khưu ấy đã thọ giáo sai lầm.” Khi đem so sánh với Kinh Luật, nếu chúng phù hợp, tương ứng với Kinh Luật thì có thể kết luận rằng đây, “Chính là lời dạy của đức Thế Tôn, và vị tỳ khưu ấy đã thọ giáo chân chánh.”

Đây là Đại Giáo Pháp thứ tư, và chư tỳ khưu phải thọ trì.

Trong thời gian đức Phật ở tại BHOGANAGARA, Ngài đã thuyết giảng Pháp Thoại cho chúng tỳ khưu về “Giới, Định, Tuệ, Định cùng tu với Giới, Tuệ cùng tu với Định, Tâm cùng tu với Tuệ, giải thoát mọi Lậu Hoặc.”

Từ BHOGANAGARA đi đến PÀVÀ

Khi đi đến PÀVÀ, đức Phật cùng Hội Chúng Tỳ Khưu trú tại vườn xoài của thợ rèn CUNDA. Và tại đây, CUNDA đã cung thỉnh đức Phật cùng chư Tăng về nhà thọ thực. Với tâm rất trong sạch, CUNDA đã cúng dường một món vật

Page 91

thực rất đặc biệt, có tên gọi là SÙKARA MADDAVE đến đức Phật, cùng với những món ăn thượng vị, loại cứng loại mềm.

Theo lời chỉ dạy của đức Phật, món ăn SÙKARA MADDAVE chỉ dâng duy nhất đến đức Phật mà thôi, còn dư sót (tàn thực), thì phải đem chôn vào một lỗ thật sâu dưới lòng đất bởi vì không có một ai, luôn đến Chư Thiên, Ma Giới, Phạm Thiên, có thể tiêu hóa món vật thực này.

Sau khi thọ thực xong, đức Phật lâm trọng bệnh, bệnh lỵ huyết, đau đớn cận kề tử vong. Đức Phật chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại chịu đựng cơn bệnh, và quyết định đi đến vườn KUSINÀRÀ.

Từ PÀVÀ đi đến KUSINÀRÀ

1. Đại đức ÀNANDA dâng nước uống đến đức Phật

* Dừng lại bên đường, đức Phật ngồi dưới một gốc cây và bảo đại đức ÀNANDA đi tìm nước uống vì Ngài đang khát và muốn được uống nước.

* Với ba lần thỉnh cầu của đại đức ÀNANDA với đức Phật, là nên đi tới sông KAKUTTHÀ, cách không xa nơi đức Phật đang ngồi nghỉ, sẽ có nước trong sạch, thuần tịnh. Tuy nhiên, vì đức Phật đang thọ bệnh nặng và đang khát nước; do đó, quả thật rất khó khăn cho đại đức ÀNANDA tìm được nước uống trong một dòng sông cạn, nơi ấy năm trăm cổ xe bò vừa mới đi qua, vẫn còn đục cả nước.

* Nhưng thật kỳ diệu, thật hy hữu, nhờ vào Thần Túc và Uy Lực của đức Phật, khi đại đức ÀNANDA đưa bát vào múc nước, thì nước lại trở thành trong trẻo, sáng lặng, và không còn vẩn đục.

2. Đức Phật tế độ PUKKUSA, và PUKKUSA phát tâm cúng dường y kim sắc đến đức Phật

Lúc bấy giờ, PUKKUSA thuộc dòng họ MALLÀ, đệ tử của ÀLÀRA KÀLÀMA, đang đi trên đường từ KUSINÀRÀ đến PÀVÀ.

PUKKUSA đã đến gần đức Phật và bày tỏ lòng thán phục của mình trước sự trầm tỉnh khác thường của đức Phật. Sau khi nghe đức Phật thuyết về sự

Page 92

thanh tịnh, không xao động của Ngài, PUKKUSA phát tâm tín thọ lời dạy và trọn đời quy ngưỡng vào Tam Bảo.

Kế tiếp, để bày tỏ lòng tôn kính với đức Phật, PUKKUSA xin dâng lên hai bộ y kim sắc vàng chói, và theo lời chỉ dạy của Ngài, PUKKUSA đã dâng một bộ y cho đức Phật, và một bộ y cho đại đức ÀNANDA.

3. Kim thân của đức Phật phún tủa hào quang hai lần trong đời

* Khi đại đức ÀNANDA mặc y kim sắc đặt ở trên thân của đức Phật, thì màu sắc sáng chói của y bị lu mờ đi. Đại Đức lấy làm ngạc nhiên khi thấy nước da của đức Phật sáng chói khác thường.

* Đức Phật cho biết trong hai trường hợp màu da của Ngài trở nên sáng chói rực rỡ lạ thường, đó là:

a. Trong đêm đức Phật chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. b. Trong đêm đức Phật sắp diệt độ, viên tịch Vô Dư Y Níp Bàn.

* Và đức Phật cho biết trong đêm ấy, vào lúc canh ba, Ngài sẽ tịch diệt tại UPAVATTANA ở KUSINÀRÀ trong khu rừng Long Thọ (SÀLA) của tiểu vương quốc

MALLÀ.

4. Đức Phật tắm lần cuối cùng tại dòng sông KAKUTTHÀ

Đức Phật cùng với đại chúng tỳ khưu đi đến con sông KAKUTTHÀ, xuống sông tắm, uống nước sông, rồi lội qua bờ bên kia, đi đến khu rừng xoài, và đức Phật muốn được nằm nghỉ vì đã quá mệt mỏi.

“Đức Phật tự đi đến con sông KAKUTTHÀ,
Con sông chảy trong sáng, mát lạnh và thanh tịnh.
Vị Đạo Sư mỏi mệt, đi dần xuống mé sông,
Như Lai đấng Vô Thượng, ngự trị ở trên đời.
Tắm xong, ước nước xong, lội qua bên kia sông,
Bậc Đạo Sư đi trước, giữa tăng chúng tỳ khưu.
Vừa đi vừa diễn giảng, Chánh Pháp thật vi diệu.
Rồi bậc Đại Sĩ đến tại khu vực rừng xoài,
Cho gọi vị tỳ khưu, tên họ CUNDAKA:
Hãy gấp tư áo lại, trải y cho Ta nằm.
Page 93

Nghe dạy, CUNDAKA lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải y một cách thật mau lẹ.
Bậc Đạo Sư nằm xuống, thân mình thật mệt mỏi,
Tại đấy, CUNDAKA ngồi ngay phía trước mặt.”

5. Hai bữa cơm vô cùng phước báu trong đời của đức Phật

* Sau khi nằm nghỉ một chốc lát, đức Phật nói cho đại đức ÀNANDA được biết rằng, trong đời của Ngài có hai bữa cơm vô cùng phước báu, đó là:

a. Một bữa ăn trước khi đức Phật chứng đắc quả vị Vô Thượng Chánh
Đẳng Giác.
b. Một bữa ăn của đức Phật trước khi diệt độ, viên tịch Vô Dư Y Níp
Bàn.
* Hai bữa ăn này có đồng một quả báo, có đồng một dị thục quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

* Đức Phật dạy bảo đại đức ÀNANDA cần phải làm tiêu tan sự hối hận của thợ rèn CUNDA, về bữa ăn cuối cùng, và đức Phật thọ bệnh lỵ huyết. Đây là bữa ăn có nhiều phước báu, và việc cúng dường của CUNDA sẽ có nhiều phước báu, đó là:

(1) Được hưởng tuổi thọ
(2) Được hưởng sắc đẹp
(3) Được hưởng sự an lạc
(4) Được hưởng danh thơm tiếng tốt
(5) Được hưởng thọ sanh Thiên Giới

(6) Được hưởng đầy đủ uy quyền
* Sau đó, đức Phật thốt lên một bài kệ cảm khái:

“Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng.
Trừ được Tâm hận thù,
Không chất chứa, chế ngự.
Kẻ chí thiện từ bỏ,
Mọi ác hạnh bất thiện.
Page 94

Diệt trừ Tham Sân Si, Tâm giải thoát thanh tịnh.”

Vượt qua bờ sông HIRANNAVATI đi đến UPAVATTANA ở KUSINÀRÀ trong khu rừng Long Thọ (SÀLA) của tiểu vương quốc MALLÀ

* Đức Phật nằm an nghỉ giữa hai tàng cây Long Thọ, đầu hướng về phía Bắc, với hình dáng nằm của con sư tử, hai chân để lên nhau, chánh niệm, và tỉnh giác.

* Nhìn những bông hoa Long Thọ trổ hoa trái mùa, những thiên hoa MANDÀRAVA từ trên hư không rơi xuống cùng khắp và tung vãi trên kim thân của đức Phật để cúng dường Ngài. Bột trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, gieo khắp, và tung vãi trên kim thân của đức Phật. Những tiếng nhạc từ Thiên Giới trổi dậy để cúng dường Ngài. Đức Phật dạy đại đức ÀNANDA nên biết rằng: “Như vậy không thực là tôn kính, kính cẩn, sùng bái, và làm vẻ vang Như Lai.”

* Chỉ có người đệ tử nào (trong Tứ Chúng) thành tựu Chánh Pháp và Tùy Pháp, sống chân chánh trong Chánh Pháp, và hành trì đúng Chánh Pháp thì người đệ tử ấy đúng thực là tôn trọng, kính cẩn, sùng bái, làm vẻ vang đức Phật, và cúng dường đức Phật với sự cúng dường tối thượng.

IX. Đức Phật dạy đại đức ÀNANDA nên làm những việc nên làm sau khi Ngài đã viên tịch

* Đức Phật dạy đại đức UPAVÀNA hãy tránh qua một bên, không nên đứng trước mặt Ngài, vì Chư Thiên ở khắp mười phương thế giới đang tụ hội để chiêm ngưỡng Ngài, cho đến mười hai do tuần quanh khu rừng KUSINÀRÀ UPAVATTANA, Chư Thiên đã tụ hội lại chật ních khắp cả khu rừng.

1. Bốn Thánh Tích cần phải chiêm ngưỡng và tôn kính

a. Nơi Bồ Tát đản sanh (tại vườn LUMBINI) b. Nơi Bồ Tát chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác (tại
BODHIGÀYA).
c. Nơi đức Phật chuyển Pháp Luân Vô Thượng (tại Lộc Uyển
ISIPATANA).
Page 95

d. Nơi đức Phật viên tịch Níp Bàn (tại KUSINÀRÀ).

* Và những ai trong khi đi chiêm bái những Thánh Tích mà từ trần với tâm thâm tín hoan hỷ, thì những vị ấy sau khi thân hoại mạnh chung, sẽ được thọ sanh về Thiên Giới.

2. Phải biết cách cư xử với nữ giới

- Không nên nhìn người nữ - Nếu đã nhìn, thì không nên nói chuyện - Khi đã nói chuyện, thì phải an trú trong Chánh Niệm

3. Cung kính và xử sự Ngọc Xá Lợi đức Phật

- Hạng người xuất gia không phải quá lo lắng vấn đề cung kính Thân Xá Lợi. Hãy nên nỗ lực, hãy tinh tấn hướng về tự độ, sống không phóng dật, cần mẫn, chuyên hướng về tự độ.

- Hãy để hạng người tại gia, hạng học giả Sát Đế Lỵ, hạng học giả Bà La Môn, hạng học giả Cư Sĩ thâm tín, với niềm tin vững chắc với đức Phật, lo phần cung kính cúng dường Thân xá Lợi của đức Phật.

- Xử sự nhục thể đức Phật như cách xử sự Thân Chuyển Luân Thánh Vương. Pháp táng Thân đức Phật tương tự Pháp táng của Chuyển Luân Thánh Vương. Giàn hỏa thiêu được đặt tại ngã tư đường.

- Tháp của đức Phật phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đến cúng dường hương hoa và lễ vật cung kính, hoặc khởi tâm hoan hỷ khi đứng trước bảo tháp, thì những vị này sẽ được hưởng nhiều phước báu lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

4. Có bốn hạng người đáng được xây Tháp tôn kính

a. Đức Chánh Đẳng Giác b. Đức Độc Giác Phật c. Bậc Thinh Văn A La Hán d. Bậc Chuyển Luân Thánh Vương

Page 96

* Lúc bấy giờ, đại đức ÀNANDA đi vào Tinh Xá, dựa trên cột cửa, và đứng khóc than: “Ta nay vẫn còn là kẻ hữu học, còn phải lo tu tập. Nay bậc Đạo Sư của Ta sắp diệt độ, còn ai thương tưởng Ta nữa.”

* Đức Phật khuyên nhủ và thọ ký đại đức ÀNANDA:

“ Này ÀNANDA, chớ có buồn rầu, chớ có khóc than, Mọi vật ái luyến, tốt đẹp đều phải sanh biệt, tử biệt, và dị biệt, Các Pháp sanh, trú hữu vi, biến hoại, và bị tiêu diệt. Này ÀNANDA đã lâu nay, ngươi đối với Như Lai:

- Với Thân Nghiệp đầy lòng Từ Ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng - Với Ngữ Nghiệp đầy lòng Từ Ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng - Với Ý Nghiệp đầy lòng Từ Ái, lợi ích, an lạc, có một không hai, vô lượng

Này ÀNANDA, ngươi là người tác thành công đức. Hãy cố gắng tinh tấn lên, Ngươi sẽ chứng bậc Vô Lậu, không bao lâu đâu.”

5. Đức Phật tán dương bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu của đại đức ÀNANDA, tương xứng với một bậc Chuyển Luân Thánh Vương

a. Chúng Tỳ Khưu Tăng luôn hoan hỷ khi được yết kiến đại đức ÀNANDA. b. Chúng Tỳ Khưu Tăng luôn hoan hỷ khi được đại đức ÀNANDA thuyết pháp và sẽ thất vọng khi Đại Đức làm thinh. c. Hạng Tỳ Khưu Ni, Cư Sĩ tại gia luôn hoan hỷ khi được yết kiến đại đức ÀNANDA. d. Hạng Tỳ Khưu Ni, Cư Sĩ tại gia luôn hoan hỷ khi được đại đức ÀNANDA thuyết pháp và sẽ thất vọng khi Đại Đức làm thinh.

* Thế rồi, đức Phật bảo với đại đức ÀNANDA đi vào thành KUSINÀRÀ báo tin cho hoàng tộc MALLÀ và dân chúng được biết về sự viên tịch Níp Bàn của Ngài. Tất cả mọi người hay tin đều khóc than và đã dìu dắt nhau đi đến đảnh lễ đức Phật.

Page 97

X. Đức Phật tế độ SUBHADDA trở thành người đệ tử cuối cùng

* Du sĩ ngoại đạo SUBHADDA đến vấn hỏi đức Phật về sự giác ngộ ở các vị Giáo Chủ ngoại đạo.

* Đức Phật cho biết rằng trong Pháp Luật nào không có Bát Thánh Đạo thì không thể có Đệ Nhứt Sa Môn, Đệ Nhị Sa Môn, Đệ Tam Sa Môn, và Đệ Tứ Sa Môn. Trong Pháp Luật có Bát Thánh Đạo thì có Đệ Nhứt Sa Môn, Đệ Nhị Sa Môn, Đệ Tam sa Môn, và Đệ Tứ Sa Môn.

* Những hệ thống ngoại đạo đều không có những Sa Môn. Một vị tỳ khưu với đời sống chân chánh dẫn đến thành tựu quả vị A La Hán.

“Này SUBHADDA năm hai mươi chín,
Ta xuất gia hướng tìm chân Thiện Đạo.
Trải năm mươi năm với thêm một năm,
Ta là du sĩ tu Trí tu Đức.”

* Với Pháp Thoại đã được đức Thế Tôn khéo thuyết giảng, đã làm cho du sĩ ngoại đạo SUBHADDA tỏ niềm tịnh tín, xin quy y Tam Bảo, và xin được xuất gia thọ Cụ Túc Giới với trường hợp hoàn toàn cá biệt, không phải trải qua một thời gian sống bốn tháng biệt trú. Và đại đức ÀNANDA đã làm lễ xuất gia cho SUBHADDA.

* Đại đức SUBHADDA độc cư, an tịnh, không phóng dật, tinh tấn, sống nhiệt tâm, cần mẫn. Và không bao lâu, đại đức SUBHADDA chứng đắc quả vị A La Hán và là vị đệ tử cuối cùng được đức Phật tế độ.

XI. Những lời dạy tối hậu cho đại đức ÀNANDA

* Sau khi đức Phật viên tịch, thì Chư Tăng hãy lấy Pháp và Luật làm Đạo Sư.

* Chư tỳ khưu xưng hô nhau theo hạ lạp. Vị tỳ khưu niên lão, hãy gọi vị tỳ khưu niên thiếu, hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền Giả (ÀVÙSO). Vị tỳ khưu niên thiếu gọi vị tỳ khưu niên lão là Tôn Giả (BHANTE).

Page 98

* Sau khi đức Phật viên tịch, hãy sám hối tội Phạm Đàn (BRAHMADANDA) với tỳ khưu CHANNA. (Hình thức là không tiếp xúc, sẽ không nói chuyện, sẽ không giảng dạy, sẽ không giáo giới).

* Chư Tỳ Khưu còn điều nào hoài nghi phân vân về Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo, Đạo, hay Phương Pháp, thì hãy nên hỏi ra và chớ để hối tiếc về sau. Đức Phật hỏi đến ba lần về câu hỏi này, nhưng tất cả Chư Tỳ Khưu đều làm thinh, có ý không nghi ngờ điều chi vì trong 500 vị Tỳ Khưu đang hiện hữu, đều là Thánh Tăng, bậc thấp nhất là bậc Dự Lưu, không còn đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh Giác.

* Và cuối cùng là lời tối hậu của đức Phật cho Chư Tỳ Khưu Tăng:

“Này các tỳ khưu, nay Ta khuyên dạy các ngươi: Các Pháp Hữu Vi là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có phóng dật.” Đức Phật gom cả lời giáo huấn trong 45 năm vào một câu “Chớ có phóng dật” (APPAMÀDO) để nhắc nhở các vị tỳ khưu đừng để vui, giải đãi trên đường tự tu, tự độ.

* Từ đó trở đi, đức Phật không còn nói câu nào nữa, lấy Níp Bàn làm đề mục. Khởi đầu, nhập Sơ Thiền, đến Diệt Thọ Tưởng Định. Rồi từ Diệt Thọ Tưởng Định trở lại Sơ Thiền. Và từ Sơ Thiền trở lại Tứ Thiền, xuất khỏi Tứ Thiền, tức thì đức Thế Tôn viên tịch. Khi đức Phật diệt độ, làm chấn động quả địa cầu khủng khiếp, sấm trời vang động, báo động đức Thế Tôn đã Vô Dư Y Níp Bàn.

* Đại Phạm Thiên SAHAMPATI thốt lên bài kệ:

“Chúng sanh ở trên đời, từ bỏ thân ngũ uẩn, Bậc Đạo Sư cũng vậy, đấng Tuyệt Luân trên đời. Bậc Đại Hùng giác ngộ, Như Lai đã diệt độ.”

* Thiên Chủ SAKKA (Thiên Chủ Đao Lợi Thiên) thốt lên bài kệ:

“Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt.
Đã sanh, chúng phải diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.”
* Đại Đức ANURUDDHA thốt lên bài kệ:

Page 99

“Không phải thở ra vào,
Chính tâm trú chánh định.
Không tham ái tịch tịnh,
Tu sĩ hướng diệt độ.
Chính tâm tịnh bất động,
Nhẫn chịu mọi cảm thọ.
Như đèn sáng bị tắt,
Tâm giải thoát hoàn toàn.”
* Đại Đức ÀNANDA thốt lên bài kệ:

“Thật kinh khủng bàng hoàng,
Thật râu tóc dựng ngược.
Khi bậc Toàn Thiện Năng,
Bậc Giác Ngộ viên tịch.”
XII. Lễ trà tỳ và phân chia Ngọc Xá Lợi

1. Lễ Trà Tỳ Kim Thân Đức Phật

* Vâng lời đại đức ANURUDDHA, đại đức ÀNANDA cùng một thị giả vào thành KUSINÀRÀ báo tin sự viên tịch của đức Phật cho toàn dân MALLÀ.

* Toàn dân MALLÀ ở KUSINÀRÀ thiết lễ long trọng cúng dường đức Phật kéo dài suốt sáu ngày.

* Đến ngày thứ bảy, tám vị Tộc Trưởng MALLÀ gội đầu và mặc áo mới với ý định khiêng kim thân đức Thế Tôn ra ngoài thành về phía Nam, nhưng phải đổi ý định để phù hợp với Chư Thiên là về phía Bắc của thành, đi qua Trung Tâm của thành, rồi rẽ về phía Đông cửa thành, đi tới đền của dân MALLÀ, có tên là MAKUTA BANDHANA, và sẽ làm hỏa thiêu tại nơi đấy.

* Xử sự nhục thể đức Phật như cách xử sự Thân Chuyển Luân Thánh Vương. Pháp táng Thân đức Phật tương tự Pháp táng của Chuyển Luân Thánh Vương. Giàn hỏa thiêu được đặt tại ngã tư đường. Tháp của đức Phật phải được dựng lên tại ngã tư đường. Và những ai đến

Page 100

cúng dường hương hoa và lễ vật cung kính, hoặc khởi tâm hoan hỷ khi đứng trước bảo tháp, thì những vị này sẽ được hưởng nhiều phước báu lợi ích, hạnh phúc lâu dài.

* Sau khi hoàn tất, cả bốn vị Tộc Trưởng MALLÀ gội đầu, mặc áo mới với ý định châm lửa thiêu giàn hỏa đức Thế Tôn, nhưng lửa không phát cháy, vì ý định của Chư Thiên muốn chờ đại đức MAHÀ KASSAPA cùng 500 vị tỳ khưu đang đi giữa đường từ PÀVÀ đến KUSINÀRÀ đến cúi đầu đảnh lễ đức Phật lần sau cuối.

* Khi đại đức MAHÀ KASSAPA và 500 vị tỳ khưu cúi đầu đảnh lễ chân của đức Phật xong, thì lửa tự phát cháy, tất cả đều cháy sạch, không có tro bụi, và chỉ còn lại duy nhất là Ngọc Xá Lợi.

* Kim Thân đức Thế Tôn vừa thiêu cháy xong, thì có một dòng nước từ hư không chảy xuống tưới tắt giàn hỏa, và một dòng nước từ kho nước phun lên cùng tưới tắt giàn hỏa, cùng với mọi người dân MALLÀ dùng nước hoa, hương thơm tưới vào giàn hỏa. Sau đó, người dân MALLÀ của xứ KUSINÀRÀ đã thu lượm Xá Lợi đức Phật đặt trong giảng đường và cúng dường long trọng trong suốt bảy ngày.

2. Bà La Môn DONA phân chia Ngọc Xá Lợi đức Phật

* Nghe tin đức Phật đã viên tịch thì có cả bảy nước ở các vùng lân cận quanh xứ MALLÀ đều mong muốn có được Ngọc Xá Lợi để tạo Tháp tôn thờ, bày tỏ lòng cung

kính. Đó là:

(1) Vua AJÀTASATTU VEDEHIPUTTA của xứ MAGADHA
(2) Dân LICCHAVÌ ở VESÀLI
(3) Dân SAKYÀ ở KAPILAVATTHU
(4) Dân BULI ở ALLAKAPPA
(5) Dân KOLIYA ở RÀMAGÀMA
(6) Bà La Môn VETHADÌPAKA ở VETHADÌPA
(7) Dân MALLÀ ở PÀVÀ
* Bà La Môn DONA thưa với tất cả đại chúng như sau:

“Tôn Giả, hãy nghe lời tôi nói, Phật dạy chúng ta phải kham nhẫn.

Page 101

Thật không tốt nếu có tranh giành,
Khi chia Xá Lợi bậc Thượng Nhân.
Chúng ta hãy đoàn kết nhất tâm,
Hoan hỷ chia Xá Lợi tám phần.
Chúng ta hãy dựng Tháp mọi phương,
Đại Chúng mười phương tin Pháp Nhãn.”
* Người dân MORIYÀ ở PIPPHALIVANA nghe tin nhưng lại đến trễ; do đó, chỉ còn lấy những tro than còn lại.

* Như thế, chỉ có tám Tháp Xá Lợi được tôn thờ:

(1) Vua AJÀTASATTU ở xứ MAGADHA xây dựng Tháp thờ Xá Lợi tại RÀJAGAHA và tổ chức lễ cúng dường.

(2) Người dân LICCHAVÌ ở VESÀLI xây dựng Tháp thờ Xá Lợi tại VESÀLI và tổ chức lễ cúng dường.

(3) Người dân SAKYA ở KAPILAVATTHU xây dựng Tháp thờ Xá Lợi tại KAPILA-VATTHU và tổ chức lễ cúng dường.

(4) Người dân BULI ở ALLAKAPPA xây dựng Tháp thờ Xá Lợi tại ALLAKAPPA và tổ chức lễ cúng dường.

(5) Người dân KOLIYA ở RÀMAGÀMA xây dựng Tháp thờ Xá Lợi tại RÀMAGÀMA và tổ chức lễ cúng dường.

(6) Bà La Môn VETHADÌPAKA ở VETHADÌPA xây dựng Tháp thờ Xá Lợi tại VETHADÌPA và tổ chức lễ cúng dường.

(7) Người dân MALLÀ ở PÀVÀ xây dựng Tháp thờ Xá Lợi tại PÀVÀ và tổ chức lễ cúng dường.

(8) Người dân MALLÀ ở KUSINÀRÀ xây dựng Tháp thờ Xá Lợi tại KUSINÀRÀ và tổ chức lễ cúng dường.

* Tháp thứ chín là thờ cái bình đựng Xá Lợi do Bà La Môn DONA xây dựng và tổ chức lễ cúng dường.

Page 102

* Tháp thứ mười là thờ than tro Xá Lợi do người dân MORIYÀ ở PIPPHALIVANA xây dựng Tháp trên những than tro và tổ chức lễ cúng dường.

Đó là truyền thống thời xưa như vậy.

D. Kết Luận:

Kệ cảm thán của đại đức ÀNANDA trước các Tháp thờ Ngọc Xá Lợi đức Phật:

“Đấng Pháp Nhãn Vô Thượng,
Xá Lợi phân tám phần.
Bảy phần được cúng dường,
Tại JAMBUDÌPA (Nam Thiện Bộ Châu).
Một phần Long Vương cúng,
Tại RÀMAGÀMA.
Một răng Phật được cúng,
Tại cõi Tam Thiên Giới.
Một tại GANDHÀRA,
Một tại KALINGA,
Một răng Vua Long Vương,
Tự mình riêng cúng dường.
Quả đất được chói sáng,
Với hào quang Xá Lợi,
Với lễ vật cúng dường.
Hạng thượng phẩm, thượng đẳng,
Xá Lợi đấng Pháp Nhãn,
Như vậy được cúng dường,
Bởi những bậc tôn trọng.
Cung kính lễ cúng dường,
Bởi Thiên, Long, Nhân chủ,
Bởi bậc Tối Thượng Nhân.
Các ngươi hãy chắp tay,
Cung kính lễ cúng dường.
Khó thay sự chiêm ngưỡng,
Tôn nhan bậc Như Lai.
Trải nhiều nhiều trăm kiếp,
May lắm được một lần.”

Page 103

----------00000----------

BÀI 17: KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG (MAHÀ SUDASSANA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho đại đức ÀNANDA tại UPAVATTANA, ở KUSINÀRÀ, trong rừng SÀLA của dòng họ MALLÀ, giữa hai cây SÀLA – Long Thọ, khi Ngài sắp viên tịch Níp Bàn.

B. Duyên Khởi:

Đại đức ÀNANDA thỉnh nguyện đức Phật nên lựa chọn một đô thị khác, tốt đẹp và to lớn, để viên tịch. Đức Phật đã kể lại câu chuyện của Đại Thiện Kiến Vương với kinh đô KUSAVÀTI rất huy hoàng tráng lệ của thuở xưa, mà nay chính là kinh thành KUSINÀRÀ.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Vua Đại Thiện Kiến với kinh đô KUSÀVATI

1. Kinh Đô KUSÀVATI

* Kinh thành KUSÀVATI rất rộng lớn, phía Đông và phía Tây rộng đến mười hai do tuần, còn phía Bắc và phía Nam rộng đến bảy do tuần.

* Kinh đô KUSÀVATI rất phồn thịnh, phú cường, dân cư đông đúc, Thiên Chúng sung mãn, thực phẩm phong phú.

* Kinh đô KUSÀVATI, ngày cũng như đêm, luôn vang dậy mười loại tiếng:

(1) Tiếng Voi, (2) Tiếng Ngựa, (3) Tiếng Xe, (4) Tiếng Trống Lớn, (5) Tiếng Trống Nhỏ, (6) Tiếng Tỳ Bà, (7) Tiếng Ca Hát, (8) Tiếng Chập Chõa, (9) Tiếng Chuông, (10) Tiếng gọi nhau ăn uống vui chơi.

* Kinh đô KUSÀVATI có bảy bức tường thành bao bọc: (1) Một loại bằng vàng, (2) Một loại bằng bạc, (3) Một loại bằng lưu ly, (4) Một

loại bằng thủy tinh, (5) Một loại bằng san hô, (6) Một loại bằng xa cừ, (7) Một loại bằng mọi thứ báu.

* Kinh đô KUSÀVATI có bốn loại cửa: (1) Một loại bằng vàng, (2) Một loại bằng bạc, (3) Một loại bằng lưu ly, (4) Một loại bằng thủy tinh. Tại mỗi cửa, có dựng bảy cột trụ, bề cao bằng khoảng ba hay bốn lần thân người:

(1) Một cột trụ bằng vàng, (2) Một cột trụ bằng bạc, (3) Một cột trụ bằng lưu ly, (4) Một cột trụ bằng thủy tinh, (5) Một cột trụ bằng san hô, (6) Một cột trụ bằng xa cừ, (7) Một cột trụ bằng mọi thứ báu.

* Kinh đô KUSÀVATI có bảy hàng SÀLA Long Thọ bao bọc: (1) Một hàng bằng vàng, (2) Một hàng bằng bạc, (3) Một hàng bằng lưu ly, (4) Một hàng bằng thủy tinh, (5) Một hàng

bằng san hô, (6) Một hàng bằng xa cừ, (7) Một hàng bằng mọi thứ báu.

- Cây SÀLA bằng vàng có thân cây bằng vàng, có lá và trái cây bằng bạc. - Cây SÀLA bằng bạc có thân cây bằng bạc, có lá và trái cây bằng vàng. - Cây SÀLA bằng lưu ly có thân cây bằng lưu ly, có lá và trái cây bằng thủy tinh. - Cây SÀLA bằng thủy tinh có thân cây bằng thủy tinh, có lá và trái cây bằng lưu ly. - Cây SÀLA bằng san hô có thân cây bằng san hô, có lá và trái cây bằng xa cừ. - Cây SÀLA bằng xa cừ có thân cây bằng xa cừ, có lá và trái cây bằng san hô. - Cây SÀLA bằng mọi loại báu có thân cây bằng mọi loại báu, có lá và trái cây bằng mọi loại báu.

Khi những hàng cây SÀLA này được gió rung chuyển, một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Cũng ví như năm loại nhạc khí, khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly.

2. Vua Đại Thiện Kiến là một vị Chuyển Luân Vương

Page 105

* Trị vì khắp thiên hạ theo Chánh Pháp, có đủ bảy món báu vật, và Tứ Như Ý Đức.

* Bảy món Báu Vật:

(1) Thiên Luân Báu: Có đủ một ngàn căm xe, đầy đủ mọi bộ phận, với vành xe, trục xe. Mỗi khi Thiên Luân Báu lăn đến phương nào, thì thảy đều thuộc lãnh thổ của vua Đại Thiện Kiến, và tất cả mọi nơi ấy đều vâng theo lời giáo huấn của đức Vua mà lo tu tập, thọ trì ngũ giới, và trau giồi những công việc thích nghi. Khi Thiên Luân Báu trở về Kinh Đô, đứng trước Pháp Đình, trên cửa nội cung, như một trang bảo vật, cho nội cung của vua Đại Thiện Kiến.

(2) Voi Báu: Thuần trắng, bảy xứ kiên cường, có thần lực, bay được trên hư không, có tên là UPOSATHA.

(3) Ngựa Báu: Thuần trắng, đầu và bườm ngựa màu đen, có thần lực, bay được trên hư không, có tên là VALÀHAKA.

(4) Châu Báu: Ngọc Lưu Ly (MANI) thuần chất, trong suốt, có tám mặt, khó dũa mài, thanh tịnh, hoàn hảo mọi phương diện, sáng chói cả ngày và đêm khắp một do tuần.

(5) Nữ Nhân Báu: Khả ái mỹ miều, cử chỉ đoan trang, dung sắc tuyệt mỹ sánh cùng Thiên Sắc, dáng dấp vừa tầm, thân xúc nữ báu êm dịu như nhung, thân nữ báu luôn tỏa mùi thơm chiên đàn, miệng tỏa mùi thơm hoa sen. Nữ báu luôn thức dậy trước và ngủ sau vua Đại Thiện Kiến, mọi hành động luôn làm Vua thỏa thích, yên lành khả ái. Nữ báu không có một tư tưởng nào bất tín với vua Đại Thiện Kiến huống nữa là thân thể, luôn chung thủy.

(6) Cư Sĩ Báu: Chứng được Thiên Nhãn do Nghiệp dị thục sanh và nhờ Thiên Nhãn này có thể thấy chỗ chôn cất châu báu có chủ hay không có chủ. Luôn luôn giúp ích lợi cho Vua được nhiều việc. (7) Tướng Quân Báu: Đa văn quảng kiến, thông minh sáng suốt, có khả năng khuyến cáo và cố vấn cho Vua những điều lợi ích, cùng ngăn ngừa những điều nguy hại.

Page 106

* Tứ Như Ý Đức:

Đẹp trai, khả ái, khôi ngô tuấn tú, cử chỉ thanh lịch, thấy xa hơn mọi người Tuổi thọ cao niên hơn mọi người Thiểu bệnh, khinh an, thắng xa hơn mọi người. Được các Bà La Môn và gia chủ ái kính và yêu mến, như người cha được những con người ái kính, yêu mến.

* Vua Đại Thiện Kiến cho xây dựng thật nhiều hồ sen với đủ các loại hoa sen, hồng liên, bạch liên, thanh liên, huỳnh liên, và tạo đủ các điều kiện cho người dân hưởng thụ được Ngũ Dục Lạc.

* Thiên Chủ SAKKA nói với thiên tử VISSAKAMMA đi xây dựng một lâu đài có tên là DHAMMA, cho vua Đại Thiện Kiến. Lâu đài DHAMMA với bề dài về hướng Đông và hướng Tây đến một do tuần, còn về hướng Bắc và hướng Nam đến nửa do tuần. Nền nhà của lâu đài DHAMMA cao đến ba thân người và làm bằng ba loại gạch: (1) Một loại bằng vàng, (2) Một loại bằng lưu ly, (3) Một loại bằng thủy tinh.

Lâu đài DHAMMA có 84,000 cột trụ, được làm bằng bốn loại: (1) Một loại bằng vàng, (2) Một loại bằng bạc, (3) Một loại bằng lưu ly, (4) Một loại bằng thủy tinh.

Lâu đài DHAMMA có đến bốn loại sàng tọa: (1) Một loại bằng vàng, (2) Một loại bằng bạc, (3) Một loại bằng lưu ly, (4) Một loại bằng thủy tinh.

Lâu đài DHAMMA có 24 tầm cấp, được làm bằng bốn loại: (1) Một loại bằng vàng, (2) Một loại bằng bạc, (3) Một loại bằng lưu ly, (4) Một loại bằng thủy tinh.

- Tầm cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. - Tầm cấp bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng.

Page 107

- Tầm cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chắn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh. - Tầm cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chắn ngang và đầu trụ bằng lưu ly.

Lâu đài DHAMMA có 84,000 phòng ốc, được làm bằng bốn loại: (1) Một loại bằng vàng, (2) Một loại bằng bạc, (3) Một loại bằng lưu ly, (4) Một loại bằng thủy tinh.

- Trong phòng ốc bằng vàng có chỗ nằm bằng bạc được trải ra. Tại cửa phòng ốc bằng vàng, có dựng lên một cây SÀLA bằng bạc, với thân cây bằng bạc, với lá và trái cây bằng vàng. - Trong phòng ốc bằng bạc có chỗ nằm bằng vàng được trải ra. Tại cửa phòng ốc bằng bạc, có dựng lên một cây SÀLA bằng vàng, với thân cây bằng vàng, với lá và trái cây bằng bạc. - Trong phòng ốc bằng lưu ly có chỗ nằm bằng ngà được trải ra. Tại cửa phòng ốc bằng lưu ly, có dựng lên một cây SÀLA bằng thủy tinh, với thân cây bằng thủy tinh, với lá và trái cây bằng lưu ly. - Trong phòng ốc bằng thủy tinh có chỗ nằm bằng san hô được trải ra. Tại cửa phòng ốc bằng thủy tinh, có dựng lên một cây SÀLA bằng lưu ly, với thân cây bằng lưu ly, với lá và trái cây bằng thủy tinh.

Trước cửa phòng Lầu Đại Trang Nghiêm, vua Đại Thiện Kiến cho dựng lên một rừng cây SÀLA toàn bằng vàng, và tại đây Vua ngồi an tọa ban ngày.

Lâu đài DHAMMA được hai dãy lan can bao bọc, một dãy bằng vàng, một dãy bằng bạc.

- Lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. - Lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng.

Lâu đài DHAMMA có hai màn lưới chuông linh, một màn bằng vàng, một màn bằng bạc.

- Màn lưới bằng vàng có chuông linh bằng bạc. - Màn lưới bằng bạc có chuông linh bằng vàng.

Page 108

Khi những màn lưới chuông này được gió rung chuyển, một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Cũng ví như năm loại nhạc khí, khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly.

Lâu đài DHAMMA luôn chói sáng ngày cũng như đêm. Trước mặt lâu đài được xây dựng một hồ sen có tên gọi là DHAMMA.

Hồ sen DHAMMA với bề dài về hướng Đông và hướng Tây đến một do tuần. Về hướng Bắc và hướng Nam đến nửa do tuần. Hồ sen DHAMMA có đến bốn loại gạch: (1) Một loại bằng vàng, (2) Một loại bằng bạc, (3) Một loại bằng lưu ly, (4) Một loại bằng thủy tinh.

Hồ sen DHAMMA có 24 tầm cấp, được làm bằng bốn loại: (1) Một loại bằng vàng, (2) Một loại bằng bạc, (3) Một loại bằng lưu ly, (4) Một loại bằng thủy tinh.

- Tầm cấp bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. - Tầm cấp bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng. - Tầm cấp bằng lưu ly có cột trụ bằng lưu ly, có chắn ngang và đầu trụ bằng thủy tinh. - Tầm cấp bằng thủy tinh có cột trụ bằng thủy tinh, có chắn ngang và đầu trụ bằng lưu ly.

Hồ sen DHAMMA được hai dãy lan can bao bọc, một dãy bằng vàng, một dãy bằng bạc.

- Lan can bằng vàng có cột trụ bằng vàng, có chắn ngang và đầu trụ bằng bạc. - Lan can bằng bạc có cột trụ bằng bạc, có chắn ngang và đầu trụ bằng vàng.

Hồ sen DHAMMA có bảy hàng SÀLA Long Thọ bao bọc: (1) Một hàng bằng vàng, (2) Một hàng bằng bạc, (3) Một hàng bằng lưu ly, (4) Một hàng bằng thủy tinh, (5) Một hàng bằng san hô, (6) Một hàng bằng xa cừ, (7) Một hàng bằng mọi thứ báu.

Page 109

- Cây SÀLA bằng vàng có thân cây bằng vàng, có lá và trái cây bằng bạc. - Cây SÀLA bằng bạc có thân cây bằng bạc, có lá và trái cây bằng vàng. - Cây SÀLA bằng lưu ly có thân cây bằng lưu ly, có lá và trái cây bằng thủy tinh. - Cây SÀLA bằng thủy tinh có thân cây bằng thủy tinh, có lá và trái cây bằng lưu ly. - Cây SÀLA bằng san hô có thân

cây bằng san hô, có lá và trái cây bằng xa cừ. - Cây SÀLA bằng xa cừ có thân cây bằng xa cừ, có lá và trái cây bằng san hô. - Cây SÀLA bằng mọi loại báu có thân cây bằng mọi loại báu, có lá và trái cây bằng mọi loại báu.

Khi những hàng cây SÀLA này được gió rung chuyển, một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly khởi lên. Cũng ví như năm loại nhạc khí, khi được một nhạc sĩ thiện xảo tấu nhạc, phát ra một âm thanh vi diệu, khả ái, đẹp ý, mê ly.

Khi lâu đài DHAMMA và hồ sen DHAMMA được xây xong thì vua Đại Thiện Kiến đã thiết lễ cúng dường cho các vị Sa Môn được tôn kính và các vị Bà La Môn được tôn kính, đủ mọi sự dục lạc cần thiết, và Vua ngự lên lâu đài DHAMMA.

II. Đức vua Đại Thiện Kiến từ bỏ mọi dục lạc, hướng tâm tu tập, và thân hoại mạng chung

* Chính do ba loại Nghiệp: Bố Thí, Tự Điều, và Tự Chế đã làm cho Vua có được đầy đủ thần lực và oai lực ngay kiếp hiện tại.

* Sau khi suy nghĩ xong, đức Vua thốt lên lời kệ cảm hứng:

“Hãy dừng lại, tư tưởng dục vọng!
Hãy dừng lại, tư tưởng sân hận!
Hãy dừng lại, tư tưởng não hại!
Đến đây thôi, tư tưởng dục vọng!
Đến đây thôi, tư tưởng sân hận!
Page 110

Đến đây thôi, tư tưởng não hại!”

* Tu tập Thiền Chỉ và phát triển Tứ Phạm Trú biến mãn khắp mọi phương.

* Từ bỏ mọi tài sản quý báu và khước từ sự thăm viếng của hoàng hậu SUBHADDÀ, đức Vua lìa khỏi cao đường Đại Trang Nghiêm, và đến trú tại khu rừng SÀLA Long Thọ bằng vàng. Đức vua Đại Thiện Kiến nằm xuống, trong dáng điệu con sư tử, về phía bên hữu, một chân đặt dài trên chân kia, chánh niệm tỉnh giác, hướng tâm về việc mạng chung.

* Đức Vua dạy bảo hoàng hậu SUBHADDÀ với những lời dạy cuối cùng, khuyên nhũ nên nhận thức và nói lên rằng: “Tất cả mọi sự vật khả ái, khả lạc đều thay đổi, không có thực thể, chịu sự biến hóa. Đại Vương chớ có mệnh chung với tâm quyến luyến chúng. Đau khổ thay, sự mệnh chung với tâm còn ái luyến. Đáng trách thay, sự mệnh chung với tâm còn ái luyến. Hãy từ bỏ Ái Dục và chớ có ái luyến với đời sống.”

* Không bao lâu, đức vua Đại Thiện Kiến băng hà, với trạng thái như một người ngủ say, tái tục vào Thiện Thú ở cõi Phạm Thiên. Sau khi đã sống 84,000 năm sung sướng của một vị Hoàng Tử, trải qua 84,000 năm của một Phó Vương, trải qua 84,000 năm của một vị Quốc Vương, trải qua 84,000 năm của đời sống người Cư Sĩ, sống Phạm hạnh trong lâu đài DHAMMA, và với Tứ Thần Túc khéo tu tập khi thân hoại mạng chung được thọ sanh vào cõi Phạm Thiên.

III. Đức Phật nhận diện đức vua Đại Thiện Kiến

* Chính là tiền thân của đức Phật.

* Đức Phật dạy Đại Đức nên nhận biết rằng: “Tất cả Pháp Hữu Vi đều hoại diệt và biến hóa. Các Pháp Hữu Vi là vô thường, không kiên cố, không đáng tin tưởng. Chính như vậy, tất cả các Pháp Hữu Vi cần phải nhàm chán, cần phải thoát ly, cần phải giải thoát chúng.”

* Đức Phật cho đại đức ÀNANDA biết rằng, chính tại KUSINÀRÀ này, mà xưa kia tiền thân đức Phật đã tịch diệt tại đây đến bảy lần, với một kiếp làm vị Chuyển Luân Vương. Và đến nay, ngay hiện tại, đức Phật sẽ quyết định chọn địa điểm này để viên tịch Níp Bàn – là lần thứ tám mà Ngài sẽ bỏ thân mạng tại nơi đây.

Page 111

D. Kết Luận:

Sau khi thuyết giảng Pháp Thoại xong, đức Thiện Thệ nói lên bài kệ:

“Tất cả Pháp Hữu Vi, thật sự là vô thường,
Khởi lên rồi diệt mất, thường tánh là như vậy.
Chúng được sanh khởi lên, rồi chúng lại hoại diệt,
Hạnh phúc thay, khi chúng được tịnh chỉ an lạc.”
----------00000----------

BÀI 18: KINH XÀ NI SA (JAVANASABHA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết Pháp Thoại này vào buổi chiều cho đại đức ÀNANDA tại bộ lạc NÀDIKA ở GINJAKÀVASATHA.

B. Duyên Khởi:

Do đại đức ÀNANDA đến yêu cầu đức Phật nói về vấn đề tái sanh của dân chúng MAGADHA và vua SENIYA BIMBISÀRA, như đức Phật đã thường hay tuyên bố về vấn đề tái sanh của nhiều tín đồ đã từ trần trong các bộ lạc xung quanh, như bộ lạc KÀSI, KOSALA, VAJJÌ, MALLÀ, CETI, VANSA, KURU, PANCÀLA, MACCHÀ, và SÙRASENA.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật kể lại câu chuyện của dạ xoa JAVANASABHA

* Sau lời yêu cầu của đại đức ÀNANDA với đức Phật, muốn được rõ biết về vấn đề thọ sanh của hiền nhân tín đồ ở xứ MAGADHA. Đức Phật đã suy nghĩ tư duy, chú lực toàn tâm suy tưởng đến các tín đồ ở MAGADHA: “Ta sẽ tìm ra chỗ thọ sanh của chúng, vận mạng của chúng. Các vị hiền nhân này thọ sanh ở đâu, vận mạng như thế nào?”

Page 112

* Ngay khi đức Phật thấy được chỗ thọ sanh và vận mạng của các hiền nhân tín đồ ở xứ MAGADHA, thì có một Dạ Xoa, có tên là JAVANASABHA, đi đến yết kiến đức Phật với hai nguyên nhân:

1. Dạ xoa JAVANASABHA tự xác nhận là hậu thân của vua BIMBISÀRA. Dạ Xoa đề cập đến mười bốn lần tái tục và bảy lần được sanh vào dòng họ của vua VESSAVANA (một trong Tứ Thiên Vương). Một kiếp làm vua ở cõi nhân gian, nay được sanh trên thiên giới.

“Từ đây đến bảy lần,
Từ kia đến bảy lần,
Mười bốn lần tái sanh.
Như vậy con được biết,
Đời quá khứ của con.”

2. Hiện tại, Dạ Xoa mong muốn được trở thành bậc Nhất Lai. Khi Dạ Xoa đã trải qua một đời sống an lạc lâu dài trong quá khứ, không bị đọa lạc vào Ác Thú vì đã hiểu được Ác Thú, biết sống nương nhờ vào lời dạy và quy ngưỡng đức Thế Tôn.

* Dạ Xoa JAVANASABHA thuật lại đại hội của Hội Chúng Thiên ở cõi Tam Thập Tam cùng với Tứ Đại Thiên Vương, và có sự tham dự của Phạm Thiên SANAMKUMÀRA, thường nhóm họp lại ngày trăng Rằm Bố Tát trong những tháng an cư mùa mưa tại Thiện Pháp Đường (SUDHAMMA). Nội dung cuộc hội họp của Chúng Thiên với ý nghĩa đảnh lễ đức Thế Tôn cùng Chánh Pháp vi diệu, trùng tuyên lại những lời dạy của đức Phật:

“ Chư Tam Thập Tam Thiên,
Cùng Đế Thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh Pháp vi diệu.
Thấy Thiên Chúng tân sanh,
Quang sắc thật thù thắng,
Các vị sống Phạm Hạnh,
Nay sanh tại cõi này.
Chúng thắng về quang sắc
Thọ mạng và danh xưng.
Page 113

Đệ tử bậc Đại Tuệ,
Thù thắng sanh cõi này.
Chư Tam Thập Tam Thiên,
Cùng Đế Thích hoan hỷ,
Đảnh lễ bậc Như Lai,
Cùng Chánh Pháp vi diệu.”

* Và như thế, Chư Thiên ở Tam Thập Tam Thiên lại càng hoan hỷ, tín thọ, hỷ lạc sanh hơn nữa và nói: “Thiên giới thật sự được tăng thịnh, còn A-tu-la giới bị hoại diệt.”

II. Phạm Thiên SUNAMKUMÀRA nói lên những lợi ích thiết thực về sự hiện hữu của đức Phật

Phạm Thiên có tiếng nói với tám đặc điểm như sau: (1) Lưu loát, (2) Dễ hiểu, (3) Dịu ngọt, (4) Nghe rõ ràng, (5) Sung mãn, (6) Phân minh, (7) Thâm sâu, (8) Vang động. Tiếng nói của vị Phạm Thiên còn được gọi là Phạm Âm.

1. Phạm Thiên nói lên những lợi ích thiết thực về sự hiện hữu của đức Phật trong đời, cùng với những lời dạy vô cùng lợi ích của Ngài

“Đức Thế Tôn phục vụ vì cho hạnh phúc chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại. Chư thiện hữu, với những ai đã quy y Tam Bảo và giữ trọn Giới Luật, thì những vị này khi thân hoại mạng chung, đều sanh về Thiện Thú, Thiên Giới, và thấp nhất cũng là hàng Càn Thát Bà (GANDHABBA).”

Phạm Thiên nói lên điều lợi ích qua lời chỉ dạy của đức Phật để hiện bày thần thông. Với Tứ Thần Túc (Dục, Cần, Tâm, Thẩm) được khéo tu tập và phát triển sẽ đạt đến sự thành tựu đại thần lực và đại uy đức, được thưởng thức Thần Túc Thông dưới một hay nhiều hình thức khác nhau.

2. Phạm Thiên nêu lên ba con đường tắt, hướng đến an lạc, do đức Thế Tôn đã chứng ngộ và khéo léo giải thích

Page 114

(1) Do được nghe Thánh Pháp, chánh niệm tư duy, chứng đắc Chánh Pháp và Tùy Pháp, có đời sống không thân cận dục lạc, không thân cận bất thiện pháp. Nhờ vào đó, có sự an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

(2) Do được nghe Thánh Pháp, chánh niệm tư duy, chứng đắc Chánh Pháp và Tùy Pháp, làm cho thân hình thô lậu được an tịnh, ngữ hành thô lậu được an tịnh, ý hành thô lậu được an tịnh. Nhờ vào đó, có sự an lạc, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

(3) Do được nghe Thánh Pháp, chánh niệm tư duy, chứng đắc Chánh Pháp và Tùy Pháp, nên như thật biết về “Thiện – Bất Thiện,” “Tội – Không Tội,” “Cần phải thuận theo – Cần phải né tránh,” “Hạ Liệt – Cao Thượng,” “Đen – Trắng đồng đẳng.” Nhờ biết như vậy, Vô Minh được trừ diệt và Minh sanh khởi, an lạc khởi lên, và hơn cả an lạc, hoan hỷ khởi lên.

3. Phạm Thiên dẫn chứng những pháp giải thoát do đức Phật đã khéo giải thích

* Tứ Niệm Xứ: Được tu tập và phát triển, diệt trừ ưu não khởi lên vì tham ái ở trong đời. Tâm chánh định và chánh an tịnh sanh khởi, tri kiến được sanh khởi, và Tứ Niệm Xứ hướng đến chân thiện.

* Bảy pháp định tư lương: Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, đưa đến Chánh Giải Thoát.

* Với Chánh Pháp đã được đức Phật khéo léo thuyết giảng, pháp ấy có kết quả ngay trong hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, hướng dẫn đến đích, được những người hữu trí tự mình giác ngộ, cửa bất tử được rộng mở.

* Phạm Thiên tán thán khả năng thuyết giảng của đức Phật và tuyên bố có tới 2,400,000 vị cư sĩ ở MAGADHA do nhờ nghe được Chánh Pháp, khởi Tâm tín thành và bất thối chuyển vào Tam Bảo, khi thân hoại mạng chung, đã diệt trừ được ba hạ phần Kiết Sử, chứng đắc quả vị Dự Lưu (Thất Lai), không còn đọa vào Ác Thú, chắc chắn đạt đến Chánh Giác.

Page 115

* Quả thật hy hữu được có một Đại Sư thù thắng, được một Pháp Thoại thù thắng, có được một con đường thù thắng.

* Thiên vương VESSAVANA được nghe câu chuyện từ nơi Phạm Thiên kể lại với đại chúng của mình. Và dạ xoa JAVANASABHA tác bạch lại đức Phật, và cuối cùng đức Phật kể lại cho đại đức ÀNANDA.

D. Kết Luận:

Sau khi tự thân nghe, tự thân chấp nhận câu chuyện của đức Thế Tôn kể lại, đại đức ÀNANDA đã đem kể lại cho Tứ Chúng được rõ biết.

----------00000----------

BÀI 19: KINH ĐẠI DIỄN TÔN (MAHÀGOVINDA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Bài kinh này xuất khởi do Càn Thát Bà PANCASIKHA đến yết kiến đức Phật ở núi GIJJHAKÙTE (Linh Thứu), tại RÀJAGAHA, vào lúc đêm gần mãn.

B. Duyên Khởi:

Càn Thát Bà PANCASIKHA xin phép đức Phật được thuật lại buổi hội họp của Hội Chúng Thiên ở Tam Thập Tam Thiên, có Phạm Thiên SANAMKÙRA đến dự, và Thiên Chủ SAKKA đã giải thích Tám Pháp như thật của đức Thế Tôn cho Hội Chúng Thiên lắng nghe.

C. Chánh Kinh:

I. Nội dung buổi họp của Hội Chúng Thiên ở cõi Tam Thập Tam Thiên cùng với Phạm Thiên SANAMKUMÀRA

Sau khi cùng nhau đảnh lễ đức Thế Tôn cùng với Chánh Pháp vi diệu, Thiên Chủ SAKKA đã giải thích Tám Pháp như thật của đức Thế Tôn như sau:

Page 116

1. Đức Thế Tôn là một vị Đại Sư dấn thân trong đời vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại. Thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, một vị Đại Sư có đầy đủ đức tánh như vậy.

2. Đức Thế Tôn là một vị Đại Sư khéo léo thuyết giảng Chánh Pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thế gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thượng, chỉ có người hữu trí tự mình giác ngộ. Thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, một vị Đại Sư có đầy đủ đức tánh như vậy.

3. Đức Thế Tôn là một vị Đại Sư khéo léo phân tích, giải thích các pháp "Thiện – Bất Thiện," "Tội – Không Tội," "Cần phải thuận theo – Cần phải né tránh," "Hạ Liệt – Cao Thượng," "Đen – Trắng đồng đẳng." Thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, một vị Đại Sư có đầy đủ đức tánh như vậy.

4. Đức Thế Tôn là một vị Đại Sư khéo giải thích về "con đường đưa đến Níp Bàn cho các đệ tử, Níp Bàn và con đường phối hợp thành một," như nước sông Hằng phối hợp và cùng chảy với nước sông YAMUNA. Thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, một vị Đại Sư có đầy đủ đức tánh như vậy.

5. Đức Thế Tôn là một vị Đại Sư biết sống chung một niềm hòa hợp lạc trú với những chúng Thiện Hữu Hữu Học đang đi trên nẻo Đạo (hành Đạo) và những bậc Lậu Tận đã hoàn tất Thánh Đạo. Thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, một vị Đại Sư có đầy đủ đức tánh như vậy.

6. Đức Thế Tôn là một vị Đại Sư biết sống thọ hưởng các lợi dưỡng với tâm không kiêu mạn, thánh hạnh, thuần tịnh. Thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, một vị Đại Sư có đầy đủ đức tánh như vậy.

7. Đức Thế Tôn là một vị Đại Sư nói sao thì làm vậy, làm sao thì nói vậy, thành tựu các Pháp và tùy Pháp. Thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, một vị Đại Sư có đầy đủ đức tánh như vậy.

Page 117

8. Đức Thế Tôn là một vị Đại Sư đã đoạn tận mọi nghi hoặc, thành tựu mọi suy tư về tâm nguyện và tối sơ Phạm Hạnh. Thật khó tìm thấy trong quá khứ cũng như trong hiện tại, một vị Đại Sư có đầy đủ đức tánh như vậy.

Thiên Chủ SAKKA khẳng định với Hội Chúng Thiên ở Tam Thập Tam Thiên là chỉ có duy nhất một bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời, không thể có hai, cũng không có trước và sau. Đức Thế Tôn hiện hữu trong đời đem hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại.

Sau đó, Phạm Thiên SANAMKUMÀRA xuất hiện và được Thiên Chủ SAKKA giải thích lại Tám Pháp như thật của đức Phật. Sau khi nghe xong, Phạm Thiên SANAMKU–MÀRA

thuật lại một câu chuyện tiền thân của đức Phật là Bà La Môn MAHÀ GOVINDA.

II. Câu chuyện Bà La Môn MAHÀ GOVINDA

* MAHÀ GOVINDA là thanh niên JOTIPÀLA, con của quốc sư GOVINDA, thời đức vua DISAMPATI. Sau khi thân phụ mệnh chung, thanh niên JOTIPÀLA tiếp nối sự nghiệp của cha, chăm lo việc triều chính.

* MAHÀ GOVINDA có bảy thân hữu, hoàng tử RENU và sáu vị Sát Đế Lỵ, và có bốn mươi người vợ đồng đẳng với nhau.

* Không bao lâu, đức vua DISAMPATI băng hà, MAHÀ GOVINDA cùng sáu vị Sát Đế Lỵ cung nghinh hoàng tử RENU nhiếp chánh vương vị. Và chính MAHÀ GOVINDA đã khéo chia lãnh thổ ra làm bảy phần đồng đều cho bảy vị Sát Đế Lỵ như sau:

(1) Vua RENU giữ phần Quốc Độ trung ương
(2) DANTAPURA cho dân KÀLINGÀ
(3) POTANA cho dân ASSAKA
(4) MAHÌSSATÌ cho dân AVANTÌ
(5) RORUKA cho dân SOVÌRANA
(6) MITHILÀ cho dân VIDEHÀ
(7) CAMPÀ cho dân ANGA
Page 118

(8) BÀRÀNASÌ cho dân KÀSINA

* MAHÀ GOVINDA đã chỉ dạy vương chánh cho bảy vị Sát Đế Lỵ này, dạy chú thuật cho bảy vị triệu phú Bà La Môn và bảy trăm vị tịnh hạnh.

* Do suy niệm những lời truyền tụng, cho rằng: “MAHÀ GOVINDA đã tự thân nói chuyện, thảo luận với Phạm Thiên,” không đúng như thật, nên MAHÀ GOVINDA xin với vua RENU cùng tất cả thân hữu của mình, được đi an tịnh tu tập Thiền Định với Bi Phạm Trú trong bốn tháng mùa mưa, mong cầu được thấy và thảo luận với Phạm Thiên.

* Nhờ sự chuyên chú tu tập chân thành, Phạm Thiên SANAMKUMÀRA đi đến MAHÀ GOVINDA để đem lợi ích, giải đáp những thắc mắc về vị lai.

“Nay Ta hỏi Phạm Thiên, SANMAKUMÀRA!
Ta hỏi điều nghi ngờ,
Người khác đều muốn biết!
An trú tại chỗ nào,
Để chứng quả bất tử?
Chính tại Phạm Thiên Giới,
Này ngươi Bà La Môn.
Ai bỏ ngã, ngã sở,
Tâm chuyên chú nhứt cảnh.

Tu tập Đại Bi Tâm,
Thoát ly mọi xú uế.
Lánh xa mọi tà dục,
An trú ở nơi đây.
Để chứng quả bất tử,
Chính tại Phạm Thiên Giới.”
* Này Phạm Thiên, trong loài người cái gì là xú uế?

“Loài người bị gì che,
Bị trói buộc cái gì?
Phải chịu sanh đọa xứ,
Bị đóng cửa Phạm Thiên.
Phẫn nộ và vọng ngữ,
Gian manh và lừa đảo!
Page 119

Hà tiện và quá mạn,
Tật đố và dục cầu!
Nghi ngờ và hại người,
Tham, sân, si, kiêu mạn.
Những tánh này trói buộc,
Khiến con người xú uế.
Phải chịu sanh đọa xứ,
Bị đóng cửa Phạm Thiên.”
* Qua cuộc đối thoại, MAHÀ GOVINDA liễu tri, khởi lên ý nguyện xuất gia và đi đến vua RENU xin được như nguyện. Cũng như vậy, MAHÀ GOVINDA đi đến sáu vị Sát Đế Lỵ thân hữu, bảy vị triệu phú Bà La Môn, bảy trăm vị tịnh hạnh, và bốn mươi người vợ của mình, MAHÀ GOVINDA đều nói lên sở nguyện và quyết định là trong bảy ngày sẽ xuất gia cho dù bị khuyên can rất nhiều. Cuối cùng, MAHÀ GOVINDA đắc kỳ sở nguyện và tiến tu Tứ Phạm Trú.

* Sau khi Bà La Môn MAHÀ GOVINDA xuất gia thì có rất nhiều người cũng xuất gia theo và nương nhờ tu tập. Không bao lâu sau, đoàn thể Hội Chúng này thông suốt giáo lý của MAHÀ GOVINDA. Tất cả đều nỗ lực tu tập và khi thân hoại mạng chung, tất cả đều được sanh về Thiện Thú, từ Càn Thát Bà cho đến Phạm Thiên Giới.

III. Đức Phật nhận diện Bà La Môn MAHÀ GOVINDA

* Chính là tiền thân của đức Phật.

* Và đức Phật nhấn mạnh tu tập Tứ Phạm Trú, chỉ đưa đến cảnh giới Phạm Thiên, không đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, và Níp Bàn. Với con đường Bát Thánh Đạo hoàn toàn đưa đến yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, và Níp Bàn.

D. Kết Luận:

Càn Thát Bà PANCASIKHA hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Phật, đảnh lễ Ngài, thân phía hữu hướng về đức Phật, và biến mất tại chỗ.

----------00000----------

Page 120

BÀI 20: KINH ĐẠI HỘI (MAHÀSAMAYA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết Pháp Thoại này đến đại chúng Tỳ Khưu khoảng 500 vị, đều là bậc A La Hán, ở tại bộ lạc SAKKA, khu vực Đại Lâm, thành KAPILAVATTHU.

B. Duyên Khởi:

Do phần lớn Chư Thiên ở khắp mười phương thế giới thường hay tập hội lại để chiêm ngưỡng đức Phật và chúng tỳ khưu tăng. Nhân tiện, đức Phật tuyên bố danh tánh của Chư Thiên cho Hội Chúng Tăng được rõ biết.

C. Chánh Kinh:

* Đức Phật tuyên bố rằng, cả ba thời quá khứ, hiện tại, và vị lai, nơi nào có một bậc Chánh Đẳng Giác và Hội Chúng Tỳ Khưu trú ngụ thì phần lớn Chư Thiên ở khắp mười phương thế giới thường hay tập hội lại để chiêm ngưỡng và tán thán Phật Bảo, Pháp Bảo, và Tăng Bảo.

* Trước tiên là Tứ Thiên Vương, sau đến là danh sách mỗi một Chư Thiên, quỷ thần tụ hội lại để chiêm ngưỡng đức Phật và Chúng Tỳ Khưu Tăng. Theo thứ tự là Tứ Thiên Vương, rồi đến một trăm, một ngàn, bảy mươi ngàn, và vô lượng Chư Thiên đến tụ hội.

* Tiếp đến là bảy ngàn Dạ Xoa từ KAPILAVATTHU, sáu ngàn từ Tuyết Sơn, ba ngàn từ đồi SÀTÀ, cộng thêm năm trăm thuộc VESSÀMITTÀ, KUMBHÌRA với một trăm ngàn Dạ Xoa tùy tùng.

* Vua DHATARATTHA (Trì Quốc Thiên Vương), chúa tể loài GANDHABBA (Càn Thát Bà), trị vì phương Đông với các hoàng tử và tùy tùng.

* Vua VIRÙLHA (Tăng Trưởng Thiên Vương), chúa tể loài KUMBHANDA (Cưu Bàn Trà), trị vì phương Nam với các hoàng tử và tùy tùng.

* Vua VIRÙPAKKHA (Quảng Mục Thiên Vương), chúa tể loài NÀGÀ (Rồng), trị vì phương Tây với các hoàng tử và tùy tùng.

Page 121

* Vua KUVERA (Đa Văn Thiên Vương), chúa tể loài YAKKHA (Dạ Xoa), trị vì phương Bắc với các hoàng tử và tùy tùng.

Bốn vị Đại Vương này cùng với tùy tùng trấn an khắp cả bốn phương trời.

* Kế đến các thuộc hạ của bốn Đại Vương này, MÀYÀ, KUTENDU, VETENDU, VITU, VITUCCA, CANDANA KÀMASETTHA, KINNUGHANDU, NIGHANDU, PANÀDA, OPAMANNA, MÀTALI (người đánh xe của Chư Thiên), Càn Thát Bà CITTASENA, vua NALA, JANESABHA PANCASIKHA, TIMBARÙ, và SURIYAVAC–CASÀ, cũng đến.

* Tiếp đến là các long vương NÀBHASA, VESÀLI, và TACCHAKÀ cũng đến. Các long vương KAMBALA, ASSATARA, và PÀYÀGÀ cũng đến với quyến thuộc. Các long vương có danh tiếng, DHATARATTHA và YÀMUNÀ, cũng đến. Long vương ERAVANA cũng đến tại khu rừng.

* Đến các loài Kim Xí Điểu (chim trời) CITRÀ và SUPANNÀ. Các A Tu La ở biển như KÀLAKANJÀ, DÀNAVEGHASÀ, VEPACITTI, cùng với SUCITTI, PAHÀRÀDA, ác quỷ NAMUCÌ, và với một trăm người con của BALI, có tên là VEROCA.

* Các vị Thần Lửa, Thần Đất, Thần Gió, Thần Nước cũng đến VARUNÀ. Thủy Tộc SOMA, cả tới YASA, cũng đến. Các Chư Thiên Từ Bi sanh khởi.

* Đến các Thần VENHÙ, SAHALI, ASAMÀ, YAMÀ. Chư Thiên thuộc Nguyệt tộc cũng đến. Chư Thiên thuộc Nhật tộc, Vân thần tên MANDA, các vị tinh tú như VÀSAVA, VASÙ, thần SAKKA, cũng đến.

* Tiếp theo là SAHAVHÙ cũng đến. ARITTHAKÀ, ROJÀ, VARUNÀ, SAHADHAMMÀ, ACCUTÀ, ANEJAKÀ, SÙLEYYARUCIRÀ, và VÀSAVANESI cũng đến. SAMÀNÀ, MAHÀSAMANÀ, MÀNUSÀ, MÀNUSUTTAMÀ, KHIDDÀPADÙSIKÀ, MANOPADÙSIKÀ, HARAYO, và LOHITAVÀSINO cũng đến. PÀRAGÀ và MAHÀ PÀRAGÀ cũng đến.
Page 122

* SUKHÀ, KARUMHÀ, ARUNÀ, VEGHANASÀ, ODÀTAGAYHÀ, và VICAKKHANÀ cũng đến. SADÀMATTÀ, HÀRAGAJÀ, và MISSAKÀ cũng đến. Thần sét PAJJUNNA làm mưa khắp mọi phương.

* Các Thiên Dục Giới cũng đến. KHEMIYÀ, TUSITÀ, YÀMÀ, danh xưng KATTHAKÀ, LAMBITAKÀ, các Chư Thiên ở Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại Thiên cũng đến.

* SUBRAHMÀ, PARAMATTA, SANAMKUMÀRA TISSA, và các vị Đại Phạm Thiên đều cùng đến. Cuối cùng là Ác Ma và Ma Quân cũng đến.

D. Kết Luận:

Khi Ma Vương đi đến, thì đức Thế Tôn khuyên dạy chư Tỳ Khưu Tăng hãy biết ghi nhận Hội Chúng này. Nghe lời dạy của đức Phật, Đại Chúng tâm nhiệt thành.

Kẻ thù đã bỏ đi, xa Vô Tham, Vô Úy, Tất cả đều chiến thắng, Vô Úy và Vô Xưng! Đệ tử những vị này, danh xưng, tâm hoan hỷ.

----------00000----------

BÀI 21: KINH ĐẾ THÍCH SỞ VẤN (SAKKAPANHÀ SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã giải thích những thắc mắc của Thiên Chủ SAKKA cùng với Thiên Chúng tại hang động INDASÀLA, trên ngọn núi VEDIYA, phía Bắc ngôi làng Bà La Môn AMBASANDÀ, thuộc phía Đông thành RÀJAGAHA, xứ MAGADHA.

B. Duyên Khởi:

Thiên Chủ SAKKA náo nức muốn chiêm ngưỡng đức Thế Tôn và muốn được vấn đạo đặng tìm cầu lợi ích cho tự thân.

C. Chánh Kinh:

Page 123

I. Càn Thát Bà PANCASIKHA tạo duyên cho Thiên Chủ SAKKA được yết kiến đức Phật

* Vì đức Phật thường hoan hỷ thỏa thích trong Thiền Định, nên Thiên Chủ SAKKA đã nhờ Càn Thát Bà PANCASIKHA với nghệ thuật đàn và hát tinh xảo của mình, sẽ làm cho đức Thế Tôn xả định, và như thế sẽ được yết kiến hầu thỏa lòng khao khát được chiêm ngưỡng Ngài.

* PANCASIKHA đi đến vừa tầm khoảng cách với đức Phật và đứng tại đấy, khảy cây đàn cầm bằng gỗ vàng BELUVA, và hát lên một bài ca trữ tình, tán dương Phật, Pháp, bậc Thánh A La Hán, và mối tình ái lạc của mình với nàng BHADDÀ, con của vua Càn Thát Bà.

“Ôi SURIYA VACCASA! Ta đảnh lễ TIMBARU, phụ thân nàng,
Đã sanh nàng Thiện Nữ, nguồn hạnh phúc của Ta.
Như gió cho kẻ mệt, như nước cho kẻ khát,
Nàng là tình của Ta, như Pháp với Ứng Cúng.
Như thuốc cho kẻ bệnh, như đồ ăn cho kẻ đói,
Thiện Nữ với nước mát, hãy dập tắt lửa tình!
Như voi bị nắng thiêu, tẩm mình hồ nước mát,
Có cánh sen, nhụy sen.
Cũng vậy, Ta muốn chìm, chìm sâu khuôn ngực nàng,
Như voi bị xiềng xích, hất móc câu, gậy nhọn,
Ta điên vì ngực nàng, hành động Ta rối loạn.
Tâm Ta bị nàng trói, di chuyển thật vô phương,
Rút lui cũng bất lực, như cá đã mắc câu.
Hiền Nữ hãy ôm Ta, trong cánh tay của nàng,
Hãy ôm Ta, nhìn Ta, trong ánh mắt dịu hiền.
Hãy ghì chặt lấy Ta, Thiện Nữ! Ta van nàng!
Ôi Hiền Nữ suối tóc, Ái Dục Ta có bao!
Nhưng nay đã tăng bội, như đồ chúng La Hán!
Mọi công đức Ta làm, dâng lên bậc La Hán,

Ôi Kiều Nữ toàn thiện, Nàng là quả của Ta!
Công đức khác của Ta, đã làm trên đời này!
Ôi Kiều Nữ toàn thiện, Nàng là quả của Ta!
Vị Thích Tử thiền tu, nhứt tâm và giác tỉnh,
Tìm cầu đạo Bất Tử, cũng vậy Ta cầu Nàng!
Như người tu sung sướng, chứng Bồ Đề tối thượng,
Kiều Nữ, Ta sung sướng, được nhập một với Nàng.
Page 124

Nếu Thiên Chủ SAKKA, cho Ta một ước nguyện,
Ta ước nguyện được Nàng, vì Ta quá yêu Nàng!
Như Ta La sanh quả, Tuệ Nữ, phụ thân Nàng!
Ta sẽ đảnh lễ Ngài vì sanh Nàng vẹn toàn."

* Đức Phật đã khen ngợi PANCASIKHA và hỏi học bài ca này từ đâu, có liên hệ đến Phật, Pháp, A La Hán, và đến ái dục.

* PANCASIKHA trả lời là do có yêu nàng BHADDÀ, với biệt hiệu SURIYA VACCASÀ, nhưng không được yêu lại vì BHADDÀ đã yêu một người khác, tên là SIKHADDHI, con của MÀTALI người đánh xe. Nên PANCASIKHA đã làm bài ca này để tỏ nỗi lòng của mình, với nội dung rất đặc biệt, đã làm cho BHADDÀ cảm động và đi đến gặp gỡ với nhau.

* Sau đó, Thiên Chủ SAKKA cùng Thiên Chúng đi vào hang núi và yết kiến đức Thế Tôn. Thiên Chủ SAKKA nói đã nhiều phen muốn đến với đức Phật, nhưng đều gặp trở ngại, hôm nay được diện kiến, thật thỏa lòng ao ước và tán thán sự ra đời của đức Thế Tôn, làm cho Chư Thiên được tăng thịnh, và hàng A-tu-la bị suy giảm.

* Thiên Chủ dẫn chứng qua câu chuyện của thiếu nữ có tên GOPIKÀ, ở tại KAPILAVATTHU, nhờ thuần tín vào Tam Bảo, trau giồi giới hạnh cụ túc, loại bỏ tâm niệm nữ tính, và tu tập tâm niệm nam tính. Khi thân hoại mạng chung, thì được sanh về Tam Thập Tam Thiên và được gọi là Thiên Tử GOPAKÀ. Trái lại, có ba vị tỳ khưu trước đây đã từng thọ lãnh vật cúng dường của thiếu nữ GOPIKÀ, nhưng cứ mãi vui thích dục lạc, nên khi thân hoại mạng chung, phải thọ sanh làm Càn Thát Bà. Thiên Tử GOPAKÀ có lời trách ba vị này, đã tác động đến hai vị nỗ lực tinh cần tu tập, và nhờ vậy đạt quả vị thù thắng hơn, được sanh làm phụ tá cho Phạm Thiên. Còn một vị cam phận Càn Thát Bà vì vẫn vui thích dục lạc.

* Cuối cùng, đức Phật đã thuận ý giải đáp những thắc mắc của Thiên Chủ SAKKA.

"VÀSAVA hãy hỏi Ta,
Những gì tâm Ngươi muốn!
Mỗi câu hỏi của Ngươi,
Ta làm Ngươi thỏa mãn."
Page 125

II. Đức Phật giải đáp những thắc mắc của Thiên Chủ SAKKA

1. Do kiết sử nào, chúng sanh đã phải sống trong hận thù, với thù nghịch, với ác ý đả thương lẫn nhau?

- Tật đố và xan tham là hai nguyên nhân chánh yếu.

2. Do nhân duyên nào khởi sanh tật đố và xan tham?

- Do ưa và ghét làm nhân duyên, làm tập khởi, làm sanh khởi, và làm cho hiện hữu. Và ngược lại, ưa ghét không hiện hữu, tật đố và xan tham cũng không hiện hữu.

3. Do nhân duyên nào khởi sanh ưa và ghét?

- Do dục làm nhân duyên, làm tập khởi, làm sanh khởi, và làm cho hiện hữu. Và ngược lại, dục không hiện hữu, ưa ghét cũng không hiện hữu.

4. Do nhân duyên nào khởi sanh dục?

- Do tầm (tìm kiếm) làm nhân duyên, làm tập khởi, tầm khiến dục sanh, và tầm khiến dục hiện hữu. Và ngược lại, tầm không hiện hữu, mà dục cũng không hiện hữu.

5. Do nhân duyên nào khởi sanh tầm?

- Do các loại vọng tưởng làm nhân duyên, làm tập khởi, làm sanh khởi, và làm cho hiện hữu. Do các loại vọng tưởng hiện hữu, tầm hiện hữu. Do các loại vọng tưởng không hiện hữu, tầm không hiện hữu.

6. Phải thành tựu con đường nào thích hợp và hướng dẫn diệt trừ các loại vọng tưởng?

- Có hai loại: Một loại nên thân cận và một loại không nên thân cận. - Phải biết nên thân cận với Hỷ, Ưu, Xả, làm cho Thiện Pháp tăng trưởng, và phải biết không nên thân cận với Hỷ, Ưu, Xả làm cho Bất Thiện Pháp tăng trưởng.

Page 126

- Với Hỷ, Ưu, Xả câu hữu với Tầm và câu hữu với Tứ. Và với Hỷ, Ưu, Xả không câu hữu với Tầm và không câu hữu với Tứ. Các loại Hỷ, Ưu, Xả không câu hữu với Tầm và không câu hữu với Tứ, là thù thắng hơn.

7. Vị tỳ khưu phải làm như thế nào để thành tựu về biệt giải thoát luật nghi?

- Có hai loại: Một loại nên thân cận và một loại không nên thân cận. - Phải biết nên thân cận với Thân Hành, Ngữ Hành, và Tầm Cầu, làm cho Thiện Pháp tăng trưởng, và phải biết không nên thân cận với Thân Hành, Ngữ Hành, và Tầm Cầu, làm cho Bất Thiện Pháp tăng trưởng.

8. Vị tỳ khưu phải làm như thế nào để thành tựu hộ trì các căn?

- Có hai loại: Một loại nên thân cận và một loại nên tránh xa. - Phải biết nên thân cận các loại Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp làm cho Thiện Pháp tăng trưởng, và phải biết nên tránh xa các loại Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp làm cho Bất Thiện Pháp tăng trưởng.

9. Có phải tất cả Sa Môn, Bà La Môn đều đồng một tư tưởng, đồng một giới hạnh, đồng một mong cầu, đồng một chí hướng?

- Không có thể có được như vậy. - Vì thế gian này gồm có nhiều loại giới, nhiều giới sai biệt. - Các loài hữu tình thường nhiên thiên chấp một loại giới nào, và khi đã thiên chấp thì trở thành kiên trì cố thủ với định kiến: "Đây là sự thật, ngoài ra toàn là si mê." - Do đó, tất cả Sa Môn, Bà La Môn không đồng một tư tưởng, không đồng một giới hạnh, không đồng một mong cầu, và không đồng một chí hướng.

10.Vì sao tất cả Sa Môn, Bà La Môn không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn, không đồng một phạm hạnh, không đồng một mục đích?

- Chỉ những vị Sa Môn, Bà La Môn nào đã giải thoát tham ái, thì mới đồng một cứu cánh, đồng một an ổn, đồng một phạm hạnh, đồng một mục đích.

Page 127

- Do đó, tất cả Sa Môn, Bà La Môn không đồng một cứu cánh, không đồng một an ổn, không đồng một phạm hạnh, không đồng một mục đích?

III. Thiên Chủ SAKKA hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn

* Những câu trả lời của đức Phật đã làm cho Thiên Chủ SAKKA thoát khỏi mọi nghi hoặc, mà trước đây chính những câu hỏi trên, Thiên Chủ SAKKA đã đi đến hỏi các vị Sa Môn, Bà La Môn khác ngoài giáo phái, thì các vị này đều không thể giải đáp được. Cuối cùng, chính Thiên Chủ SAKKA đã giảng dạy Chánh Pháp mà tự thân đã được nghe, đã được học cho các vị này, và các vị này đã trở thành đệ tử của Thiên Chủ SAKKA.

* Sau đó, Thiên Chủ SAKKA tán dương cảm giác thoải mái hoan hỷ do nghe Chánh Pháp bởi đức Thế Tôn đem lại, thù thắng hơn một chiến thắng của Chư Thiên và các vị A-tu-la. Bởi lẽ cảm giác thoải mái hoan hỷ này sẽ đưa đến hoàn toàn sự yểm ly, ly dục, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, và Níp Bàn.

* Khi Thiên Chủ SAKKA cảm thọ thoải mái và hỷ lạc như vậy, thì thọ nhận sáu điều lợi ích như sau:

1. Thấy biết được việc tái sanh

"Nay con đứng tại đây,
Với thân một vị Thiên.
Con thấy được tái sanh,
Tôn Giả hãy biết biết vậy."
2. Tỉnh giác đi thọ sanh

"Sau khi chết con bỏ,
Thân Chư Thiên, phi nhân.
Không muội lược, con đi,
Đến bào thai, con thích."
3. Sống với Chánh Niệm, Tỉnh Giác, và Chánh Trí

“Câu hỏi được đáp rõ,

Page 128

Hoan hỷ trong Chánh Giáo. Con sống với Chánh Trí, Giác tỉnh và Chánh Niệm.”

4. Với Chánh Trí sẽ thành đạt quả vị giác ngộ

“Con sống với Chánh Trí,
Sẽ được quả Bồ Đề.
Sống làm vị Chánh Giác,
Đời này đời cuối cùng.”
5. Từ bỏ thân người, thành một vị Trời trong thế giới Vô Thượng

“Chết từ thân con người,
Con từ bỏ thân người.
Con sẽ thành Chư Thiên,
Trong Thiên giới vô thượng.”
6. Thù thắng hơn Chư Thiên và an trú với đời sống cuối cùng

“Thù thắng hơn Chư Thiên,
AKANITTHA danh xưng,
Sống đời sống cuối cùng,
Như vậy nơi an trú.”
* Thiên Chủ SAKKA vô cùng hoan hỷ cảm thọ thoải mái và hỷ lạc, thốt lên bài kệ:

“Tâm tư không thỏa mãn,
Nghi ngờ và do dự.
Con sống cầu Như Lai,
Thời gian khá lâu dài!
Con nghĩ các Sa Môn,
Sống một mình cô độc.
Là bậc Chánh Đẳng Giác,
Nghĩ vậy con tìm gặp.
Làm thế nào thành công?
Làm thế nào thất bại?
Được hỏi câu hỏi vậy,
Page 129

Không thể chỉ đường hướng.
Biết con là SAKKA,
Bậc Thiên Chủ, đã đến!
Chúng liền gạn hỏi con,
Đến đây có việc gì?
Con liền giảng Chánh Pháp,

Con được nghe cho chúng.
Hoan hỷ, chúng bèn nói:
“VÀSAVA làm chúng thấy!”
Khi con được thấy Phật,
Nghi ngờ đều tiêu tan.
Nay con sống vô úy,
Hầu hạ bậc Chánh Giác.
Mũi tên độc tham ái,
Đấng Chánh Giác nhổ lên.,
Con đảnh lễ Đại Hùng,
Bậc thân tộc mặt trời.
Tôn giả như Phạm Thiên,
Được Chư Thiên đảnh lễ.
Nay con đảnh lễ Ngài,
Nay con kính lễ Ngài!
Ngài là bậc Chánh Giác,
Bậc Đạo Sư vô thượng.
Trong đời kể Chư Thiên,
Không ai sánh với Ngài!”
* Cuối cùng, Thiên Chủ SAKKA khen thưởng PANCASIKHA, con của Càn Thát Bà, và hứa sẽ đóng vai Thân Phụ để kết hợp nàng BHADDÀ với PANCASIKHA.

D. Kết Luận:

Thiên Chủ SAKKA thỏa lòng ao ước, đọc kệ cảm hứng với Quả Dự Lưu, Pháp Nhãn thanh tịnh vô cấu, đã chứng đắc cùng với 80,000 Chư Thiên cũng chứng quả tượng tự, và đảnh lễ đức Thế Tôn.

“Đảnh lễ đấng Thế Tôn, Bậc La Hán, Chánh Giác! Đảnh lễ đấng Thế Tôn,

Page 130

Bậc La Hán, Chánh Giác! Đảnh lễ đấng Thế Tôn, Bậc La Hán, Chánh Giác!”

----------00000----------

Bài 22: KINH ĐẠI NIỆM XỨ (MAHÀSATIPATTHÀNA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho chư tỳ khưu tăng tại kinh đô KAMMÀSSADHAMMA, xứ KURU.

B. Duyên Khởi:

Đức Phật nói đến phương pháp tu tập Tứ Niệm Xứ, an trú niệm vào bốn đối tượng, Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Đây là con đường độc nhất, đưa đến sự thanh tịnh cho chúng

sanh, vượt khỏi sự sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, và chứng ngộ Níp Bàn (NIBBÀNA).

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật thuyết giảng Tứ Niệm Xứ

* Tứ Niệm Xứ là:

(1) Vị tỳ khưu sống quán Thân trên Thân, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm sau khi chế ngự tham ưu ở đời.

(2) Vị tỳ khưu sống quán Thọ trên các Thọ, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm sau khi chế ngự tham ưu ở đời.

(3) Vị tỳ khưu sống quán Tâm trên Tâm, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm sau khi chế ngự tham ưu ở đời.

(4) Vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các Pháp, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm sau khi chế ngự tham ưu ở đời.

Page 131

1. Vị tỳ khưu sống quán Thân trên Thân

- Quán sát chánh niệm tỉnh giác hơi thở vô và ra (dài, ngắn) - Cảm giác cả toàn thân, sẽ thở ra và vô - An tịnh cả toàn thân, tu tập thở ra và vô

* Vị tỳ khưu sống quán Thân trên nội Thân, hay sống quán Thân trên ngoại Thân, hay sống quán Thân trên cả nội Thân, ngoại Thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên Thân, hay sống quán tánh diệt tận trên Thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên Thân. “Có Thân đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Thân trên Thân.

- Quán sát các oai nghi (đại oai nghi, tiểu oai nghi)

* Vị tỳ khưu sống quán Thân trên nội Thân, hay sống quán Thân trên ngoại Thân, hay sống quán Thân trên cả nội Thân, ngoại Thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên Thân, hay sống quán tánh diệt tận trên Thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên Thân. “Có Thân đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Thân trên Thân.

- Quán sát các hành tướng của Thân

* Vị tỳ khưu sống quán Thân trên nội Thân, hay sống quán Thân trên ngoại Thân, hay sống quán Thân trên cả nội Thân, ngoại Thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên Thân, hay sống quán tánh diệt tận trên Thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên Thân. “Có Thân đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí,

chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Thân trên Thân.

Page 132

- Quán sát các Thân Phần (32 Thể Trược) của Thân

* Vị tỳ khưu sống quán Thân trên nội Thân, hay sống quán Thân trên ngoại Thân, hay sống quán Thân trên cả nội Thân, ngoại Thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên Thân, hay sống quán tánh diệt tận trên Thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên Thân. "Có Thân đây," vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Thân trên Thân.

- Quán sát các vị trí và sự sắp đặt của các Giới (Tứ Đại)

* Vị tỳ khưu sống quán Thân trên nội Thân, hay sống quán Thân trên ngoại Thân, hay sống quán Thân trên cả nội Thân, ngoại Thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên Thân, hay sống quán tánh diệt tận trên Thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên Thân. "Có Thân đây," vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Thân trên Thân.

- Quán sát thi thể trong nghĩa địa - Quán sát thi thể quăng bỏ ở nghĩa địa trong ba ngày - Quán sát thi thể bị côn trùng, muôn thú ăn - Quán sát bộ xương còn liên kết với nhau (còn dính thịt, các đường gân cốt còn lại, v.v...) hay sau khi bị rả rời - Quán sát toàn bộ xương trắng màu vỏ ốc trở thành bột

* Vị tỳ khưu sống quán Thân trên nội Thân, hay sống quán Thân trên ngoại Thân, hay sống quán Thân trên cả nội Thân, ngoại Thân, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên Thân, hay sống quán tánh diệt tận trên Thân, hay sống quán tánh sanh diệt trên Thân. "Có Thân đây," vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Page 133

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Thân trên Thân.

2. Vị tỳ khưu sống quán Thọ trên Thọ

- Vị tỳ khưu khi cảm giác Lạc Thọ biết rằng, "Tôi cảm giác Lạc Thọ." - Vị tỳ khưu khi cảm giác Khổ Thọ biết rằng, "Tôi cảm giác Khổ Thọ." - Vị tỳ khưu khi cảm giác Bất Khổ Bất Lạc Thọ biết rằng, "Tôi cảm giác Bất Khổ Bất Lạc Thọ." - Vị tỳ khưu khi cảm giác Lạc Thọ thuộc vật chất hay không vật chất biết rằng, "Tôi cảm giác Lạc Thọ thuộc vật chất hay không vật chất." - Vị tỳ khưu khi cảm giác Khổ Thọ thuộc vật chất hay không vật chất biết rằng, "Tôi cảm giác Khổ Thọ thuộc vật chất hay không vật chất." - Vị tỳ khưu khi cảm giác Bất Khổ Bất Lạc Thọ thuộc vật chất hay không vật chất biết rằng, "Tôi cảm giác Bất Khổ Bất Lạc Thọ thuộc vật chất hay không vật chất."

* Vị tỳ khưu sống quán Thọ trên các nội Thọ, hay sống quán Thọ trên các ngoại Thọ, hay sống quán Thọ trên các nội Thọ, ngoại Thọ, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các Thọ, hay sống quán tánh diệt tận trên các Thọ, hay sống quán tánh sanh diệt trên các Thọ. “Có Thọ đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Thọ trên các Thọ.

3. Vị tỳ khưu sống quán Tâm trên Tâm

* Có một loại trạng thái Tâm:

- Tâm có Tham hay không Tham
- Tâm có Sân hay không Sân
- Tâm có Si hay không Si
- Tâm thâu nhiếp hay bị tán loạn
- Tâm được Đáo Đại hay không được Đáo Đại
- Tâm hữu hạn hay vô thượng
- Tâm có định hay bất định
- Tâm có giải thoát hay không giải thoát

Page 134

* Vị tỳ khưu sống quán Tâm trên nội Tâm, hay sống quán Tâm trên ngoại Tâm, hay sống quán Tâm trên nội Tâm, ngoại Tâm, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên Tâm, hay sống quán tánh diệt tận trên Tâm, hay sống quán tánh sanh diệt trên Tâm. “Có Tâm đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Tâm trên Tâm.

4. Vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các Pháp

- Quán sát Pháp trên các Pháp đối với Ngũ Triền Cái

Vị tỳ khưu với nội tâm có tham dục biết rằng, “nội tâm có tham dục” hay “không có tham dục.” Với tham dục chưa sanh, nay sanh khởi. Với tham dục đã sanh, nay được đoạn diệt. Với tham dục đã được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu với nội tâm có sân hận biết rằng, “nội tâm có sân hận” hay “không có sân hận.” Với sân hận chưa sanh, nay sanh khởi. Với sân hận đã sanh, nay được đoạn diệt. Với sân hận đã được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu với nội tâm có hôn thùy biết rằng, “nội tâm có hôn thùy” hay “không có hôn thùy.” Với hôn thùy chưa sanh, nay sanh khởi. Với hôn thùy đã sanh, nay được đoạn diệt. Với hôn thùy đã được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu với nội tâm có trạo hối biết rằng, “nội tâm có trạo hối” hay “không có trạo hối.” Với trạo hối chưa sanh, nay sanh khởi. Với trạo hối đã sanh, nay được đoạn diệt. Với trạo hối đã

được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu với nội tâm có hoài nghi biết rằng, "nội tâm có hoài nghi" hay "không có hoài nghi." Với hoài nghi chưa sanh, nay sanh khởi. Với hoài nghi đã sanh, nay được đoạn diệt. Với hoài

Page 135

nghi đã được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy.

* Vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các nội Pháp, hay sống quán Pháp trên các ngoại Pháp, hay sống quán Pháp trên các nội Pháp, ngoại Pháp, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các Pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các Pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các Pháp. "Có những Pháp ở đây," vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các Pháp.

- Quán sát Pháp trên các Pháp đối với Ngũ Thủ Uẩn:

Đây là sắc, là sắc sanh, là sắc diệt.
Đây là thọ, là thọ sanh, là thọ diệt.
Đây là tưởng, là tưởng sanh, là tưởng diệt.
Đây là hành, là hành sanh, là hành diệt.
Đây là thức, là thức sanh, là thức diệt.

* Vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các nội Pháp, hay sống quán Pháp trên các ngoại Pháp, hay sống quán Pháp trên các nội Pháp, ngoại Pháp, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các Pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các Pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các Pháp. "Có những Pháp ở đây," vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các Pháp.

- Quán sát Pháp trên các Pháp đối với lục nội ngoại xứ:

Vị tỳ khưu biết mắt và các sắc. Do duyên bởi hai Pháp này, kiết sử sanh khởi. Với kiết sử chưa sanh, nay sanh khởi. Với kiết sử đã sanh, nay được đoạn diệt. Với kiết sử đã được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu biết tai và các tiếng. Do duyên bởi hai Pháp này, kiết sử sanh khởi. Với kiết sử chưa sanh, nay sanh khởi. Với kiết sử đã

Page 136

sanh, nay được đoạn diệt. Với kiết sử đã được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu biết mũi và các khí hơi. Do duyên bởi hai Pháp này, kiết sử sanh khởi. Với kiết sử chưa sanh, nay sanh khởi. Với kiết sử đã sanh, nay được đoạn diệt. Với kiết sử đã được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi

nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu biết lưỡi và các vị. Do duyên bởi hai Pháp này, kiết sử sanh khởi. Với kiết sử chưa sanh, nay sanh khởi. Với kiết sử đã sanh, nay được đoạn diệt. Với kiết sử đã được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu biết thân và các xúc. Do duyên bởi hai Pháp này, kiết sử sanh khởi. Với kiết sử chưa sanh, nay sanh khởi. Với kiết sử đã sanh, nay được đoạn diệt. Với kiết sử đã được đoạn diệt, và vị lai không còn sanh khởi nữa, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy.

* Vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các nội Pháp, hay sống quán Pháp trên các ngoại Pháp, hay sống quán Pháp trên các nội Pháp, ngoại Pháp, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các Pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các Pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các Pháp. “Có những Pháp ở đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các Pháp.

- Quán sát Pháp trên các Pháp đối với Thất Giác Chi:

Vị tỳ khưu biết nội tâm có Niệm Giác Chi hay không có Niệm Giác Chi. Với Niệm Giác Chi chưa sanh, nay sanh khởi. Với Niệm Giác Chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu biết nội tâm có Trạch Pháp Giác Chi hay không có Trạch Pháp Giác Chi. Với Trạch Pháp Giác Chi chưa sanh, nay sanh khởi. Với Trạch Pháp Giác Chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu biết nội tâm có Tinh Tấn Giác Chi hay không có Tinh Tấn Giác Chi. Với Tinh Tấn Giác Chi chưa sanh, nay sanh khởi. Với Tinh Tấn Giác Chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy.

Page 137

Vị tỳ khưu biết nội tâm có Hỷ Giác Chi hay không có Hỷ Giác Chi. Với Hỷ Giác Chi chưa sanh, nay sanh khởi. Với Hỷ Giác Chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu biết nội tâm có Khinh An Giác Chi hay không có Khinh An Giác Chi. Với Khinh An Giác Chi chưa sanh, nay sanh khởi. Với Khinh An Giác Chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu biết nội tâm có Định Giác Chi hay không có Định Giác Chi. Với Định Giác Chi chưa sanh, nay sanh khởi. Với Định Giác Chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy. Vị tỳ khưu biết nội tâm có Xả Giác Chi hay không có Xả Giác Chi. Với Xả Giác Chi chưa sanh, nay sanh khởi. Với Xả Giác Chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị tỳ khưu đều rõ biết như vậy.

* Vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các nội Pháp, hay sống quán Pháp trên các ngoại Pháp, hay sống quán Pháp trên các nội Pháp, ngoại Pháp, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các Pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các Pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các Pháp. “Có những Pháp ở đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các Pháp.

- Quán sát Pháp trên các Pháp đối với Tứ Đế:

Vị tỳ khưu như thật biết, đây là Khổ Thánh Đế, là Khổ Tập Thánh Đế, là Khổ Diệt Thánh Đế, là Khổ Diệt Đạo Thánh Đế. Khổ Thánh Đế gồm có: Sanh-lão-bệnh-tử Khổ; sầu bi Khổ; ưu não Khổ, cầu bất đắc Khổ. Tóm lại, Ngũ Thủ Uẩn là Khổ. Khổ Tập Thánh Đế là sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Bao gồm: Dục Ái, Hữu Ái, và Vô Hữu Ái. Khổ Diệt Thánh Đế là sự diệt tận, không còn luyến tiếc tham ái, sự xả ly, sự thí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (với tham ái). Khổ Diệt Đạo Thánh Đế gồm có: Chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, và chánh định.

Page 138

* Vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các nội Pháp, hay sống quán Pháp trên các ngoại Pháp, hay sống quán Pháp trên các nội Pháp, ngoại Pháp, hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các Pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các Pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các Pháp. “Có những Pháp ở đây,” vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước vật gì ở trên đời.

Chính như vậy, vị tỳ khưu sống quán Pháp trên các Pháp.

II. Khả năng chứng quả của pháp môn Tứ Niệm Xứ

* Vị tỳ khưu tu tập Tứ Niệm Xứ có thể chứng một trong hai quả vị:

1. Chứng quả vị A La Hán (Vô Sinh). 2. Chứng quả vị A Na Hàm (Bất Lai).

Và trong thời gian tu tập và trau giồi Tứ Niệm Xứ, dẫn đến chứng đắc Đạo Quả, là từ bảy ngày cho đến bảy năm.

* Đây là con đường độc nhất, đưa đến sự thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sự sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Níp Bàn (NIBBÀNA). Đó là Tứ Niệm Xứ.

D. Kết Luận:

Sau khi đức Phật chấm dứt thời Pháp Thoại này, Chư Tỳ Khưu Tăng hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 23: KINH TỆ TÚC (PÀYÀSI SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đại đức KUMÀRA KASSAPA đàm thoại cùng với vua PÀYÀSI tại khu rừng SIMSAPÀ, phía Bắc thành SETAVYÀ của xứ KOSALA.

Page 139

B. Duyên Khởi:

Vua PÀYÀSI khởi lên Ác Tà Kiến cho rằng: “Không có đời sau, không có các loại hóa sanh, hành vi thiện ác không có quả báo.” Khi được biết tin đại đức KUMÀRA KASSAPA với danh tiếng đồn đãi là “bậc đa văn quảng kiến, tài cao diệu trí, lời nói thấu tâm, thiện xảo biện tài, bậc trưởng thượng, và bậc A La Hán,” đang cùng 500 vị tỳ khưu tăng lưu trú tại khu rừng SIMSAPÀ, phía Bắc thành SETVAYÀ của xứ KOSALA, đã làm phấn khởi một số Bà La Môn và gia chủ cư ngụ tại đây, và họ mong muốn được đến yết kiến. Do vậy, vua PÀYÀSI cùng đại chúng này đi đến để yết kiến và đàm luận với đại đức KUMÀRA KASSAPA.

C. Chánh Kinh:

I. Đại đức KUMÀRA KASSAPA bác bỏ Ác Tà Kiến của vua PÀYÀSI

* Dùng rất nhiều luận chứng và dẫn chứng rất nhiều ví dụ, đại đức KUMÀRA KASSAPA đã bác bỏ Ác Tà Kiến của vua PÀYÀSI.

1. Với dẫn chứng về mặt trời và mặt trăng thuộc thế giới khác, không phải thế giới này, chúng thuộc Chư Thiên và không thuộc loài người.

- Tuy nhiên, vua PÀYÀSI vẫn giữ quan điểm của mình. Và Vua viện dẫn câu chuyện bạn cố tri đã tạo Ác Nghiệp và có hứa sẽ trở lại, hoặc gửi Sứ Giả đến báo tin ngay sau khi thân hoại mạng chung, nhưng hiện tượng ấy không có xảy ra.

2. Với thí dụ, về một người ăn trộm phạm tội đang thọ lãnh hình phạt, bị cột trói, và dẫn đến pháp trường xử trảm thì không có thể xin phép được đi thăm thân nhân, luôn cả thân bằng quyến thuộc cũng không có thể đi thăm. Do đó, khi người đã tạo Ác Nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải thọ sanh vào Khổ Thú, Đọa Xứ, Địa Ngục, thì không thể nào xin trở lại nhân loại để báo tin được.

- Tuy nhiên, vua PÀYÀSI vẫn giữ quan điểm của mình. Và Vua viện dẫn câu chuyện bạn cố tri đã tạo Thiện Nghiệp và có hứa sẽ trở lại, hoặc gửi Sứ Giả đến báo tin ngay sau khi thân hoại mạng chung, nhưng hiện tượng ấy không có xảy ra.

Page 140

3. Với thí dụ, một người đã bị té, đầu rơi vào hầm phân. Sau đó, được khéo tắm, khéo thoa dầu, khéo sửa soạn trang điểm với vật thơm, được đưa đến lầu đài và hưởng Ngũ Dục Lạc, thì không còn ham muốn đâm đầu vào hầm phân nữa. Cũng như thế, người đã tạo Thiện Nghiệp, khi được thọ sanh về Thiên Giới, rất ghê tởm mùi hôi xú uế của loài người xa đến một trăm do tuần, thì không còn muốn trở lại nhân loại để báo tin.

- Tuy nhiên, vua PÀYÀSI vẫn giữ quan điểm của mình.

4. Đại Đức KASSAPA KUAMÀRA cho biết một ngày một đêm ở cõi Tam Thập Tam Thiên bằng một trăm năm ở Nhân Loại. Tuổi thọ của Chư Thiên ở Cõi Tam Thập Tam Thiên là một ngàn năm. Một vị được sanh về cõi này, liền thọ hưởng Ngũ Dục Lạc đến hai ba ngày đêm, mới trở về Nhân Loại để báo tin thì lúc đó đức Vua đã băng hà lâu rồi.

- Tuy nhiên, vua PÀYÀSI vẫn giữ quan điểm của mình. Và đức Vua không tin có Chư Thiên và tuổi thọ của Chư Thiên.

5. Với thí dụ, một người sanh ra đã mù mắt, không thấy được các sắc tối hay sáng, không thấy được các màu sắc, không thấy được các sắc thô cứng hay tế nhị, không thấy được các vì sao, mặt trời, mặt trăng, thì không thể nói các sự vật ấy không có hiện hữu trên đời. Cũng như vậy, vua PÀYÀSI không thể thấy được Chư Thiên ở cõi Tam Thập Tam Thiên và biết được tuổi thọ của Chư Thiên bằng con mắt thịt của mình được. Chỉ có những vị Sa Môn, Bà La Môn, sống những nơi hẻo lánh trong rừng, ít có tiếng động. Và tại những nơi ấy, các vị này sống không phóng dật, tinh tấn, tinh cần, làm cho Thiên Nhãn thanh tịnh thấy được đời này, đời sau, và thấy được các loại Hóa Sanh.

- Tuy nhiên, vua PÀYÀSI vẫn giữ quan điểm của mình. Và Vua còn cho biết có những vị Sa Môn, Bà La Môn giữ giới, thiện tánh, ham sống ngại chết, ham sướng ngại khổ, đã dùng nhiều phương tiện để tự sát với ý nghĩ là: "Sau khi chúng ta chết rồi, đời chúng ta sẽ được tốt đẹp hơn."

6. Với một thí dụ, một người Bà La Môn có hai vợ, một vợ có con trai 12 tuổi, một vợ đang mang thai, sắp đến kỳ sanh nở. Rồi người Bà La Môn ấy mệnh chung. Người con trai đòi lấy hết tất cả tài sản ở người vợ lẻ mặc cho sự nài nỉ của nữ Bà La Môn này chờ sanh con xong, rõ biết trai

Page 141

hay gái, rồi hãy chia gia tài cho được thích hợp. Nóng lòng, nữ Bà La Môn này đã dùng dao rạch bụng mong sớm biết được thai bào ấy là trai hay gái. Như vậy, người đàn bà ấy đã hại đời sống của mình, hại luôn cái thai, và hại luôn tài sản của mình vì đã đi tìm của thừa tự một cách ngu xuẩn và si mê, nên gặp phải sự nguy hiểm và tai nạn.

Cũng vậy, vì sự ngu xuẩn và si mê, vua PÀYÀSI phải gặp nguy hiểm và tai nạn khi Ngài đã đi tìm đời sau một cách vô trí, tương tự như nữ Bà La Môn ấy vậy. Với những vị Sa Môn, Bà La Môn giữ giới, có thiện tánh thì không bắt buộc cái gì chưa chín phải chín. Vì có Trí, các vị ấy chờ chín muồi đến. Phải cần biết thiết thực giá trị cuộc sống của mình trong đời để làm nhiều thiện, công đức vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại.

- Tuy nhiên, vua PÀYÀSI vẫn giữ quan điểm của mình. Và Vua viện dẫn một câu chuyện về một người ăn trộm phạm tội, bị lãnh hình phạt bỏ vào cái chum, đậy nắp lại, và nổi lửa đốt cháy người ấy. Sau khi chết, mở nắp chum ra, thì không thấy linh hồn của người chết đi ra.

7. Với thí dụ, vua PÀYÀSI đi nghỉ trưa với một giấc ngủ ngon, thấy những cảnh mộng hoan lạc ở vườn, ở rừng, ở đồng bằng, ở ao hồ, thì những người đứng hầu hạ cho Vua cũng không thấy được linh hồn của Vua có đi ra hay vào. Cũng như vậy, cũng không thể thấy được linh hồn của người đã chết có đi vào hay đi ra.

- Tuy nhiên, vua PÀYÀSI vẫn giữ quan điểm của mình. Và Vua viện dẫn một câu chuyện về một người ăn trộm phạm tội, bị thọ lãnh hình phạt, đem cân sống, rồi lấy dây thắt cổ cho đến chết, và khi đem cân lại thì thấy có sự sai khác. Khi còn sống, thì thấy nhẹ, mềm mại, nhu nhuyến, nhưng khi đã chết thì lại nặng hơn, cứng hơn, và không còn nhu nhuyến.

8. Với thí dụ, một thỏi sắt được cân và đem đốt cháy đỏ trọn ngày, rồi đem cân lại sau khi đã nguội lạnh, thì thấy có sự sai khác. Khi nóng đỏ thì thỏi sắt nhẹ, mềm, và nhu nhuyến hơn, nhưng khi thỏi sắt đã nguội lạnh thì nặng hơn, cứng hơn, và không còn nhu nhuyến. Cũng như vậy, khi thân này có tuổi thọ, còn tâm thức, có sức nóng thì nó nhẹ hơn, mềm mại

Page 142

hơn, và nhu nhuyến hơn. Nhưng khi thân này không còn tuổi thọ, không có sức nóng, và không còn tâm thức thì nó nặng hơn, cứng hơn, và không còn nhu nhuyến.

- Tuy nhiên, vua PÀYÀSI vẫn giữ quan điểm của mình. Và Vua viện dẫn một câu chuyện về một người ăn trộm phạm tội, bị thọ lãnh hình phạt, rồi đem giết đi, và lột da ngoài vào trong, lóc thịt thấu đến xương tủy, đánh đập khắp cùng tử thi, nhưng vẫn không thấy được linh hồn của người ấy đi ra. Cho dù có đủ lục căn và lục trần, nhưng người ấy vẫn không có cảm thọ.

9. Với thí dụ, một người thổi tù và, cầm tù bằng vỏ ốc, và đi đến biên giới. Người này thổi tù và ba lần, đặt ống tù và xuống đất, và ngồi xuống một bên. Có người đến hỏi, “Tiếng khả ái, đẹp đẽ, mê ly hấn dẫn, đầy rung cảm ấy từ đâu?” Khi được biết là từ nơi chiếc tù và phát ra, họ đã đặt chiếc tù và nằm ngữa, dựng đứng, dốc đầu xuống, lấy tay đánh cùng khắp tù và (đủ mọi hình thức), và ra lệnh tù và hãy phát âm, nhưng cũng không được như ý. Bởi vì chiếc tù và chỉ phát âm khi có người phụ trợ, có sự nỗ lực phụ trợ, và có thổi phụ trợ.

Cũng như vậy, thân này phải có tuổi thọ phụ trợ, có hơi nóng phụ trợ, và có tâm thức phụ trợ, thì thân mới có hành động, và lục căn tiếp xúc lục trần thì khởi lên cảm thọ. Và ngược lại, nếu không có tuổi thọ phụ trợ, không có hơi nóng phụ trợ, và không có tâm thức phụ trợ, thì thân này không có hành động, và không có lục căn tiếp xúc lục trần thì cũng không khởi lên cảm thọ.

- Tuy nhiên, vua PÀYÀSI vẫn giữ quan điểm của mình. Và Vua viện dẫn một câu chuyện về một người ăn trộm phạm tội, bị thọ lãnh hình phạt, rồi đem đi cắt thịt, cắt gân, cắt xương, thấu đến xương tủy, nhưng vẫn không thấy được linh hồn của người ấy đi ra.

10. Với thí dụ, một người bện tóc thờ lửa, thấy một đứa bé bị quăng bỏ trong ngôi nhà trống, đem về nuôi dưỡng trong một ngôi nhà lá, tại một khu rừng. Khi đứa bé đến tuổi mười hay mười hai, người cha có việc phải xuống đồng bằng và căn dặn người con phải chăm sóc ngọn lửa, đừng để nó tắt. Nếu lửa có tắt thì phải biết dùng búa nhỏ, củi khô, đồ quay để nhóm lửa, nhen lửa lại, và chăm sóc ngọn lửa.

Page 143

Vì mãi vui chơi, khiến lửa tắt lịm, đứa bé lấy búa chẻ đồ quay lửa với ý nghĩ, “ta sẽ tìm thấy lửa,” nhưng chẻ mãi cho đến vụn nhỏ, lại đem ra sàng trước gió lớn, cũng không tìm thấy lửa. Sau khi xong việc ở đồng bằng, người cha trở về thấy ngọn lửa bị tắt, và được nghe người con thuật lại hết mọi hành động của mình để tìm ra lửa, để nhen nhóm lại ngọn lửa đã tắt. Người bện tóc thờ lửa liền suy nghĩ,“đứa bé này thật ngu si và kém thông minh. Sao lại đi tìm lửa một cách thiếu suy tư như thế này!” Sau đó, người cha đã chỉ dạy lại và thực hành trước mắt cho người con được thấu hiểu rõ ràng.

Cũng như vậy, vua PÀYÀSI đã đi tìm đời sau một cách ngu si và kém thông minh, kém suy tư, sẽ phải dấn thân vào sự bất an và đau khổ trường kỳ. Hãy nên từ bỏ Ác Tà Kiến ấy!

- Dầu được khuyên bảo như thế, vua PÀYÀSI cũng không thể từ bỏ Ác Tà Kiến vì sợ sự phê bình của vua PASENÀDI và các vua khác, cho dù phải bị tức giận, phải bị lừa gạt, và vì tự trọng, vua PÀYÀSI phải chấp chặt vào Ác Tà Kiến này.

11. Với thí dụ, có hai đoàn lữ hành, mỗi đoàn có một vị lãnh đạo với 500 cỗ xe vượt qua bãi sa mạc. Đoàn thứ nhất đi không được bao lâu thì bị lâm nạn, tất cả đều gặp phải sự bất hạnh và tai nạn. Tất cả loài người và thú vật trong lữ đoàn ấy đều bị Dạ Xoa phi nhân ăn thịt, chỉ còn xương để lại vì bị người lãnh đạo ngu si hướng dẫn. Đoàn thứ hai, vượt qua sa mạc được an toàn và thu lượm được những vật quý giá vì được hướng dẫn bởi một vị lãnh đạo sáng suốt. Cũng như vậy, vua PÀYÀSI ngu si, không có trí sẽ gặp hoạn nạn vì đã đi tìm kiếm đời sau một cách thiếu suy tư, giống như người lãnh đạo đoàn thứ nhất vậy.

- Dầu được khuyên bảo như thế, vua PÀYÀSI cũng không thể từ bỏ Ác Tà Kiến vì sợ sự phê bình của vua PASENÀDI và các vua khác, cho dù phải bị tức giận, phải bị lừa gạt, và vì tự trọng, vua PÀYÀSI phải chấp chặt vào Ác Tà Kiến này.

12. Với thí dụ, có một người nuôi heo thấy một đống phân khô bị quăng bỏ và nghĩ đống phân khô này sẽ làm thành thức ăn cho các con heo của mình. Rồi cởi áo bên ngoài, bỏ đống phân khô vào áo, cột lại, và đội lên đầu đi về nhà. Đi giữa đường, một con mưa lớn trái mùa xẩy ra. Đống phân khô ấy bị nước thấm vào, chảy ra thành giọt, làm cho người nuôi

Page 144

heo bị lấm lem phân cho đến đầu móng tay, chẳng tìm lấy một giá trị nào lợi ích. Cũng như vậy, vua PÀYÀSI chẳng khác nào như người đội đống phân khô lên trên đầu và đi trong mưa gió vậy. Hãy từ bỏ Ác Tà Kiến vì nó dẫn đến sự đau khổ, bất hạnh lâu dài.

- Dầu được khuyên bảo như thế, vua PÀYÀSI cũng không thể từ bỏ Ác Tà Kiến vì sợ sự phê bình của vua PASENÀDI và các vua khác, cho dù phải bị tức giận, phải bị lừa gạt, và vì tự trọng, vua PÀYÀSI phải chấp chặt vào Ác Tà Kiến này.

13. Với thí dụ, có hai người đánh bạc đổ con xúc xắc. Một con bạc mỗi lần thua liền ngậm con xúc xắc thất bại, nhưng không được biết con xúc xắc ấy đã bị người kia bôi thuốc độc, nên phải gặt hái nhiều đau đớn. Cũng như vậy, vua PÀYÀSI chẳng khác nào như người đánh bạc, ngậm con xúc xắc có tẩm thuốc độc vậy. Hãy từ bỏ Ác Tà Kiến vì nó dẫn đến sự đau khổ, bất hạnh lâu dài.

- Dầu được khuyên bảo như thế, vua PÀYÀSI cũng không thể từ bỏ Ác Tà Kiến vì sợ sự phê bình của vua PASENÀDI và các vua khác, cho dù phải bị tức giận, phải bị lừa gạt, và vì tự trọng, vua PÀYÀSI phải chấp chặt vào Ác Tà Kiến này.

14. Với thí dụ, có hai người đi từ làng này sang làng nọ. Trên đường đi, một người ôm chặt giữ lấy một đống gai quăng bỏ bên đường lúc ban đầu đã lượm nhặt được và quyết không thay đổi ý kiến, cho dù trên đường gặp rất nhiều vật có giá trị hơn đống gai khô. Còn người kia, thì biết bỏ đi những vật không có giá trị và chỉ giữ lấy những vật có giá trị mà thôi. Cuối cùng cả hai người đều về lại nhà. Với người chỉ ôm giữ lấy đống gai khô mang về tới nhà, làm cho cha mẹ không được vui, vợ con không được vui, bạn bè không được vui, và chính người ấy cũng cảm thọ không được vui. Còn người thứ hai thì đem về nhà một bao vàng ròng, làm cho cha mẹ người ấy được vui, vợ con người ấy được vui, bạn bè người ấy cũng được vui, và chính người ấy cũng cảm thọ hạnh phúc hoan hỷ. Cũng như vậy, vua PÀYÀSI chẳng khác nào như người khư khư ôm giữ lấy đống gai khô, mà không chịu thay đổi ý kiến vậy. Hãy từ bỏ Ác Tà Kiến vì nó dẫn đến sự đau khổ, bất hạnh lâu dài.

* Với nhiều luận chứng và thí dụ diễn giải của đại đức MAHÀKASSAPA để vua PÀYÀSI từ bỏ Ác Tà Kiến của mình, nhưng vua PÀYÀSI vẫn

Page 145

nhất định giữ lấy Ác Tà Kiến. Cuối cùng, Vua cho biết là chính Vua đã hoan hỷ ngay với những câu ví dụ đầu tiên, tuy nhiên, vì muốn được nghe cho thấu triệt với những câu giải đáp thông minh tuyệt diệu của Đại Đức mà Vua đã giả làm như không chấp nhận các câu trả lời. Và sau đó, vua PÀYÀSI đã xin quy ngưỡng Tam Bảo và xin Đại Đức làm chỗ y chỉ cho đến trọn đời. Vua ngỏ lời xin Đại Đức chỉ dạy việc thiết lễ một đại tế đàn để được hưởng hạnh phúc an lạc lâu dài.

II. Đại đức KUMÀRA KASSAPA hướng dẫn vua PÀYÀSI thực hiện đại lễ tế đàn đúng theo Chánh Pháp

* Với lễ tế đàn được làm Phi Pháp, Tà Đạo thì không đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, và không được quảng bá rộng lớn. Cũng ví như người làm ruộng đi vào rừng, đem theo hạt giống và cày. Và trên một khoảng đất không cày bừa, không có mầu mỡ, giữa những gốc cây chưa được đào lên, người ấy gieo những hột giống xuống, những hột giống ấy bị hư sứt, bị thúi mục, bị gió và sức nóng phá hại, trái mùa, không có điều kiện thuận tiện, và thần mưa không cho mưa đúng thời, để đâm chồi nẩy lộc, và gặt hái không được như ý muốn.

* Với lễ tế đàn được làm Chánh Pháp, Chánh Đạo thì đem lại quả báo lớn, lợi ích lớn, danh tiếng lớn, và được quảng bá rộng lớn. Cũng ví như người làm ruộng đi vào rừng đem theo hạt giống và cày. Và trên một khoảng đất có cày bừa, có mầu mỡ, giữa những gốc cây đã được đào lên, người ấy gieo những hột giống xuống, những hột giống ấy không bị hư sứt, không bị thúi mục, không bị gió và sức nóng phá hại, thuận mùa, có điều kiện thuận tiện, và thần mưa cho mưa đúng thời, để đâm chồi nẩy lộc, và gặt hái nhiều kết quả tốt đẹp.

III. Vua PÀYÀSI tổ chức lễ tế đàn không hoàn bị và mạng chung thọ sanh vào Chúng Tứ Đại Thiên Vương

* Với những vật phẩm đem cho những người nghèo, người vô gia cư, người ăn xin, cho đến các vị Sa Môn, Bà La Môn, vua PÀYÀSI đã bố thí không được hoàn bị vì đã bố thí không tự tay mình làm, vì đã bố thí không có suy tư, vì đã bố thí các đồ vật phế thãi, và sau khi thân hoại mạng chung, phải thọ sanh vào Hội Chúng Thiên của Tứ Đại Thiên Vương, trong cung điện trống không của SERÌSAKA.

Page 146

* Cùng lúc ấy, có một thanh niên cũng làm việc bố thí nhưng với việc bố thí một cách hoàn bị vì đã bố thí do tự tay mình làm, vì đã bố thí có suy tư, vì đã bố thí các đồ vật thượng phẩm, và sau khi thân hoại mạng chung, được thọ sanh vào Hội Chúng Thiên của Tam Thập Tam Thiên.

* Thiên Tử PÀYÀSI đi đến để thuật lại giữa hai câu chuyện bố thí này cho đại đức GAVAMPATI, lúc Đại Đức đang nghỉ trưa tại cung điện SERÌSAKA, và muốn nhờ Đại Đức đi trở về thế giới nhân loại loan báo cho mọi người được biết qua hai việc bố thí này, và việc gặt hái nhiều kết quả lợi ích.

D. Kết Luận:

Đại đức GAVAMPATI đem thuật lại câu chuyện bố thí để tất cả mọi người được hiểu biết.

----------00000----------

BÀI 24: KINH BA LÊ (PÀTIKA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết Pháp Thoại này tại Tịnh Xá của du sĩ BHAGGAVA, trong thành ANUPIYA, ở giữa bộ lạc MALLA.

B. Duyên Khởi:

Do du sĩ BHAGGAVA đem câu chuyện một đệ tử của đức Phật, có tên là SUNAKKHATTA, thuộc bộ lạc LICCHAVI, đã tuyên bố từ bỏ đức Thế Tôn.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật trả lời về vấn đề từ bỏ của SUNAKKHATTA

1. Về vấn đề Thần Thông

* Thật sự không phải là vấn đề từ bỏ, mà chỉ là những vấn đề Tà Kiến, mà SUNAKKHATTA đã nuôi dưỡng và khai thác vì không được thỏa

Page 147

mãn như ý muốn, nên mới đề cập đến vấn đề từ bỏ đức Thế Tôn và ra đi.

* Vấn đề Thần Thông, vấn đề khởi nguyên thế giới là những vấn đề cho dù đức Phật tuy có thực chứng, thực chứng tri, nhưng Ngài không chú trọng vì không lợi ích và không liên quan đến chỗ tận diệt khổ đau, đưa đến giải thoát khổ đau.

* Đức Phật kể lại câu chuyện của lõa thể KORAKKATTIYA và lõa thể KANDARAMASUKA sống ở VESÀLI, cùng với lõa thể PÀTIKAPUTTA sống ở VESÀLI.

(1) Lõa thể KORAKKHATTIYA tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lết trên đất, lấy miệng mà ăn các vật thực. Đức Phật cho biết sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sẽ bị quăng trong nghĩa địa đặt trên đống cỏ BÌRANA, và sau khi chết sẽ tái tục thuộc loại KÀLAKANJÀ, một trong loại ASURÀ thấp kém nhất.

(2) Lõa thể KANDARAMASUKA phát nguyện thọ trì bảy giới hạnh như sau đến trọn đời:

Theo hạnh lõa thể, không mặc quần áo.
Sống Phạm Hạnh, không có hành dâm.
Tự nuôi sống với rượu và thịt, không phải với cháo và cơm.
Không bao giờ đi qua tháp UDANA, phía Đông thành
VESÀLI.
Không bao giờ đi qua tháp GOTAMAKA, phía Nam thành
VESÀLI.
Không bao giờ đi qua tháp SATTAMBA, phía Tây thành
VESÀLI.
Không bao giờ đi qua tháp BAHUPUTTA, phía Bắc thành
VESÀLI.

* Nhờ tuân thủ bảy giới hạnh này, mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng VAJJI. Đức Phật cho biết không bao lâu, lõa thể KORAKKHATTIYA sẽ sống mặc áo và lập gia đình, ăn cơm cháo, đi vượt qua các tháp ở VESÀLI, và bị chết mất hết cả danh xưng.

Page 148

(3) Lõa thể PÀTIKAPUTTA sống ở VESÀLI, được cúng dường và danh xưng tối thượng ở làng VAJJI, khởi lên tư tưởng muốn thách đố đức Phật đấu pháp Thượng Nhân Thần Thông nhờ trí lực của mình. Tuy nhiên, đức Phật cho biết rằng, PÀTIKAPUTTA không dám đối diện với Ngài. Vì PÀTIKAPUTTA không có Tàm Quý, nói sai sự thật, như đã nói không đúng sự thực về việc thọ sanh của vị tướng quân AJITA là sẽ phải thác sanh vào Đại Địa Ngục, nhưng thực ra là được thọ sanh về cõi Tam Thập Tam Thiên.

* Tất cả những sự việc mà đức Phật đã tuyên bố trước, đều có xảy ra đúng như thực, đến cả ba vị lõa thể này.

2. Về vấn đề khởi nguyên thế giới

* Đức Phật rõ biết khởi nguyên thế giới, nhưng Ngài không có chấp trước, tự thân thấu hiểu được sự an tịnh, và chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Ngài không rơi vào lầm lỗi.

* Có một số Sa Môn, Bà La Môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới:

Theo truyền thống là do Tự Tại Thiên (ISSARA) tạo ra, do Phạm Thiên (BRAHMA) tạo ra. Theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc, do bởi những hạng Chư Thiên gọi là KHIDDÀPADOSIKÀ (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc), mê say trong hý tiếu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiếu dục lạc, nên bị thất niệm. Do thất niệm, Chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của chúng. Theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí, do có những hạng Chư Thiên gọi là MANOPADOSIKÀ (bị nhiễm hoặc bởi tâm trí), sống lâu với thời gian và nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của chúng oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân tâm chúng mệt mỏi. Các hạng Chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân của chúng. Theo truyền thống là do sự Vô Nhân sanh, từ Vô Tưởng Hữu Tình. Khi một Tưởng niệm khởi sanh lên, thời các Phạm Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân Phạm Thiên của mình.

II. Đức Phật xác nhận một vài quan niệm sai lầm của ngoại đạo

Page 149

* Ngoại đạo bài xích đức Phật một cách không thật, trống không, hư ngụy, giả dối, và cho rằng, “Sa Môn GOTAMA và các tỳ khưu là điên đảo vì Sa Môn GOTAMA đã tuyên bố là khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh.”

* Tuy nhiên, sự thật là đức Phật đã tuyên bố như sau: “Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh.”

* Sự xác nhận này thật vô cùng quan trọng, vì ở đây, đức Phật đã chứng minh thái độ lạc quan, tích cực, hướng thiện, đầy lòng tin tưởng giáo lý của Ngài, để trả lời những câu thiển cận cho rằng đạo Phật là bi quan, yếm thế, tiêu cực.

D. Kết Luận:

Khi đức Thế Tôn dứt lời Pháp Thoại này, du sĩ BHAGGAVA hoan hỷ tín thọ lời dạy của Ngài.

----------00000----------

BÀI 25: KINH ƯU ĐÀM BÀ LA SƯ TỬ HỐNG (UDUMBARIKÀ SÌHANÀDA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Từ núi GIJJHAKÙTA thuộc RÀJAGAHA, đức Phật đi đến vườn nuôi dưỡng chim Khổng Tước, bên bờ sông SUMÀGADHÀ, để đàm thoại với du sĩ NIGODHA, liên quan đến vấn

đề tu Khổ Hạnh.

B. Duyên Khởi:

Gia chủ SANDHÀNA đi đến vườn của nữ hoàng UDUMBARIKÀ để thăm Hội Chúng của du sĩ ngoại đạo NIGODHA, và đã so sánh nếp sống ồn ào của Hội Chúng NIGODHA với nếp sống an tịnh của Hội Chúng đức Thế Tôn. Nhân đó, du sĩ NIGODHA liền thách đố đức Phật đến biện luận với mình, và xem có thể chận đứng ngay, có thể lăn tròn đức Phật như lăn tròn cái bình không.

C. Chánh Kinh:

Page 150

I. Đức Phật thuyết giảng về sự thành tựu khổ hạnh và sự không thành tựu khổ hạnh

* Đức Phật đề nghị với du sĩ NIGODHA hãy nên vấn hỏi Ngài về vấn đề Tối Thắng Khổ Hạnh theo truyền thống của NIGODHA, đã làm cho Hội Chúng của Du Sĩ khởi tâm kinh ngạc, "Thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, đại thần lực, và đại uy lực của Sa Môn GOTAMA, Ngài không đề cập đến giáo lý của mình, mà lại đề nghị thảo luận giáo lý của người khác!"

Và du sĩ NIGODHA đã vấn hỏi: "Thế nào là sự thành tựu Khổ Hạnh? Thế nào là sự không thành tựu Khổ Hạnh?"

* Theo đức Phật, các hạnh tu Khổ Hạnh có thể đưa đến nhiều loại cấu uế cho người thực hành. Và có tất cả 16 trường hợp của sự Khổ Hạnh đưa đến sự cấu uế cho người thực hành:

(1) Do siêng tu Khổ Hạnh, phát sanh hoan hỷ tâm tư thỏa mãn. (2) Do siêng tu Khổ Hạnh, khởi lên khen mình chê người. (3) Do tu hành Khổ Hạnh, trở thành mê say, nhiễm trước, phóng dật. (4) Do tu hành Khổ Hạnh, được thọ lãnh cúng dường, cung kính, danh vọng, trở thành hoan hỷ tâm tư thỏa mãn. (5) Do tu hành Khổ Hạnh, được cung kính, cúng dường, danh vọng, nên khen mình chê người. (6) Do tu hành Khổ Hạnh, được cung kính, cúng dường, danh vọng, trở thành mê say, chấp trước, phóng dật. (7) Do tu hành Khổ Hạnh, khởi lên sự phân biệt các thức ăn. Với các thức ăn thích hợp thì nắm giữ, tham đắm, chấp trước, không thấy sợ các sự nguy hiểm và không giải thoát khỏi chúng. Với các thức ăn không thích hợp thì cố ý từ bỏ. (8) Do tu hành Khổ Hạnh, khởi lên sự mong mỏi được sự cúng dường, cung kính, danh vọng ở các vua chúa, đại thần, Sát Đế Lỵ, Bà La Môn, v.v... (9) Do tu hành Khổ Hạnh, khởi lên sự chống báng những vị Sa Môn, Bà La Môn khác, v.v... (10) Do tu hành Khổ Hạnh, khởi sanh tật đố, ganh tỵ đối với các gia đình không cung kính, không cúng dường, không lễ bái mình. (11) Do tu hành Khổ Hạnh, muốn trở thành người ngồi giữa công chúng.

Page 151

(12) Do tu hành Khổ Hạnh, không muốn cho mọi người thấy sự khó khăn khi đi khất thực giữa các gia đình. (13) Do tu hành Khổ Hạnh, còn có tâm ý gian trá, không như thực, làm bộ có vẻ bí mật, cố tình nói láo. (14) Khi đức Phật hay đệ tử của Ngài thuyết

pháp và dùng một phương pháp đáng được chấp nhận thì người tu hành Khổ Hạnh lại không chấp nhận. (15) Người tu hành Khổ Hạnh lại còn hay tức giận và ôm lòng oán thù. (16) Người tu hành Khổ Hạnh thường hay giả dối, lừa đảo, tật đố và hà tiện, giảo hoạt và ngụy trá, cứng cỏi và quá mạn, có ác ý và bị ác ý chi phối, có tà kiến và có tư tưởng cực đoan, chấp trước kinh nghiệm tự thân, cứng đầu, và khó giải thoát.

* Và ngược lại với những điều Khổ Hạnh cấu uế trên, là sự Khổ Hạnh đạt đến sự thanh tịnh, đạt đến sự tối thượng, và đạt đến sự căn bản cho người thực hành.

* Tuy nhiên theo đức Phật, những Khổ Hạnh trên, quả thật chưa đạt đến sự tối thượng, chưa đạt đến căn bản, chúng chỉ mới đạt đến vỏ bên ngoài mà thôi.

II. Đức Phật thuyết giảng về những Khổ Hạnh đạt đến Tối Thượng và Căn Bản

1. Có vị Khổ Hạnh tu Bốn Pháp Chế Ngự:

Không có tự sát sanh, không có bảo người khác sát sanh, không có tùy hỷ với việc sát sanh. Không có lấy của không cho, không có khiến người khác lấy của không cho, không có tùy hỷ lấy của không cho. Không có nói láo, không có khiến người khác nói láo, không có tán thán sự nói láo. Không có tham vọng dục tình, không có khiến người khác có tham vọng dục tình, không có tán thán tham vọng dục tình.

Với người Khổ Hạnh tu hành Bốn Pháp Chế Ngự như vậy, sự Khổ Hạnh chỉ có tiến lên và không có rơi xuống hạ phẩm.

2. Vị Khổ Hạnh tiếp tục tu tập diệt trừ Ngũ Triền Cái:

Page 152

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, an trú với tâm thoát ly tham ái, gột sạch tâm hết tham ái. Vị ấy từ bỏ sân tâm, an trú với tâm thoát ly sân tâm, khởi lòng thương tưởng mọi loài chúng sanh, gột sạch tâm hết sân hận. Vị ấy từ bỏ hôn trầm thùy miên, an trú với tâm thoát ly hôn trầm thùy miên, tưởng niệm đến ánh sáng, chánh niệm, tỉnh giác, gột sạch tâm hết hôn trầm thùy miên. Vị ấy từ bỏ trạo hối, an trú với tâm thoát ly trạo hối, nội tâm an tịnh, gột sạch tâm hết trạo hối. Vị ấy từ bỏ nghi hoặc, an trú với tâm thoát ly nghi ngờ, không còn nghi hoặc, gột sạch tâm không còn nghi hoặc đối với các Thiện Pháp.

3. Vị Khổ Hạnh tiếp tục tu tập phát triển Tứ Vô Lượng Tâm:

Vị ấy với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm nhẹ, vị ấy an trú, biến mãn từ một phương đến nhiều phương, đến cùng khắp vô biên thế giới xa gần, với tâm câu hữu với Từ Ái, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm nhẹ, vị ấy an trú, biến mãn từ một phương đến nhiều phương, đến cùng khắp vô biên thế giới xa gần, với tâm câu hữu với Bi Mẫn, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm nhẹ, vị ấy an trú, biến mãn từ một phương đến nhiều phương, đến cùng khắp vô biên thế giới xa gần, với tâm câu hữu với Tùy Hỷ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy với trí tuệ làm cho các tâm cấu uế giảm nhẹ, vị ấy an trú, biến mãn từ một phương đến nhiều phương, đến

cùng khắp vô biên thế giới xa gần, với tâm câu hữu với Hành Xã, quảng đại, vô biên, không hận, không sân.

4. Vị Khổ Hạnh dẫn Tâm hướng đến Túc Mạng Minh, Thiên Nhãn Minh (Sanh Diệt Trí):

Vị ấy dẫn Tâm hướng đến Túc Mạng Minh, nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Vị ấy với Thiên Nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ

Page 153

cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

III. Du sĩ NIGODHA tác bạch sám hối với đức Thế Tôn

* Gia chủ SANDHÀNA nhắc lại lời thách thức của du sĩ NIGODHA đối với đức Phật, khiến cho du sĩ NIGODHA phát tâm hối hận, im lặng, ủ rũ, sụp xuống, gục đầu, ưu tư, câm miệng, và cuối cùng tác bạch sám hối tội lỗi: “Kính bạch đức Thế Tôn, con đã phạm tội một cách ngu si, mờ ám, bất thiện, khi con đã nói về Thế Tôn như vậy. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho tội ấy là phạm tội, để con ngăn ngừa về sau.”

* Đức Phật xác nhận hiệu năng phương pháp tu hành của Ngài, nêu rõ mục đích của Ngài không phải chiếm đoạt đệ tử của bất luận ai, mà chỉ mong đem lại sự tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại Phạm Hạnh và mục tiêu Vô Thượng cho những ai chân chánh thực hành.

* Mặc dầu được sự gợi ý của đức Phật, nhưng Hội Chúng ngoại đạo của du sĩ NIGODHA đã bị Ác Ma che ám tâm thức của họ, cho nên không biết tìm sự lợi ích để đến nương tựa vào Ngài, đặng trau giồi đời sống Phạm Hạnh.

D. Kết Luận:

Đức Thế Tôn rống lên tiếng sư tử hống trong khu vườn của hoàng hậu UDUMBARIKÀ dành cho hàng Du Sĩ, Ngài bay trên hư không, và hạ xuống núi GIJJHAKÙTA. Còn gia chủ SANDHÀNA trở vào thành RÀJAGAHA.

----------00000----------

Bài 26: KINH CHUYỂN LUÂN THÁNH VƯƠNG SƯ TỬ HỐNG (CAKKAVATTI SÌHANÀDA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này đến Chư Tỳ Khưu Tăng tại MATULÀ, xứ MAGADHA.

Page 154

B. Duyên Khởi:

Đức Phật khuyến khích Chư Tỳ Khưu hãy nên sống tự mình, là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa vào một ai khác, lấy Chánh Pháp làm ngọn đèn, nương tựa vào Chánh Pháp, không nương tựa vào một gì khác.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật kể lại câu chuyện vua Chuyển Luân Thánh Vương có tên là DALHANEMI

* Vua DALHANEMI là một vị Pháp Vương, lấy Chánh Pháp trị nước (xả thí, trì giới, ban bố của cải, làm việc công ích, chánh trực, dịu hòa, dứt bỏ việc ác, vô hại, nhẫn nại, bất đối lập), có đầy đủ bảy món báu, chinh phục bốn thiên hạ, thống trị các quốc độ.

* Vị Pháp Vương này khi được biết tin Thiên Bảo Luân lặn xuống nước một ít, tức thời rời khỏi vị trí cũ, liền thoái vị, phong Hoàng Tử lên ngôi vương vị, còn tự mình xuất gia, hành Đạo Sĩ, thành vị Vua ẩn sĩ. Sau khi vị ẩn sĩ xuất gia được bảy ngày, thì Thiên Bảo Luân liền biến mất.

* Vị Vua ẩn sĩ khuyên bảo Hoàng Tử chớ có không vui, chớ có sầu muộn. Khuyên bảo Hoàng Tử hãy nên thực hành Thánh Vương Chánh Pháp và đã làm cho Thiên Bảo Luân xuất hiện trở lại. Khi Thiên Bảo Luân hiện ra trở lại, Hoàng Tử đã đi nhiếp phục quốc độ, chinh phục quả đất cho đến hải biên với Thiên Bảo Luân này và biết dùng Chánh Pháp trị vì quốc độ.

* Cũng giống như Tiên Đế, vị Vua này trị vì quốc độ cho đến khi Thiên Bảo Luân rời khỏi vị trí cũ, liền thoái vị, và phong Hoàng Tử lên ngôi Vua, còn mình lại đi xuất gia làm vị Vua ẩn sĩ.

Vị Thái Tử sau này trị vì đất nước không được sáng suốt, nên nghèo đói lan rộng, trộm cắp khởi sanh, hình phạt được đặt ra, cướp bóc giết hại, sát sanh, vọng ngữ tràn lan. Do các Bất Thiện Pháp này đã làm cho tuổi thọ loài người giảm thiểu dần dần từ 80,000 năm cho đến chỉ còn 10 năm tuổi thọ. Khi tuổi thọ của loài người chỉ còn 10 năm, thì ác tâm rất mãnh

Page 155

liệt, sân tâm rất mãnh liệt, dục tâm rất mãnh liệt, và loài người sát hại lẫn nhau hết sức khủng khiếp.

* Những người sống sót còn lại mới hồi tâm, tích cực trau giồi các thiện sự. Do hành thiện pháp làm nhân, tuổi thọ chúng sanh được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh, tăng dần lên đến 80,000 năm tuổi thọ. Khi tuổi thọ loài người lên đến 80,000 năm, ở kinh đô KETUMATÌ, có vị Chuyển Luân Thánh Vương tên là SANKHA ra đời, là một vị Pháp Vương, lấy Chánh Pháp trị vì quốc độ với đầy đủ bảy món báu, chinh phục bốn thiên hạ, trị vì các quốc độ. Và khi tuổi thọ loài người lên đến 80,000 năm, có đức Phật tên là METTEYYYA hiện hữu trên đời, lấy Chánh Pháp độ sanh.

II. Đức Phật khuyên bảo Chư Tỳ Khưu tăng hãy nên tìm cầu sự lợi ích

* Đức Phật khuyến khích Chư Tỳ Khưu hãy nên sống tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa vào một ai khác, lấy Chánh

Pháp làm ngọn đèn, nương tựa vào Chánh Pháp, không nương tựa vào một gì khác.

* Hãy nên gìn giữ uy nghi Chánh Hạnh, khép mình trong giới hạn cho phép của mình, và như thế, sẽ làm cho tuổi thọ được tăng thịnh, sắc đẹp được tăng thịnh, an lạc được tăng thịnh, tài sản được tăng thịnh, thế lực được tăng thịnh.

* Lấy Chánh Pháp tu tập để được năm điều tăng thịnh:

Tu tập Tứ Thần Túc làm cho tuổi thọ tăng thịnh. Sống giữ giới luật, chế ngự với sự chế ngự của giới bổn PÀTIMOKKHA, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh, và tu học trong giới pháp, làm cho sắc đẹp tăng thịnh. Trau giồi và phát triển Tứ Thiền Định làm cho sự an lạc được tăng thịnh. An trú và biến mãn Tứ Vô Lượng Tâm làm cho tài sản được tăng thịnh. Diệt tận các Lậu Hoặc làm cho thế lực được tăng thịnh.

D. Kết Luận:

Page 156

Đức Phật quán sát và thấy không có uy lực nào khác, khó nhiếp phục hơn uy lực của Ma Vương. Chính do vậy, đức Phật khuyên khích Chư Tỳ Khưu nên chấp nhận và thực hành những Thiện Pháp này, mà công đức được tăng thịnh. Sau khi đức Phật dứt lời Pháp Thoại này, Chư Tỳ Khưu Tăng hoan hỷ tín thọ lời dạy của Ngài.

----------00000----------

BÀI 27: KINH KHỞI THẾ NHÂN BỔN (AGGAÑÑA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho hai vị Bà La Môn, có tên là VÀSETTHA và BHÀRADVÀJÀ, tại PUBBÀRÀMA, ở lầu của MIGÀRAMÀTU, thành SÀVATTHI.

B. Duyên Khởi:

Hai vị Bà La Môn, VÀSETTHA và BHÀRADVÀJÀ, khởi tâm muốn xuất gia để trở thành hai vị Tỳ Khưu, nhưng đã bị các vị Bà La Môn khác chỉ trích với những lời phỉ báng thật chí tình, phỉ báng thật toàn diện vì xem như hai người này từ bỏ giai cấp tối thượng là giai cấp Bà La Môn và đi xuống giai cấp hạ tiện là giai cấp Sát Đế Lỵ.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật phủ nhận giá trị tối thượng của giai cấp Bà La Môn và xác nhận sự bình đẳng của bốn giai cấp theo hành vi Thiện và Ác của mình

* Có bốn giai cấp hiện hữu: Sát Đế Lỵ (KHATTIYA), Bà La Môn (BRÀHMANÀ), Phệ Xá (VESSÀ), và Thủ Đà La (SUDDA).

* Bất luận người nào thuộc một trong những giai cấp trên mà thực hành Ác Nghiệp, thì quả thật xứng bị chỉ trích, và ngược lại, thực hành những Thiện Nghiệp, thì thật xứng được tán thán khen ngợi.

Page 157

* Nếu có ai trong bốn giai cấp ấy là một vị Tỳ Khưu, một vị A La Hán đã diệt tận mọi Lậu Hoặc, thành tựu Phạm Hạnh, đã đạt mục đích tối thượng, Hữu Kiết Sử đã diệt, nhờ Chánh Trí đã được giải thoát, vị ấy sẽ được xem là tối thượng so với bốn giai cấp vì xứng với Pháp, không phải không xứng với Pháp.

* Đức Phật xác định chính Pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình trong đời này và đời sau. Một dẫn chứng điển hình là vua PASENADI, nước KOSALA, đã tôn kính, lễ độ, đảnh lễ, đứng dậy, chắp tay, và đối xử với đức Phật rất lễ độ, phải phép. Vì rằng vua PASENADI của KOSALA biết tôn trọng Pháp, cung kính Pháp, đảnh lễ Pháp, cúng dường Pháp.

* Đệ tử của đức Phật với lòng tin được an trí, có căn để, một lòng tin không bị lôi kéo, an trú, và chắc chắn trong Chánh Pháp, xứng danh là "con chính tông của đức Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do Pháp sanh, do Pháp tạo, là con cháu thừa tự của Pháp" vì có những chữ đồng nghĩa với đức Thế Tôn là "Pháp Thân, Phạm Thân, Pháp Thể, Phạm Thể."

II. Đức Phật đề cập đến khởi nguyên thế giới và sự hình thành bốn giai cấp trong xã hội

1. Đức Phật đề cập đến khởi nguyên Thế Giới

* Khi Thế Giới này được chuyển thành, thì một số lớn chúng sanh từ cõi Quang Âm Thiên (ÀBHASSARA) thác sanh qua tại đây. Do Ý sanh, nuôi dưỡng bằng Hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy được một thời gian lâu dài.

* Lúc bấy giờ, vạn vật trở thành một Thế Giới toàn nước đen sẩm, một màu đen khiến mắt phải mù. Mặt trời, mặt trăng không hiện ra. Sao và chòm sao không hiện ra. Không có ngày và đêm, không có tháng và nửa tháng, không có năm và thời tiết, không có đàn ông và đàn bà, chỉ có một loài hữu tình mà thôi.

* Sau một thời gian khá lâu, vị của đất tan ra trong nước, như bọt nổi lên trên mặt cháo, sữa nóng đang nguội dần, cũng vậy đất hiện ra. Đất này có màu sắc, có hương và có vị. Màu sắc của đất giống như đề hồ hay thuần túy nhũ tô, vị của đất như mật ong thuần tịnh.

Page 158

* Có loài hữu tình khởi lên tánh Tham, lấy tay nếm vị của đất, vị ấy thấm vào thân, và tham ái khởi lên. Các vị khác cũng bắt chước làm giống như vậy. Rồi các hữu tình bắt đầu thưởng thực vị của đất, bằng cách bẻ từng cục đất với bàn tay, thì ánh sáng của chúng biến mất. Khi ánh sáng của chúng biến mất thì mặt trời, mặt trăng hiện ra, sao, và chòm sao hiện ra, ngày và đêm hiện ra, nửa tháng và tháng hiện ra, thời tiết và năm hiện ra. Như vậy, thế giới này bắt đầu hình thành trở lại.

* Vì các hữu tình thưởng thức vị của đất, lấy đất làm món ăn trong thời gian khá lâu, nên sắc thân của chúng trở thành cứng rắn và sắc đẹp của chúng trở thành sai biệt. Có

hạng hữu tình có sắc đẹp và có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Do đó, chúng khởi sanh kiêu mạn và kiêu ngạo sắc đẹp của chúng, vị của đất biến mất. Khi vị đất biến mất, chúng hội họp lại và kêu than: ”Ôi vị ngon! Ôi vị ngon!”

* Khi vị của đất biến mất với các hữu tình ấy, có một loại nấm hiện ra, như hình mai con rắn, có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại nấm này giống như đề hồ hay thuần túy nhũ tô. Vị của nấm đất như mật ong thuần tịnh. Những hữu tình bắt đầu ăn thứ nấm đất này, lấy nấm đất làm thức ăn, lấy nấm làm món ăn trong một thời gian khá lâu, nên sắc thân của chúng trở thành cứng rắn, và sắc đẹp của chúng trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, và có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Do đó, chúng khởi sanh kiêu mạn và kiêu ngạo sắc đẹp của chúng, nấm đất biến mất.

* Khi nấm đất biến mất, cỏ và cây leo hiện ra, như loại cây tre hiện ra. Loại cây leo này có sắc, có hương, có vị. Màu sắc của loại cây leo này giống như đề hồ, thuần túy nhũ tô. Vị của loại cây leo này như mật ong thuần tịnh. Những hữu tình bắt đầu ăn thứ cây leo này, lấy cây leo làm thức ăn, lấy cây leo làm món ăn trong một thời gian khá lâu, nên sắc thân của chúng trở thành cứng rắn, và sắc đẹp của chúng trở thành sai biệt. Có hạng hữu tình có sắc đẹp, và có hạng hữu tình không có sắc đẹp. Do đó, chúng khởi sanh kiêu mạn và kiêu ngạo sắc đẹp của chúng, cỏ và cây leo biến mất. Khi cỏ và cây leo biến mất, chúng hội họp lại và kêu than: “Ôi, cái này thuộc chúng ta. Ôi, hại thay cho chúng ta. Nay cỏ và cây leo đã biến mất.”

* Khi cỏ và cây leo biến mất, cây lúa xuất hiện tại các khoảng trống, không có vỏ, không có cám, có mùi thơm, và hột trơn nhẵn. Chỗ nào, vào buổi

Page 159

chiều chúng mang đi ăn chiều, thì tại chỗ ấy, vào buổi sáng lúa lại mọc lớn và chín. Chỗ nào, vào buổi sáng chúng mang đi ăn sáng, thì tại chỗ ấy, vào buổi chiều lúa lại mọc lớn và chín, không gián đoạn. Những hữu tình bắt đầu thưởng thức lúa mọc tại khoảng trống, lấy lúa làm thức ăn, lấy lúa làm món ăn trong một thời gian khá lâu, nên sắc thân của chúng trở thành cứng rắn, và sắc đẹp của chúng trở thành sai biệt. Về phái nữ, nữ tánh xuất hiện. Về phái nam, nam tánh xuất hiện. Phái nữ nhìn phái nam hết sức kỹ lưỡng, phái nam nhìn phái nữ hết sức kỹ lưỡng, như vậy tình dục khởi lên, ái luyến đối với thân thể bắt đầu. Do sự ái luyến, chúng làm các hạnh dâm. Lúc bấy giờ, những hữu tình ấy thấy làm các hạnh dâm như vậy, người thì quăng bùn, người thì quăng tro, người thì quăng phân bò với những lời chỉ trích: “Hãy chết đi, đồ ô uế! Hãy chết đi, đồ ô uế! Sao một loài hữu tình lại đối xử với một loài hữu tình khác như vậy.”

* Lúc bấy giờ, việc hành dâm được xem là phi pháp, và các loài hữu tình ấy hành dâm không được phép vào làng hay xã một tháng, hay cả hai tháng. Vì những hữu tình ấy, lúc bấy giờ bị chỉ trích mau chóng vì hành động phi pháp, nên chúng bắt đầu làm nhà cửa để che dấu những hành động phi pháp của chúng.

* Có loài hữu tình bản tánh biếng nhác, sợ mỏi mệt, nên đi cắt lúa đem về nhà dự trữ để ăn cả một ngày, hai ngày, rất nhiều ngày. Từ việc bắt đầu tích trữ lúa để ăn, cám bắt đầu bao bọc hạt gạo trơn nhẵn, và vỏ lúa bao bọc hạt lúa. Cây lúa bị cắt không lớn lên

được, như vậy có sự gián đoạn và các cây lúa mọc lên từng cụm, từng chùm. Các loài hữu tình hội họp lại và kêu than, khởi lên sự phân chia lúa và đắp đê ngăn bờ ruộng lúa.

* Có loài hữu tình với bản tánh biếng nhác, chỉ lo gìn giữ phần của mình, đánh cắp phần của người khác, và thưởng thức phần ấy. Loài hữu tình đó bị bắt gặp một lần, nhiều lần, chúng bị con người đánh bằng tay, có người đánh bằng đá, có người đánh bằng gậy. Như vậy, bắt đầu lấy của không cho xuất hiện, quở trách xuất hiện, nói láo xuất hiện, và hình phạt đánh đập xuất hiện. Các loài hữu tình hội họp lại và kêu than trước cảnh trạng của xã hội.

2. Đức Phật nói đến sự hình thành bốn giai cấp trong xã hội

a. Hình thành giai cấp KHATTIYÀ (Sát Đế Lỵ)

Page 160

Các hữu tình hội họp lại và đề cử một người đại diện để xử lý mọi sự vụ trong mọi tình huống và được trả công đức bằng lúa. Vị đại diện ấy có sắc đẹp nhất, có gương mặt dễ nhìn nhất, và được ái luyến nhiều nhất.

“Được lựa chọn bởi đại chúng,” tức là MAHÀ SAMMATO, đây là danh từ đầu tiên được khởi lên.

“Vị chủ của ruộng vườn,” tức là KHATTIYÀ, đây là danh từ thứ hai được khởi lên.

“Làm cho mọi người hoan hỷ bởi đúng phép tắc” (DHAMMA), tức là RÀJA (vị vua), đây là danh từ thứ ba được khởi lên.

Như vậy, là sự khởi lên nguồn gốc của giới vức xã hội của KHATTIYÀ theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa những loài hữu tình, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Như vậy, Pháp (DHAMMA) là tối thượng ở trên đời, trong hiện tại và cả cho đời sau.

b. Hình thành giai cấp BRAHMANÀ (Bà La Môn)

* Có một số các vị hữu tình từ bỏ các Ác Pháp, Bất Thiện Pháp, tức là BRAHMANÀ (Bà La Môn), là danh từ đầu tiên được khởi lên. Những vị này lập lên những chòi bằng lá tại các khu rừng, tu thiền trong những nhà chòi bằng lá ấy, và đi vào thành thị hay làng xã để sống hạnh khất thực. Chúng suy tư tu tập Thiền, nên danh từ JHÀYAKÀ (Thiền Giả) là danh từ thứ hai được khởi lên.

* Có một số loài hữu tình, không thể tu Thiền trong các chòi bằng lá tại khu rừng, liền đi xuống quanh làng, thị xã để làm sách. Các vị này không tu Thiền được, nên chúng được gọi là AJJHÀYAKÀ (Phi Thiền Giả - các vị lập nên các VEDÀ), đây là danh từ thứ ba được khởi lên. Khởi đầu, chúng thuộc hạ cấp. Nay chúng được xem là cao thượng nhất.

Như vậy, là sự khởi lên nguồn gốc của giới vức xã hội của BRAHMANÀ theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa những loài hữu tình, không ở ngoài loại nào khác,

Page 161

một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Như vậy, Pháp (DHAMMA) là tối thượng ở trên đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.

c. Hình thành giai cấp VESSÀ

Có một số loại hữu tình sống theo hạnh dâm dục, thiết lập các nghề nghiệp sai khác (VISUTTA). Những ai sống theo pháp dâm dục, thiết lập các nghề sai khác nhau, như vậy gọi là VESSÀ, là danh từ đầu tiên được khởi lên.

Như vậy, là sự khởi lên nguồn gốc của giới vức xã hội của VESSÀ theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa những loài hữu tình, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Như vậy, Pháp (DHAMMA) là tối thượng ở trên đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.

d. Hình thành giai cấp SUDDÀ

Có một số loại hữu tình còn lại, chọn sự săn bắn và theo các nghề hạ liệt, nên được gọi là SUDDÀ, là danh từ đầu tiên được khởi lên.

Như vậy, là sự khởi lên nguồn gốc của giới vức xã hội của SUDDÀ theo danh từ truyền thống cổ xưa. Nguồn gốc của chúng là ở giữa những loài hữu tình, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Như vậy, Pháp (DHAMMA) là tối thượng ở trên đời trong hiện tại và cho cả đời sau.

e. Hình thành giai cấp SAMANA (SA MÔN)

* Từ bốn giai cấp này, tự trách pháp của mình, có một vị xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, sống làm người Sa Môn. Như vậy, giai cấp SAMANA (SA MÔN) được khởi lên từ bốn giai cấp này.

Như vậy, là sự khởi lên nguồn gốc của giới vức xã hội của SAMANA. Nguồn gốc của chúng là ở giữa những loài hữu tình, không ở ngoài loại nào khác, một cách đúng phép tắc, không phải phi pháp. Như vậy, Pháp (DHAMMA) là tối thượng ở trên đời, trong hiện tại và cho cả đời sau.

Page 162

* Bất luận trong bốn giai cấp trên, có một vị thực hiện Tà Hạnh về Thân, Lời, Ý, thì sau khi thân hoại mạng chung, với Tà Nghiệp ấy làm nhân duyên sanh vào Khổ Thú. Ngược lại, nếu thực hiện Chánh Hạnh về Thân, Lời, Ý, thì sau khi thân hoại mạng chung, với Chánh Nghiệp làm nhân duyên sanh về Thiện Thú. Nếu làm lẫn lộn, vừa Chánh Kiến và Tà Kiến, Chánh Hạnh và Tà Hạnh, thì sau khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ lãnh vừa khổ thọ và lạc thọ.

* Nếu biết sống tự chế về Thân, Lời, Ý, sau khi tu tập Thất Giác Chi, đã diệt trừ hoàn toàn các Ác Pháp ngay trong đời hiện tại, các Lậu Hoặc đã diệt tận, việc phải làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục tiêu đã đạt tới, Hữu Kiết Sử đã diệt trừ, Chánh Trí giải thoát. Vị ấy được gọi là Tối Thượng trong tất cả giai cấp, đúng với Chánh Pháp,

không phải phi pháp.

* Cuối cùng, đức Phật kết luận, nếu luận bàn thì giai cấp Sát Đế Lỵ là tối thắng, nhưng thật sự chỉ có những ai có giới hạnh và trí tuệ mới thật sự Tối Thượng giữa Chư Thiên và Nhân Loại.

“Chúng sanh tin giai cấp,
Sát Đế Lỵ tối thắng.
Ai đủ cả Trí Đức,
Tối thắng giữa Nhân Thiên.”
D. Kết Luận:

Sau khi đức Phật dứt lời Pháp Thoại này, VÀSETTHA và BHÀ-RADVÀJÀ hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

Bài 28: KINH TỰ HOAN HỶ (SAMPASÀDANIYA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đại đức SÀRIPUTTA đã nói lên Pháp Thoại này với đức Phật tại NÀLANDÀ, trong khu rừng PÀVÀRIKAMBAVANA.

Page 163

B. Duyên Khởi:

Đại đức SÀRIPUTTA nói lên lòng kính tin vô hạn của mình về phương diện giác ngộ đối với đức Thế Tôn, và đức Phật đã hỏi vì nguyên nhân nào lại có lòng tin mãnh liệt như vậy dù chưa rõ biết hết chư Phật quá khứ, hiện tại, và vị lai.

C. Chánh Kinh:

I. Đại đức SÀRIPUTTA khởi niềm tin mãnh liệt do biết truyền thống về Chánh Pháp

* Tất cả bậc Chánh Đẳng Giác trong quá khứ, hiện tại, và vị lai đều đã, đang, và sẽ diệt trừ Ngũ Triền Cái; đều đã, đang, và sẽ khéo an trú vào Tứ Niệm Xứ; đều đã, đang, và sẽ tu hạnh Thất Giác Chi; đều đã, đang, và sẽ chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

* Đức Thế Tôn khéo thuyết pháp cao thượng thâm diệu, đề cập, và đối chiếu cả hắc pháp và bạch pháp. Đức Thế Tôn khéo thuyết giảng, và Chúng Tăng đã được thành lập tốt đẹp.

* Lại nữa, đức Thế Tôn thuyết giảng về các Thiện Pháp, ba mươi bảy nhân sanh quả giác ngộ, gồm có Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Quyền, Thất Giác Chi, và Bát Chánh Đạo. Đưa đến một vị tỳ khưu diệt tận các Lậu Hoặc, có thể tự mình chứng tri và chứng ngộ, đạt đến và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát và tuệ giải thoát Vô Lậu này. Tất cả những Pháp này, đức Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Sa Môn hay Bà La Môn nào có thể chứng biết hơn đức Thế Tôn về vấn đề các Thiện Pháp.

II. Đại đức SÀRIPUTTA tán dương đức Phật khéo thuyết giảng về các Thiện Pháp

1. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về các Nhập Xứ

* Sáu nội xứ và sáu ngoại xứ: mắt và màu sắc, tai và âm thanh, mũi và khí hơi, lưỡi và các vị, thân và xúc chạm, ý và các pháp.

Page 164

* Tất cả những Pháp này, đức Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Sa Môn hay Bà La Môn nào có thể chứng biết hơn đức Thế Tôn về vấn đề các Thiện Pháp.

2. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề nhập thai

a. Có loại không biết nhập bụng người mẹ, không biết trú trong bụng người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ (hạng Thường Nhân).

b. Có loại biết mình nhập bụng người mẹ, nhưng không biết an trú trong bụng người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ (hạng Đại Thinh Văn).

c. Có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ (hạng Chí Thượng Thinh Văn và Độc Giác Phật).

d. Có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ, và biết mình ra khỏi bụng người mẹ (hạng Bồ Tát kiếp chót sẽ thành Phật).

3. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề sai khác nhau trong sự ký tâm

a. Có hạng tự tỏ lộ bằng hình tướng từ nơi tâm ý của người. (Ý của ngươi là như thế, Ý của ngươi là như vậy, Tâm của ngươi là như vậy. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thời sự tỏ lộ là như vậy, chẳng có chi sai khác).

b. Có hạng không tự tỏ lộ bằng hình tướng, nhưng tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên. (Ý của ngươi là như thế, Ý của ngươi là như vậy, Tâm của ngươi là như vậy. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thời sự tỏ lộ là như vậy, chẳng có chi sai khác).

c. Có hạng không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên, mà tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm, tư duy. (Ý của

Page 165

ngươi là như thế, Ý của ngươi là như vậy, Tâm của ngươi là như vậy. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thời sự tỏ lộ là như vậy, chẳng có chi sai khác).

d. Có hạng không tự tỏ lộ bằng hình tướng, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng phát ra bởi người, phi nhân, hay chư Thiên, cũng không tự tỏ lộ sau khi nghe tiếng rõ ràng và hợp lý, phát ra từ sự suy tầm, tư duy, nhưng khi chứng được Định, không Tầm không Tứ, có thể biết được tâm của người khác với tâm của mình. Tùy ước nguyện, hợp

ý hành của mình, vị này sẽ hướng tâm mình đến tâm người. Nếu có tỏ lộ nhiều đi nữa, thời sự tỏ lộ là như vậy, chẳng có chi sai khác.

4. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề Kiến Định (DASSANASAMÀPATTI)

a. Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Với Tâm nhập Định, vị này quán sát thấy sắc thân được bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt.

b. Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Với Tâm nhập Định, vị này quán sát thấy sắc thân được bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Hơn nữa, vị ấy quán sát bộ xương của người, còn liên kết với nhau, còn dính thịt, máu và da.

c. Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Với Tâm nhập Định, vị này vượt qua sự quán sát về bộ xương của người còn kiên kết với nhau, còn dính thịt, máu, và da. Vị này quán sát dòng Tâm Thức nối tiếp nhau, không gián đoạn, như là an trú cả đời này và an trú cả đời sau.

d. Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Với Tâm nhập Định, vị này vượt qua sự quán sát về bộ xương của người, còn kiên kết với nhau, còn dính thịt, máu, và da. Vị này quán

Page 166

sát dòng Tâm Thức nối tiếp nhau, không gián đoạn, như là không an trú cả đời này và an trú cả đời sau.

5. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề phân loại các loài người

Có bảy loại người như sau:

a. Câu giải thoát (UBHATO BHÀGA VIMUTTO) b. Tuệ giải thoát (PANNÀ VIMUTTO) c. Thân chứng (KÀYA SAKKHI) d. Kiến chí (DITTHIPPATTO) e. Tín Thắng Giải (SADDHÀ VIMUTTO) f. Tùy Pháp Hành (DHAMMÀNUSÀRÌ) g. Tùy Tín Hành (SADDHÀNUSÀRÌ)

6. Đức Phật là Tối Vô Thượng đã thuyết giảng về vấn đề tinh cần

Có Thất Giác Chi như sau: Niệm Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi, Tinh Tấn Giác Chi, Hỷ Giác Chi, Khinh An Giác Chi, Định Giác Chi, và Xả Giác Chi.

7. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề tiến hóa trong sự tu tập (PATIPÀDA = Đạo Hành)

a. Hành trì khổ, chứng ngộ chậm: Sự hành trì cả hai phương diện này đều được xem là hạ liệt, vừa khổ, vừa chậm.

b. Hành trì khổ, chứng ngộ mau: Sự hành trì vẫn còn khổ, nên vẫn xem là hạ liệt.

c. Hành trì lạc, chứng ngộ chậm: Sự hành trì này vẫn còn chậm, nên vẫn xem là hạ liệt.

d. Hành trì lạc, chứng ngộ mau: Sự hành trì cả hai phương diện này đều được xem là cao thượng, vừa lạc, vừa mau.

8. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề chánh hạnh trong ngôn ngữ

Page 167

Không những không nói những lời liên hệ đến sự vọng ngữ, mà cũng phải, trong khi tìm cách thắng cuộc, không dùng lời vu khống, lời ác khẩu, lời ly gián, và lời chia rẽ. Một cách ngược lại, lời nói từ hòa, sáng suốt đáng được gìn giữ và phải đúng thời.

9. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề giới hạnh của con người

Có người chân thật, thành tín, không dối trá, không lừa gạt, không gợi ý, không chiêm tướng, không lấy lợi câu lợi, hộ trì các căn, ăn uống tiết độ, hành động ôn hòa, luôn luôn chánh niệm tỉnh giác, không chán nản, tinh cần, trầm tư, ngôn từ lanh lợi, hành vi gan dạ (can đảm), kham nhẫn, thiểu dục tri túc, cẩn trọng phòng hộ, hiểu biết.

10. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về sự sai biệt trong sự giảng dạy.

Có bốn loại giảng dạy như sau:

a. Đức Thế Tôn nhờ chánh tư duy, biết được người nhờ sự giảng dạy, hành trì đúng đắn, sẽ diệt trừ ba Kiết Sử, sẽ chứng quả Thất Lai, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ.

b. Đức Thế Tôn nhờ chánh tư duy, biết được người nhờ sự giảng dạy, hành trì đúng đắn, làm giảm nhẹ Tham và Sân, sẽ chứng quả Nhất Lai, phải sanh đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau.

c. Đức Thế Tôn nhờ chánh tư duy, biết được người nhờ sự giảng dạy, hành trí đúng đắn, sẽ diệt trừ năm Hạ Phần Kiết Sử, sẽ chứng quả Bất Lai, sẽ được Hóa Sanh, và ở tại Cảnh Giới ấy (Ngũ Tịnh Cư Thiên) viên tịch Níp Bàn, không còn trở lại thế gian này nữa.

d. Đức Thế Tôn nhờ chánh tư duy, biết được người nhờ sự giảng dạy, hành trì đúng đắn, sẽ diệt trừ các Lậu Hoặc, tự mình giác tri, chứng đạt và an trú ngay trong đời hiện tại, Vô Lậu Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

Page 168

11. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về sự giải thoát trí của người

Có bốn loại giảng dạy như sau:

a. Đức Thế Tôn nhờ chánh tư duy, biết được người đã diệt trừ ba Kiết Sử, sẽ chứng quả Thất Lai, không còn bị đọa lạc, chắc chắn sẽ được giác ngộ.

b. Đức Thế Tôn nhờ chánh tư duy, biết được đã làm giảm nhẹ Tham và Sân, sẽ chứng quả Nhất Lai, phải sanh đời này một lần nữa trước khi diệt tận khổ đau.

c. Đức Thế Tôn nhờ chánh tư duy, biết được người đã diệt trừ năm Hạ Phần Kiết Sử, sẽ chứng quả Bất Lai, sẽ được Hóa Sanh và ở tại Cảnh Giới ấy (Ngũ Tịnh Cư Thiên) viên tịch Níp Bàn, không còn trở lại thế gian này nữa.

d. Đức Thế Tôn nhờ chánh tư duy, biết được người đã diệt trừ các Lậu Hoặc, tự tri tự chứng, đạt đạo và an trú ngay trong đời hiện tại, Vô Lậu Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát.

12. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề Thường Trú Luận

Có ba loại Thường Trú Luận như sau:

a. Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Khi Tâm nhập Định, vị này nhớ lại được:

Nhiều đời kiếp trong quá khứ, từ một kiếp cho đến nhiều kiếp, v.v... Biết được thế giới này đang là hoại kiếp hay là thành kiếp. Nhưng trong vị lai, không biết được thế giới là trong hoại kiếp hay thành kiếp.

Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá. Còn những loại hữu tình khác thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú.

Page 169

b. Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Khi Tâm nhập Định, vị này nhớ lại được:

Nhiều đời kiếp trong quá khứ, từ một thành kiếp, hoại kiếp, cho đến mười thành kiếp, hoại kiếp. Biết được thế giới này đang trong hoại kiếp hay là thành kiếp. Trong vị lai, biết được thế giới sẽ là trong hoại kiếp hay thành kiếp.

Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá. Còn những loại hữu tình khác thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn thường trú.

c. Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Khi Tâm nhập Định, vị này nhớ lại được:

Nhiều đời kiếp trong quá khứ, từ mười thành kiếp hoại kiếp, cho đến bốn mươi thành kiếp, hoại kiếp. Biết được thế giới này đang trong hoại kiếp hay là thành kiếp. Trong vị lai, biết được thế giới sẽ là trong hoại kiếp hay thành kiếp.

Bản ngã và thế giới là thường trú, bất sanh, vững chắc như đỉnh núi, như trụ đá. Còn những loại hữu tình khác thì lưu chuyển, luân hồi, chết đi sanh lại, tuy vậy, chúng vẫn

thường trú.

13. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề Túc Mạng Trí

* Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Khi Tâm nhập Định, vị này nhớ lại được nhiều đời sống trong quá khứ với đủ các đặc điểm và mọi chi tiết lớn nhỏ.

* Có những Chư Thiên, mà tuổi thọ không thể đếm được hay không thể tính được. Nhưng dưới bất cứ Ngã Thể nào có được trong quá khứ, hoặc có Sắc hay không Sắc, hoặc có Tưởng hay không Tưởng,

Page 170

hoặc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, chúng Chư Thiên đều nhớ đời quá khứ với các đặc điểm và chi tiết như vậy.

14. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề Sanh Tử Trí của các loài hữu tình

* Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Khi Tâm nhập Định, vị này với Thiên Nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh.

* Vị ấy biết rõ chúng sanh là:

Người hạ liệt hay người cao sang Người xinh đẹp hay người thô xấu Người may mắn hay người bất hạnh

Tất cả đều là do hạnh nghiệp của chúng sanh.

* Vị ấy biết rõ chúng sanh:

Làm những ác hạnh về thân, lời, ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo Tà Kiến, tạo các Nghiệp theo Tà Kiến, sau khi thân hoại mạng chung, phải bị sanh vào Khổ Thú, Ác Thú, Đọa Xứ, Địa Ngục. Làm những thiện hạnh về thân, lời, ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo Chánh Kiến, tạo các Nghiệp theo Chánh Kiến, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các Thiện Thú, Thiên Giới.

15. Đức Phật là bậc Tối Thượng đã thuyết giảng về vấn đề Thần Túc Thông

Có hai loại Thần Thông như sau:

Một loại thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là “không phải Thánh.” Một loại thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là “bậc Thánh.”

* Thế nào là thần thông hữu lậu, hữu dư y, được gọi là “không phải Thánh?”

Page 171

Có vị Sa Môn hay Bà La Môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên Tâm nhập Định. Khi Tâm nhập Định, vị này chứng được nhiều loại thần túc thông sai khác, biến hóa đủ loại hình thức. Tuy nhiên, chỉ là

thần thông hữu lậu, hữu sở y, được gọi là “không phải Thánh.”

* Thế nào là thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là “bậc Thánh?”

- Với Tâm nhập Định, vị Sa Môn an trú với Tưởng không đối nghịch với sự vật đối nghịch. - Với Tâm nhập Định, vị Sa Môn an trú với Tưởng đối nghịch với sự vật không đối nghịch. - Với Tâm nhập Định, vị Sa Môn an trú với Tưởng không đối nghịch với sự vật đối nghịch và không đối nghịch. - Với Tâm nhập Định, vị Sa Môn an trú với Tưởng đối nghịch với sự vật không đối nghịch và đối nghịch. - Với Tâm nhập Định, và loại bỏ cả hai đối nghịch và không đối nghịch, vị Sa Môn an trú Xả, Chánh Niệm, và Tỉnh Giác.

Chính như vậy, là thần thông vô lậu, vô dư y, được gọi là “bậc Thánh.”

* Tất cả những điểm này, đức Thế Tôn đã biết và ngoài sự hiểu biết của Ngài, không có gì còn lại để hiểu biết hơn nữa. Không có một ai, một Sa Môn hay Bà La Môn nào có thể chứng biết hơn đức Thế Tôn về vấn đề các loại Thần Túc Thông.

* Đại đức SÀRIPUTTA tán thán những Thiện Hạnh của đức Thế Tôn như là:

Không đam mê dục lạc, dục lạc là ty liệt, thấp hèn, thuộc phàm phu, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích. Không đam mê tu khổ hạnh, khổ hạnh là khổ, không xứng bậc Thánh, không có lợi ích. Chứng đắc Tứ Thiền, hưởng lấy sự an vui ngay trong hiện tại. Xác nhận rằng: “Không có trường hợp, không có sự kiện trong thế giới, hai vị Chánh Đẳng Giác cùng hiện hữu ở trong đời, không trước, không sau. Sự kiện như vậy không có thể xẩy ra.”

Page 172

III. Đức Phật xác nhận sự nhận xét của đại đức SÀRIPUTTA

* Đại đức SÀRIPUTTA đã nói lên đúng ý với đức Thế Tôn, không có sai lạc, không có hiểu lầm đức Thế Tôn, đã trả lời thuận pháp và đúng pháp. Không có một đối phương hợp pháp nào có thể tìm ra lý do để chỉ trích phê bình.

* Đại đức UDÀYI tán thán đức Thế Tôn về hạnh thiểu dục tri túc, nghiêm túc, có đại thần lực, có đại uy lực, và không tự mình tỏ lộ khoe khoang.

* Đức Phật dạy bảo đại đức SÀRIPUTTA nên thuyết giảng Pháp Thoại phân biệt này để đem lại lợi ích cho Tứ Chúng, xóa bỏ mọi nghi ngờ về đức Thế Tôn.

D. Kết Luận:

Đại đức SÀRIPUTTA nói lên lòng hoan hỷ của mình đối với đức Thế Tôn. Do vậy, danh từ SAMPASÀDIYAM – Tự Hoan Hỷ, được dùng cho câu trả lời này.

----------00000----------

BÀI 29: KINH THANH TỊNH (PÀSÀDIKA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho đại đức ÀNANDA và sa di CUNDA trong khu vườn xoài của một gia đình thuộc dòng tộc SAKKA (Thích Ca) có tên là VEDHANNÀ.

B. Duyên Khởi:

Giáo chủ NIGANTHA NÀTHAPUTTA vừa mới tạ thế ở PÀVÀ, các vị NIGANTHÀ chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau, và sống tàn hại nhau với binh khí bằng miệng. Đại đức ÀNANDA và sa di CUNDA đi đến yết kiến đức Thế Tôn và hỏi nguyên nhân của sự tranh chấp ấy.

C. Chánh Kinh:

Page 173

I. Đức Phật nêu lên những khuyết điểm gây nên sự tranh chấp

1. Vị Đạo Sư không là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp Luật đã được tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh. Và người đệ tử trong Pháp này, không thành tựu và an trú trong Pháp và Tùy Pháp, sống không theo Chánh Hạnh và Tùy Pháp, sống thuận theo Pháp. Như vậy, vị Đạo Sư đáng quở trách, ở đây Pháp đáng quở trách, và người đệ tử đáng được tán thán.

2. Vị Đạo Sư không là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp Luật đã được tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh. Và người đệ tử trong Pháp này, sống thành tựu và an trú trong Pháp và Tùy Pháp, sống đúng theo Chánh Hạnh và Tùy Pháp, sống thuận theo Pháp. Như vậy, vị Đạo Sư đáng quở trách, ở đây Pháp đáng quở trách, và người đệ tử cũng đáng quở trách.

3. Vị Đạo Sư là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp Luật đã được khéo thuyết giảng, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh. Và người đệ tử trong Pháp này, không thành tựu và an trú trong Pháp và Tùy Pháp, sống không theo Chánh Hạnh và Tùy Pháp, sống không thuận theo Pháp. Như vậy, vị Đạo Sư đáng được tán thán, ở đây Pháp đáng được tán thán, và người đệ tử đáng bị quở trách.

4. Vị Đạo Sư là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp Luật đã được khéo thuyết giảng, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh. Và người đệ tử trong Pháp này, sống thành tựu và an trú trong Pháp và Tùy Pháp, sống đúng theo Chánh Hạnh và Tùy Pháp, sống thuận theo Pháp. Như vậy, vị Đạo Sư đáng được tán thán, ở đây Pháp đáng được tán thán, và người đệ tử cũng đáng được tán thán.

5. Vị Đạo Sư là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp Luật đã được khéo thuyết giảng, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh. Và người đệ tử chưa được tinh thông Diệu Pháp, và Phạm Hạnh hoàn toàn viên mãn chưa được tỏ lộ cho các vị đệ tử, chưa được trình bày rõ ràng với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, chưa được trở thành diệu dụng, chưa được khéo trình bày cho loài người, và vị Đạo Sư tạ thế. Như vậy, vị Đạo Sư tạ thế làm cho các vị đệ tử có sự ưu tư.

Page 174

6. Vị Đạo Sư là bậc Chánh Đẳng Giác, Pháp Luật đã được khéo thuyết giảng, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh. Và người đệ tử được tinh thông Diệu Pháp, và Phạm Hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ cho các vị đệ tử, được trình bày rõ ràng với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài người, và vị Đạo Sư tạ thế. Như vậy, vị Đạo Sư tạ thế và các vị đệ tử không có sự ưu tư.

7. Nếu Phạm Hạnh được đầy đủ những chi phần, và nếu không có một vị Đạo Sư là một vị Trưởng Lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, thì Phạm Hạnh như vậy trong trường hợp này là không viên mãn. Và nếu Phạm Hạnh được đầy đủ những chi phần, và nếu có một vị Đạo Sư là một vị Trưởng Lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, thì Phạm Hạnh như vậy trong trường hợp này được xem là viên mãn.

8. Nếu Phạm Hạnh được đầy đủ những chi phần, và có một vị Đạo Sư là một vị Trưởng Lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, nhưng không có các vị Trưởng Lão Tỳ Khưu là những vị đệ tử sáng suốt, tự điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết Diệu Pháp, với giáo lý ngoại đạo được khởi lên có thể khéo chiết phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết Diệu Pháp bất khả tư nghì. Như vậy, Phạm Hạnh này không thể viên mãn bởi chi tiết này.

9. Khi Phạm Hạnh được đầy đủ những chi phần, và có một vị Đạo Sư là một vị Trưởng Lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, và có các vị Trưởng Lão Tỳ Khưu nhưng lại thiếu, không đủ một trong Tứ Chúng. Phạm Hạnh như vậy được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người, nhưng không đạt được danh xưng với lợi dưỡng một cách tối thắng. Phạm Hạnh như vậy không được viên mãn về phương diện này.

10.Khi Phạm Hạnh được đầy đủ những chi phần, và có một vị Đạo Sư là một vị Trưởng Lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi trưởng thành, có các vị Trưởng Lão Tỳ Khưu, và có đầy đủ Tứ Chúng. Phạm Hạnh như vậy được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các

Page 175

người, đạt được danh xưng với lợi dưỡng một cách tối thắng. Phạm Hạnh như vậy được viên mãn về phương diện này.

11.Đức Phật là một bậc Đạo Sư xuất hiện ở đời, là bậc Chánh Đẳng Giác, và Pháp Luật đã được khéo thuyết giảng, có hiệu năng hướng dẫn, hướng đến an tịnh. Và các vị đệ tử của đức Phật được tinh thông Diệu Pháp, và Phạm Hạnh hoàn toàn viên mãn được tỏ lộ, được trình bày rõ ràng với tất cả thứ bậc vị trí liên hệ, được trở thành diệu dụng, được khéo trình bày cho loài người. Và đức Phật là một vị Đạo Sư, là một vị Trưởng Lão có nhiều kinh nghiệm, xuất gia lâu ngày, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đến tuổi

trưởng thành, và Ngài có các vị Trưởng Lão Tỳ Khưu là những vị đệ tử sáng suốt, tự điều phục, vô úy, đa văn, đã đạt đến sự an ổn, có thể thuyết Diệu Pháp, với giáo lý ngoại đạo được khởi lên có thể khéo chiết phục với giáo pháp của mình, có thể thuyết Diệu Pháp bất khả tư nghì. Và đức Phật lại có các vị Trưởng Lão Tỳ Khưu và có đầy đủ Tứ Chúng. Phạm Hạnh của Ngài được thành công, hưng thịnh, phát triển và phổ thông một cách rộng rãi, khéo tuyên bố giữa các người.

12.Đức Phật hơn hết tất cả bậc Đạo Sư nào khác về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng. Và hội chúng Tỳ Khưu Tăng hơn tất cả hội chúng nào khác về phương diện lợi dưỡng và danh xưng tối thượng. Đức Phật dẫn chứng một câu thí dụ, "Thấy mà không Thấy," để diễn tả một Phạm Hạnh, thành tựu hết thảy tướng, đầy đủ hết thảy tướng, không thiếu sót, không quá đáng, được khéo tuyên bố một cách viên mãn, được khéo trình bày.

II. Đức Phật khuyên nhủ chư tỳ khưu nên biết sống an trú trong chánh pháp

1. Đức Phật khuyên chư tỳ khưu không nên có sự tranh luận và kình cãi lẫn nhau, mà phải biết sống hội họp lại, và tụng đọc lại những Pháp do Ngài đã chứng tri và tuyên bố chỉ dạy. Phải biết so sánh các nghĩa lý với nhau, các câu với nhau để cho Phạm Hạnh này được tồn tại lâu dài, được an trú lâu dài vì hạnh phúc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại. Đó là những Pháp: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Quyền, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo.

2. Đức Phật khuyên chư tỳ khưu phải biết sống hội họp với nhau trong tinh thần hòa hợp và tương kính, không có tranh luận lẫn nhau. Có vị đồng

Page 176

Phạm Hạnh nói Pháp giữa Tăng Chúng. Không nên phỉ báng, không nên bác bỏ, mà phải biết giải thích một cách cẩn thận cả nghĩa lẫn cách hành văn với ý nghĩa đúng đắn.

3. Đức Phật thuyết giảng vừa để ngăn chặn các Lậu Hoặc trong hiện tại mà cũng để diệt trừ các Lậu Hoặc trong tương lai. Cũng như Tứ Vật Dụng (y áo, vật thực, chỗ ở, thuốc men) mà đức Phật cho phép Tăng Chúng được thọ dụng là vừa đủ để ngăn chặn các Lậu Hoặc không cho phát sanh.

III. Đức Phật giải thích những hiểu lầm khiếm khuyết về các chỉ trích của ngoại đạo đối với Giáo Pháp của Ngài

1. Về vấn đề của bốn loại đam mê hỷ lạc: Thấp kém, ty liệt, thuộc phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không có lợi ích, không hướng đến yểm ly, vô tham, tịch diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, và Níp Bàn. Đó là:

Sau khi sát sanh, tự mình sung sướng hoan hỷ.
Sau khi lấy của không cho, tự mình sung sướng hoan hỷ.
Sau khi vọng ngữ, tự mình sung sướng hoan hỷ.

Đắm say trong ngũ dục lạc.

* Với bốn dục lạc kể trên, chư Tỳ Khưu đã xa lìa và an trú vào bốn loại Hỷ Lạc, đưa đến yểm ly, vô tham, an tịnh, thù thắng, thắng trí, giác ngộ, và Níp Bàn. Đó là Tứ Thiền Định.

* Kết quả lợi ích của bốn loại Hỷ Lạc, đó là:

Diệt trừ ba Kiết Sử, chứng quả Dự Lưu – Thất Lai. Làm giảm nhẹ Tham thô, Sân thô, chứng quả Nhất Lai. Diệt trừ năm Hạ Phần Kiết Sử, chứng quả Bất Lai. Diệt trừ các Lậu Hoặc, tự mình chứng tri, chứng ngộ và an trú ngay hiện tại Vô Lậu Tâm giải thoát, Tuệ giải thoát, chứng quả Vô Sinh.

2. Về vấn đề các đệ tử của đức Phật không giữ vững lập trường:

Chư Tỳ Khưu giữ vững lập trường với những Giáo Pháp của đức Phật đã khéo thuyết giảng, dẫn đến mục tiêu được thành đạt, hữu kiết sử được diệt trừ, chánh trí giải thoát, không còn làm chín việc sai trật như sau:

Page 177

Vị tỳ khưu đã diệt trừ các Lậu Hoặc, không thể cố ý đoạt mạng sống của loài hữu tình. Vị tỳ khưu đã diệt trừ các Lậu Hoặc, không thể lấy của không cho. Vị tỳ khưu đã diệt trừ các Lậu Hoặc, không thể hành dâm. Vị tỳ khưu đã diệt trừ các Lậu Hoặc, không thể biết mà nói láo. Vị tỳ khưu đã diệt trừ các Lậu Hoặc, không thể cất chứa tiền của để hưởng thọ dục lạc. Vị tỳ khưu đã diệt trừ các Lậu Hoặc, không thể đi con đường hành Tham. Vị tỳ khưu đã diệt trừ các Lậu Hoặc, không thể đi con đường hành Sân. Vị tỳ khưu đã diệt trừ các Lậu Hoặc, không thể đi con đường hành Si. Vị tỳ khưu đã diệt trừ các Lậu Hoặc, không thể đi con đường hành theo sự sợ hãi.

3. Về các vấn đề quá khứ, hiện tại, và vị lai:

* Nếu những Pháp thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là hư vọng, không thật, không lợi ích, thì đức Phật không trả lời. Tuy nhiên, đức Phật sẽ trả lời những việc thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai là chân chánh, như thật, và có lợi ích.

* Đức Phật là vị nói phải thời, nói chân chánh, nói như thật, nói có lợi ích, nói đúng Pháp, nói đúng Luật. Do vậy mới gọi là Như Lai.

* Trong thế giới này, Chư Thiên, Phạm Thiên, Ma Vương, Nhân Loại, Sa Môn, và Bà La Môn, với những gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được phân biệt, được đạt đến, được tìm cầu, được suy đạt với ý, tất cả đều được đức Phật biết rõ ràng. Do vậy mới gọi là Như Lai.

* Trong thời gian giữa đêm đức Phật chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Giác và đêm đức Phật nhập Vô Dư Y Níp Bàn, trong thời gian ấy những gì đức Phật nói trong khi thuyết giảng, nói chuyện hay trình bày, tất cả là như vậy, và không có gì sai khác. Do vậy mới gọi là Như Lai.

Page 178

* Đức Phật nói sao thì làm vậy, làm sao thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai. Đức Phật là bậc toàn thắng, không ai có thể thắng nổi, bậc toàn kiến, bậc tự tại.

4. Về một số vấn đề bất khả thuyết

5. Về một số vấn đề đức Phật đã đề cập đến và giảng dạy

* Với những vấn đề không liên hệ đến sự lợi ích, không liên hệ đến Pháp, không liên hệ đến căn bản Phạm Hạnh, không hướng đến yểm ly, vô tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, và Níp Bàn; do vậy, đức Phật không trả lời.

* Đức Phật giảng dạy Tứ Niệm Xứ để chỉ dạy chư Tỳ Khưu của Ngài vượt qua mọi biện luận về các Tà Kiến liên quan đến quá khứ tối sơ, những biện luận về Tà Kiến liên quan đến tương lai.

D. Kết Luận:

Đức Phật nói cho đại đức UPAVÀNA được biết Pháp Thoại này có tên gọi là "Thanh Tịnh" (PÀSÀDIKÀ) và hãy nên phụng trì. Sau khi đức Phật dứt lời Pháp Thoại này, đại đức UPAVÀNA hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 30: KINH THỂ TƯỚNG (LAKKHANA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đức Phật thuyết giảng Pháp Thoại này đến chư Tỳ Khưu Tăng tại vườn của trưởng giả ANÀTHAPINDIKA (Cấp Cô Độc), thuộc khu rừng của thái tử JETA, thành SÀVATTHI.

B. Duyên Khởi:

Đức Phật thuyết giảng về 32 tướng của một bậc Đại Trượng Phu cùng với hạnh nghiệp đã tạo ra trong quá khứ mà được hưởng những hảo tướng tương xứng trong kiếp hiện tại.

Page 179

C. Chánh Kinh:

I. Ba Mươi Hai Tướng tốt của bậc Đại Trượng Phu

1. Đức Phật thuyết giảng về ba mươi hai tướng tốt của một bậc Đại Trượng Phu, vị ấy sẽ chọn một trong hai con đường, và không có con đường nào khác.

Nếu sống tại gia thì sẽ làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Chánh Pháp trị vì thiên hạ, bình định bốn phương, đem lại an toàn cho quốc độ với đầu đủ bảy báu. Nếu vị này, từ bỏ gia đình, xuất gia sống không gia đình, vị này sẽ thành bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác, vén lui màn vô minh che đời.

2. Ba mươi hai tướng tốt như sau:

(1) Hai lòng bàn chân bằng phẳng, không có hũng vô. (2) Hai lòng bàn chân hiện ra hình bánh xe, với 1,000 căm xe, trục xe và vành xe, với hoàn toàn đầy đủ các bộ phận.

(3) Gót chân thon dài (bằng ba lần của người bậc trung). (4) Ngón tay, ngón chân dài và nhọn lần như dùi trống. (5) Bàn tay và bàn chân thật mềm mại. (6) Bàn tay và bàn chân có nhiều lằn chỉ như màn da lưới thật đẹp. (7) Có mắt cá nổi tròn lên như con sò. (8) Có ống chân dài và tròn như sơn dương. (9) Hai cánh tay thật dài, đứng thẳng không co lưng xuống, hai bàn tay cũng rờ đụng tới đầu gối. (10) Có tướng Mã Âm Tàng (ngọc hành ẩn vào trong bọc da như ở loài ngựa). (11) Màu sắc da sáng như vàng ròng. (12) Da trơn mướt khiến bụi không thể bám dính vào. (13) Mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi lông, đều nhau trong mỗi lỗ. (14) Mỗi sợi lông đều mọc xoáy tròn thẳng lên, màu xanh biếc, mọc xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt. (15) Thân mình đều đặn và cao thẳng như vị Phạm Thiên. (16) Có bảy chỗ tròn đầy và bằng thẳng là: thịt cần cổ, hai lưng bàn tay, hai lưng bàn chân, và hai bả vai. (17) Có thân hình phân nửa phía trước như con sư tử.

Page 180

(18) Khoảng giữa hai bả vai không có khuyết lõm, đều bằng thẳng. (19) Thân thể cân đối như cây đa, bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân. (20) Phần nửa thân trên vuông tròn (cần cổ tròn đều). (21) Có vị giác hết sức bén nhạy, khi vật chi chạm đầu ngọn lưỡi thì những cảm giác khởi lên tại cổ họng và truyền đi khắp mọi nơi. (22) Có quai hàm như con sư tử. (23) Có bốn mươi cái răng (trên và dưới đều có hai mươi cái răng). (24) Các răng đều đặn và bằng nhau. (25) Các răng đều khít nhau (không khuyết hở). (26) Răng cửa trắng trong và sạch láng. (27) Tướng lưỡi dài và rộng lớn, có thể le ra che đậy cả mặt. (28) Có tiếng nói trong trẻo tuyệt diệu như tiếng Phạm Thiên (Phạm Âm) hay tiếng chim KARAVÌKA. (29) Hai tròng con mắt màu xanh đậm (như mắt con bò con). (30) Có lông mi như lông con bò con. (31) Giữa hai lông mày có mọc lên một sợi lông trắng, mịn màng như bông gòn. (32) Tóc trên đầu khoanh tròn lại bên phía mặt như một cái mão (nhục kế).

II. Những hạnh nghiệp quá khứ trổ sanh những hảo tướng hiện tại

1. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người kiên trì, và không giao động đối với các Thiện Pháp, thiện hành về thân, lời, ý, phân định bố thí, thủ hộ giới luật, tuân giữ các lễ phát lồ Bố Tát, hiếu kính mẹ cha, cúng dường Sa Môn, Bà La Môn, tôn kính các bậc tôn túc trưởng thượng trong gia đình và xã hội. Sau khi thân hoại mạng chung, được sanh về Thiện Thú, hưởng mười quả phước thù thắng hơn các Chư Thiên khác:

(1) Thiên giới thọ mạng
(2) Thiên Sắc
(3) Thiên An Lạc
(4) Thiên giới Danh Xưng
(5) Thiên giới uy lực
(6) Thiên giới Sắc Tướng
(7) Thiên giới Âm Thanh
(8) Thiên giới Hương

Page 181

(9) Thiên giới Vị (10) Thiên giới Xúc

Sau khi Thiên Thọ Mạng diệt, tục sanh về cõi Nhân Loại, có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là hai lòng bàn chân bằng phẳng, đưa chân lên hay đặt chân trên mặt đất một cách bằng phẳng.

2. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người thường làm cho nhiều người được an vui, sống vì hạnh phúc chúng sanh, trừ diệt mọi sợ hãi kinh hoàng, sắp đặt sự che chở, hộ trì, bảo vệ đúng Pháp, bố thí cho các người tùy tùng, xả thí tài sản của cải luôn cả các vật phụ thuộc (cơm, nước, vải, xe, tràng hoa, vật thơm, vật thoa, giường ghế, chỗ ở, đèn hoặc dầu). Sau khi thân hoại mạng chung, được sanh về Thiện Thú, hưởng mười quả phước thù thắng hơn các Chư Thiên khác. Sau khi Thiên Thọ Mạng diệt, tục sanh về cõi Nhân Loại, có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là dưới hai lòng bàn chân hiện ra hình bánh xe, với 1,000 căm xe, trục xe, và vành xe, với hoàn toàn đầy đủ các bộ phận.

3., 4., và 15. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người thường xa lánh sự sát sanh, hủy bỏ hình phạt và khí giới, biết Tàm Quý, có lòng Từ Ái, Bi Mẫn đến hạnh phúc của tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ, được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được ba hảo tướng Đại Trượng Phu: Gót chân thon dài (bằng ba lần của người bậc trung); ngón tay, ngón chân dài và nhọn lần như dùi trống; thân mình đều đặn và cao thẳng như vị Phạm Thiên.

5. và 6. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người có đầy đủ Tứ Nhiếp Pháp: Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được hai hảo tướng Đại Trượng Phu: Bàn tay và bàn chân thật mềm mại; bàn tay và bàn chân có nhiều lằn chỉ như màn da lưới thật đẹp.

7. và 14. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người thường hay nói những lời liên hệ lợi ích cho chúng sanh, liên hệ đến Pháp, giải thích cho đại chúng, đem lại an lạc hạnh phúc cho chúng sanh, tán dương chánh hạnh. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ, được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được hai hảo

Page 182

tướng Đại Trượng Phu: Có mắt cá nổi tròn lên như con sò; mỗi sợi lông đều mọc xoáy tròn thẳng lên, màu xanh biếc, mọc xoáy lên từng xoáy tròn nhỏ, và xoáy về hướng mặt.

8. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người thường siêng năng học hỏi nghề nghiệp, mọi kỹ thuật, học thuật, oai nghi hay hành động đều mong mỏi làm thế nào để học được mau lẹ, mau được hiểu biết, mau được thâu hoạch kết quả, khỏi phải mệt nhọc lâu ngày. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ, được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự

an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là có ống chân dài và tròn như sơn dương.

9. và 19. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người quán sát và hiểu biết rõ ràng toàn thể đại chúng, biết mình, biết người, biết sự sai biệt giữa mọi người, là người xứng đáng hay không xứng đáng. Làm người thường hay suy xét sự tiếp độ công chúng, tự mình biết được, không nhờ chỉ bảo, hạng người này có đức lành bằng với hạng người kia, biết rõ bậc hạ, trung, thượng để tiếp đãi cho phù hợp với trình độ, biết rõ đức lành của từng mỗi người đáng thọ lãnh lễ vật cúng dường một cách sai khác nhau. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được hai hảo tướng Đại Trượng Phu: Hai cánh tay thật dài, đứng thẳng không co lưng xuống, hai bàn tay cũng rờ đụng tới đầu gối; thân thể cân đối như cây đa, bề cao của thân ngang bằng bề dài của hai tay sải rộng, bề dài của hai tay sải rộng ngang bằng bề cao của thân. Hai hảo tướng đại trượng phu này, nếu ở tại gia có nhiều của cải đầy kho lẩm, còn nếu xuất gia thì có được bảy kho báu: Tín, Giới, Tàm, Quý, Văn, Thí, Tuệ.

10.Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người thường hay làm sum hợp lại những bà con bạn bè thân tín không gặp nhau lâu ngày, bị đau khổ lâu ngày, làm cho sum hợp lại giữa mẹ với con, con với mẹ, làm cho sum hợp lại giữa cha với con, con với cha, làm cho sum hợp lại giữa anh em với nhau, làm cho sum hợp lại giữa anh và chị, giữa chị và em, làm cho hòa hợp lại, sống vui vẻ với nhau. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là có tướng Mã Âm Tàng (ngọc hành ẩn vào trong bọc da như ở loài ngựa).

Page 183

11.Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người không sân hận, hoàn toàn không ảo não, dầu có bị nói nhiều cũng không tức tối, không phẫn nộ, không hiềm khích, không mất bình tĩnh, không biểu lộ sự phẫn nộ, không sân hận phiền muộn. Lại thường hay bố thí các vật che đắp, mang mặc mềm mại, nhẹ nhàng, vải quyên, vải bông, vải lụa mềm mại. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là màu sắc da sáng như vàng ròng.

12.Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người thường hay đi đến các vị Sa Môn hay Bà La Môn để vấn hỏi về "Thế nào là Thiện? là Bất Thiện?", "điều nào nên làm hay không nên làm," "điều nào làm sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài," "điều nào làm sẽ đưa đến an vui và hạnh phúc lâu dài." Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là da trơn mướt khiến bụi không thể bám dính vào.

13. và 31. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói lời chân thật, chân chánh đáng tin cậy, không thất hứa với một ai. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ, được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại

làm Người, thì có được hai hảo tướng Đại Trượng Phu: Mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi lông, đều nhau trong mỗi lỗ; giữa hai lông mày có tướng bạch hào sanh, màu trắng, mềm mại tợ như bông.

16.Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người thường hay bố thí các vật thực mặn ngọt thanh cao quý giá, thượng vị, và các loại nước uống quý trọng. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là có bảy chỗ tròn đầy: Hai bàn tay tròn đầy, hai bàn chân tròn đầy, hai vai tròn đầy, và thân hình tròn đầy.

17., 18., và 20. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người thường tha thiết với sự lợi ích của đại chúng, tha thiết với an vui hạnh phúc, tha thiết với sự thoải mái, tha thiết với sự an ủi của đại chúng, và làm thế nào cho đại chúng tăng trưởng đức tin, tăng trưởng giới hạnh, tăng trưởng đa văn, tăng trưởng bố thí, tăng trưởng pháp, tăng trưởng trí tuệ, tăng trưởng của cải tài vật và lúa gạo ruộng vườn, tăng trưởng vợ con, tôi tớ và lao công,

Page 184

tăng trưởng thân bằng quyến thuộc, tăng trưởng bè bạn, tăng trưởng tông môn. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được ba hảo tướng Đại Trượng Phu: Có thân hình phân nửa phía trước như con sư tử; khoảng giữa hai bả vai không có khuyết lõm, đều bằng thẳng; phần nửa thân trên vuông tròn (cần cổ tròn đều).

21.Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người không làm điều chi hại các loài hữu tình, hoặc bằng tay, bằng đá, bằng gậy, bằng khí giới. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ, được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là có vị giác hết sức bén nhạy, khi vật chi chạm đầu ngọn lưỡi thì những cảm giác khởi lên tại cổ họng và truyền đi khắp mọi nơi.

22.Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người từ bỏ và tránh xa lời nói ỷ ngữ, nói đúng thời, nói những lời chân thật và có ý nghĩa, nói những lời về Chánh Pháp, nói những lời về Luật và đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc, có hệ thống, và có ích lợi. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là có quai hàm như con sư tử.

23. và 25. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người từ bỏ và tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều chi tại chỗ này không đi nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều chi ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia, luôn sống hòa hợp giảng hòa những kẻ ly gián, tăng trưởng những người đã hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, vui thích trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, nói lời đưa đến hòa hợp. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ, được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được hai hảo tướng Đại Trượng Phu: Có bốn mươi cái răng (trên và dưới đều có hai mươi cái răng); các răng đều khít nhau (không khuyết hở).

24. và 26. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người từ bỏ tà mạng, muốn sống theo chánh hạnh, tránh xa các sự gian lận bằng cân đo đong đếm, gian xảo đồ giả nói đồ thiệt, lừa đảo mưu này thế kia để lường gạt người đặng nuôi mạng sống, không làm tổn thương, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ, được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người,

Page 185

thì có được hai hảo tướng Đại Trượng Phu: Các răng đều đặn và bằng nhau; răng cửa trắng trong và sạch láng.

27. và 28. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người từ bỏ và tránh xa lời nói độc ác, nói những lời không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng và vui lòng nhiều người. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ, được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được hai hảo tướng Đại Trượng Phu: tướng lưỡi dài và rộng lớn, có thể le ra che đậy cả mặt; có tiếng nói trong trẻo tuyệt diệu như tiếng Phạm Thiên (Phạm Âm) hay tiếng chim KARAVÌKA.

29. và 30. Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người không có thói quen ngó liếc ngó xiên, không ngó trộm, nhưng với tâm chánh trực mở rộng, cao thượng, và nhìn đại chúng với tâm từ bi. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được hai hảo tướng Đại Trượng Phu: Hai tròng con mắt màu xanh đậm (như mắt con bò con); có lông mi như lông con bò con.

32.Trong bất luận kiếp quá khứ, sanh làm người lãnh đạo đại chúng về các Thiện Pháp, là vị tiền phong đại chúng về Thiện Pháp thuộc thân, lời, ý, phân phát bố thí, thủ hộ giới luật, tham dự các lễ Bố Tát, hiếu kính cha mẹ, lễ kính Sa Môn, cung kính bậc trưởng thượng trong gia đình và các Thiện Pháp đặc biệt khác. Do nhân lành ấy, khi hết tuổi thọ, được sanh về Thiện Thú, có đầy đủ sự an vui lạc thú. Khi tái sanh lại làm Người, thì có được một hảo tướng Đại Trượng Phu là tóc trên đầu khoanh tròn lại bên phía mặt như một cái mão (nhục kế).

D. Kết Luận:

Sau khi đức Phật dứt lời Pháp Thoại này, chư Tỳ Khưu Tăng hoan hỷ tín thọ lời dạy của đức Thế Tôn.

----------00000----------

BÀI 31: KINH GIÁO THỌ THI CA LA VIỆT (SINGÀLOVÀDA SUTTA)

Page 186

A. Xuất Xứ:

Đức Phật thuyết giảng Pháp Thoại này cho thanh niên SINGÀLAKA ở khu vườn KALANDAKANIVÀPA, tại VELUVANA, thành RÀJAGAHA.

B. Duyên Khởi:

Với lòng kính tín, cung kính tôn trọng theo lời di chúc của thân phụ, thanh niên SINGÀLAKA, mỗi sáng dậy sớm, với áo và tóc thấm ướt, đi ra khỏi thành RÀJAGAHA (Vương Xá), chắp tay đảnh lễ sáu phương và không hiểu biết ý nghĩa của việc làm đảnh lễ này.

C. Chánh Kinh:

I. Đức Phật giải thích ý nghĩa lễ bái Lục Phương theo luật pháp của bậc Thánh

1. Phải từ bỏ mười bốn Ác Pháp

Đó là diệt trừ bốn Nghiệp phiền não, không làm điều Ác theo bốn lý do, và không theo sáu nguyên nhân để phung phí tài sản.

(1) Diệt trừ bốn nghiệp phiền não:

Nghiệp phiền não sát sanh
Nghiệp phiền não trộm cắp
Nghiệp phiền não tà dâm
Nghiệp phiền não nói láo

“Sát sanh và trộm cắp,
Nói láo, lấy vợ người.
Kẻ trí không tán thán,
Những hạnh nhiệp như vậy.”

(2) Không làm ác theo bốn lý do:

Ác Nghiệp làm do Tham Dục
Ác Nghiệp làm do Sân Hận
Ác Nghiệp làm do Si Mê
Ác Nghiệp làm do sợ hãi

Page 187

“Ai phản lại Chánh Pháp,
Vì Tham, Sân, Bố, Si.
Thanh danh bị sứt mẻ,
Như mặt trăng đêm khuyết.
Ai không phản Chánh Pháp,
Vì Tham, Sân, Bố, Si.
Thanh danh không bị sứt mẻ,
Như mặt trăng đêm đầy.”

(3) Không theo sáu nguyên nhân để phung phí tài sản:

Đam mê ẩm tửu
Du hành đường phố phi thời
La cà đình đám hý viện
Đam mê cờ bạc

Giao du với ác hữu
Quen thói lười biếng

2. Có sáu điều nguy hiểm trong việc đam mê ẩm tửu:

Tài sản hiện tại bị tổn thất
Sanh khởi tranh chấp cãi vã
Bệnh tật dễ xâm nhập
Tổn thương danh dự
Để lộ âm tàng (mất cả sự hổ thẹn: mất nết, nằm bờ té bụi, v.v...)
Tổn hại trí lực

3. Có sáu điều nguy hiểm trong việc du hành đường phố phi thời:

Tự mình không được che chở hộ trì
Vợ con không được che chở hộ trì
Tài sản không được che chở hộ trì
Bị nghi ngờ là tác giả các ác sự
Là nạn nhân các tin đồn thất thiệt
Tự rước vào thân nhiều phiền não

4. Có sáu điều nguy hiểm của sự la cà đình đám hý viện:

Luôn luôn tìm xem chỗ nào có nhảy múa
Luôn luôn tìm xem chỗ nào có ca hát
Luôn luôn tìm xem chỗ nào có tiếng nhạc
Luôn luôn tìm xem chỗ nào có tán tụng
Luôn luôn tìm xem chỗ nào có nhạc tay
Luôn luôn tìm xem chỗ nào có trống đàn

5. Có sáu điều nguy hiểm của sự đam mê cờ bạc:

Nếu thắng thì sanh sự oán thù
Nếu thua thì sanh tâm sầu muộn
Tài sản hiện tại bị tổn thất
Lời nói mất giá trị, không hiệu lực tại hội trường
Bằng hữu đồng liêu (không cờ bạc) khinh miệt
Không xứng được người gả con hay cưới làm vợ

6. Có sáu điều nguy hiểm của sự thân cận các Ác Hữu:

Bạn cờ bạc
Bạn loạn hành đàng điếm
Bạn nghiện rượu
Bạn gian trá, trá ngụy
Bạn lường gạt, giựt của người

Bạn bạo động

7. Có sáu điều nguy hiểm của thói quen lười biếng:

Lạnh quá, không làm việc
Nóng quá, không làm việc
Trễ quá, không làm việc
Sớm quá, không làm việc
Đói quá, không làm việc
No quá, không làm việc

Trong khi những công việc phải làm, lại không làm. Tài sản chưa có, lại không xây dựng nên. Tài sản có rồi, lại làm tiêu mất.

Page 189

II. Đức Phật thuyết giảng những cách phân định loại Bạn Hữu

1. Có bốn hạng người không được xem là Bạn Hữu dầu tự cho là Bạn:

Đó là người vật gì cũng lấy, người chỉ biết nói giỏi, người khéo nịnh hót, người tiêu pha xa xỉ.

(1) Có bốn trường hợp ở người vật gì cũng lấy, không được xem là bạn:

Người vật gì cũng lấy
Cho ít xin nhiều
Vì sợ mà làm
Làm vì mưu lợi cho mình

(2) Có bốn trường hợp ở người chỉ biết nói giỏi, không được xem là bạn:

Tỏ lộ thân tình việc đã qua
Tỏ lộ thân tình việc chưa đến
Mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ
Khi có công việc, tự tỏ sự bất lực của mình

(3) Có bốn trường hợp ở người khéo nịnh hót, không được xem là bạn:

Đồng ý với các việc Ác
Không đồng ý với các việc Thiện
Trước mặt tán thán
Sau lưng chỉ trích

(4) Có bốn trường hợp ở người tiêu pha xa xỉ, không được xem là bạn:

Là bạn khi mình đam mê ẩm tửu
Là bạn khi mình du hành đường phố phi thời
Là bạn khi mình la cà đình đám hý viện
Là bạn khi mình đam mê cờ bạc

“Người bạn gì cũng lấy, Người bạn chỉ nói giỏi, Người nói lời nịnh hót,

Page 190

Người tiêu pha xa xỉ,
Cả bốn, không phải bạn.
Biết vậy, người trí tránh,
Như đường đầy sợ hãi.”
2. Có bốn hạng người bạn, được xem là bạn chân thật:

Đó là người bạn giúp đỡ, người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui, người bạn khuyên điều lợi ích, người bạn có lòng thương tưởng.

(1) Có bốn trường hợp ở người bạn giúp đỡ, được xem là bạn chân thật:

Che chở cho bạn khi bạn vô ý phóng dật Che chở của cải cho bạn khi bạn vô ý phóng dật Là chỗ nương tựa cho bạn khi bạn sợ hãi Khi hữu sự sẽ giúp đỡ cho bạn của cải gấp hai lần những gì bạn đang thiếu.

(2) Có bốn trường hợp ở người bạn chung thủy trong khổ cũng như trong vui, được xem là bạn chân thật:

Nói cho bạn biết điều bí mật của mình
Giữ gìn kín điều bí mật của bạn đã nói ra
Không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn
Dám hy sinh thân mạng vì bạn
(3) Có bốn trường hợp ở người bạn khuyên điều lợi ích, được xem là bạn chân thật:

Ngăn chặn bạn không cho làm điều ác
Khuyến khích bạn làm điều thiện
Cho bạn nghe điều bạn chưa được nghe
Cho bạn biết con đường đi lên cõi Thiên Giới
(4) Có bốn trường hợp ở người bạn có lòng thương tưởng, được xem là bạn chân thật:

Không hoan hỷ khi bạn gặp hoạn nạn Hoan hỷ khi bạn gặp may mắn

Page 191

Ngăn chặn những ai nói xấu bạn Khuyến khích những ai tán thán bạn

“Bạn sẵn sàng giúp đỡ,
Bạn chung thủy khổ vui,
Bạn khuyến khích lợi ích,
Bạn có lòng thương tưởng.
Biết rõ bốn bạn này,
Người trí phục vụ chúng,
Như mẹ đối con ruột.
Người trí giữ giới luật,
Sáng như lửa đỏi cao.

Người tích trữ tài sản,
Như cử chỉ con ong.
Tài sản được chồng chất,
Như ụ mối đụn cao.
Người cư xử như vậy,
Chất chứa các tài sản,
Vừa đủ để lợi ích,
Cho chính gia đình mình.
Tài sản cần chia bốn,
Để kết hợp bạn bè:
Một phần mình an hưởng,
Hai phần dành công việc,
Phần tư, phần để dành,
Phòng khó khăn hoạn nạn.”

III. Đức Phật thuyết giảng phương cách hộ trì sáu phương

Sáu Phương cần được hiểu biết như sau:

Phương Đông cần được hiểu là Cha Mẹ
Phương Nam cần được hiểu là Giáo Thọ
Phương Tây cần được hiểu là Vợ Chồng
Phương Bắc cần được hiểu là Bạn Hữu
Phương Dưới cần được hiểu là người giúp việc, tôi tớ
Phương Trên cần được hiểu là Sa Môn, Bà La Môn

1a. Có năm điều người con phải phụng dưỡng Cha Mẹ (Phương Đông):

Page 192

Nuôi dưỡng Cha Mẹ
Gánh vác công việc thay thế cho Cha Mẹ
Gìn giữ gia đình và truyền thống
Xứng đáng người thừa tự tài sản
Làm tang lễ khi Cha Mẹ qua đời và kiến tạo Thiện Sự để hồi hướng

Phước Báu đến Cha Mẹ đã quá vãng

1b. Có năm điều Cha Mẹ có lòng thương tưởng đến con:

Ngăn chặn con làm điều ác
Khuyến khích con làm điều thiện
Dạy cho con nghề nghiệp
Dựng vợ gả chồng xứng đáng cho con
Đúng thời trao tài sản thừa tự cho con

Như vậy, phương Đông được che chở, được trở thành an ổn và khỏi các sự sợ hãi.

2a. Có năm điều người đệ tử phải biết phụng dưỡng vị Thầy Giáo Thọ (Phương Nam):

Đứng dậy tiếp rước khi Giáo Thọ đến
Hầu hạ Giáo Thọ theo giờ nhứt định
Hăng hái siêng năng học hỏi nơi Giáo Thọ
Tự phục vụ Giáo Thọ những công việc linh tinh của Thầy
Chú tâm kính cẩn học hỏi nghề nghiệp

2b. Có năm điều vị Giáo Thọ có lòng thưởng đến người đệ tử:

Huấn luyện đệ tử những điều mình đã được khéo huấn luyện Dạy dỗ bảo trì những điều mình đã được khéo bảo trì Dạy bảo thuần thục mọi loại nghề nghiệp (không giấu nghề) Khen ngợi đệ tử với các bạn bè quen thuộc Bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt, trong mọi sự việc

Như vậy, phương Nam được che chở, được trở thành an ổn và khỏi các sự sợ hãi.

Page 193

3a. Có năm điều người Chồng đối xử với người Vợ (Phương Tây):

Kính trọng và yêu thương Vợ
Không được bất kính đối với Vợ
Luôn trung thành (chung thủy) với Vợ
Giao quyền hành chăm sóc gia đình cho Vợ
Sắm đồ nữ trang thích hợp cho Vợ

3b. Có năm điều người Vợ có lòng thương tưởng đến Chồng:

Thi hành tốt đẹp bổn phận của mình và sắp đặt công việc gia đình cho được vén khéo Khôn khéo tiếp đãi và giúp đỡ quyến thuộc cả hai bên đồng đều nhau Thành tín (chung thủy) đối với Chồng Khôn khéo giữ gìn tài sản của Chồng giao cho Khéo léo và nhanh nhẹn, thông thạo và siêng năng trong tất cả công việc gia đình

Như vậy, phương Tây được che chở, được trở thành an ổn và khỏi các sự sợ hãi.

4a. Có năm điều Thiện Nam Tử đối xử với bạn bè (Phương Bắc):

Bố thí, xả ly
Ái ngữ
Lợi Hành
Đồng Sự
Không lường gạt và gian dối với bạn hữu

4b. Có năm điều bạn bè có lòng thương kính vị Thiện Nam Tử:

Che chở, giúp đỡ những khi Thiện Nam Tử phóng túng dể duôi Bảo trì, gìn giữ tài sản những khi Thiện Nam Tử phóng túng dể duôi Trở thành chỗ nương tựa những khi Thiện Nam Tử gặp nguy hiểm Không tránh xa khi vị Thiện Nam Tử gặp khó khăn gian khổ Có lòng thương mến, kính trọng gia đình thân quyến của Thiện Nam Tử

Page 194

Như vậy, phương Bắc được che chở, được trở thành an ổn và khỏi các sự sợ hãi.

5a. Có năm điều vị Thánh Chủ Nhân đối xử với hạng nô bộc (Phương Dưới):

Phân cắt, giao việc đúng theo sức lực của chúng Lo cho chúng có đủ vật thực và trả tiền công tử tế Săn sóc và chữa trị khi chúng bị bệnh hoạn Chia sẻ các mỹ vị đặc biệt khi có cho chúng Nên cho nghỉ ngơi những khi chúng mệt nhọc

5b. Có năm điều người nô bộc có lòng thương tưởng đối với vị Chủ Nhân:

Phải thức dậy trước khi chủ thức dậy
Đi ngủ sau chủ
Tự bằng lòng với các vật đã được cho
Chú ý, cẩn thận, khéo léo làm các công việc
Làm phổ biến danh thơm tiếng tốt cho chủ nhân
Như vậy, phương Dưới được che chở, được trở thành an ổn và khỏi các sự sợ hãi.

6a. Có năm điều vị Thiện Nam Tử đối xử với các vị Sa Môn, Bà La Môn:

Có lòng Từ Ái trong hành động về Thân
Có lòng Từ Ái trong hành động về Lời
Có lòng Từ Ái trong hành động về Ý
Mở rộng cửa để đón các vị Sa Môn
Cúng dường các vị Sa Môn với các vật dụng cần thiết
6b. Có năm điều các vị Sa Môn có lòng thương tưởng đến vị Thiện Nam Tử:

Ngăn cản chúng không cho làm điều Ác

Page 195

Khuyến khích hướng dẫn chúng làm điều Thiện
Có lòng trắc ẩn giúp đỡ chúng với tâm Từ Ái
Dạy chúng những điều chưa được nghe
Chỉ bày con đường thực hành đưa đến Thiện Thú
Như vậy, phương Trên được che chở, được trở thành an ổn và khỏi các sự sợ hãi.

“Cha Mẹ là phương Đông,
Giáo Thọ là phương Nam,
Vợ Chồng là phương Tây,
Bạn Bè là phương Bắc,
Nô Bộc là phương Dưới,
Sa Môn, Bà La Môn,
Có nghĩa là phương Trên.
Cư Sĩ và gia đình,
Đảnh lễ phương hướng ấy.

Kẻ trí giữ Giới Luật,
Từ tốn và biện tài.
Khiêm nhường và nhu thuận,
Nhờ vậy được danh xưng.
Dậy sớm không biếng nhác,
Bất động giữa hiểm nguy.
Người hiền, không phạm giới,
Nhờ vậy được danh xưng.
Nhiếp chúng, tạo nên bạn,
Từ Ái, tâm bao dung.
Dẫn Đạo, khuyến hóa Đạo,
Nhờ vậy được danh xưng.
Bố Thí và Ái Ngữ,
Lợi hành bất cứ ai.
Đồng sự trong mọi việc,
Theo trường hợp xử sự.
Chính những nhiếp sự này,
Khiến thế giới xoay quanh.
Như bánh xe quay lăn,
Vòng theo trục xe chính.
Nhiếp sự này vắng mặt,
Không có Mẹ hưởng thọ,

Hay không Cha hưởng thọ,
Sự hiếu kính của con.
Do vậy bậc có Trí,
Đối với nhiếp pháp này,
Như quán sát chấp trì.
Nhờ vậy thành vĩ đại,
Được tán thán, danh xưng."
D. Kết Luận:

Sau khi đức Phật dứt lời Pháp Thoại này, thanh niên SINGÀLAKA thốt lên lời tán thán cùng với sự thành tín và phát tâm nương nhờ trọn đời quy ngưỡng vào Tam Bảo.

----------00000----------

BÀI 32: KINH Á SÁ NĂNG CHÍ (ÀTÀNÀTIYA SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Sau khi đêm gần mãn, đức Phật đã thuyết giảng Pháp Thoại này đến chư Tỳ Khưu Tăng ở tại núi GIJJHAKÙTA (Linh Thứu), thành RÀJAGAHA (Vương Xá).

B. Duyên Khởi:

Tứ Thiên Vương và các vị Dạ Xoa đi đến yết kiến đức Thế Tôn tại núi GIJJHAKÙTA (Linh Thứu), đọc lên nội dung bài kinh ÀTÀNÀTIYA với lòng mong mỏi Tứ Chúng (Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ) hãy nên học bài kinh này để có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì không bị tai họa.

C. Chánh Kinh:

* Các vị Tứ Đại Thiên Vương cùng với các vị Dạ Xoa đi đến núi GIJJHAKÙTA đảnh lễ đức Phật trong một đêm tối thâm sâu.

* Thiên Đại Vương VESSAVANA tác bạch với đức Thế Tôn về thực trạng của các vị Dạ Xoa:

Page 197

- Những vị Thượng Phẩm Dạ Xoa có lòng tin tưởng đức Phật. - Còn những vị Trung Phẩm và Hạ Phẩm không có lòng tin tưởng đức Phật. - Phần lớn các Dạ Xoa không có lòng tin tưởng đức Phật do bởi phần lớn các Dạ Xoa không hoan hỷ, bất duyệt ý thọ trì Ngũ Giới.

* Trong hang cốc thâm sâu, các đệ tử của đức Phật đang tịnh tu thích hợp, nhưng các Thượng Phẩm Dạ Xoa không tin tưởng đức Thế Tôn.

* Do đó, Thiên Đại Vương VESSAVANA ngỏ lời đề nghị nên học bài kinh ÀTÀNÀTIYA để khởi lòng tín ngưỡng cho Dạ Xoa, để che chở hộ trì Tứ Chúng, để có thể sống an lạc, được che chở, được hộ trì không bị tai họa.

* Sau khi được đức Phật chấp thuận, Thiên Đại Vương đọc lên bài kinh này. Đoạn đầu bài kinh là phần tán thán và đảnh lễ bảy đức Phật quá khứ và hiện tại. Các đoạn sau đề cập các vị vua trị vì mười phương.

Phương Đông do Thiên Vương DHATARATTHA (Trì Quốc Thiên Vương) trị vì, có các Càn Thát Bà hầu quanh. Phương Nam do Thiên Vương VIRÙLHA (Tỳ Lâu Lặc Thiên Vương) trị vì, có các loài KUMBHANDÀ (Cưu Bàn Trà) hầu quanh. Phương Tây do Thiên Vương VIRÙPAKKHA (Tỳ Lâu Bác Xoa Thiên Vương) trị vì, có các loài NÀGA (Rồng) hầu quanh. Phương Bắc được gọi là Bắc Câu Lô Châu (UTTARA KURÙ) do Thiên Vương KUVERA trị vì với núi NERU (Tu Di) với đời sống thanh nhàn sung túc, với nhiều thành phố lâu đài cao đẹp và ÀLAKAMANDA là kinh đô của Vua.

* Mỗi vị Vua đều có rất đông hoàng tử, đồng một tên là INDA, và cả Hội Chúng đều đảnh lễ đức Phật GOTAMA.

* Hiệu năng của bài kinh này là che chở cho Tứ Chúng (Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ) thoát khỏi bất luận hàng Càn Thát Bà, Câu Bàn Trà, Dạ Xoa, Long Vương, hoặc bất luận một loài Phi Nhân nào hãm hại.

Nội Dung Bài Kinh ÀTÀNÀTIYA (Hộ Kinh)

1. Đảnh lễ VIPASSI, Sáng suốt và huy hoàng! Đảnh lễ đấng SIKHÌ, Có lòng thương muôn loài!

Page 198

Đảnh lễ VESSABHA, Thanh tịnh, tu khổ hạnh!
Đảnh lễ KAKUSANDHA, Vị nhiếp phục Ma quân!
Đảnh lễ KONÀGAMANA, Bà La Môn viên mãn!
Đảnh lễ KASSAPA, Vị giải thoát muôn mặt!
Đảnh lễ ANGIRASA, Vị Thích Tử huy hoàng.
Đã thuyết Chân Diệu Pháp, Diệt trừ mọi khổ đau.
Ai yểm ly thế giới, Nhìn đời đúng như chân.
Vị ấy không hai lưỡi, Bậc vĩ đại thanh thoát.
Chúng đảnh lễ GOTAMA, Lo an lạc Nhân Thiên.
Trì Giới đức viên mãn, Bậc vĩ đại thanh thoát.
2. Mặt trời sáng mọc lên, Vầng thái dương tròn lớn.
Khi mặt trời mọc lên, Đêm tối liền biến mất.
Khi mặt trời mọc lên, Liền được gọi là ngày.
Biển cả hải triều động, Như hồ nước thâm sâu.
Ở đây mọi người biết, Chính biển cả hải triều.
Dân chúng gọi phương ấy, Là Phương PURIMÀ (phương Đông).
Vị trị vì phương ấy, Bậc Đại Vương danh xưng.
Chủ loài Càn Thát Bà, Danh gọi DHATARATTHA.
(Trì Quốc Thiên Vương), Càn Thát Bà hầu quanh.
Hưởng múa hát của chúng, Vua này có nhiều con.
Ta chỉ nghe một tên, Tám mươi và mười một.
Đại lực, danh INDA, Chúng chiêm ngưỡng Thế Tôn.
Thuộc giòng họ mặt trời, Từ xa, chúng lễ Phật.
Bậc vĩ đại thanh thoát, Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân! Thiện Tâm nhìn chúng con.
Phi nhân cũng lễ Ngài, Đã nhiều lần, nghe hỏi.
Nên đảnh lễ như vậy,
Quý vị xin đảnh lễ GOTAMA chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ GOTAMA chiến thắng!
Đảnh lễ GOTAMA, Bậc trí đức viên mãn.”
3. Chúng được gọi PETA, Nói hai lưỡi, sau lưng.
Sát sanh và tham đắm, Đạo tặc và man trá.
Dân chúng gọi phương ấy, Là phương Nam (Phương DAKKHINÀ).
Vị trị vì phương ấy, Bậc Đại Vương, danh xưng.

Chủ loài KUMBHANDA (Cửu Bàn Trà), Danh gọi VIRÙLHA.
(Tỳ Lâu Lặc Thiên Vương), KUMBHANDÀ hầu quanh.
Hưởng múa hát của chúng, Vua này có nhiều con.
Page 199

Ta chỉ nghe một tên, Tám mươi và mười một.
Đại lực, danh INDA, Chúng chiêm ngưỡng Thế Tôn.
Thuộc giòng họ mặt trời, Từ xa, chúng lễ Phật.
Bậc vĩ đại thanh thoát, Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân! Thiện Tâm nhìn chúng con.
Phi nhân cũng lễ Ngài, Đã nhiều lần, nghe hỏi.
Nên đảnh lễ như vậy,
Quý vị, xin đảnh lễ GOTAMA chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ GOTAMA chiến thắng!
Đảnh lễ GOTAMA, Bậc trí đức viên mãn.
4. Mặt trời sáng lặn xuống, Vầng thái dương tròn lớn.
Khi mặt trời lặn xuống, Ban ngày liền biến mất.
Khi mặt trời lặn xuống, Liền được gọi là đêm.
Biển cả hải triều động, Như hồ nước thâm sâu.
Ở đây mọi người biết, Chính biển cả hải triều.
Dân chúng gọi phương ấy, Là Phương PACCHIMÀ (phương Tây).
Vị trị vì phương ấy, Bậc Đại Vương danh xưng.
Chủ các loài NÀGÀ, Danh gọi VIRÙPAKKHA.
(Tỳ Lâu Bác Xoa), Loài NÀGÀ hầu quanh.
Hưởng múa hát của chúng, Vua này có nhiều con.
Ta chỉ nghe một tên, Tám mươi và mười một.
Đại lực, danh INDA, Chúng chiêm ngưỡng Thế Tôn.
Thuộc giòng họ mặt trời, Từ xa, chúng lễ Phật.
Bậc vĩ đại thanh thoát, Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân! Thiện Tâm nhìn chúng con.
Phi nhân cũng lễ Ngài, Đã nhiều lần, nghe hỏi.
Quý vị, xin đảnh lễ GOTAMA chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ GOTAMA chiến thắng!
Đảnh lễ GOTAMA, Bậc trí đức viên mãn.
5. Bắc Câu Lô Châu (UTTARAKURÀ) an lạc.
Đại NERU (Tu Di) đẹp đẽ, Tại đấy, mọi người sống.
Không sở hữu, chấp trước, Chúng không gieo hột giống.
Không cần phải kéo cày, Loài người được thọ hưởng.
Lúa chín khỏi nhọc công, Loại gạo không cám trấu.
Thanh tịnh có hương thơm, Được nấu chín trên đá.

Và chúng ăn gạo ấy, Chỉ cởi loài bò cái.
Đi phương này phương khác, Chỉ dùng các loài thú.
Page 200

Dùng xe đàn bà kéo, Đi phương này phương khác.
Dùng xe đàn ông kéo, Đi phương này phương khác.
Dùng xe con gái kéo, Đi phương này phương khác.
Dùng xe con trai kéo, Đi phương này phương khác.
Chúng leo trên các xe, Đi khắp mọi phương hướng.
Để phục vụ Vua mình, Chúng cỡi xe voi kéo.
Xe ngựa, xe Chư Thiên, Đối với Vua danh xưng.
Có lâu đài, có kiệu, Nhiều thành phố của Vua.
Được xây giữa hư không, Các thành ÀTANATA, KUSINATA.
PARAKUSINÀTÀ, NÀTTAPURIYÀ, PARAKUSITANÀTÀ.
KAPIVANTA thuộc phía Bắc,
Và các thành phố khác như JANOGHA, NAVANAVATIYA,
AMBARA, AMBARAVATIYA, ÀLAKAMANDÀ là kinh đô của Vua.
Chỗ KUVERA ở, Vị Vua đáng kính này.
Kinh đô tên VISÀNÀ, Do vậy KUVERA.
Được danh VESSAVANA, Các Sứ Quán được tên:
TATOLÀ, TATTALÀ, TATOTALÀ, OJASI, TEJASI, TATOJASI.
Vua SÙRA, ARITTHA, NEMI, Đây có vùng nước lớn.
Từ đây mưa đổ xuống, Được tên DHARANÌ.
Tại đây có giảng đường, Tên BHAGALAVATI.
Chỗ Dạ Xoa tập hội, Tại đây nhiều cây trái.
Trên cây chim tụ hợp, Các loại công, loại cò.
Diệu âm chim KOKILÀ, Ở đây, chim JÌVA.
Kêu tiếng "Hãy sống đi," Và tiếng chim kêu lên.
Hãy khởi tâm thích thú, Nhiều loại chim sai khác.
Ở rừng và ở hồ, Với con vẹt ồn ào.
Và con chim MYNA, Các loại chim thần thoại.
Gọi là DANDAMÀNAVAKÀ, Hồ sen KUVERA, chiếu sáng tất cả trời.
Dân chúng gọi phương ấy, Là phương UTTARÀ (phương Bắc).
Vị trị vì phương ấy, Bậc Đại Vương danh xưng.
Chủ các loài Dạ Xoa, Danh gọi KUVERA.
(Ku Ve Ra), Các Dạ Xoa hầu quanh.
Hưởng múa hát của chúng, Vua này có nhiều con.
Ta chỉ nghe một tên, Tám mươi và mười một.
Đại lực, danh INDA, Chúng chiêm ngưỡng Thế Tôn.
Thuộc giòng họ mặt trời, Từ xa, chúng lễ Phật.

Bậc vĩ đại thanh thoát, “Đảnh lễ bậc Siêu Nhân!
Đảnh lễ bậc Thượng Nhân! Thiện Tâm nhìn chúng con.
Phi nhân cũng lễ Ngài, Đã nhiều lần, nghe hỏi.
Page 201

Nên đảnh lễ như vậy,
Quý vị, xin đảnh lễ GOTAMA chiến thắng!
Chúng con xin đảnh lễ GOTAMA chiến thắng!
Đảnh lễ GOTAMA, Bậc trí đức viên mãn.
* Đức Thế Tôn khuyến khích Tứ Chúng (Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ) hãy nên học thuộc lòng bài kinh ÀTÀNÀTIYÀ này, để được che chở, được hộ trì, được ngăn khỏi điều tai hại, được sống an vui hạnh phúc.

D. Kết Luận:

Sau khi đức Phật dứt lời Pháp Thoại này, chư Tỳ Khưu Tăng hoan hỷ tín thọ lời dạy của Ngài.

----------00000----------

BÀI 33: KINH PHÚNG TỤNG (SANGÌTI SUTTA)

A. Xuất Xứ:

Đại đức SÀRIPUTTA đã thuyết giảng Pháp Thoại này cho chư Tỳ Khưu Tăng tại Hội Trường UBBHATAKA, thành PÀVÀ, xứ MALLÀ.

B. Duyên Khởi:

Dân chúng MALLÀ xây dựng một Hội Trường ở thành phố PÀVÀ, đặt tên là UBBHATAKA, và dâng cúng đến đức Phật. Ngài đã nhận lời và đi đến Hội Trường để thuyết giảng cho dân chúng MALLÀ cho tới lúc thật khuya. Sau khi dân chúng MALLÀ ra về, đức Phật cảm thấy mệt, muốn nằm nghỉ, và liền bảo đại đức SÀRIPUTTA hãy nên thuyết giảng cho chư Tỳ Khưu Tăng.

C. Chánh Kinh:

* Do bởi NIGANTHA NÀTHAPUTTA vừa mới từ trần, các NIGANTHA chia thành hai phe tranh luận cãi vã, đại đức SÀRIPUTTA mới trùng tuyên lại các Pháp do đức Thế Tôn đã giảng dạy để gìn giữ những lời Phật dạy và tránh khỏi những tranh chấp về sau, để Phạm Hạnh được trường tồn, được duy trì lâu ngày

Page 202

vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại.

* Sau đó, đại đức SÀRIPUTTA đã trùng tuyên tuần tự các Pháp, từ một Pháp cho đến mười Pháp, và như vậy tóm tắt lại những Pháp Số đã được đức Phật giảng dạy. Sự sắp đặt ở đây dựa theo con số một Pháp cho đến mười Pháp, và cứ trong mỗi con số, thời kể

lại tất cả Pháp có cùng một con số.

I. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự một Pháp

- Tất cả loài hữu tình phải do Vật Thực (ÀHÀRA) mà được an trú (Nhất Thiết Chúng Sanh Duy Thực Tồn). - Tất cả loài hữu tình phải do các Hành (SANKHÀRA) mà được an trú.

II. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự hai Pháp

- Danh và Sắc
- Vô Minh và Hữu Ái
- Hữu Kiến và Vô Hữu Kiến
- Vô Tàm và Vô Quý
- Tàm và Quý
- Ác Ngôn và Ác Hữu
- Thiện Ngôn và Thiện Hữu
- Nhập tội thiện xảo và Xuất tội thiện xảo
- Đẳng chí thiện xảo và Xuất khởi đẳng chí thiện xảo
- Giới thiện xảo và Tác ý thiện xảo
- Xứ thiện xảo và Duyên khởi thiện xảo
- Thiện xảo về Xứ và Thiện xảo về Phi Xứ
- Chân trực và Tàm Quý
- Kham nhẫn và Nhu hoà
- Lời nói nhu thuần và tiếp đón thân tình
- Vô hại và Từ Ái
- Thất niệm và Bất chánh tri
- Chánh niệm và Tỉnh giác
- Các căn không được chế ngự và ăn uống không tiết độ
- Các căn được chế ngự và ăn uống có tiết độ
- Tư duy lực và Tu tập lực
- Niệm lực và Định lực
- Chỉ và Quán

Page 203

- Chỉ tướng và Tinh cần tướng
- Tinh cần và không dao động
- Giới thành tựu và Kiến thành tựu
- Giới suy khuyết và Kiến suy khuyết
- Giới thanh tịnh và Kiến thanh tịnh
- Kiến thanh tịnh và Tinh cần theo tri kiến ấy
- Dao động đối với các Pháp bị dao động và Chánh tinh cần của người bị dao động ấy
- Không tri túc với các Thiện Pháp và Không thối thất trong tinh cần

- Minh tri và giải thoát
- Tận tri và Vô Sanh trí.

III. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự ba Pháp

- Ba Bất Thiện Căn: Tham bất thiện căn, Sân bất thiện căn, và Si bất thiện căn. - Ba Thiện Căn: Vô Tham thiện căn, Vô Sân thiện căn, và Vô Si thiện căn. - Ba Ác Hạnh: Thân ác hạnh, Ngữ ác hạnh, và Ý ác hạnh. - Ba Thiện Hạnh: Thân thiện hạnh, Ngữ thiện hạnh, và Ý thiện hạnh. - Ba Bất Thiện Tầm: Dục Tầm, Sân Tầm, và Hại Tầm. - Ba Thiện Tầm: Ly Dục Tầm, Vô Sân Tầm, và Vô Hại Tầm. - Ba Bất Thiện Tư Duy: Dục tư duy, Sân tư duy, và Hại tư duy. - Ba Thiện Tư Duy: Ly Dục tư duy, Vô Sân tư duy, và Vô Hại tư duy. - Ba Bất Thiện Tưởng: Dục tưởng, Sân tưởng, và Hại tưởng. - Ba Thiện Tưởng: Ly Dục tưởng, Vô Sân tưởng, và Vô Hại tưởng. - Ba Bất Thiện Giới: Dục giới, Sân giới, và Hại giới. - Ba Thiện Giới: Ly Dục giới, Vô Sân giới, và Vô Hại giới. - Ba Cõi Giới: Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. - Ba Giới (khác): Sắc Giới, Vô Sắc Giới, và Diệt Giới. - Ba Giới (khác): Hạ Liệt Giới, Trung Đẳng Giới, và Thù Thắng Giới. - Ba Ái: Dục Ái, Hữu Ái, và Vô Hữu Ái. - Ba Ái (khác): Dục Ái, Sắc Ái, và Vô Sắc Ái. - Ba Ái (khác): Sắc Ái, Vô Sắc Ái, và Diệt Ái. - Ba Kiết Sử: Thân Kiến, Hoài Nghi, và Giới Cấm Thủ. - Ba Lậu Hoặc: Dục Lậu, Hữu Lậu, và Vô Minh Lậu. - Ba Hữu: Dục Hữu, Sắc Hữu, và Vô Sắc Hữu. - Ba Cầu: Dục Cầu, Hữu Cầu, và Phạm Hạnh Cầu. - Ba Mạn: Thù Thắng Mạn, Trung Đẳng Mạn, và Ty Liệt Mạn.

Page 204

- Ba Thời: Quá khứ thời, Vị Lai thời, và Hiện tại thời. - Ba Biên: Hữu thân biên, Hữu thân tập biên, và Hữu thân diệt biên. - Ba Thọ: Lạc thọ, Khổ thọ, và Phi Khổ Phi Lạc thọ. - Ba Khổ Tánh: Khổ Khổ, Hành Khổ, và Hoại Khổ. - Ba Tụ: Tà Định tụ, Chánh Định tụ, và Bất Định tụ. - Ba Hoài Nghi: Hoài nghi thuộc quá khứ, Hoài nghi thuộc vị lai, và Hoài nghi thuộc hiện tại, do dự, không quyết định, không hài lòng. - Ba điều mà đức Phật không cần gìn giữ: Ngài luôn thanh tịnh về Thân, không có Thân ác hạnh, do đó, Ngài không cần gìn giữ về điều: “Chớ để người khác biết việc này về Ta.” Ngài luôn thanh tịnh về Lời, không có Ngữ ác hạnh, do đó, Ngài không cần gìn giữ về điều: “Chớ để người khác biết việc này về Ta.” Ngài luôn thanh tịnh về Ý, không có Ý ác hạnh, do đó, Ngài không cần gìn giữ về điều: “Chớ để người khác biết việc này về Ta.” - Ba Nghịch chướng: Tham chướng, Sân chướng, và Si chướng. - Ba loại lửa: Lửa Tham, Lửa Sân, và Lửa Si. - Ba loại lửa (khác): Lửa của người hiếu kính, Lửa của người gia chủ, và Lửa của người cúng dường (Cha Mẹ, Vợ Con, và các vị xuất gia). - Ba loại sắc tụ: Hữu kiến hữu đối sắc, Vô Kiến hữu đối sắc, và Vô Kiến vô đối sắc. - Ba Hành: Phúc Hành, Phi Phúc Hành, và Bất Động Hành. - Ba loại người: Hữu Học nhân, Vô Học nhân, và Phi Hữu Học Phi Vô Học nhân. - Ba vị trưởng lão: Sanh trưởng lão, Pháp trưởng lão, và Nhập Định trưởng lão. - Ba Phúc Hành Tông: Thí phúc hành tông, Giới phúc hành tông, và Tu tập phúc hành tông. - Ba Cử Tội Sự: Thấy, Nghe, và Nghi. - Ba Dục Sanh: Có những loại hữu tình do Dục an trú, chịu sự an trú, bị chi phối, như loài người và Chư Thiên, một số tái tục trong đọa xứ. Có những loài hữu tình có lòng Dục đối với những sự vật do mình tạo ra, như là Chư Thiên ở Hóa Lạc Thiên. Có những loài hữu tình có lòng Dục

đối với sự vật do các loài khác tạo ra, như là Chư Thiên ở Tha Hóa Tự Tại Thiên. - Ba loại lạc sanh: Có những loài hữu tình (trong quá khứ) luôn luôn tạo ra (Thiền Định Lạc) hay sống trong sự an lạc, như các vị Phạm Chúng Thiên.

Page 205

Có những loài hữu tình thấm nhuần, biến mãn, hưng thịnh với sự an lạc, thường thốt lên những lời cảm hứng, như Chúng Quang Âm Thiên. Có những loài hữu tình thấm nhuần, biến mãn, hưng thịnh với an lạc, chúng sống mãn túc với sự an lạc ấy, cảm thọ an lạc, như Chúng Biến Tịnh Thiên. - Ba Tuệ: Hữu Học Tuệ, Vô Học Tuệ, và Phi Hữu Học Phi Vô Học Tuệ. - Ba Tuệ (khác): Tư sanh tuệ, Văn sanh tuệ, và Tu sanh tuệ. - Ba loại binh khí: Nghe, xả ly, và Tuệ. - Ba Căn (Quyền): Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn, và Cụ tri căn. - Ba Nhãn: Nhục Nhãn, Thiên Nhãn, và Tuệ Nhãn. - Ba Học: Tăng thượng giới học, Tăng thượng tâm học, và Tăng thượng tuệ học. - Ba sự tu tập: Thân tu, Tâm tu, và Tuệ tu. - Ba Vô Thượng: Kiến Vô Thượng, Hành Vô Thượng, và Giải Thoát Vô Thượng. - Ba Định: Hữu Tầm Hữu Tứ định, Vô Tầm Hữu Tứ định, và Vô Tầm Vô Tứ định. - Ba Định (khác): Không định, Vô Tướng định, và Vô Nguyện định. - Ba Thanh Tịnh: Thân thanh tịnh, Ngữ thanh tịnh, và Ý thanh tịnh. - Ba Tịch Mặc: Thân tịch mặc, Ngữ tịch mặc, và Ý tịch mặc. - Ba Thiện Xảo: Tăng ích thiện xảo, Tổn ích thiện xảo, Phương tiện thiện xảo. - Ba Kiêu Mạn: Vô bệnh kiêu, Niên tráng kiêu, và Hoạt mạng kiêu. - Ba Tăng Thượng: Ngã tăng thượng, Thế tăng thượng, và Pháp tăng thượng. - Ba Luận Sự: Luận bàn về vấn đề xảy ra trong quá khứ. Luận bàn về vấn đề xảy ra trong vị lai. Luận bàn về vấn đề xảy ra trong hiện tại. - Ba Minh: Túc mạng trí minh, Hữu tình sanh tử minh, và Lậu tận trí minh. - Ba Trú: Thiên trú, Phạm trú, và Thánh trú. - Ba Thần Thông: Thần túc thông, Tha tâm thông, và Giáo giới thần thông.

IV. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự bốn Pháp

- Bốn Niệm Xứ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

Page 206

- Bốn Chánh Cần:
Bất Thiện chưa sanh không cho sanh
Bất Thiện đã sanh cố gắng diệt
Thiện chưa sanh cho sanh khởi
Thiện đã sanh cho được tăng trưởng
- Bốn Thần Túc: Dục như ý thần túc, Cần như ý thần túc, Tâm như ý thần túc, Thẩm như ý thần túc.
- Bốn Thiền:
Sơ Thiền do ly dục sanh, với Tầm, với Tứ.
Nhị Thiền do định sanh, vô Tầm vô Tứ.
Tam Thiền do Xả niệm lạc trú.
Tứ Thiền do Xả niệm thanh tịnh, phi khổ phi lạc.
- Bốn Tu Tập Thiền Định:

Do tu tập thiền định và hành trì nhiều lần đưa đến Lạc trú ngay hiện tại.
Do tu tập thiền định và hành trì nhiều lần đưa đến chứng đắc Tri Kiến.
Do tu tập thiền định và hành trì nhiều lần đưa đến Chánh Niệm Tỉnh Giác.
Do tu tập thiền định và hành trì nhiều lần đưa đến sự diệt tận các Lậu Hoặc.
- Bốn Vô Lượng Tâm: Từ Ái, Bi Mẫn, Tùy Hỷ, Hành Xả.
- Bốn Vô Sắc: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.
- Bốn Y Chỉ: Thọ dụng, Nhẫn thọ, Viễn ly, Khiển trừ.
- Bốn Thánh Chủng: Tự hoan hỷ và bằng lòng với Tứ Vật Dụng (Y áo, Vật thực, Chỗ ở, Thuốc men).
- Bốn Tinh Cần: Chế ngự tinh cần, Đoạn trừ tinh cần, Tu tập tinh cần, Hộ trì tinh cần.
Chế ngự tinh cần đối với Căn tiếp xúc với Trần.
Đoạn trừ tinh cần đối với Dục tầm, Sân tầm, và Hại tầm.
Tu tập tinh cần với Thất Giác Chi.
Hộ trì tinh cần đối với quán pháp Tử Thi bất tịnh.
- Bốn Trí: Pháp trí, Loại trí, Tha tâm trí, Thế tục trí.
- Bốn Trí (khác): Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí.
- Bốn Dự Lưu Hướng Chi: Thiện nhân thân cận, Diệu Pháp thính thọ, Như Lý Tác Ý (Tác ý khôn khéo), Pháp tùy pháp hành.
- Bốn Dự Lưu Quả Chi:
Thánh đệ tử lòng tìn tuyệt đối với đức Phật.

Thánh đệ tử lòng tin tuyệt đối với Pháp Bảo.
Thánh đệ tử lòng tin tuyệt đối với Tăng Bảo.
Thánh đệ tử thành tựu giới đức được các bậc Thánh ái mộ.
- Bốn Sa Môn Quả: Dự Lưu Quả, Nhứt Lai Quả, Bất Lai Quả, Vô Sinh Quả.
- Bốn Giới: Địa giới, Thủy giới, Hỏa giới, Phong giới.
- Bốn Thực: Đoàn Thực, Xúc Thực, Tư Niệm Thực, Thức Thực.
- Bốn Thức Trú:
Do duyên Sắc, Thức được khởi lên.
Do duyên Thọ, Thức được khởi lên.
Do duyên Tưởng, Thức được khởi lên.
Do duyên Hành, Thức được khởi lên.
- Bốn Bất Hành Xứ Hạnh:
Tham dục bất hành xứ hạnh
Sân bất hành xứ hạnh

Si bất hành xứ hạnh
Bố Úy bất hành xứ hạnh
- Bốn Ái Sanh:
Do nhân y phục, Tham ái khởi sanh.
Do nhân vật thực, Tham ái khởi sanh.
Do nhân trú xứ, Tham ái khởi sanh.
Do nhân hữu và phi hữu, Tham ái khởi sanh.
- Bốn Hành: Khổ hành trì chứng, Khổ hành tốc chứng, Lạc hành trì chứng, Lạc hành tốc chứng.
- Bốn Hành (khác): Bất kham nhẫn hành, Kham nhẫn hành, Điều phục hành, Tịch tịnh hành.
- Bốn Pháp Túc: Vô Tham Pháp Túc, Vô Sân Pháp Túc, Chánh Niệm
Pháp Túc, Chánh Định Pháp Túc.
- Bốn Pháp Thọ:
Hiện tại Khổ và vị lai quả báo Khổ.
Hiện tại Khổ và vị lai quả báo Lạc.
Hiện tại Lạc và vị lai quả báo Khổ.
Hiện tại Lạc và vị lai quả báo Lạc.
- Bốn Pháp Uẩn: Giới uẩn, Định uẩn, Công đức uẩn, Giải thoát uẩn.
- Bốn Lực: Tấn Lực, Niệm Lực, Định Lực, Tuệ Lực.
- Bốn Thắng Xứ: Tuệ thắng xứ, Đế thắng xứ, Xả thắng xứ, Chỉ Tức thắng xứ (Bốn Nguyện).
- Bốn Cách Trả Lời Câu Hỏi:
Page 208

Trả lời câu hỏi một cách dứt khoát. Trả lời câu hỏi bằng cách phân tích. Trả lời câu hỏi bằng cách cật vấn. Trả lời câu hỏi bằng cách giả lơ, bỏ qua. - Bốn Nghiệp: Hắc Nghiệp, Hắc Báo. Bạch Nghiệp, Bạch Báo. Hắc Bạch Nghiệp, Hắc Bạch Báo. Phi Hắc Phi Bạch Nghiệp, Phi Hắc Phi Bạch Báo, và đưa đến sự tận diệt các Nghiệp. - Bốn Pháp Cần Phải Chứng Ngộ: Túc mạng cần phải chứng ngộ bởi Niệm. Sanh Tử cần phải chứng ngộ bởi Nhãn. Tâm giải thoát cần phải chứng ngộ bởi Thân. Lậu tận cần phải chứng ngộ bởi Tuệ. - Bốn Bộc Lưu: Dục bộc lưu, Hữu bộc lưu, Kiến bộc lưu, Vô Minh bộc lưu. - Bốn Ách: Dục ách, Hữu ách, Kiến ách, Vô Minh ách. - Bốn Ly Ách: Ly Dục ách, Ly Hữu ách, Ly Kiến ách, Ly Vô Minh ách. - Bốn Hệ Phược: Tham thân hệ, Sân thân hệ, Giới Cấm Thủ thân hệ, Thử Thực Chấp thân hệ. - Bốn Sanh: Noãn Sanh, Thai Sanh, Thấp Sanh, Hóa Sanh. - Bốn Nhập Thai: Có loài không tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Có loài tỉnh giác nhập mẫu thai, không tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Có loài tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, không tỉnh giác xuất mẫu thai. Có loài tỉnh giác nhập mẫu thai, tỉnh giác trú mẫu thai, tỉnh giác xuất mẫu thai. - Bốn Phương Cách Được Tự Thể Mới: Có tự thể mới do ý chí của mình và không do ý chí của người

khác. Có tự thể mới do ý chí của người khác, không do ý chí của mình. Có tự thể mới do ý chí của mình và ý chí của người khác. Có tự thể mới không do ý chí của mình và không do ý chí của người khác. - Bốn Sự Cúng Dường Thanh Tịnh:

Page 209

Có sự cúng dường, người cúng dường thanh tịnh, và người nhận cúng dường không thanh tịnh. Có sự cúng dường, người nhận cúng dường thanh tịnh, và người cúng dường không thanh tịnh. Có sự cúng dường, cả người cúng dường, và người nhận cúng dường đều không thanh tịnh. Có sự cúng dường, cả người cúng dường, và người nhận cúng dường đều thanh tịnh. - Bốn Nhiếp Pháp: Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự. - Bốn Phi Thánh Ngôn: Vọng Ngữ, Lưỡng Thiệt, Ác Khẩu, Ỷ Ngữ. - Bốn Thánh Ngôn: Ly vọng ngữ, Ly lưỡng thiệt, Ly ác khẩu, Ly ỷ ngữ. - Bốn Phi Thánh Ngôn (khác): Không thấy nói thấy, Không nghe nói nghe, Không nghĩ nói nghĩ, Không biết nói biết. - Bốn Thánh Ngôn (khác): Không thấy nói không thấy, Không nghe nói không nghe, Không nghĩ nói không nghĩ, Không biết nói không biết. - Bốn Thánh Ngôn (khác): Thấy nói thấy, Nghe nói nghe, Nghĩ nói Nghĩ, Biết nói biết. - Bốn Loại Người: Có loại người tự làm khổ mình và siêng năng làm khổ mình. Có loại người làm khổ người khác và siêng năng làm khổ người khác. Có loại người làm khổ mình và siêng năng làm khổ mình; làm khổ người khác và siêng năng làm khổ người khác. Có loại người không làm khổ mình và không siêng năng làm khổ mình; không làm khổ người khác và không siêng năng làm khổ người khác. Vị này không làm khổ mình, không làm khổ người ngay trong hiện tại, sống ly dục, tịch tịnh, thanh lương, an lạc thánh thiện. - Bốn Loại Người (khác): Có loại người hành tự lợi, không hành lợi tha. Có loại người hành lợi tha, không hành tự lợi. Có loại người không hành tự lợi và không hành lợi tha. Có loại người hành tự lợi và hành lợi tha. - Bốn Loại Người (khác): Sống trong bóng tối và hướng đến bóng tối. Sống trong bóng tối và hướng đến ánh sáng. Sống trong ánh sáng và hướng đến bóng tối. Sống trong ánh sáng và hướng đến ánh sáng. - Bốn Loại Người (khác): Bất Động Sa Môn, Xích Liên Hoa Sa Môn, Bạch Liên Hoa Sa Môn, Diệu Thiện Sa Môn.

Page 210

V. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự năm Pháp

- Năm Uẩn: Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn. - Năm Thủ Uẩn: Sắc thủ uẩn, Thọ thủ uẩn, Tưởng thủ uẩn, Hành thủ uẩn, Thức thủ uẩn. - Năm Dục Công Đức: Sắc do Nhãn nhận thức cảm xúc, là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục . Thinh do Nhĩ nhận thức cảm xúc, là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục. Khí do Tỷ nhận thức cảm xúc, là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục. Vị do Thiệt nhận thức cảm xúc, là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục. Xúc do Thân nhận thức cảm xúc, là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục. - Năm Thú: Địa Ngục, Bàng Sanh, Ngạ Quỷ, Nhân Loại, Chư Thiên. - Năm Xan Tham: Xan tham đối với trú xứ. Xan tham đối với gia đình. Xan tham đối với các vật thâu hoạch. Xan tham đối với sắc. Xan tham đối với Pháp. - Năm Triền Cái: Tham dục

triền cái, Sân độc triền cái, Hôn trầm Thùy miên triền cái, Trạo Hối triền cái, Hoài nghi triền cái. - Năm Hạ Phần Kiết Sử: Thân kiến, Hoài nghi, Giới cấm thủ, Tham, Sân. - Năm Thượng Phần Kiết Sử: Ái sắc, Ái vô sắc, Ngã mạn, Trạo cử, Vô minh. - Năm Học Xứ: Không sát sanh, không thâu đạo, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống các loại rượu. - Năm Bất Năng Xứ: Một vị Lậu tận không thể cố ý sát hại đời sống loài hữu tình. Một vị Lậu tận không thể cố ý lấy của không cho gọi là thâu đạo. Một vị Lậu tận không thể cố ý hành dâm. Một vị Lậu tận không thể cố ý tự mình biết mà nói láo.

Page 211

Một vị Lậu tận không thể tiêu dùng các vật chứa cất (rượu) vào các thú vui dục lạc. - Năm Sự Tổn Thất: Thân quyến tổn thất, Tài sản tổn thất, Tật bệnh tổn thất, Giới hạnh tổn thất, Tri Kiến tổn thất. - Năm Sự Thành Tựu: Thân quyến thành tựu, Tài sản thành tựu, Tật bệnh thành tựu, Giới hạnh thành tựu, Tri Kiến thành tựu. - Năm Điều Nguy Hiểm Của Người Ác Giới, Phạm Giới: Người ác giới, phạm giới luật, do phóng dật làm thiệt hại nhiều tài sản. Người ác giới, phạm giới luật, bị tiếng xấu đồn khắp. Người ác giới, phạm giới luật, bị sợ sệt, và dao động khi vào hội chúng. Người ác giới, phạm giới luật, khi cận tử lâm chung bị mê loạn. Người ác giới, phạm giới luật, khi thân hoại mạng chung phải tái tục vào Khổ Thú, Ác Thú, Địa Ngục. - Năm Điều Lợi Ích Của Người Cụ Giới, Trì Giới: Người cụ giới, trì giới luật, do không phóng dật nên được nhiều tài sản. Người cụ giới, trì giới luật, được tiếng tốt đồn khắp. Người cụ giới, trì giới luật, không sợ sệt, và dao động khi vào hội chúng. Người cụ giới, trì giới luật, khi cận tử lâm chung không bị mê loạn. Người cụ giới, trì giới luật, khi thân hoại mạng chung được tái tục vào Thiện Thú, Thiên Giới. - Năm Pháp Cần Phải Có Khi Muốn Chỉ Trích Người: Phải nói đúng thời, không phải phi thời. Phải nói đúng sự thật, không nói sai sự thật. Phải nói một cách từ tốn, không nói lời ác khẩu. Phải nói lời có lợi ích, không nói lời vô ích. Phải nói lời với lòng từ ái, không phải lời sân hận. - Năm Cần Chi: Vị tỳ khưu có lòng tin tưởng vào sự giác ngộ của đức Từ Phụ. Vị ấy thiểu bệnh, thiểu não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, quân bình thích hợp với sự tinh tấn. Vị ấy không lường đảo, không dối gạt, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo Sư, đối với các vị sáng suốt hay đối với các vị đồng Phạm Hạnh.

Page 212

Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì nỗ lực, không tránh né với các thiện pháp. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sự sanh diệt của các pháp, là bậc Thánh hướng đến phân tích, đưa đến đoạn diệt một cách chân chánh các khổ đau. - Năm Tịnh Cư: Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên. - Năm Bất Lai: Trung Bát Níp Bàn: Khi sanh lên cõi Phạm Thiên chưa đến phân nửa tuổi thọ thì chứng đắc Quả Vô Sinh và viên tịch lúc ấy. Sanh Bát Níp Bàn: Khi sanh lên cõi Phạm Thiên được tuổi thọ hơn phân nửa, gần hết tuổi thọ thì chứng đắc Quả Vô Sinh và viên tịch lúc ấy. Vô Hành Bát Níp Bàn: Là chứng đắc Quả Vô Sinh, diệt trừ Năm Thượng Phần Kiết Sử một cách dễ dàng. Hữu Hành Bát Níp Bàn: Là chứng đắc Quả Vô Sinh và diệt trừ Năm Thượng Phần Kiết Sử một cách khó khăn. Thượng Lưu Níp Bàn: Là vị Bất Lai

phải tiến tu từng bậc theo Ngũ Quyền và các tầng Trời của Ngũ Tịnh Cư Thiên, từ thấp lên cao, và sau đó diệt Năm Thượng Phần Kiết Sử, chứng đắc Quả Vô Sinh, viên tịch lúc ấy. - Năm Tâm Hoang Vu: Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với vị Đạo Sư. Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với Pháp Bảo. Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với Tăng Bảo. Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với Điều Học. Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với các vị đồng Phạm Hạnh. - Năm Tâm Triền Phược: Vị tỳ khưu ái luyến, ái nhiễm, khao khát với các dục vọng. Vị tỳ khưu ái luyến, ái nhiễm, khao khát về tự thân thể. Vị tỳ khưu ái luyến, ái nhiễm, khao khát với sắc pháp. Vị tỳ khưu hưởng thọ sung sướng về ăn uống no nê, về ngủ nghỉ, về xúc chạm, về thụy miên.

Page 213

Vị tỳ khưu ái luyến, ái nhiễm, khao khát được sanh về Chư Thiên. - Năm Quyền: Nhãn Quyền, Nhĩ Quyền, Tỷ Quyền, Thiệt Quyền, Thân Quyền. - Năm Quyền (khác): Lạc Quyền, Khổ Quyền, Hỷ Quyền, Ưu Quyền, Xả Quyền. - Năm Quyền (khác): Tín Quyền, Tấn Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, Tuệ Quyền. - Năm Xuất Ly Giới: Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các dục lạc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các dục lạc, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy. Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các sân hận. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các sân hận, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy. Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các hại tâm. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các hại tâm, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy. Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các sắc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các sắc, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy. Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với tự thân. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với tự thân, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy. - Năm Giải Thoát Xứ: Vị tỳ khưu được nghe từ bậc Đạo Sư, hay từ một vị đồng Phạm Hạnh đáng kính thuyết giảng, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, Tâm được định tỉnh. Vị tỳ khưu theo điều đã nghe, theo điều đã học, đem thuyết giảng một cách rộng rãi cho người khác, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, Tâm được định tỉnh. Vị tỳ khưu, dù không được nghe từ bậc Đạo Sư, hay từ một vị đồng Phạm Hạnh đáng kính thuyết giảng, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, nhưng tụng đọc Pháp một cách rõ ràng, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, tâm được định tỉnh.

Page 214

Vị tỳ khưu, dù không được nghe từ bậc Đạo Sư, hay từ một vị đồng Phạm Hạnh đáng kính thuyết giảng, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc Pháp một

cách rõ ràng, chỉ dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát Pháp ấy, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, tâm được định tỉnh. Vị tỳ khưu, dù không được nghe từ bậc Đạo Sư, hay từ một vị đồng Phạm Hạnh đáng kính thuyết giảng, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc Pháp một cách rõ ràng, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát Pháp ấy, nhưng khéo nắm giữ một định tướng, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, tâm được định tỉnh. - Năm Giải Thoát Thành Thục Tưởng: Vô Thường Tưởng, Khổ Tưởng trong Vô Thường, Vô Ngã Tưởng trong Khổ Đau, Đoạn Trừ Tưởng, Vô Tham Tưởng.

VI. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự sáu Pháp

- Sáu Nội Xứ: Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ, Ý Xứ. - Sáu Ngoại Xứ: Sắc Xứ, Thinh Xứ, Khí Xứ, Vị Xứ, Xúc Xứ, Pháp Xứ. - Sáu Thức Thân: Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức. - Sáu Xúc Thân: Nhãn Xúc, Nhĩ Xúc, Tỷ Xúc, Thiệt Xúc, Thân Xúc, Ý Xúc. - Sáu Thọ Thân: Nhãn Xúc sở sanh thọ, Nhĩ Xúc sở sanh thọ, Tỷ Xúc sở sanh thọ, Thiệt Xúc sở sanh thọ, Thân Xúc sở sanh thọ, Ý Xúc sở sanh thọ. - Sáu Tưởng Thân: Sắc tưởng, Thinh tưởng, Khí tưởng, Vị tưởng, Xúc tưởng, Pháp tưởng. - Sáu Tư Thân: Sắc tư, Thinh tư, Khí tư, Vị tư, Xúc tư, Pháp tư. - Sáu Ái Thân: Sắc ái, Thinh ái, Khí ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái. - Sáu Bất Cung Kính Pháp: Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với bậc Đạo Sư. Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với Pháp Bảo. Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với Tăng Bảo. Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với Điều Học. Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với không phóng dật.

Page 215

Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với sự lễ phép, xã giao. - Sáu Cung Kính Pháp: Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với bậc Đạo Sư. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với Pháp Bảo. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với Tăng Bảo. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với Điều Học. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với không phóng dật. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với sự lễ phép, xã giao. - Sáu Suy Tư Đến Hỷ: Khi mắt thấy Sắc, hoan hỷ khởi lên, Sắc ấy được suy tư. Khi tai nghe Thinh, hoan hỷ khởi lên, Thinh ấy được suy tư. Khi mũi ngửi Khí, hoan hỷ khởi lên, Khí ấy được suy tư. Khi lưỡi nếm Vị, hoan hỷ khởi lên, Vị ấy được suy tư. Khi thân chạm Xúc, hoan hỷ khởi lên, Xúc ấy được suy tư. Khi ý nhận Pháp, hoan hỷ khởi lên, Pháp ấy được suy tư. - Sáu Suy Tư Đến Ưu: Khi mắt thấy Sắc, ưu tư khởi lên, Sắc ấy được suy tư. Khi tai nghe Thinh, ưu tư khởi lên, Thinh ấy được suy tư. Khi mũi ngửi Khí, ưu tư khởi lên, Khí ấy được suy tư. Khi lưỡi nếm Vị, ưu tư khởi lên, Vị ấy được suy tư. Khi thân chạm Xúc, ưu tư khởi lên, Xúc ấy được suy tư. Khi ý nhận Pháp, ưu tư khởi lên, Pháp ấy được suy tư. - Sáu Suy Tư Đến Xả: Khi mắt thấy Sắc, xả khởi lên, Sắc ấy được suy tư. Khi tai nghe Thinh, xả khởi lên, Thinh ấy được suy tư. Khi mũi ngửi Khí, xả khởi lên, Khí ấy được suy tư. Khi lưỡi nếm Vị, xả khởi lên, Vị ấy được suy tư. Khi thân chạm Xúc, xả khởi lên, Xúc ấy được suy tư. Khi ý

nhận Pháp, xả khởi lên, Pháp ấy được suy tư. - Sáu Hòa Kính Pháp: Vị tỳ khưu thành tựu từ thân nghiệp, sống hòa kính, cung kính với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp. Vị tỳ khưu thành tựu từ ngữ nghiệp, sống hòa kính, cung kính với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp.

Page 216

Vị tỳ khưu thành tựu từ ý nghiệp, sống hòa kính, cung kính với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp. Vị tỳ khưu chia sẻ những vật thực được cúng dường một cách hợp pháp đến các vị tỳ khưu có giới hạnh. Vị ấy sống với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp. Vị tỳ khưu sống giữ Giới Luật, không bị hư hoại, không vi phạm, kiên trì tuân hành, không tỳ vết, làm con người được giải thoát, được người trí tán thán, không uế tạp, hướng đến Thiền Định. Vị ấy sống với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp. Vị tỳ khưu sống đời sống được Thánh Kiến hướng dẫn, chân chánh, đoạn diệt khổ đau. Vị ấy sống thành tựu với Chánh Kiến như vậy, sống với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp. - Sáu Ác Tránh Căn: Vị tỳ khưu cố gắng đoạn trừ phẫn nộ và uất hận Ác tránh căn giữa các vị đồng Phạm Hạnh. Cố gắng ngăn chặn nguy hại ác tránh căn này xảy ra trong vị lai, vì lợi ích an vui và hạnh phúc của Chư Thiên và Nhân Loại. Vị tỳ khưu cố gắng đoạn trừ che dấu và giả dối Ác tránh căn giữa các vị đồng Phạm Hạnh. Cố gắng ngăn chặn nguy hại ác tránh căn này xảy ra trong vị lai, vì lợi ích an vui và hạnh phúc của Chư Thiên và Nhân Loại. Vị tỳ khưu cố gắng đoạn trừ tật đố và xan tham Ác tránh căn giữa các vị đồng Phạm Hạnh. Cố gắng ngăn chặn nguy hại ác tránh căn này xảy ra trong vị lai, vì lợi ích an vui và hạnh phúc của Chư Thiên và Nhân Loại. Vị tỳ khưu cố gắng đoạn trừ lừa đảo và lường gạt Ác tránh căn giữa các vị đồng Phạm Hạnh. Cố gắng ngăn chặn nguy hại ác tránh căn này xảy ra trong vị lai, vì lợi ích an vui và hạnh phúc của Chư Thiên và Nhân Loại. Vị tỳ khưu cố gắng đoạn trừ ác dục và tà kiến Ác tránh căn giữa các vị đồng Phạm Hạnh. Cố gắng ngăn chặn nguy hại ác tránh căn này xảy ra trong vị lai, vì lợi ích an vui và hạnh phúc của Chư Thiên và Nhân Loại. Vị tỳ khưu cố gắng đoạn trừ chấp trước sở kiến Ác tránh căn, kiên trì gìn giữ rất khó rời bỏ, giữa các vị đồng Phạm Hạnh. Cố gắng ngăn

Page 217

chặn nguy hại ác tránh căn này xảy ra trong vị lai, vì lợi ích an vui và hạnh phúc của Chư Thiên và Nhân Loại. - Sáu Giới: Địa Giới, Thủy Giới, Hỏa Giới, Phong Giới, Không Giới, Thức Giới. - Sáu Xuất Ly Giới: Tu tập Từ Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát Sân Tâm. Tu tập Bi Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát Hại Tâm. Tu tập Hỷ Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát Bất Lạc Tâm. Tu tập Xả Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành

căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát Tham Tâm. Tu tập Vô Tướng Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát tất cả Tướng. Tu tập khước từ sự ngạo mạn "Tôi có mặt," "Tôi là cái này," mà mũi tên do dự nghi ngờ được giải thoát. - Sáu Vô Thượng: Kiến Vô Thượng, Văn Vô Thượng, Lợi Đắc Vô Thượng, Học Giới Vô Thượng, Hành Vô Thượng, Ức Niệm Vô Thượng. - Sáu Niệm Xứ: Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, Niệm Giới, Niệm Thí, Niệm Thiên. - Sáu Hằng Trú Pháp: Vị tỳ khưu với mắt thấy sắc, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Vị tỳ khưu với tai nghe tiếng, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Vị tỳ khưu với mũi ngửi mùi hơi, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Vị tỳ khưu với lưỡi nếm các vị, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Vị tỳ khưu với thân cảm xúc, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Vị tỳ khưu với ý nhận thức Pháp, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. - Sáu Sanh Loại:

Page 218

Có người Hắc Sanh và sống tạo Hắc Pháp.
Có người Hắc Sanh và sống tạo Bạch Pháp.
Có người Hắc Sanh và sống tạo Níp Bàn, Phi Hắc Phi Bạch Pháp.
Có người Bạch Sanh và sống tạo Bạch Pháp.
Có người Bạch Sanh và sống tạo Hắc Pháp.
Có người Bạch Sanh và sống tạo Níp Bàn, Phi Hắc Phi Bạch Pháp.
- Sáu Quyết Trạch Phần Tưởng: Vô Thường Tưởng, Khổ Tưởng trên Vô Thường, Vô Ngã Tưởng trên Khổ, Đoạn Tưởng, Vô Tham Tưởng, Diệt Tưởng.
VII. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự bảy Pháp

- Bảy Tài Sản: Tín Tài, Giới Tài, Tàm Tài, Quý Tài, Văn Tài, Thí Tài, Tuệ Tài. - Bảy Giác Chi: Niệm Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi, Tinh Tấn Giác Chi, Hỷ Giác Chi, Khinh An Giác Chi, Định Giác Chi, Xả Giác Chi. - Bảy Định Cụ: Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm. - Bảy Phi Diệu Pháp: Bất Tín, Vô Tàm, Vô Quý, Thiểu Văn, Giải Đãi, Thất Niệm, Liệt Tuệ. - Bảy Diệu Pháp: Tín, Tàm, Quý, Đa Văn, Tinh Tấn, Niệm An Trú, Trí Tuệ. - Bảy Thượng Nhân: Tri Pháp, Tri Nghĩa, Tự Tri, Tri Lượng, Tri Thời, Tri Chúng, và Tri Nhân (người). - Bảy Thù Diệu Sự: Vị tỳ khưu tha thiết hành trì Học Pháp và khao khát hành trì Học Pháp trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết Quán Pháp và khao khát Quán Pháp trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết điều phục các dục vọng và khao khát điều phục các dục vọng trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết sống an tịnh và khao khát sống an tịnh trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết sống tinh tấn và khao khát sống tinh tấn trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết quán sát tự niệm và khao khát quán sát tự niệm trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết với kiến giải và khao khát hiểu biết sở kiến trong vị lai.

Page 219

- Bảy Tưởng: Vô Thường Tưởng, Vô Ngã Tưởng, Bất Tịnh Tưởng, Hoạn Nạn Tưởng, Đoạn Tưởng, Ly Tham Tưởng, Diệt Tưởng. - Bảy Lực: Tín Lực, Tấn Lực, Tàm Lực, Quý Lực, Niệm Lực, Định Lực, Tuệ Lực. - Bảy Thức Trú: THÂN DỊ TƯỞNG DỊ: Thân hình khác nhau, tư tưởng khác nhau, như là Nhân Loại, Chư Thiên, và một số trong Địa Ngục. THÂN DỊ TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình khác nhau, nhưng tư tưởng giống nhau, như là các vị Phạm Chúng Thiên ở tầng Sơ Thiền. THÂN ĐỒNG TƯỞNG DỊ: Thân hình giống nhau, nhưng tư tưởng khác nhau, như là các vị Quang Âm Thiên ở tầng Nhị Thiền. THÂN ĐỒNG TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình giống nhau và tư tưởng cũng giống nhau, như là các vị Biến Tịnh Thiên ở tầng Tam Thiền. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi mọi sắc tưởng, đoạn trừ tất cả hữu đối tưởng, không còn suy tư đến bất luận một dị loại tưởng, như là các vị Không Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. THỨC VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi Không Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Thức là vô biên," như là các vị Thức Vô Biên Xứ Thiên ở Cõi Vô Sắc Giới. VÔ SỞ HỮU XỨ: Vượt khỏi Thức Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Vô Sở Hữu" (lấy đề mục "không có chi cả" làm cảnh giới), như các vị Vô Sở Hữu Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. - Bảy Loại Người Đáng Kính Trọng: Câu Phần giải thoát, Tuệ giải thoát, Thân Chứng, Kiến Chí, Tín giải thoát, Tùy Pháp Hành, Tùy Tín Hành. - Bảy Tùy Miên: Dục Ái tùy miên, Sân Độc tùy miên, Tà Kiến tùy miên, Hoài Nghi tùy miên, Hữu Ái tùy miên, Vô Minh tùy miên. - Bảy Kiết Sử: Ái kiết sử, Sân kiết sử, Kiến kiết sử, Nghi kiết sử, Mạn kiết sử, Hữu Ái kiết sử, Vô Minh kiết sử. - Bảy Diệt Tránh Pháp: Ưng dữ hiện tiền tỳ ni, Ưng dữ ức niệm tỳ ni, Ưng dữ bất si tỳ ni, Ưng dữ tự ngôn trị, Đa mích tội tướng, Đa nhân mích tội, Như thảo phú địa.

VIII. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự tám Pháp

- Tám Tà: Tà Tri Kiến, Tà Tư Duy, Tà Ngữ, Tà Nghiệp, Tà Mạng, Tà Tinh Tấn, Tà Niệm, Tà Định. - Tám Chánh: Chánh Tri Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Page 220

- Tám Người Đáng Cung Kính: Hạng Dự Lưu (Thất Lai), hạng đã thành tựu và chứng Dự Lưu Quả. Hạng Nhất Lai, hạng đã thành tựu và chứng Nhất Lai Quả. Hạng Bất Lai, hạng đã thành tựu và chứng Bất Lai Quả. Hạng Vô Sinh, hạng đã thành tựu và chứng Vô Sinh Quả. - Tám Giải Đãi Sự: Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi sắp có công việc phải làm. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi đã làm một công việc. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi sắp phải lên đường đi xa. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi vừa mới đi xa trở về. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc

nằm nghỉ khi đi khất thực và không có được vật thực như ý. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi đi khất thực và có được vật thực như ý. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi vừa mới ngã bệnh nhẹ. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi vừa mới hết bệnh. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. - Tám Tinh Tấn Sự: Vị tỳ khưu nghĩ tới sắp có công việc phải làm, và khi làm công việc thì không có thời gian để suy tư đến Giáo Pháp Chư Phật. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới công việc đã làm xong, và khi làm công việc thì không có thời gian để suy tư đến Giáo Pháp Chư Phật. Do đó, cố

Page 221

gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc sắp phải lên đường đi xa, và khi phải lên đường đi xa, thì không có thời gian để suy tư đến Giáo Pháp Chư Phật. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc khi vừa đã đi xa trở về, và khi đã đi xa thì không có thời gian để suy tư đến Giáo Pháp Chư Phật. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc đi khất thực và không có được vật thực như ý. Sắc Thân được nhẹ nhàng và có thể làm việc. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc đi khất thực và có được vật thực như ý. Sắc Thân được khỏe mạnh và có thể làm việc. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc vừa mới ngã bệnh nhẹ. Tâm liền nghĩ đến căn bệnh có thể trở nặng thêm. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc vừa mới hết bệnh. Tâm liền nghĩ đến căn bệnh có thể tái phát. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. - Tám Bố Thí Sự: Bố Thí vì có người tới nhà mình. Bố Thí vì sợ người chê bai, biếm nhẽ, hoặc cảnh khổ. Bố Thí vì nghĩ rằng sẽ được cho lại. Bố Thí vì nghĩ rằng sẽ làm cho có điều lợi ích và tốt đẹp. Bố Thí vì nghĩ rằng có vật để cho đến người không có (nếu không cho quả thật là không nên). Bố Thí vì nghĩ rằng sẽ có được danh thơm tiếng tốt. Bố Thí vì nghĩ rằng là vật phụ thuộc để trang điểm, trau giồi cho tâm được tốt đẹp. - Tám Thí Sanh:

Page 222

Có người bố thí đến Sa Môn hay Bà La Môn. Khởi Tâm mong được đón nhận quả bố thí trở lại, trở thành người Sát Đế Lỵ có nhiều tài sản, người Bà La Môn có nhiều tài sản, hay người gia chủ có nhiều tài sản. Có người bố thí đến Sa Môn hay Bà La Môn. Khởi Tâm mong được đón nhận quả bố thí trở lại, trở thành một trong hàng Tứ Đại Thiên Vương với thọ mạng lâu dài, có Thiên Sắc xinh đẹp, và nhiều an lạc. Có người bố thí đến Sa Môn hay Bà La Môn. Khởi Tâm mong được đón nhận quả bố thí trở lại, trở thành Chư Thiên Tam Thập Tam Thiên với thọ mạng lâu dài, có Thiên Sắc xinh đẹp, và nhiều an lạc. Có người bố thí đến Sa Môn hay Bà La Môn. Khởi Tâm mong được đón nhận quả bố thí trở lại, trở thành Chư Thiên Dạ Ma với thọ mạng lâu dài, có Thiên Sắc xinh đẹp, và nhiều an lạc. Có người bố thí đến Sa Môn hay Bà La Môn. Khởi Tâm mong được đón nhận quả bố thí trở lại, trở thành Chư Thiên Đâu Suất Đà với thọ mạng lâu dài, có Thiên Sắc xinh đẹp, và nhiều an lạc. Có người bố thí đến Sa Môn hay Bà La Môn. Khởi Tâm mong được đón nhận quả bố thí trở lại, trở thành Chư Thiên Hóa Lạc với thọ mạng lâu dài, có Thiên Sắc xinh đẹp, và nhiều an lạc. Có người bố thí đến Sa Môn hay Bà La Môn. Khởi Tâm mong được đón nhận quả bố thí trở lại, trở thành Chư Thiên Tha Hóa Tự Tại với thọ mạng lâu dài, có Thiên Sắc xinh đẹp, và nhiều an lạc. Có người bố thí đến Sa Môn hay Bà La Môn. Khởi Tâm mong được đón nhận quả bố thí trở lại, trở thành Phạm Chúng Thiên với thọ mạng lâu dài, có Thiên Sắc xinh đẹp, và nhiều an lạc. - Tám Chúng: Chúng Sát Đế Ly, Chúng Bà La Môn, Chúng Gia Chủ, Chúng Sa Môn, Chúng Tứ Đại Thiên Vương, Chúng Tam Thập Tam Thiên, Chúng Thiên Ma, Chúng Phạm Thiên. - Tám Thế Pháp: Đắc – Bất Đắc, Danh Văn – Ác Văn, Phỉ Báng – Tán Thán, Lạc và Khổ. - Tám Thắng Xứ: Hành giả quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, và xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, và xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.”

Page 223

Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, và xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, và xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc với sắc tướng xanh, hình sắc xanh, với cả hai mặt láng trơn. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc với sắc tướng vàng, hình sắc vàng, với cả hai mặt láng trơn. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc với sắc tướng đỏ, hình sắc đỏ, với cả hai mặt láng trơn. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc với sắc tướng trắng, hình sắc trắng, với cả hai mặt láng trơn. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” - Tám Giải Thoát: Tự mình có sắc, thấy các sắc. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc.

Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư "hư không là vô biên," chứng và trú Không Vô Biên Xứ. Vượt khỏi hoàn toàn Không Vô Biên Xứ, với suy tư "thức là vô biên," chứng và trú Thức Vô Biên Xứ. Vượt khỏi hoàn toàn Thức Vô Biên Xứ, với suy tư "không có chi cả," chứng và trú Vô Sở Hữu Xứ. Vượt khỏi hoàn toàn Vô Sở Hữu Xứ, với suy tư "chẳng phải tưởng chẳng phải chẳng phải tưởng," chứng và trú Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Vượt khỏi hoàn toàn Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứng và trú Diệt Thọ Tưởng Định.

IX. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự chín Pháp

- Chín Xung Đột Sự:

Page 224

"Nó đã làm hại tôi," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đang làm hại tôi," do đó, xung đột khởi lên. "Nó sẽ làm hại tôi," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đã làm hại người tôi thương, tôi mến," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đang làm hại người tôi thương, tôi mến," do đó, xung đột khởi lên. "Nó sẽ làm hại người tôi thương, tôi mến," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đang làm lợi cho người tôi không thương, không mến," do đó, xung đột khởi lên. "Nó sẽ làm lợi cho người tôi không thương, không mến," do đó, xung đột khởi lên. - Chín Sự Điều Phục Xung Đột: "Nó đã làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đang làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó sẽ làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đã làm hại người tôi thương, tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đang làm hại người tôi thương, tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó sẽ làm hại người tôi thương, tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đã làm lợi người tôi không thương, không mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đang làm lợi người tôi không thương, không mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó sẽ làm lợi người tôi không thương, không mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. - Chín Trú Xứ Của Loài Hữu Tình: THÂN DỊ TƯỞNG DỊ: Thân hình khác nhau, tư tưởng khác nhau, như là Nhân Loại, Chư Thiên, và một số trong Địa Ngục. THÂN DỊ TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình khác nhau, nhưng tư tưởng giống nhau, như là các vị Phạm Chúng Thiên ở tầng Sơ Thiền.

Page 225

THÂN ĐỒNG TƯỞNG DỊ: Thân hình giống nhau, nhưng tư tưởng khác nhau, như là các vị Quang Âm Thiên ở tầng Nhị Thiền. THÂN ĐỒNG TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình giống nhau và tư tưởng cũng giống nhau, như là các vị Biến Tịnh Thiên ở tầng Tam Thiền. VÔ TƯỞNG VÔ THỌ: Chúng Phạm Thiên Vô Tưởng Sắc Giới. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi hoàn toàn mọi sắc tưởng, đoạn trừ tất cả hữu đối tưởng, không còn suy

tư đến bất luận một dị loại tưởng, như là các vị Không Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. THỨC VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi hoàn toàn Không Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Thức là vô biên," như là các vị Thức Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. VÔ SỞ HỮU XỨ: Vượt khỏi hoàn toàn Thức Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Vô Sở Hữu" (lấy đề mục "không có chi cả" làm cảnh giới), như là các vị Vô Sở Hữu Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ: Vượt khỏi hoàn toàn Vô Sở Hữu Xứ, chỉ có tưởng "Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ," như là các vị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. - Phạm Hạnh Trú với chín bất thời bất tiết: Có những hữu tình sanh trong địa ngục, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào hàng bàng sanh, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào hàng ngạ quỷ, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào hàng A-tu-la, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào hàng Chư Thiên hưởng thọ mạng lâu dài, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào các biên địa, giữa những chúng sanh hoang dã vô trí, và không có hàng Tứ Chúng (Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ) sinh sống, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào các trung quốc, nhưng lại theo các tà kiến điên đảo, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp.

Page 226

Có những hữu tình sanh vào các trung quốc, nhưng lại Ác Tuệ, sanh làm người Nhị Nhân, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào các trung quốc, nhưng có Trí Tuệ, sanh làm người Tam Nhân, ngay khi không có bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. - Chín Bậc Chứng Trú: Vị tỳ khưu ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Sơ Thiền, hữu Tầm hữu Tứ do ly Dục sanh. Vị tỳ khưu ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Nhị Thiền, vô Tầm vô Tứ. Vị tỳ khưu ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Tam Thiền. Vị tỳ khưu ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Tứ Thiền. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn mọi sắc tưởng, đoạn trừ tất cả hữu đối tưởng, không còn suy tư đến bất luận một dị loại tưởng, chứng và trú Không Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn Không Vô Biên Xứ, chứng và trú Thức Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn Thức Vô Biên Xứ, chứng và trú Vô Sở Hữu Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn Vô Sở Hữu Xứ, chứng và trú Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứng và trú Diệt Thọ Tưởng Định. - Chín Bậc Diệt Trừ: Thành tựu Sơ Thiền, các Dục Tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Nhị Thiền, các Tầm Tứ bị đoạn diệt. Thành tựu Tam Thiền, Hỷ bị đoạn diệt. Thành tựu Tứ Thiền, hơi thở vô bị đoạn diệt. Thành tựu Không Vô Biên Xứ, sắc tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Thức Vô Biên Xứ, Không Vô Biên Tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Vô Sở Hữu Xứ, Thức Vô Biên Tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Phi Tưởng Phi Phi Tưởng

Xứ, Vô Sở Hữu Tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Diệt Thọ Tưởng Định, các Tưởng và Thọ bị đoạn diệt.

X. Đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tuần tự mười Pháp

Page 227

- Mười Hộ Trì Nhân Pháp: Vị tỳ khưu sống và thọ trì giới hạnh trang nghiêm, thu thúc và chế ngự theo giới bổn của PÀTIMOKKHA (Biệt Biệt Giải Thoát Giới), oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lời nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong Giới Pháp. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu được lắng nghe, gìn giữ, và tích lũy những điều đã được nghe. Những Pháp thuộc Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện, nghĩa lý văn cú cụ túc, Phạm Hạnh tăng thượng, thanh tịnh hoàn mãn. Vị tỳ khưu nắm giữ, ghi nhớ, trùng tụng nhiều lần, chú tâm quán sát, khéo thành tựu nhờ Chánh Kiến. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu nào là Thiện Hữu, Thiện bạn lữ, là hảo bằng hữu, Thiện đạo hữu. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu thiện ngôn, nhu hòa và khiêm nhường, nhẫn nại và nhận sự chỉ trích một cách cung kính. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu tinh cần, không biếng nhác, khéo léo, suy tư một cách đầy đủ các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức, làm tròn bổn phận đối với các vị đồng Phạm Hạnh hạnh niên lạp cao hơn. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu ưa thích Pháp, duyệt ý với Pháp, tự mình vô cùng hoan hỷ đối với Vô Tỷ Pháp, Vô Tỷ Luật. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu tự hoan hỷ, bằng lòng và thích hợp với điều kiện về Tứ Vật Dụng. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu tinh cần nỗ lực đoạn trừ các Ác Pháp, thành tựu các Thiện Pháp, cương quyết, kiên trì cố gắng, nhẫn nại không lìa xa Thiện Pháp. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu có đầy đủ chánh niệm và tỉnh giác, luôn ghi nhớ những điều đã nói và đã làm từ trước. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu có đầy đủ Trí Tuệ, Sanh Diệt Trí, hướng Tâm đến sự quyết trạch của các bậc Thánh, chân chánh diệt trừ mọi đau khổ. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. - Mười Biến Xứ: Hành giả biết được về Địa Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Thủy Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Hỏa Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

Page 228

Hành giả biết được về Phong Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Thanh Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Hoàng Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Xích Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Bạch Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Hư Không Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Thức Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. - Mười Bất Thiện Nghiệp Đạo: Sát Sanh, Thâu Đạo, Tà Dâm, Vọng Ngữ, Lưỡng Thiệt, Ác Ngữ, Ỷ Ngữ, Tham, Sân, Tà Kiến. - Mười Thiện Nghiệp Đạo: Ly Sát Sanh, Ly Thâu Đạo, Ly Tà Dâm, Ly Vọng Ngữ, Ly Lưỡng Thiệt, Ly Ác Ngữ, Ly Ỷ Ngữ, Ly Tham, Ly Sân, Ly Tà Kiến. - Mười Thánh Cư: Đoạn trừ năm chi, đầy đủ sáu chi,

một hộ, thực hiện bốn y, loại bỏ các giáo điều, đoạn tận các mong cầu, tâm tư không trệ phược, thân thể khinh an, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát.

* Và thế nào là "Đoạn trừ năm chi?"

Đoạn trừ Dục Vọng,
Đoạn trừ Sân Hận,
Đoạn trừ Hôn Thùy,
Đoạn trừ Trạo Hối,
Đoạn trừ Hoài Nghi.

* Và thế nào là "Đầy đủ sáu chi?"

Mắt thấy Sắc, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe Âm Thanh, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác.

Mũi ngửi Mùi Hơi, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác. Lưỡi nếm Vị, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác. Thân cảm Xúc, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác. Ý hiểu biết Pháp, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác.

* Và thế nào là "Một Hộ?" Là thành tựu sự hộ trì về Niệm.

* Và thế nào là "Thực Hiện Bốn Y?"

Vị tỳ khưu sau khi suy tư, Tầm Cầu một Pháp.
Vị tỳ khưu sau khi suy tư, Nhẫn Thọ một Pháp.
Vị tỳ khưu sau khi suy tư, Đoạn Trừ một Pháp.
Vị tỳ khưu sau khi suy tư, Tránh Xa một Pháp.

* Và thế nào là "Loại bỏ các giáo điều?" Tất cả những giáo điều thông thường mà các vị Sa Môn thông thường chủ trương, vị Tỳ Khưu đều loại bỏ, bỏ qua một bên, không chấp nhận, tẩn xuất, từ bỏ, phóng xả.

* Và thế nào là "Đoạn tận các mong cầu?"

Vị tỳ khưu đoạn tận các mong cầu về Dục Vọng. Vị tỳ khưu đoạn trừ các mong cầu về Hiện Hữu. Vị tỳ khưu làm cho an tịnh các mong cầu về Phạm Hạnh.

* Và thế nào là "Tâm tư không trệ phược?"

Vị tỳ khưu đoạn trừ các tâm tư dục vọng. Vị tỳ khưu đoạn trừ các tâm tư sân hận. Vị tỳ khưu đoạn trừ các tâm tư não hại.

* Và thế nào là "Thân hành được khinh an?" Vị tỳ khưu đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, diệt các Hỷ Ưu từ trước, chứng và an trú Thiền Thứ Tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

* Và thế nào là "Tâm Thiện giải thoát?" Tâm giải thoát khỏi Tham, giải thoát khỏi Sân, giải thoát khỏi Si.

Page 230

* Và thế nào là “Huệ Thiện giải thoát?”

Vị tỳ khưu đã đoạn trừ tận gốc rễ về Tâm Tham, như cây Ta La bị chặt đầu, không còn hiện hữu, không còn khả năng sanh khởi trong vị lai. Vị tỳ khưu đã đoạn trừ tận gốc rễ về Tâm Sân, như cây Ta La bị chặt đầu, không còn hiện hữu, không còn khả năng sanh khởi trong vị lai. Vị tỳ khưu đã đoạn trừ tận gốc rễ về Tâm Si, như cây Ta La bị chặt đầu, không còn hiện hữu, không còn khả năng sanh khởi trong vị lai.

- Mười Vô Học Pháp:

Vô Học Chánh Tri Kiến
Vô Học Chánh Tư Duy
Vô Học Chánh Ngữ
Vô Học Chánh Nghiệp
Vô Học Chánh Mạng
Vô Học Chánh Tinh Tấn
Vô Học Chánh Niệm
Vô Học Chánh Định
Vô Học Chánh Trí
Vô Học Chánh Giải Thoát

“Như vậy, này các Hiền Giả, tất cả các pháp do đức Thế Tôn đã giảng dạy là để được gìn giữ, để tránh khỏi những tranh chấp về sau, để Phạm Hạnh được trường tồn, được duy trì lâu ngày vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì an lạc cho Chư Thiên và Nhân Loại.”

D. Kết Luận:

Sau khi đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tất cả những Pháp Số vừa xong, đã làm cho đức Thế Tôn hoan hỷ duyệt ý, và chư Tỳ Khưu Tăng hoan hỷ tín thọ lời dạy của đại đức SÀRIPUTTA.

----------00000----------

BÀI 34: KINH THẬP THƯỢNG (DASUTTARA SUTTA)

Page 231

A. Xuất Xứ:

Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng Pháp Thoại này cho 500 vị chư Tỳ Khưu Tăng tại CAMPÀ, trên bờ hồ GAGGARA.

“Ta nói Thập Thượng Pháp, Diệt trừ mọi khổ đau, Giải thoát mọi triền phược.”

B. Duyên Khởi:

Kinh này được đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng tương tự với Kinh Phúng Tụng (bài 33), nhưng với Pháp Số có phân loại sai khác hơn. Thập Thượng Pháp đưa đến Níp Bàn, diệt

trừ mọi khổ đau, và giải thoát mọi triền phược.

C. Chánh Kinh:

I. Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Một Pháp

* Một Pháp có nhiều tác dụng. Một Pháp cần phải tu tập. Một Pháp cần phải biến tri. Một Pháp cần phải đoạn trừ. Một Pháp chịu phần tai hại. Một Pháp đưa đến thù thắng. Một Pháp rất khó thể nhập. Một Pháp cần được sanh khởi. Một Pháp cần được thắng tri. Một Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào la một Pháp có nhiều tác dụng?

Bất Phóng Dật đối với các Thiện Pháp.

2. Thế nào là một Pháp cần được tu tập?

Niệm Thân câu hữu với khả ý.

3. Thế nào là một Pháp cần phải biến tri?

Xúc Hữu Lậu Hữu Thủ

4. Thế nào là một Pháp cần phải đoạn trừ?

Ngã Mạn

5. Thế nào là một Pháp chịu phần tai hại?

Bất Chánh Tác Ý

6. Thế nào là một Pháp đưa đến thù thắng?

Chân Chánh Tác Ý

7. Thế nào là một Pháp rất khó thể nhập?

Vô Gián Tâm Định

8. Thế nào là một Pháp cần được sanh khởi?

Bất Động Trí

9. Thế nào là một Pháp cần được thắng trí?

Tất cả loài hữu tình do ăn uống mà an trú.

10.Thế nào là một Pháp cần được tác chứng?

Bất Động Tâm giải thoát

* Như vậy, mười Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác.

II. Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Hai Pháp

* Hai Pháp có nhiều tác dụng. Hai Pháp cần phải tu tập. Hai Pháp cần phải biến tri. Hai Pháp cần phải đoạn trừ. Hai Pháp chịu phần tai hại. Hai Pháp đưa đến thù thắng. Hai Pháp rất khó thể nhập. Hai Pháp cần được sanh khởi. Hai Pháp cần được thắng tri. Hai Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào là hai Pháp có nhiều tác dụng?

Page 233

Chánh Niệm và Tỉnh Giác

2. Thế nào là hai Pháp cần được tu tập?

Chỉ và Quán

3. Thế nào là hai Pháp cần phải biến tri?

Danh và Sắc

4. Thế nào là hai Pháp cần phải đoạn trừ?

Vô Minh và Hữu Ái

5. Thế nào là hai Pháp chịu phần tai hại?

Ác Ngôn và Ác Hữu

6. Thế nào là hai Pháp đưa đến thù thắng?

Thiện Ngôn và Thiện Hữu

7. Thế nào là hai Pháp rất khó thể nhập?

- Nhân và Duyên làm Ác Nhiễm các loài hữu tình. - Nhân và Duyên làm thanh tịnh các loài hữu tình.

8. Thế nào là hai Pháp cần được sanh khởi?

Tận Trí và Vô Sanh Trí

9. Thế nào là hai Pháp cần được thắng trí?

Hữu Vi Giới và Vô Vi Giới

10.Thế nào là hai Pháp cần được tác chứng?

Minh và Giải Thoát

Page 234

* Như vậy, hai mươi Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác.

III. Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Ba Pháp

* Ba Pháp có nhiều tác dụng. Ba Pháp cần phải tu tập. Ba Pháp cần phải biến tri. Ba Pháp cần phải đoạn trừ. Ba Pháp chịu phần tai hại. Ba Pháp đưa đến thù thắng. Ba

Pháp rất khó thể nhập. Ba Pháp cần được sanh khởi. Ba Pháp cần được thắng tri. Ba Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào la ba Pháp có nhiều tác dụng?

Giao thiệp với Thiện Nhân Được nghe Chân Diệu Pháp Hành trì Pháp và Tùy Pháp

2. Thế nào là ba Pháp cần được tu tập?

Hữu Tầm Hữu Tứ Định Vô Tầm Hữu Tứ Định Vô Tầm Vô Tứ Định

3. Thế nào là ba Pháp cần phải biến tri?

Lạc Thọ, Khổ Thọ, Bất Lạc Bất Khổ Thọ

4. Thế nào là ba Pháp cần phải đoạn trừ?

Dục Ái, Hữu Ái, và Phi Hữu Ái

5. Thế nào là ba Pháp chịu phần tai hại?

Tham Bất Thiện Căn, Sân Bất Thiện Căn, Si Bất Thiện Căn

6. Thế nào là ba Pháp đưa đến thù thắng?

Vô Tham Bất Thiện Căn, Vô Sân Bất Thiện Căn, Vô Si Bất Thiện Căn

7. Thế nào là ba Pháp rất khó thể nhập? Ba Xuất Yếu Giới:

Xuất ly khỏi các Dục vọng, tức là Ly Dục.
Xuất ly khỏi các Sắc pháp, tức là Vô Sắc.
Xuất ly khỏi các Pháp hiện hữu, Pháp Hữu Vi, do duyên khởi, tức là Diệt.

8. Thế nào là ba Pháp cần được sanh khởi?

Trí đối với quá khứ Trí đối với vị lai Trí đối với hiện tại

9. Thế nào là ba Pháp cần được thắng trí?

Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới

10.Thế nào là ba Pháp cần được tác chứng?

Túc Mạng Trí Minh Hữu Tình Sanh Diệt Trí Minh Chư Lậu Tận Trí Minh

* Như vậy, ba mươi Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác.

IV. Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Bốn Pháp

* Bốn Pháp có nhiều tác dụng. Bốn Pháp cần phải tu tập. Bốn Pháp cần phải biến tri. Bốn Pháp cần phải đoạn trừ. Bốn Pháp chịu phần tai hại. Bốn Pháp đưa đến thù thắng. Bốn Pháp rất khó thể nhập. Bốn Pháp cần được sanh khởi. Bốn Pháp cần được thắng tri. Bốn Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào là bốn Pháp có nhiều tác dụng?

Trú ở trung quốc Thân cận bậc Thắng Nhân

Page 236

Chánh nguyện tự thân Kiến tạo phước báu trong quá khứ

2. Thế nào là bốn Pháp cần được tu tập? Tứ Niệm Xứ:

Quán Thân trên Thân, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm để diệt Tham Sân ở đời.
Quán Thọ trên các cảm thọ, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm để diệt Tham Sân ở đời.
Quán Tâm trên Tâm, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm để diệt Tham Sân ở đời.
Quán Pháp trên các Pháp, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm để diệt Tham Sân ở đời.

3. Thế nào là bốn Pháp cần phải biến tri?

Đoàn Thực loại cứng hay loại mềm
Xúc Thực
Tư Niệm Thực
Thức Thực

4. Thế nào là bốn Pháp cần phải đoạn trừ?

Dục Bộc Lưu, Hữu Bộc Lưu, Kiến Bộc Lưu, Vô Minh Bộc Lưu

5. Thế nào là bốn Pháp chịu phần tai hại?

Dục Ách, Hữu Ách, Kiến Ách, Vô Minh Ách

6. Thế nào là bốn Pháp đưa đến thù thắng?

Ly Dục Ách, Ly Hữu Ách, Ly Kiến Ách, Ly Vô Minh Ách

7. Thế nào là bốn Pháp rất khó thể nhập?

Bốn Định: Xả phần định, Chỉ phần định, Thắng phần định, Quyết trạch phần định.

8. Thế nào là bốn Pháp cần được sanh khởi?

Page 237

Bốn Trí: Pháp Trí, Loại Trí, Tha Tâm Trí, Thế Tục Trí.

9. Thế nào là bốn Pháp cần được thắng trí?

Tứ Thánh Đế: Khổ Thánh Đế, Khổ Tập Thánh Đế, Khổ Diệt Thánh Đế, Khổ Diệt Đạo Thánh Đế.

10.Thế nào là bốn Pháp cần được tác chứng?

Bốn Sa Môn Quả: Dự Lưu Quả, Nhất Lai Quả, Bất Lai Quả, và Vô Sinh Quả.

* Như vậy, bốn mươi Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác.

V. Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Năm Pháp

* Năm Pháp có nhiều tác dụng. Năm Pháp cần phải tu tập. Năm Pháp cần phải biến tri. Năm Pháp cần phải đoạn trừ. Năm Pháp chịu phần tai hại. Năm Pháp đưa đến thù thắng. Năm Pháp rất khó thể nhập. Năm Pháp cần được sanh khởi. Năm Pháp cần được thắng tri. Năm Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào là năm Pháp có nhiều tác dụng?

Vị Tỳ khưu có lòng tin tưởng vào sự giác ngộ của đức Từ Phụ. Vị ấy thiểu bệnh, thiểu não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, quân bình thích hợp với sự tinh tấn. Vị ấy không lường đảo, không dối gạt, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo Sư, đối với các vị sáng suốt, hay đối với các vị đồng Phạm Hạnh. Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, cương quyết, kiên trì nỗ lực, không tránh né với các thiện pháp. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ hướng đến sự sanh diệt của các pháp, là bậc Thánh hướng đến phân tích, đưa đến đoạn diệt một cách chân chánh các khổ đau.

Page 238

2. Thế nào là năm Pháp cần được tu tập? Tứ Niệm Xứ:

Năm Chánh Định Chi: Hỷ biến mãn, Lạc biến mãn, Tâm biến mãn, Quang biến mãn, Quán sát tướng.

3. Thế nào là năm Pháp cần phải biến tri?

Năm Thủ Uẩn: Sắc Thủ Uẩn, Thọ Thủ Uẩn, Tưởng Thủ Uẩn, Hành Thủ Uẩn, Thức Thủ Uẩn.

4. Thế nào là năm Pháp cần phải đoạn trừ?

Năm Triền Cái: Tham Dục triền cái, Sân Độc triền cái, Hôn Thùy triền cái, Trạo Hối triền cái, Hoài Nghi triền cái.

5. Thế nào là năm Pháp chịu phần tai hại? Năm Tâm Hoang Vu:

Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với vị Đạo Sư. Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với Pháp Bảo. Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với Tăng Bảo. Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với Điều Học. Vị tỳ khưu nghi ngờ, do dự, không quyết đoán, không thỏa mãn đối với các vị đồng Phạm Hạnh.

6. Thế nào là năm Pháp đưa đến thù thắng?

Năm Căn: Tín Căn, Tấn Căn, Niệm Căn, Định Căn, Tuệ Căn.

7. Thế nào là năm Pháp rất khó thể nhập? Năm Giới hướng đến sự giải thoát:

Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các dục lạc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các dục lạc, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy.

Page 239

Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các sân hận. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các sân hận, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy. Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các hại tâm. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các hại tâm, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy. Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với các sắc. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên các sắc, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy. Vị tỳ khưu khéo tu, khéo giải thoát, khéo ly hệ đối với tự thân. Và các lậu hoặc, các tổn hại, các nhiệt não khởi lên do duyên với tự thân, vị tỳ khưu được giải thoát và không còn cảm thọ cảm giác ấy.

8. Thế nào là năm Pháp cần được sanh khởi? Năm Chánh Định Trí:

Định đưa hiện tại Lạc và Lạc quả vị lai. Tự mình khởi trí như vậy. Định này thuộc bậc Thánh, xuất thế. Tự mình khởi trí như vậy. Định này thuộc hàng Hiền Thiện thực hành. Tự mình khởi trí như vậy. Định này là thanh lương, thù thắng, hướng đến an tịnh, quy về nhất tâm, không cần nhắc bảo, không bị chống đối, không bị thất bại. Tự mình khởi trí như vậy. Chánh niệm và nhập định này, cũng như chánh niệm và xuất định này. Tự mình khởi trí như vậy.

9. Thế nào là năm Pháp cần được thắng trí? Năm Giải Thoát Xứ:

Vị tỳ khưu được nghe từ bậc Đạo Sư, hay từ một vị đồng Phạm Hạnh đáng kính thuyết giảng, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, Tâm được định tỉnh. Vị tỳ khưu theo điều đã nghe, theo điều đã học, đem thuyết giảng một cách rộng rãi cho người khác, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, Tâm được định tỉnh. Vị tỳ khưu, dù không được nghe từ bậc Đạo Sư, hay từ một vị đồng Phạm Hạnh đáng kính thuyết giảng, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, nhưng tụng đọc Pháp một cách rõ ràng, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, Tâm được định tỉnh.

Page 240

Vị tỳ khưu, dù không được nghe từ bậc Đạo Sư, hay từ một vị đồng Phạm Hạnh đáng kính thuyết giảng, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc Pháp một cách rõ ràng, chỉ dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát Pháp ấy, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, Tâm được định tỉnh. Vị tỳ khưu, dù không được nghe từ

bậc Đạo Sư, hay từ một vị đồng Phạm Hạnh đáng kính thuyết giảng, cũng không theo điều đã nghe, theo điều đã học, tụng đọc Pháp một cách rõ ràng, dùng tâm tầm cầu, suy tư, quán sát Pháp ấy, nhưng khéo nắm giữ một định tướng, khéo tác ý, khéo thọ trì, khéo thể nhập nhờ trí tuệ, và được thấu hiểu nghĩa lý Giáo Pháp. Như vậy, hỷ tâm phát sanh, duyệt ý phát sanh, thân khinh an phát sanh, lạc thọ phát sanh, nhờ đó, Tâm được định tỉnh.

10. Thế nào là năm Pháp cần được tác chứng?

Năm Pháp Uẩn: Giới Uẩn, Định Uẩn, Tuệ Uẩn, Giải Thoát Uẩn, Giải Thoát Tri Kiến Uẩn.

* Như vậy, năm mươi Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác.

VI. Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Sáu Pháp

* Sáu Pháp có nhiều tác dụng. Sáu Pháp cần phải tu tập. Sáu Pháp cần phải biến tri. Sáu Pháp cần phải đoạn trừ. Sáu Pháp chịu phần tai hại. Sáu Pháp đưa đến thù thắng. Sáu Pháp rất khó thể nhập. Sáu Pháp cần được sanh khởi. Sáu Pháp cần được thắng tri. Sáu Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào là sáu Pháp có nhiều tác dụng? Sáu Hòa Kính Pháp:

Vị tỳ khưu thành tựu từ thân nghiệp, sống hòa kính, cung kính với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp. Vị tỳ khưu thành tựu từ ngữ nghiệp, sống hòa kính, cung kính với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp.

Page 241

Vị tỳ khưu thành tựu từ ý nghiệp, sống hòa kính, cung kính với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp. Vị tỳ khưu chia sẻ những vật thực được cúng dường một cách hợp pháp đến các vị tỳ khưu có giới hạnh. Vị ấy sống với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp. Vị tỳ khưu sống giữ Giới Luật, không bị hư hoại, không vi phạm, kiên trì tuân hành, không tỳ vết, làm con người được giải thoát, được người trí tán thán, không uế tạp, hướng đến Thiền Định. Vị ấy sống với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp. Vị tỳ khưu sống đời sống được Thánh Kiến hướng dẫn, chân chánh, đoạn diệt khổ đau. Vị ấy sống thành tựu với Chánh Kiến như vậy, sống với các vị đồng Phạm Hạnh, như là một pháp hòa kính, tạo ra từ ái, sự đoàn kết, hòa hợp, tâm đồng ý hợp.

2 Thế nào là sáu Pháp cần được tu tập? Sáu Tùy Niệm Xứ:

Phật Tùy Niệm, Pháp Tùy Niệm, Tăng Tùy Niệm, Giới Tùy Niệm, Thí Tùy Niệm, Thiên Tùy Niệm.

3. Thế nào là sáu Pháp cần phải biến tri? Sáu Nội Xứ:

Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ, Ý Xứ.

4. Thế nào là sáu Pháp cần phải đoạn trừ? Sáu Ái Thân:

Sắc Ái, Thinh Ái, Khí Ái, Vị Ái, Xúc Ái, Pháp Ái.

5. Thế nào là sáu Pháp chịu phần tai hại? Sáu Bất Cung Kính Pháp:

Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với bậc Đạo Sư. Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với Pháp Bảo. Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với Tăng Bảo. Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với Điều Học. Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với không phóng dật. Vị tỳ khưu sống bất cung kính, bất tùy thuận với sự lễ phép, xã giao.

Page 242

6. Thế nào là sáu Pháp đưa đến thù thắng? Sáu Cung Kính Pháp:

Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với bậc Đạo Sư. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với Pháp Bảo. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với Tăng Bảo. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với Điều Học. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với không phóng dật. Vị tỳ khưu sống cung kính, tùy thuận với sự lễ phép, xã giao.

7. Thế nào là sáu Pháp rất khó thể nhập? Sáu Xuất Ly Giới:

Tu tập Từ Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát Sân Tâm. Tu tập Bi Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát Hại Tâm. Tu tập Hỷ Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát Bất Lạc Tâm. Tu tập Xả Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát Tham Tâm. Tu tập Vô Tướng Tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần thì có khả năng giải thoát tất cả Tướng. Tu tập khước từ sự ngạo mạn “Tôi có mặt,” “Tôi là cái này,” mà mũi tên do dự nghi ngờ được giải thoát.

8. Thế nào là sáu Pháp cần được sanh khởi? Sáu Hằng Trú Pháp:

Vị tỳ khưu với mắt thấy sắc, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Vị tỳ khưu với tai nghe tiếng, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Vị tỳ khưu với mũi ngửi mùi hơi, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Vị tỳ khưu với lưỡi nếm các vị, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xs3, chánh niệm, tỉnh giác. Vị tỳ khưu với thân cảm xúc, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Page 243

Vị tỳ khưu với ý nhận thức Pháp, không có hoan hỷ, không có ưu phiền, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

9. Thế nào là sáu Pháp cần được thắng trí? Sáu Vô Thượng Chi: Kiến Vô Thượng, Văn Vô Thượng, Lợi Đắc Vô Thượng, Giới Vô Thượng, Hành Vô Thượng, Ức Niệm Vô Thượng.

10. Thế nào là sáu Pháp cần được tác chứng? Sáu Thắng Trí:

Thần Túc Thắng Trí, thân có thể đi đến Phạm Thiên Giới. Thiên Nhĩ Thắng Trí, vượt khỏi loài người, nghe được hai loại âm thanh, Chư Thiên và Nhân Loại, xa và gần. Tha Tâm Thắng Trí, biết được tâm tánh của chúng Hữu Tình. Túc Mạng Thắng Trí, biết được rất nhiều đời quá khứ, với đầy đủ các chi tiết và các hình thức. Thiên Nhãn Thắng Trí, vượt khỏi loài người, biết được các loài hữu tình tùy theo nghiệp của mình. Lậu Tận Thắng Trí, với sự diệt trừ các Lậu Hoặc, sau khi tự tri, tự chứng ngay trong kiếp hiện tại, đạt đến và an trú Vô Lậu, tâm được giải thoát, huệ giải thoát.

* Như vậy, sáu mươi Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ, Chánh Đẳng Chánh Giác.

VII. Đại Đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Bảy Pháp

* Bảy Pháp có nhiều tác dụng. Bảy Pháp cần phải tu tập. Bảy Pháp cần phải biến tri. Bảy Pháp cần phải đoạn trừ. Bảy Pháp chịu phần tai hại. Bảy Pháp đưa đến thù thắng. Bảy Pháp rất khó thể nhập. Bảy Pháp cần được sanh khởi. Bảy Pháp cần được thắng tri. Bảy Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào là bảy Pháp có nhiều tác dụng? Bảy Tài Sản:

Tín Tài, Giới Tài, Tàm Tài, Quý Tài, Văn Tài, Thí Tài, Tuệ Tài.

2. Thế nào là bảy Pháp cần được tu tập? Thất Giác Chi:

Niệm Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi, Tinh Tấn Giác Chi, Hỷ Giác Chi, Khinh An Giác Chi, Định Giác Chi, Xả Giác Chi.

3. Thế nào là bảy Pháp cần phải biến tri? Bảy Thức Trú:

THÂN DỊ TƯỞNG DỊ: Thân hình khác nhau, tư tưởng khác nhau, như là Nhân Loại, Chư Thiên, và một số trong Địa Ngục. THÂN DỊ TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình khác nhau, nhưng tư tưởng giống nhau, như là các vị Phạm Chúng Thiên ở tầng Sơ Thiền. THÂN ĐỒNG TƯỞNG DỊ: Thân hình giống nhau, nhưng tư tưởng khác nhau, như là các vị Quang Âm Thiên ở tầng Nhị Thiền. THÂN ĐỒNG TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình giống nhau và tư tưởng cũng giống nhau, như là các vị Biến Tịnh Thiên ở tầng Tam Thiền. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi mọi sắc tưởng, đoạn trừ tất cả hữu đối tưởng, không còn suy tư đến bất luận một dị loại tưởng, như là các vị Không Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. THỨC VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi Không Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Thức là vô biên," như các vị Thức Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. VÔ SỞ HỮU XỨ: Vượt khỏi Thức Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Vô Sở Hữu" (lấy đề mục "không có chi cả" làm cảnh giới), như là các vị Vô Sở Hữu Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới.

4. Thế nào là bảy Pháp cần phải đoạn trừ? Thất Tùy Miên:

Tham Dục tùy miên, Sân Độc tùy miên, Tà Kiến tùy miên, Hoài Nghi tùy miên, Ngã Mạn tùy miên, Hữu Ái tùy miên, Vô Minh tùy miên.

5. Thế nào là bảy Pháp chịu phần tai hại? Bảy Phi Diệu Pháp:

Bất Tín, Vô Tàm, Vô Quý, Thiểu Văn, Giải Đãi, Thất Niệm, Ác Tuệ.

6. Thế nào là bảy Pháp đưa đến thù thắng? Bảy Chân Diệu Pháp:

Tín, Tàm, Quý, Đa Văn, Tinh Cần, Niệm hiện tiền, Trí Tuệ.

7. Thế nào là bảy Pháp rất khó thể nhập? Bảy Thượng Nhân Pháp:

Page 245

Tri Pháp, Tri Nghĩa, Tri Ngã, Tri Lượng, Tri Thời, Tri Chúng, và Tri Nhân.

8. Thế nào là bảy Pháp cần được sanh khởi? Bảy Tưởng: Vô Thường Tưởng, Vô Ngã Tưởng, Bất Tịnh Tưởng, Quá Hoạn Tưởng, Đoạn Trừ Tưởng, Ly Tham Tưởng, và Diệt Tưởng.

9. Thế nào là bảy Pháp cần được thắng trí? Bảy Thù Diệu Sự:

Vị tỳ khưu tha thiết hành trì Học Pháp và khao khát hành trì Học Pháp trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết Quán Pháp và khao khát Quán Pháp trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết điều phục các dục vọng và khao khát điều phục các dục vọng trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết sống an tịnh và khao khát sống an tịnh trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết sống tinh tấn và khao khát sống tinh tấn trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết quán sát tự niệm và khao khát quán sát tự niệm trong vị lai. Vị tỳ khưu tha thiết với kiến giải và khao khát hiểu biết sở kiến trong vị lai.

10.Thế nào là bảy Pháp cần được tác chứng? Bảy Lậu Tận Lực:

Vị Lậu Tận tỳ khưu với Chánh Tuệ, quán sát chân chánh về đặc tướng Vô Thường của tất cả Pháp Hữu Vi với Chánh Tuệ. Với Chánh Quán thành sức mạnh, vị tỳ khưu biết được sự diệt tận các lậu hoặc. Vị Lậu Tận tỳ khưu với Chánh Tuệ, quán sát chân chánh thấy các Dục Vọng như lửa than hừng. Với Chánh Quán thành sức mạnh, vị tỳ khưu biết được sự diệt tận các lậu hoặc. Vị Lậu Tận tỳ khưu với Chánh Tuệ, với tâm hướng xuất ly, tâm thiên về xuất ly, tâm hoan hỷ ly dục, đoạn trừ hoàn toàn mọi lậu hoặc. Với Chánh Quán thành sức mạnh, vị tỳ khưu biết được sự diệt tận các lậu hoặc. Vị Lậu Tận tỳ khưu với Chánh Tuệ, bốn niệm an trú được tu tập, khéo tu tập. Với Chánh Quán thành sức mạnh, vị tỳ khưu biết được sự diệt tận các lậu hoặc.

Page 246

Vị Lậu Tận tỳ khưu với Chánh Tuệ, năm quyền được tu tập, khéo tu tập. Với Chánh Quán thành sức mạnh, vị tỳ khưu biết được sự diệt tận các lậu hoặc. Vị Lậu Tận tỳ khưu với Chánh Tuệ, bảy giác chi được tu tập, khéo tu tập. Với Chánh Quán thành sức mạnh, vị tỳ khưu biết được sự diệt tận các lậu hoặc. Vị Lậu Tận tỳ khưu với Chánh Tuệ, tám Thánh Đạo được tu tập, khéo tu tập. Với Chánh Quán thành sức mạnh, vị tỳ khưu biết được sự diệt tận các lậu hoặc.

* Như vậy, bảy mươi Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác.

VIII. Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Tám Pháp

* Tám Pháp có nhiều tác dụng. Tám Pháp cần phải tu tập. Tám Pháp cần phải biến tri. Tám Pháp cần phải đoạn trừ. Tám Pháp chịu phần tai hại. Tám Pháp đưa đến thù thắng. Tám Pháp rất khó thể nhập. Tám Pháp cần được sanh khởi. Tám Pháp cần được thắng tri. Tám Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào là tám Pháp có nhiều tác dụng?

- Có tám nhân, tám duyên đưa đến chứng đắc trí tuệ căn bản phạm hạnh nếu chưa chứng được, đưa đến sự bội tăng, quảng đại, phát triển, viên mãn nếu đã chứng được.

Vị tỳ khưu, do sống gần bậc Đạo Sư, hoặc một vị đồng Phạm Hạnh đáng tôn kính, nhờ vậy Tàm Quý được sắc xảo, ái lạc và cung kính được an trú. Vị tỳ khưu, do được học hỏi và vấn đáp với bậc Đạo Sư, hoặc vị đồng Phạm Hạnh đáng tôn kính, như vậy những gì bị che khuất được phơi bày, những gì bị dấu kín được giải tỏ, và diệt trừ mọi nghi ngờ đối với những vấn đề đang còn nghi ngờ. Sau khi được nghe Pháp, vị tỳ khưu có được hai sự an tịnh, Thân an tịnh và Tâm an tịnh.

Page 247

Vị tỳ khưu thọ trì và giữ giới, sống chế ngự thu thúc với sự chế ngự giới bổn PÀTIMOKKHA, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh, và tu học trong các học pháp. Vị tỳ khưu đa văn, ghi nhớ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe. Với các Pháp Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện, nghĩa văn cụ túc, đề cao Phạm Hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh. Với những Pháp ấy, vị tỳ khưu nghe nhiều, gìn giữ, ghi nhớ, nhờ lặp đi lặp lại, tâm ý suy tư, khéo thành đạt nhờ Chánh Trí. Vị tỳ khưu sống tinh cần, tinh tấn, đoạn trừ các Ác Pháp, thành tựu các Thiện Pháp, vững chắc, kiên trì đối với Thiện Pháp. Vị tỳ khưu có chánh niệm, có chánh niệm tối thượng và phân tích rõ ràng ghi nhận, nhớ rõ những việc đã được làm, những lời đã nói. Vị tỳ khưu sống quán sát sự sanh diệt của Ngũ Thủ Uẩn, như đây là Sắc, là Tập của Sắc, là Diệt của Sắc, là Con Đường diệt của Sắc, v.v...

2. Thế nào là tám Pháp cần được tu tập? Bát Thánh Đạo:

Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

3. Thế nào là tám Pháp cần phải biến tri? Tám Thế Pháp:

Đắc và không đắc, có thanh danh và không có thanh danh, chê và khen, lạc và khổ.

4. Thế nào là tám Pháp cần phải đoạn trừ? Tám Tà:

Tà Kiến, Tà Tư Duy, Tà Ngữ, Tà Nghiệp, Tà Mạng, Tà Tinh Tấn, Tà Niệm, Tà Định.

5. Thế nào là tám Pháp chịu phần tai hại? Tám Giải Đãi Sự:

Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi sắp có công việc phải làm. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi đã làm một công việc. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được.

Page 248

Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi sắp phải lên đường đi xa. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi vừa mới đi xa trở về. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi đi khất thực và không có được vật thực như ý. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi đi khất thực và có được vật thực như ý. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi vừa mới ngã bệnh nhẹ. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc nằm nghỉ khi vừa mới hết bệnh. Do đó, không có tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được.

6. Thế nào là tám Pháp đưa đến thù thắng? Tám Tinh Tấn Sự:

Vị tỳ khưu nghĩ tới sắp có công việc phải làm, và khi làm công việc thì không có thời gian để suy tư đến Giáo Pháp Chư Phật. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới công việc đã làm xong, và khi làm công việc thì không có thời gian để suy tư đến Giáo Pháp Chư Phật. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc sắp phải lên đường đi xa, và khi phải lên đường đi xa, thì không có thời gian để suy tư đến Giáo Pháp Chư Phật. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc khi vừa đã đi xa trở về, và khi đã đi xa thì không có thời gian để suy tư đến Giáo Pháp Chư Phật. Do đó, cố

Page 249

gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc đi khất thực và không có được vật thực như ý. Sắc Thân được nhẹ nhàng và có thể làm việc. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc đi khất thực và có được vật thực như ý. Sắc Thân được khỏe mạnh và có thể làm việc. Do đó, cố gắng tinh tấn để

đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc vừa mới ngã bệnh nhẹ. Tâm liền nghĩ đến căn bệnh có thể trở nặng thêm. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được. Vị tỳ khưu nghĩ tới việc vừa mới hết bệnh. Tâm liền nghĩ đến căn bệnh có thể tái phát. Do đó, cố gắng tinh tấn để đạt được điều chưa đạt được, để thành tựu điều chưa thành tựu, để chứng ngộ điều chưa chứng ngộ được.

7. Thế nào là tám Pháp rất khó thể nhập? Phạm Hạnh Trú với tám bất thời bất tiết:

Có những hữu tình sanh trong địa ngục, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào hàng bàng sanh, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào hàng ngạ quỷ, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào hàng Chư Thiên hưởng thọ mạng lâu dài, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào các biên địa, giữa những chúng sanh hoang dã vô trí và không có hàng Tứ Chúng (Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ) sinh sống, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào các trung quốc, nhưng lại theo các tà kiến điên đảo, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp.

Page 250

Có những hữu tình sanh vào các trung quốc, nhưng lại Ác Tuệ, sanh làm người Nhị Nhân, ngay khi bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp. Có những hữu tình sanh vào các trung quốc, nhưng có Trí Tuệ, sanh làm người Tam Nhân, ngay khi không có bậc Chánh Đẳng Giác hiện hữu trong đời và khéo thuyết giảng Chánh Pháp.

8. Thế nào là tám Pháp cần được sanh khởi? Tám Đại Nhân Tầm:

Pháp này cho người thiểu dục, Pháp này không phải cho người đa dục. Pháp này cho người tri túc, Pháp này không phải cho người không tri túc. Pháp này cho người an tịnh độc cư, Pháp này không phải cho người ưa tụ hội. Pháp này cho người siêng năng tinh tấn, Pháp này không phải cho người giải đãi. Pháp này cho người có niệm hiện tiền, Pháp này không phải cho người thất niệm. Pháp này cho người có định tâm, Pháp này không phải cho người không có định tâm. Pháp này cho người có trí tuệ, Pháp này không phải cho người có ác tuệ. Pháp này cho người không ưa thích lý luận, Pháp này không phải cho người ưa thích lý luận.

9. Thế nào là tám Pháp cần được thắng trí? Tám Thắng Xứ:

Hành giả quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, và xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng nội sắc, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, và xấu. Vị ấy nhận thức

rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc có hạn lượng, đẹp, và xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc vô lượng, đẹp, và xấu. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.”

Page 251

Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc với sắc tướng xanh, hình sắc xanh, với cả hai mặt láng trơn. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc với sắc tướng vàng, hình sắc vàng, với cả hai mặt láng trơn. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc với sắc tướng đỏ, hình sắc đỏ, với cả hai mặt láng trơn. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.” Hành giả quán tưởng vô sắc ở nội tâm, thấy các loại ngoại sắc với sắc tướng trắng, hình sắc trắng, với cả hai mặt láng trơn. Vị ấy nhận thức rằng: “Sau khi nhiếp thắng chúng, có sự nhận biết, có sự nhận thấy.”

10. Thế nào là tám Pháp cần được tác chứng? Tám Giải Thoát:

Tự mình có sắc, thấy các sắc. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc. Quán tưởng (sắc là) tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tưởng hữu đối, không suy tư đến những tưởng khác biệt, với suy tư “hư không là vô biên,” chứng và trú Không Vô Biên Xứ. Vượt khỏi hoàn toàn Không Vô Biên Xứ, với suy tư “thức là vô biên,” chứng và trú Thức Vô Biên Xứ. Vượt khỏi hoàn toàn Thức Vô Biên Xứ, với suy tư “không có chi cả,” chứng và trú Vô Sở Hữu Xứ. Vượt khỏi hoàn toàn Vô Sở Hữu Xứ, với suy tư “chẳng phải tưởng, chẳng phải chẳng phải tưởng,” chứng và trú Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Vượt khỏi hoàn toàn Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứng và trú Diệt Thọ Tưởng Định.

* Như vậy, tám mươi Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác.

IX. Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Chín Pháp

* Chín Pháp có nhiều tác dụng. Chín Pháp cần phải tu tập. Chín Pháp cần phải biến tri. Chín Pháp cần phải đoạn trừ. Chín Pháp chịu phần tai hại.

Page 252

Chín Pháp đưa đến thù thắng. Chín Pháp rất khó thể nhập. Chín Pháp cần được sanh khởi. Chín Pháp cần được thắng tri. Chín Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào là chín Pháp có nhiều tác dụng? Chín Chánh Tư Duy Căn Pháp:

Do Chánh Tư Duy, hân hoan sanh.
Do hân hoan, hỷ sanh.
Do Tâm hoan hỷ, Thân được khinh an.

Do Thân khinh an, Lạc thọ sanh.
Do Lạc thọ, Tâm được định tỉnh.
Nhờ Tâm định tỉnh, biết được, thấy được sự vật như chân.
Nhờ biết, nhờ thấy như chân, yểm ly sanh.
Do yểm ly sanh, ly dục sanh.
Nhờ ly dục sanh, vị tỳ khưu được giải thoát.

2. Thế nào là chín Pháp cần được tu tập? Chín Thanh Tịnh Cần Chi:

Giới thanh tịnh cần chi
Tâm thanh tịnh cần chi
Kiến thanh tịnh cần chi
Đoạn nghi thanh tịnh cần chi
Đạo Phi Đạo Tri Kiến thanh tịnh cần chi
Hành Tri Kiến thanh tịnh cần chi
Tri Kiến thanh tịnh cần chi
Tuệ thanh tịnh cần chi
Giải thoát thanh tịnh cần chi

3. Thế nào là chín Pháp cần được biến tri? Chín Trú Xứ Của Loài Hữu Tình:

THÂN DỊ TƯỞNG DỊ: Thân hình khác nhau, tư tưởng khác nhau, như là Nhân Loại, Chư Thiên, và một số trong Địa Ngục. THÂN DỊ TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình khác nhau, nhưng tư tưởng giống nhau, như là các vị Phạm Chúng Thiên ở tầng Sơ Thiền. THÂN ĐỒNG TƯỞNG DỊ: Thân hình giống nhau, nhưng tư tưởng khác nhau, như là các vị Quang Âm Thiên ở tầng Nhị Thiền.

Page 253

THÂN ĐỒNG TƯỞNG ĐỒNG: Thân hình giống nhau và tư tưởng cũng giống nhau, như là các vị Biến Tịnh Thiên ở tầng Tam Thiền. VÔ TƯỞNG VÔ THỌ: Chúng Phạm Thiên Vô Tưởng Sắc Giới. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi hoàn toàn mọi sắc tưởng, đoạn trừ tất cả hữu đối tưởng, không còn suy tư đến bất luận một dị loại tưởng, như là các vị Không Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. THỨC VÔ BIÊN XỨ: Vượt khỏi hoàn toàn Không Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Thức là vô biên," như là các vị Thức Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. VÔ SỞ HỮU XỨ: Vượt khỏi hoàn toàn Thức Vô Biên Xứ, chỉ có tưởng "Vô Sở Hữu" (lấy đề mục "không có chi cả" làm cảnh giới), như các vị Vô Sở Hữu Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ: Vượt khỏi hoàn toàn Vô Sở Hữu Xứ, chỉ có tưởng "Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ," như các vị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới.

4. Thế nào là chín Pháp cần phải đoạn trừ? Chín Ái Căn Pháp:

Do duyên Ái, Tầm cầu sanh.
Do duyên Tầm cầu, Đắc lợi sanh.
Do duyên Đắc lợi, Phân biệt sanh.

Do duyên Phân biệt, Tham dục sanh.

Do duyên Tham dục, Thủ trước sanh.

Do duyên Thủ trước, Chấp trì sanh.

Do duyên Chấp trì, Xan tham sanh.

Do duyên Xan tham, Hộ trì sanh.

Do duyên Hộ trì, Chấp trượng, chấp kiến, tranh tụng, tranh luận, tương phản, ly gián ngữ, vọng ngữ, và các bất thiện pháp sanh khởi.

5. Thế nào là chín Pháp chịu phần tai hại? Chín Xung Đột (Hại Tâm) Sự:

"Nó đã làm hại tôi," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đang làm hại tôi," do đó, xung đột khởi lên. "Nó sẽ làm hại tôi," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đã làm hại người tôi thương, tôi mến," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đang làm hại người tôi thương, tôi mến," do đó, xung đột khởi lên.

Page 254

"Nó sẽ làm hại người tôi thương, tôi mến," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đã làm lợi cho người tôi không thương, không mến," do đó, xung đột khởi lên. "Nó đang làm lợi cho người tôi không thương, không mến," do đó, xung đột khởi lên. "Nó sẽ làm lợi cho người tôi không thương, không mến," do đó, xung đột khởi lên.

6. Thế nào là chín Pháp đưa đến thù thắng? Chín Sự Điều Phục Xung Đột:

"Nó đã làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đang làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó sẽ làm hại tôi. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đã làm hại người tôi thương, tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đang làm hại người tôi thương, tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó sẽ làm hại người tôi thương, tôi mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đã làm lợi người tôi không thương, không mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó đang làm lợi người tôi không thương, không mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục. "Nó sẽ làm lợi người tôi không thương, không mến. Có ích lợi gì mà nghĩ như thế," nhờ vậy xung đột được điều phục.

7. Thế nào là chín Pháp rất khó thể nhập? Chín loại sai biệt:

Do duyên Giới sai biệt, Xúc sai biệt sanh. Do duyên Xúc sai biệt, Thọ sai biệt sanh. Do duyên Thọ sai biệt, Tưởng sai biệt sanh. Do duyên Tưởng sai biệt, Tư duy sai biệt sanh. Do duyên Tư duy sai biệt, Dục sai biệt sanh. Do duyên Dục sai biệt sanh, Nhựt tình sai biệt sanh.

Page 255

Do duyên Nhựt tình sai biệt, Tầm cầu sai biệt sanh. Do duyên Tầm cầu sai biệt, Đắc lợi sai biệt sanh. Do duyên Đắc lợi sai biệt sanh, Phân biệt sai biệt sanh.

8. Thế nào là chín Pháp cần được sanh khởi? Chín Tưởng:

Bất Tịnh Tưởng
Tử Vong Tưởng
Thực Yểm Ly Tưởng
Nhứt Thiết Thế Gian Bất Lạc Tưởng
Vô Thường Tưởng
Khổ Tưởng trên Vô Thường
Vô Ngã Tưởng trên Ngã
Đoạn Trừ Tưởng
Vô Tham Tưởng

9. Thế nào là chín Pháp cần được thắng trí? Chín Bậc Chứng Trú:

Vị tỳ khưu ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Sơ Thiền, hữu Tầm hữu Tứ do ly Dục sanh. Vị tỳ khưu ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Nhị Thiền, vô Tầm vô Tứ. Vị tỳ khưu ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Tam Thiền. Vị tỳ khưu ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào Tứ Thiền. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn mọi sắc tưởng, đoạn trừ tất cả hữu đối tưởng, không còn suy tư đến bất luận một dị loại tưởng, chứng và trú Không Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn Không Vô Biên Xứ, chứng và trú Thức Vô Biên Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn Thức Vô Biên Xứ, chứng và trú Vô Sở Hữu Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn Vô Sở Hữu Xứ, chứng và trú Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên ở cõi Vô Sắc Giới. Vị tỳ khưu vượt khỏi hoàn toàn Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, chứng và trú Diệt Thọ Tưởng Định.

10. Thế nào là chín Pháp cần được tác chứng? Chín Bậc Diệt Trừ:

Page 256

Thành tựu Sơ Thiền, các Dục Tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Nhị Thiền, các Tầm Tứ bị đoạn diệt. Thành tựu Tam Thiền, Hỷ bị đoạn diệt. Thành tựu Tứ Thiền, hơi thở vô bị đoạn diệt. Thành tựu Không Vô Biên Xứ, sắc tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Thức Vô Biên Xứ, Không Vô Biên Tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Vô Sở Hữu Xứ, Thức Vô Biên Tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, Vô Sở Hữu Tưởng bị đoạn diệt. Thành tựu Diệt Thọ Tưởng Định, các Tưởng và Thọ bị đoạn diệt.

* Như vậy, chín mươi Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác.

X. Đại đức SÀRIPUTTA thuyết giảng về Mười Pháp

* Mười Pháp có nhiều tác dụng. Mười Pháp cần phải tu tập. Mười Pháp cần phải biến tri. Mười Pháp cần phải đoạn trừ. Mười Pháp chịu phần tai hại. Mười Pháp đưa đến thù thắng. Mười Pháp rất khó thể nhập. Mười Pháp cần được sanh khởi. Mười Pháp cần được thắng tri. Mười Pháp cần được tác chứng.

1. Thế nào là mười Pháp có nhiều tác dụng? Mười Hộ Trì Nhân Pháp:

Vị tỳ khưu sống và thọ trì giới hạnh trang nghiêm, thu thúc và chế ngự theo giới bổn của PÀTIMOKKHA (Biệt Biệt Giải Thoát Giới), oai nghi, chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lời nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong Giới Pháp. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu được lắng nghe, gìn giữ và tích lũy những điều đã được nghe. Những Pháp thuộc Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện, nghĩa lý văn cú cụ túc, Phạm Hạnh tăng thượng, thanh tịnh hoàn mãn. Vị tỳ khưu nắm giữ, ghi nhớ, trùng tụng nhiều lần, chú tâm quán sát, khéo thành tựu nhờ Chánh Kiến. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu nào là Thiện Hữu, Thiện bạn lữ, là hảo bằng hữu, Thiện đạo hữu. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu thiện ngôn, nhu hòa và khiêm nhường, nhẫn nại và nhận sự chỉ trích một cách cung kính. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu tinh cần, không biếng nhác, khéo léo, suy tư một cách đầy đủ các phương tiện, vừa đủ để làm, vừa đủ để tổ chức, làm tròn bổn

Page 257

phận đối với các vị đồng Phạm Hạnh hạnh niên lạp cao hơn. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu ưa thích Pháp, duyệt ý với Pháp, tự mình vô cùng hoan hỷ đối với Vô Tỷ Pháp, Vô Tỷ Luật. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu tự hoan hỷ, bằng lòng, và thích hợp với điều kiện về Tứ Vật Dụng. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu tinh cần nỗ lực đoạn trừ các Ác Pháp, thành tựu các Thiện Pháp, cương quyết, kiên trì cố gắng, nhẫn nại không lìa xa Thiện Pháp. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu có đầy đủ chánh niệm và tỉnh giác, luôn ghi nhớ những điều đã nói và đã làm từ trước. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân. Vị tỳ khưu có đầy đủ Trí Tuệ, Sanh Diệt Trí, hướng Tâm đến sự quyết trạch của các bậc Thánh, chân chánh diệt trừ mọi đau khổ. Chính Pháp như vậy là một hộ trì nhân.

2. Thế nào là mười Pháp cần được tu tập? Mười Biến Xứ:

Hành giả biết được về Địa Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Thủy Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Hỏa Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Phong Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Thanh Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Hoàng Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Xích Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Bạch Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng. Hành giả biết được về Hư Không Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

Page 258

Hành giả biết được về Thức Biến Xứ: trên, dưới, ngang, bất nhị, vô lượng.

3. Thế nào là mười Pháp cần phải biến tri?

Mười Xứ: Nhãn Xứ, Sắc Xứ, Nhĩ Xứ, Thinh Xứ, Tỷ Xứ, Khí Xứ, Thiệt Xứ, Vị Xứ, Thân Xứ, Xúc Xứ, Ý Xúc, Pháp Xứ.

4. Thế nào là mười Pháp cần phải đoạn trừ?

Mười Tà Pháp: Tà Kiến, Tà Tư Duy, Tà Ngữ, Tà Nghiệp, Tà Mạng, Tà Tinh Tấn, Tà Niệm, Tà Định, Tà Trì, Tà Giải Thoát.

5. Thế nào là mười Pháp chịu phần tai hại?

Mười Bất Thiện Nghiệp Đạo: Sát Sanh, Thâu Đạo, Tà Dâm, Vọng Ngữ, Lưỡng Thiệt, Ác Ngữ, Ỷ Ngữ, Tham, Sân, Tà Kiến.

6. Thế nào là mười Pháp đưa đến thù thắng?

Mười Thiện Nghiệp Đạo: Ly Sát Sanh, Ly Thâu Đạo, Ly Tà Dâm, Ly Vọng Ngữ, Ly Lưỡng Thiệt, Ly Ác Ngữ, Ly Ỷ Ngữ, Ly Tham, Ly Sân, Ly Tà Kiến.

7. Thế nào là mười Pháp rất khó thể nhập?

Mười Thánh Cư: Đoạn trừ năm chi, đầy đủ sáu chi, một hộ, thực hiện bốn y, loại bỏ các giáo điều, đoạn tận các mong cầu, tâm tư không trệ phược, thân thể khinh an, tâm thiện giải thoát, tuệ thiện giải thoát.

* Và thế nào là "Đoạn trừ năm chi?"

Đoạn trừ Dục Vọng
Đoạn trừ Sân Hận
Đoạn trừ Hôn Thùy
Đoạn trừ Trạo Hối
Đoạn trừ Hoài Nghi

* Và thế nào là "Đầy đủ sáu chi?"

Page 259

Mắt thấy Sắc, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác. Tai nghe Âm Thanh, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác. Mũi ngửi Mùi Hơi, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác. Lưỡi nếm Vị, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác. Thân cảm Xúc, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác. Ý hiểu biết Pháp, bất duyệt ý, vô ưu phiền, xả an trú, chánh niệm tỉnh giác.

* Và thế nào là "Một Hộ?" Là thành tựu sự hộ trì về Niệm. * Và thế nào là "Thực Hiện Bốn Y?"

Vị tỳ khưu sau khi suy tư, Tầm Cầu một Pháp. Vị tỳ khưu sau khi suy tư, Nhẫn Thọ một Pháp. Vị tỳ khưu sau khi suy tư, Đoạn Trừ một Pháp. Vị tỳ khưu sau khi suy tư, Tránh Xa một Pháp.

* Và thế nào là "Loại bỏ các giáo điều?" Tất cả những giáo điều thông thường mà các vị Sa Môn thông thường chủ trương, vị Tỳ Khưu đều loại bỏ, bỏ qua một bên, không chấp nhận, tẩn xuất, từ bỏ, phóng xả.

* Và thế nào là "Đoạn tận các mong cầu?"

Vị tỳ khưu đoạn tận các mong cầu về Dục Vọng. Vị tỳ khưu đoạn trừ các mong cầu về Hiện Hữu. Vị tỳ khưu làm cho an tịnh các mong cầu về Phạm Hạnh.

* Và thế nào là "Tâm tư không trệ phược?"

Vị tỳ khưu đoạn trừ các tâm tư dục vọng. Vị tỳ khưu đoạn trừ các tâm tư sân hận. Vị tỳ khưu đoạn trừ các tâm tư não hại.

Page 260

* Và thế nào là "Thân hành được khinh an?" Vị tỳ khưu đoạn trừ lạc, đoạn trừ khổ, diệt các Hỷ Ưu từ trước, chứng và an trú Thiền Thứ Tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

* Và thế nào là "Tâm Thiện giải thoát?" Tâm giải thoát khỏi Tham, giải thoát khỏi Sân, giải thoát khỏi Si.

* Và thế nào là "Huệ Thiện giải thoát?"

Vị tỳ khưu đã đoạn trừ tận gốc rễ về Tâm Tham, như cây Ta La bị chặt đầu, không còn hiện hữu, không còn khả năng sanh khởi trong vị lai. Vị tỳ khưu đã đoạn trừ tận gốc rễ về Tâm Sân, như cây Ta La bị chặt đầu, không còn hiện hữu, không còn khả năng sanh khởi trong vị lai. Vị tỳ khưu đã đoạn trừ tận gốc rễ về Tâm Si, như cây Ta La bị chặt đầu, không còn hiện hữu, không còn khả năng sanh khởi trong vị lai.

8. Thế nào là mười Pháp cần được sanh khởi? Mười Tưởng:

Bất Tịnh Tưởng
Tử Vong Tưởng
Thực Yểm Ly Tưởng
Nhứt Thiết Thế Gian Bất Lạc Tưởng
Vô Thường Tưởng
Khổ Tưởng trên Vô Thường
Vô Ngã Tưởng trên Ngã
Đoạn Trừ Tưởng
Vô Tham Tưởng
Diệt Tưởng

9. Thế nào là mười Pháp cần được thắng trí? Mười đoạn tận sự:

Tà Kiến do Chánh Kiến đoạn tận. Do duyên Tà Kiến, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Kiến, các Thiện Pháp được tăng cường, viên mãn. Tà Tư Duy do Chánh Tư Duy đoạn tận. Do duyên Tà Tư Duy, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Tư Duy, các Thiện Pháp được tăng cường, viên mãn.

Page 261

Tà Ngữ do Chánh Ngữ đoạn tận. Do duyên Tà Ngữ, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Ngữ, các Thiện Pháp được tăng cường,

viên mãn. Tà Nghiệp do Chánh Nghiệp đoạn tận. Do duyên Tà Nghiệp, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Nghiệp, các Thiện Pháp được tăng cường, viên mãn. Tà Mạng do Chánh Mạng đoạn tận. Do duyên Tà Mạng, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Mạng, các Thiện Pháp được tăng cường, viên mãn. Tà Tinh Tấn do Chánh Tinh Tấn đoạn tận. Do duyên Tà Tinh Tấn, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Tinh Tấn, các Thiện Pháp được tăng cường, viên mãn. Tà Niệm do Chánh Niệm đoạn tận. Do duyên Tà Niệm, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Niệm, các Thiện Pháp được tăng cường, viên mãn. Tà Định do Chánh Định đoạn tận. Do duyên Tà Định, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Định, các Thiện Pháp được tăng cường, viên mãn. Tà Trí do Chánh Trí đoạn tận. Do duyên Tà Trí, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Trí, các Thiện Pháp được tăng cường, viên mãn. Tà Giải Thoát do Chánh Giải Thoát đoạn tận. Do duyên Tà Giải Thoát, các Ác Bất Thiện Pháp khởi sanh, các Pháp này được đoạn tận. Do duyên Chánh Giải Thoát, các Thiện Pháp được tăng cường, viên mãn.

10. Thế nào là mười Pháp cần được tác chứng? Mười Vô Học Pháp:

Vô Học Chánh Tri Kiến
Vô Học Chánh Tư Duy
Vô Học Chánh Ngữ
Vô Học Chánh Nghiệp
Vô Học Chánh Mạng
Vô Học Chánh Tinh Tấn
Vô Học Chánh Niệm
Vô Học Chánh Định
Vô Học Chánh Trí
Vô Học Chánh Giải Thoát
Page 262

* Như vậy, một trăm Pháp này là chân thực, như thị, không phải không như thị, không thể sai khác, được đức Thế Tôn giác ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác.

D. Kết Luận:

Sau khi đại đức SÀRIPUTTA trùng tuyên tất cả những Pháp Số vừa xong, chư Tỳ Khưu Tăng hoan hỷ tín thọ lời dạy của đại đức SÀRIPUTTA.

----------00000----------

Page 263

PHƯƠNG DANH ẤN TỐNG – NĂM 2011 1250 QUYỂN GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH Quý Phật tử Chùa Pháp Hoa ở Pennsylvania

1. Bà Diệu Hằng $20

2. Bà Diệu Huệ (Hiệp Võ) $30
3. Bà Diệu Liên $10
4. Bà Diệu Tâm $50
5. Bác Thu Ân $10
6. Bà Chơn Long $10
7. Bà Chơn Tính $10
8. Bà Diệu Thanh $10
9. Ông bà Phước Đạo (Ngoan Nguyễn) $20
10. Bà Diệu Nga $10
11. Bà Tấn Ngọc $10
12. Bà Tịnh Trang $10
13. Bà Tịnh Ngọc $10
14. Bà Chúc Thí $20
15. Phật tử ẩn danh $10
16. Bà Diệu Thanh (Bà Tỷ) $20
17. Bà Diệu Hoàng $10
18. Bà Diệu Ý (Đỗ Thị Nhàn) $50
19. Ông bà Diệu An & Tống Văn Giao $50
20. Phật tử ẩn danh $50
21. Ông bà Trí Hiền (Lê Văn Nhẫn) $100
22. Ông bà Trí Siêu (Lê Văn Lượng) $50
23. Ông bà Trí Quang (Lê Văn Lộc) $50

Thân Hữu ở Seattle, Washington

1. Nguyễn Thị Tư $20

Thân Hữu ở Katy, Texas

1. Vi Nga (pd Thân Tuyền) $100

Thân Hữu ở Moreno Valley, California

1. Gia đình Võ Ngọc Hương/Juan Ramirez/Diane/Kevin $300

Page 264

Quý Thân Hữu ở Virginia/D.C./Maryland

1. Quảng Diệu Linh $100
2. Gia đình Nga Westerlund $100
3. Gia đình Diệu Minh $100
4. Liễu Duyên & Tĩnh Tâm $50
5. Laura Trang $40
6. Trần Diệp Dung (pd Hạnh Đức) $20
7. Trần Mai Ngân (pd Nan Đà) & Nguyễn Trung Thâu $20

8. Nguyễn Trần Ngân Hà (pd Hạnh Hỷ) $10
9. H. T. Vũ $20
10. Mai Anh Đào & Huy $50
11. Diệu Hiền (Đặng T. Hiền) & Quảng Oánh $50
12. Tâm Giao & Tâm Nghĩa $100
13. Dương Dung (HHCĐ cho mẹ là Dương Thị Nữ, pd Đồng Phúc) $100
14. Chúc Diệu $50
15. Từ Mẫn $100
16. Miranda Lê (pd Diệu Châu) & Minh Lê $50
17. Gia đình Hoàng Hòa & Chương $100
18. Gia đình Nguyên Ngộ & Hạnh Hỷ $100
19. Nguyễn Thị Tươi $40
20. Chơn Tâm Định & Chánh Minh Phú $20
21. Phạm T. Liên & Lương T. Ngô $30
22. Huỳnh Bá Tố $10
23. Trần Thị Phương $100
24. Maier Lê Đức Candy (pd Tịnh Độ) & Gerald J. Maier $100
25. Nguyễn T. Lài (pd Tịnh Hương) $40
26. Trần Mai $20
27. Diệu Thiện $30
28. Trần Khúc Kiền (pd Từ Thọ) $100
29. Lê Thị Xuân Hoa $40
30. Nguyên Bổn $20
31. Nguyễn Mỹ Hiền $50
32. Nguyên Ái $20
33. Ông bà Trần Văn Trang $50
34. Tịnh Thông $20
35. Nguyễn D. Tấn $50
36. Gia đình Quảng Minh Phúc/Từ Ngọc Hân/Nguyên Bích $100
37. Giác Thanh $20
38. Chính Dũng & Diệu Hương $200
39. Chánh Minh Đạo & Chơn Tâm Ân $40
40. Nguyên Hạnh $20
41. Diệu Bảo & Diệu Liên $100
42. Chúc Hạnh $20
43. Phi Yến $20
44. Trần Giai Thoại (pd Nguyên Chí) $20

45. Chơn An Ý $20

46. Tâm Bảo $40
47. Gia đình Tâm Hân Huệ & Tâm Chánh An $1000
48 Gia đình Tâm Hiền (Tôn Thất Chiểu) & Nguyên Khánh $1000
49. Hoàng-Tâm Nguyễn Hilton $500
50. Nguyễn Thị Thảo $300
51. Quảng Diệu Oanh (Jacqueline H. Hamilton) $200
52. Nguyễn T. Kim Dung $200
53. Nguyễn Thái Yên/Phạm Thục Loan/Phạm Lam Viên/Phạm Từ Khiêm $200
54. Quyen L. Nguyen & Quyen Hoang $50
55. Khánh & Huệ $50
56. Chơn Hạnh Bạch (Võ T. Tuyết) $100
57. Chơn Hạnh Thuần (Võ H. Hoa) $100
58. Thiện Tâm (Võ Văn Nương) & Diệu Liên (Lê Thị Nên) $100
59. Mã Xuân Tiên/Mã Tuấn Minh/Mã Xuân Uyên/Mã Tấn Quan $100
60. Quang Duyên & Thanh Toàn $40
61. Hải Triều & Thi Lành $20
62. Anna & Kimberly Bạch $20
63. Winston Đức & Đức Trần $20
64. Giang Bạch & James Đức $20
65. Thanh Nhàn & Lâm Thị Hương $20
66. Yến-Như Huỳnh & Hoàn Hưng $50
67. Thanh Trúc/B. Vân/Thanh Liêm/T. Ngọc $100
68. Ngô Đình Thái Nguyên $50
69. Ngô Đình Nguyên Giáp/Vương Thị Tuyết Nga/Ngô Đình Uyên Thy/Ngô Đình Nhã Thy $50
70. Ngô Đình Phương Uyên/Dương Quang Sơn/Dương Tâm Anh/Dương Quang Tuệ Đăng $50
71. Bích Ngọc $100
72. Kim Anh (pd Diệu Lạc) $50
73. Phạm Thị Canh $50
74. Incie Dương $50
75. Lộc (pd Diệu Pháp) $40
76. Tâm Đỗ $40
77. Samadhi $40
78. Jennifer Trần $50
79. Huỳnh Tấn Vũ/Tâm Phước/Nguyên Thiện/Nguyên Chuyển $100
80. Thảo Trần & Đức Huỳnh $50
81. Tâm Thiện (NiNi) $50
82. Lê Văn Cọp $20

83. Chúc Giới/Chúc Nguyên/Minh Tuệ $90
84. Lâm Ngọc Trinh $40
85. Phan Thu Thao $20
86. Sumedha $20
87. Nguyen Anh $10
88. Diệu Hoa (Đỗ T. Kim Chi) $20
89. Diệu Âm & Thiện Tánh $100
90. Minh Nghiệp/Diệu Châu/Nguyên Phước $100

Page 266

91. Mỹ Cavin Lê $100
92. Chân Thiện $100
93. Nguyễn Thị Bạch Tuyết $100
94. Diệu Đức (Phạm T. Mỹ Hạnh) & Lê Chí Thảo $50
95. Lệ Trí $20
96. Triệu T. Bích Khanh & Nguyễn V. Cường $50
97. Lê Mỹ Hạnh $35
98. Trâm McCarthy & Kevin McCarthy $25
99. Hoàng T. Thiên Hương & Đoàn Tấn Nghi $40
100. Lưu Kim Thoa & Lưu Tuấn Sơn $200
101. Phan N. Long $100
102. Thanh-Thuy Doan & Quang Vinh Nguyen $200
103. Lưu T. Ngọc Lan $50
104. Trinh T. Lierni & Allal Dghoughi $100
105. Gia đình Ngọc Thanh & Chơn Tịnh $50
106. Gia đình Vũ Quốc $50
107. Nguyen Dinh Kim Trinh $50
108. Hoàng Tuyết (pd Diệu Mai) $20
109. Từ Chiêm $20
110. Đặng Mai Chi & Lê Huy Long $100
111. Diệu Phúc $80
112. Diệu Anh $20
113. Đinh T. Như Nguyện $100
114. Minh Triết $60
115. Gia đình Vũ Hối $50
116. Phật tử ẩn danh $11
117. Phật tử ẩn danh $20
118. Phật tử ẩn danh $300
119. Quảng Diệu Yên $40
120. Quảng Diệu Toàn $20

121. Tâm Diệu Phú & Nguyên Tuệ $300

Page 267

Sư Sán Nhiên giảng dạy Kinh Pháp Cú

Page 268

Phật tử Tâm Hân Huệ ngâm thơ để bầy tỏ tấm lòng tri ân đến Sư Sán Nhiên

Tăng thân Thiện Đức (Loan Anh, Tâm Hân Huệ, Tâm Diệu Phú, Thân Hồng, và Thân Quỳnh trong số 8 thành viên của Hội Thiện Đức)

Page 269

Sư Sán Nhiên cắt bánh ăn mừng trong Ngày Bế Giảng Khóa Học Kinh Pháp Cú

Đại chúng sinh hoạt vui vẻ với nhau trong Ngày Bế Giảng Khóa Học Kinh Pháp Cú.

Page 270

Đại chúng sinh hoạt vui vẻ với nhau trong Ngày Bế Giảng Khóa Học Kinh Pháp Cú.

Page 271

Phật tử Hằng Tâm phát biểu cảm tưởng về Khóa Học Kinh Pháp Cú.

Phật tử Tâm Hiền phát biểu cảm tưởng về Khóa Học Kinh Pháp Cú.

Page 272

Phật tử Chánh Minh Đạo phát biểu cảm tưởng về Khóa Học Kinh Pháp Cú

Phật tử Tâm Diệu Phú và Tâm Hân Huệ phát biểu cảm tưởng về Khóa Học Kinh Pháp Cú

Page 273

Đại chúng sinh hoạt vui vẻ với nhau trong Ngày Bế Giảng Khóa Học Kinh Pháp Cú.

Page 274

Đại chúng sinh hoạt vui vẻ với nhau trong Ngày Bế Giảng Khóa Học Kinh Pháp Cú

Page 275

Phật tử Tâm Minh Cần phát biểu cảm tưởng về Khóa Học Kinh Pháp Cú

Tăng thân Thiện Đức và quý thân hữu.

Page 276

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.